

# NGUYỄN HUY THIỆP

tướng rề hươu



# ĐỜI THẾ MÀ VUI

Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi, cách đường cái ba chục mét. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Đằng sau ngôi nhà có hai cây nhội gai lá đỏ, thứ cây mọc hoang chỉ dùng làm củi.

Từ dưới chân đồi đi lên ngôi nhà là một lối nhỏ xép đá, hết hai mươi bậc thì đến một bãi đất hoang; người ta định san nền cho ngôi nhà mới nhưng sau lại bỏ ý định ấy đi. Từ bãi đất hoang đi lên mười sáu bậc nữa mới đến ngôi nhà vừa kể.

Ngôi nhà làm theo kiểu nhà ở tạm, cột buơng, mái gianh, tường đất. Những người công nhân lâm trường dựng ngôi nhà này mấy năm trước làm chỗ trú mưa nắng khi đào hồ trồng thông và bạch đàn.

Trong nhà, đồ đạc lèo tèo. Đáng kể chỉ là cái giường rẻ quạt gỗ mít đã sứt sẹo cả. Trẻ con dùng dao khắc lên thành giường những nỗi buồn và ước mơ của chúng: nỗi buồn thì dứt khoát và sâu sắc, còn ước mơ thì táo tợn. Cuối giường có vết khắc chạm là của một tay đàn ông phóng đảng in hình mũi tên xuyên qua trái tim.

Chính giữa nhà là chiếc ban thờ làm bằng miếng tôn đóng nẹp treo lên tường. Bát hương là loại bát tô đựng miến. Xế bên trái ban thờ là chiếc gương với ảnh nữ tài tử Mai Diễm Phương người Hồng Kông trên tờ quảng cáo phim. Chỗ ức cổ trắng ngần của Mai Diễm Phương có ghi một bài thơ của kẻ vô danh, lời lẽ tầm thường:

*“Thời không có anh hùng*

*Người không có tri âm*

*Mỹ nhân đêm vò gối*

*Gạt nước mắt thương thâm”.*

Trong góc nhà đặt chiếc kiềng sắt, tro than nguội lạnh. Cạnh đấy là xô nước, nồi xoong, rổ đựng bát đĩa.

Thằng bé ngồi ở trên giường, dựa lưng vào cái chăn bông. Nó trạc sáu tuổi. Trên nét mặt nó chưa có dấu vết của lòng căm thù hay sự đau đớn, điều ấy phải sau nữa mới có. Cũng không có dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản, điều ấy cũng phải sau nữa mới có. Nét mặt nó vô sự.

Thằng bé đưa mắt nhìn ra cửa. Mẹ nó khóa trái bên ngoài. Mẹ nó đi chợ mua sách bút để mai nó đi học. Nó học lớp Một.

Thằng bé nhồm người dậy. Nó tàn nhẫn ngắm con tò vò xây tổ. Con tò vò tha những viên đất tròn, ướm ở góc xô nước về chỗ then cửa kiên nhẫn uốn thành một vòm mỏng, cong. Nó bay đi bay lại hàng chục lần, không lần nào thay đổi hướng bay.

Con tò vò vụt qua mặt thằng bé. Nó nhận ra cái eo lưng thất lại của con tò vò. Ở đấy có những ngón tròn. Con tò vò cái.

Trong trí óc non nớt của thằng bé xuất hiện hình ảnh mẹ. Bụng mẹ nó nhèo, cũng có những ngón tròn. Sáng nay mẹ nó đi nhờ xe chở than của chú Hào.

Thằng bé không thích chú Hào. Chú Hào râu xồm. Chú nói:

- Đồ đĩ! Béo nứt bụng!

Mẹ nó cười. Chú Hào lại bảo:

- Gái xè! Đồ mặt chó!

Mẹ nó lại cười.

Con tò vò lại vụt qua mặt thằng bé. Đôi cánh của con tò vò có màu vàng phơn phớt. ở gò má mẹ nó cũng có vết lõm màu vàng phơn phớt. Nó sờ vào chỗ ấy và thấy ngón tay ướt.

Chú Hào nói:

- Nước mắt đàn bà! Nước đái bò!

Mẹ nó lại cười.

- Rồi mày cũng bỏ tao mà đi thôi con ơi. - Mẹ nó nói. - Như thằng bố mày!

*Tò vò mà nuôi con nhện*

*Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi.*

*Tò vò ngồi khóc tí ti:*

*“Nhện ơi! Nhện hỡi! Mày đi đằng nào?”*

Thằng bé hỏi mẹ:

- Bố đi đâu?

Mẹ nó thờ dãi:

- Bố mày là sói! Bố mày đi kiếm ăn! Bố mày đi theo gái!

Thằng bé có lần đã nhìn thấy sói. Con sói chạy ở ven rừng, bồn chồn, sốt ruột, đuôi cúp lại, lưỡi thè ra. Nó sợ hãi. Nó coì cút. Thằng bé không thấy sợ nó.

Chú Hào cũng có vẻ bần thiêu của sói. Chú Hào nói:

- Chán đời... Rất chán đời!

Chú Hào nằm ngả trên giường, chân gác lên tường.

Chú Hào hát:

*“Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng*

*Và mắt em xa xôi mơ màng*

*Anh đã suốt đời lang thang tìm em...”*

Thằng bé thấy đói. Nó ra rỏ bát tìm cái ăn. Mẹ nó trước khi đi đã để quà cho nó: com nguội với nải chuối luộc. Đường lên chợ thị xã ba mươi cây số. Ô tô của chú Hào đến trưa mới về.

Thằng bé ngồi xồm ở góc nhà bóc chuối ăn. Nó bày những cái bát ra rồi cắn từng miếng chuối cho vào bát. Đây là mâm cỗ tương. Ăn cỗ có nó, mẹ nó và ông khách qua đường. Có lần trời mưa, ông khách qua đường đã vào nhà nó. Mẹ nó nấu cơm cho ông khách ăn. Ông khách cao lớn, cười nói sang sảng, đi đứng rung chuyển cả căn nhà.

Ông khách nói:

- Vô nghĩa hết! Làm gì có vàng mà đào... Tôi đi xem thiên hạ đào vàng, vừa khinh bỉ, vừa đau đớn, vừa buồn cười... Chỗ nào cũng tàn ác, dâm dục, đều giả, tham lam...

- Ăn đi ông... Mời ông xơi miếng phao câu... - Thằng bé ăn một miếng chuối. Nó mời. - Ăn đi..

Ông khách cười:

- Thằng này khá... Làm thân nam nhi, vượt qua một bể lừa lọc, vượt qua một bể ái tình... đời nạt toét ra... Kẻ nào có phao là đồng tiền hay lòng nhân đức còn đỡ, không có phao xót lắm... Lừa thử vàng. Vàng thử đàn bà. Đàn bà thử đàn ông. Đàn ông thử ma quỷ với thánh thần... Hóa ra ma quỷ hết! Thánh thần ít lắm...

Thằng bé nhớ đến con sói đi ở ven rừng, đuôi cúp lại.

Ông khách ôm thằng bé vào lòng, gõ nhịp hát bài hát của bọn người đi đào vàng:

*“Khi có vàng là ta có ăn, ta có chơi*

*Đời thế mà vui!*

*Khi có vàng là ta hết đời, ta hết hơi*

*Đời thế mà vui!”*

Thằng bé không ăn nữa. Khách đến rồi khách lại đi.

- Chào cô... Chào Phật bà Quan âm... Chào Bồ tát... Tôi đi nhé.

- Mẹ con cháu chào ông. Ông đi chân cứng đá mềm... Ông đi về quê hay đi đâu ạ?

- Về quê làm gì? - Ông khách cười khề. - Tôi còn đi nữa... Đời thế mà vui. Về quê làm gì? Lòng người đen bạc, đất đai khô cằn...

Thằng bé không biết gì về làng quê. Mẹ nó hứa nhiều lần sẽ đưa nó về thăm quê nhưng chẳng bao giờ mẹ nó đủ tiền. Mẹ nó nói ở quê có nhiều người quen: ông bà chết rồi nhưng vẫn còn mộ, mẹ nó sẽ về thắp hương; rồi chú, bác, cô, dì; những bạn bè của mẹ nó như cô Lượ, cô Na, chú Sửu, cậu Bền...

Chú Hào cũng hay nói chuyện về thăm quê. Chú bảo đã về thăm quê ba lần, mỗi lần về lại buồn thêm một chút.

Chú Hào bảo:

- Quê tao có cái đình rất to. Hội đình vui lắm. Các bà các chị đứng xem đàn ông vật nhau. Hội còn bé, bạn bè đổ tao hể cứ phát vào đít một cô lại được một hào. Mỗi kỳ hội tao có vài trăm tiền tiêu, tha hồ ăn quà.

Mẹ nó cười:



- Ba tuổi ranh đã dâm!

Chú Hào cãi:

- Đây là bọn có tiền nó dâm chứ! Tôi phận nghèo hèn phải bỏ quê ra đi là cơ nhục lắm.

Mẹ nó bảo:

- Sao bảo chú bỏ quê ra đi là vì theo gái?

Chú Hào bảo:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hào hát:

*“Ta ra đi, ta ra đi, đâu nề chông gai.*

*Tiến lên đi, tiến lên đi, tung hoành sức trai*

*Chí ta lớn cao ngất tầng mây...”*

Mẹ nó cười:

- Tôi còn lạ gì đàn ông! Các người đi tìm vàng, tìm gái chứ chí lớn khi gì!

Chú Hào bảo:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hào lại hát:

*“Tiến lên đi chân trời rực hồng*

*Thân nam nhi phi chí tang bồng*

*Coi cái chết tựa như lông hồng*

*Kìa mấy ai da ngựa bọc xương...”*

Thằng bé đứng lên, nó đóng tai để ngóng tiếng xe ô tô. Nó biết làm thế vô ích. Mẹ nó còn lâu mới về.

Không có âm thanh nào lọt vào nhà ngoài tiếng gió. Tiếng gió thổi khẽ, từng đợt, như có người ngáy khẽ. Nó nhận ra bởi những phen gianh va đập vào nhau.

Thằng bé ngẩng mặt nhìn lỗ hờ trên mái nhà. Lỗ hờ bé, chỉ bằng đồng xu. Ánh trời lọt vào nhà qua lỗ hờ vạch một vệt sáng thẳng đầy những hạt bụi bé li ti. Thằng bé xòe tay hứng vệt sáng. Vệt sáng đầy lòng tay nó.

Thằng bé nhớ khi ông khách vốc nắm đất trong tay. Ông khách bảo mẹ nó:

- Chỗ đất này biến được thành vàng là xong cuộc chơi hùng. Đàn ông thường anh nào ở đời cũng mơ như vậy... Vô nghĩa hết!

- Tiền mà làm gì. - Mẹ nó nói. - Đàn bà chúng tôi sống chỉ vì tình.

Chú Hào bảo:

- Đồ đi! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Ông khách lắc đầu:

- Có được tình tốn sức lắm đấy... có khi trả cả cuộc đời cho người ta mà không trả đủ.

Mẹ nó khóc:

- Đàn bà chúng tôi nhẹ dạ lắm, trong lòng lúc nào cũng thấy trống vắng, trong lòng lúc nào cũng thấy thiếu tình thương. Ai nói đến tình thương là bọn chúng tôi gục đầu vào ngay chẳng biết đất trời gì nữa.

Ông khách cười:

- Thế mới khổ! Thế mới đích thị đàn bà!

Chú Hào bảo:

- Thế mới chết! Đồ đi! Đồ mặt chó!

Chú Hào cười:

- Đàn bà là giống yêu tinh ác độc nên trong lòng nó mới thấy thiếu tình thương! Còn đàn ông bao giờ thiếu tình thương đâu! Hoan hô đàn ông! Hoan hô dê cù!

Ông khách bóp nát nắm đất, tung ra như gieo mạ. Ông khách vung tay:

- Bay đi... bay đi lòng căm hờn. Bay đi giả trá. Bay đi bắt công. Bay đi dục vọng dê hèn...

Ông khách xóc áo, vươn vai đứng dậy, bước đi rung chuyển cả căn nhà.

Ông khách móc túi lấy một gói vải đưa cho mẹ nó:

- Chào Bò tát... Chào cô... Cô giữ cái này để nuôi cháu... Chẳng được là bao, gắng sống qua được đận này.

Ông khách cười, giơ tay làm một cử chỉ khó hiểu, như biểu tượng. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mưa xuân.

Thằng bé đi lại chỗ giường. Nó ngồi tựa lưng vào chỗ có vết khắc mũi tên xuyên qua trái tim. Mũi tên cắm vào vai nó.

Thằng bé đưa mắt tìm con tò vò. Không thấy con tò vò đâu nữa. Cái tổ đang còn xây dở, vết đất còn ướt. Thằng bé thở dài. Cái tổ tò vò xây ngay chỗ cái then cửa. Mở cửa ra là cái tổ tò vò nát bét.

Có tiếng động khe đầu đây. Không phải bên ngoài, mà ở trong nhà. Thằng bé dỏng tai nghe ngóng. Như có con gì rón rén bò vào nhà. Thằng bé hoảng sợ. Nó lạnh toát cả người, mồ hôi rịn ở chân tóc. Nó đưa mắt nhìn quanh. Linh cảm của nó không nhầm: nó thoáng thấy có cái bóng nhằng ở xó tối, nơi để xoong nồi. Bóng gì?

Thằng bé run bắn người. Nó co hai chân lên giường rồi lúi sất vào tường. Rõ ràng có một cái bóng. Bóng gì?

Tiếng động khẽ, ướn và lén lút. Thằng bé run bắn người. Nó chưa bao giờ nghe thấy tiếng động như thế. Rõ ràng có một cái bóng. ánh sáng ở trong căn nhà đột ngột trầm xuống, mờ mờ, lạnh hắt đi. Bóng gì?

Thằng bé thấy tim nó đau thắt lại. Nó không dám thở mạnh nữa. Lại nhòang một cái đầu đầy trong xó nhà. Thằng bé nhận ra điều ấy không phải bằng mắt.

- Mẹ...

Thằng bé co rúm người. Nó kêu lên, nước mắt trào ra, hai tay thu vào, ngón tay quắp lại. Nó đập chân xuống chiếu. Rõ ràng có một con gì đang bò chậm chậm, ráo riết, lì lợm, lạnh lùng ở dưới gầm giường.

- ầm...

Có tiếng đổ vỡ chai lọ, tiếng kéo lê sên sệt, tiếng nhai xương rau rầu. Tiếng nhai khẽ, ngầu nghiêng, nhẩn nha. Tiếng hút tủy. Tiếng xương vỡ vụn. Tiếng chép miệng nữa.

Thằng bé choáng người, ngực đau tức. Nó không thở được. Nước mắt nó trào ra. Mặt nó đỏ tía.

- Mẹ... Mẹ...

Thằng bé cuống cuống gọi. Nó lăn lộn trên giường. Bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa. Rõ ràng có tiếng nhai xương. Tiếng hút tủy. Tiếng chép miệng. Tiếng nhai rau rầu.

Thằng bé khóc ngằn ngặt. Nó nằm im gục mặt vào chăn. Nó mệt là người. Nó lịm đi.

Căn nhà yên tĩnh. Vẫn chỉ có tiếng gió bên ngoài rin rít. Mãi lâu sau thằng bé mới hồi tỉnh lại. Nó hé mắt nhìn. Mồ hôi túa đầy mặt nó.

Thằng bé lắng tai nghe, căn nhà yên tĩnh lạ thường. Không có tiếng động nào cả. Không có gì hết.

Thằng bé đưa tay cấu vào chân. Nó cảm thấy đau. Nó lồm cồm bò dậy, mắt liếc nhìn thanh sắt mẹ nó dựng ở đầu giường, thanh sắt ngựa trộm. Nó rón rén dịch người để lấy thanh sắt.

Thằng bé nín thở. Nó kéo thanh sắt lên, cầm chắc trong tay. Nó dỏng tai nghe. Không có tiếng động nào cả. Yên lặng lạ lùng.

Thằng bé đập đập thanh sắt xuống giường, sau đó lại dỏng tai nghe. Vẫn yên lặng như thường.

Thằng bé thở nhè nhẹ. Nó lấy lại sức rồi rón rén bò ra mép giường. Nó nhìn dưới gầm giường: dưới ấy không có gì cả.

Thằng bé đặt hai chân xuống đất, cố giữ để không run. Nó cầm thanh sắt khua dưới gầm giường. Không có gì cả. Một nỗi căm uất vô hình dâng đầy ngực nó. Nó khua thanh sắt vào xô đựng nước, vào các xoong nồi. Nó đập nát chiếc gương. Nó lục soát tất cả các góc kín trong nhà: dưới đất, trên tường, trên mái gianh. Nó xô đổ mọi thứ. Không có gì cả. Yên lặng như thường. Yên lặng đáng sợ.

Thằng bé dỏng tai nghe. Tiếng gió ngoài trời ngừng bật. Không gian sững lại, nặng nề. Thằng bé bỗng cảm như toàn bộ không khí trong nhà ngừng lại, dồn tất cả lên người nó. Nó bị nén xuống,

ép chặt. Nó run lấy bầy, thanh sắt tuột khỏi tay. Nó quy xuống đất. Toàn bộ gân cốt nó nhão ra, không cử động được.

Thằng bé nằm co quắp, úp mặt xuống nền đất, ngay chỗ vũng nước. Tim nó đập thành thịch, đập rất nhanh, loạn xạ, cuồng cuồng, đôi lúc ngừng hẳn. Sức lực nó bị rút kiệt. Nó định mở mắt nhưng không sao mở được.

Nó máy môi. Nó định gọi mẹ nhưng không sao đẩy được âm thanh ra khỏi lồng ngực.

Thằng bé nằm im như thế rất lâu. Không biết bao nhiêu thời giờ đã trôi qua. Con tò vò đã xây xong tổ. Khuôn mặt bầu bĩnh của thằng bé như bị rút kiệt hết nước, hết máu. Khuôn mặt nó tái nhợt, khô đanh lại.

Căn nhà hoang khóa trái nằm ở trên đồi. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mưa xuân.

Mãi đến giữa trưa, chiếc xe ô tô chở mẹ thằng bé mới về. Người lái xe có bộ râu xồm mở cửa xe cho mẹ thằng bé bước xuống.

Người đàn bà mặt rỗ, mặt xỉ ra có lẽ vì phù, cười thôn thển kéo từ ca-bin ra hai cái bị cói bản thiêu. Người lái xe đóng cửa ca-bin lại rồi giăng lấy hai cái bị cói trên tay người đàn bà. Anh ta cau có:

- Đồ đi! Đồ mặt chó!

Người đàn bà đứng lại, nhận ra một vết máu loang ở ống quần.

Ngượng ngáp, người đàn bà quay người ngồi thụp xuống, bứt vôi nắm cỏ bên đường.

Người lái xe quay mặt nhìn về phía hai cây nhội gai lá đỏ. Anh ta hát khe khẽ:

*“Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng*

*Và mắt em xa xôi, mơ màng.*

*Anh đã suốt đời lang thang tìm em...”*

Người đàn bà đã chùi sạch vết máu, chị ta đứng dậy bươn bả bước lên đồi. Người lái xe xách bị đi sau. Anh ta bỗng như nhớ ra chuyện gì bèn gọi:

- Này... này! Đồ đi!

Người đàn bà quay lại, nét mặt lo lắng, chờ đợi.

Người lái xe thở dài:

- Này, cái ông khách hôm nọ trú mưa ở đây nghèo rồi đấy.

Người đàn bà ngơ ngác:

- Sao biết?

Người lái xe lắc cái đầu bù xù, tỏ vẻ không hiểu.

- Lão ấy bị bọn ở bãi vàng thối. Chúng nó tưởng lão ấy lắm tiền nhưng hóa ra chẳng có cóc khô gì cả.



Người đàn bà lặng im, quay người đi tiếp lên đồi. Còn chín bậc đá nữa là đến ngôi nhà của chị.

Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Mưa xuân giăng giăng trùm lên ngôi nhà. Mưa xuân giăng giăng trùm lên hai cây nhội gai lá đỏ. Mưa xuân giăng giăng trùm lên quả đồi.

Năm nay mưa xuân trong thời tiết nồm thế này là có nhiều sâu hại lúa. Mưa xuân suốt từ tiết *Kinh trập* đến nay vừa được 14 ngày.

# SANG SÔNG

Bến đò.

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên cướp, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò. Chị lái đò bắc tám ván cầu để hai tên buôn đồ cổ đẩy chiếc xe máy lên đò. Tên cao gầy bảo tên mặc áo ca rô:

- Cần thận!

Đây là tên này bảo bạn nó cần thận ôm cái bọc vải trên tay, trong ấy có cái bình cổ.

- Giúp với!.

Tên cao gầy nói với người đứng sau. Người ấy là nhà thơ.

Họ loay hoay đẩy chiếc xe máy lên tám ván cầu. Nhà thơ vụng về nứ chiếc xe máy lật nghiêng. Anh khuyu đầu gối xuống nước. Đôi trai gái đứng trên bờ bật cười. Cô gái nói với người yêu:

- Giúp họ một tay!

Chàng trai cởi áo khoác đưa cho cô gái. Anh đến chỗ xe đổ.

Chiếc xe được nâng lên, đẩy vào khoang đò, nơi có hai mẹ con ngoài thành phố về thăm quê. Người mẹ ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, đài các. Đưa con trai chín tuổi trông rất khẩu khinh.

Chiếc xe máy quay ngang trong lòng đò, chạm vào người thiếu phụ. Thiếu phụ cau mặt. Tên cao gầy nhanh nhẩu:

- Xin lỗi chị.

Tên cao gầy cúi xuống phúi vết bẩn ở đầu gối thiếu phụ. Thiếu phụ hất tay hần, quay mặt đi.

Đằng sau họ, nhà sư đang kể chuyện cho ông giáo nghe về đức Bồ Đề Lạt Ma:

- Khi ngài ngồi điện bích ở Tụng Sơn, Huệ Khả đến chặt tay mình để xin pháp ấn, nói rằng: “Bạch thầy, tâm con không an”. Ngài bảo: “Người đưa tâm của người ra đi”. Huệ Khả đáp: “Bạch thầy, con tìm tâm mãi mà không thấy”. Ngài bảo: “Đó! Đó là ta đã an tâm cho người rồi đó”. Thế là Huệ Khả giác ngộ...

Tên mặc áo carô ôm bọc vải vào lòng ngồi cạnh nhà sư. Đây là chỗ an toàn nhất trong đò. Ông giáo không bằng lòng:

- Cái anh này! Sao chen vào đây?

Tên mặc áo carô khép nép:

- Cụ xá lỗi! Con đang giữ trong tay báu vật. Vỡ cái bình này thì sạt nghiệp.

- Bình gì thế?

Tên mặc áo carô hơi co người lại.

Cặp tình nhân xuống đò. Họ ngồi ở mũi đò, sau chỗ chị lái đò. Chàng trai đưa tay vớ lấy chiếc áo khoác trên đùi cô gái. Tay anh chạm vào làn da bụng âm ẩm của cô. Anh dễ yên, không rút tay ra nữa. Cô gái đỏ mặt, lấy chiếc áo khoác trùm lên tay anh.

Nhà thơ ngồi chên vênh ở bên mạn đò. Anh khóa tay xuống nước làm đò chao nghiêng. Tên cao gầy cau mặt vỗ vai nhà thơ:

- Ông anh đừng đùa! Chết ráo cả bây giờ.

Nhà thơ ngo ngác:

- Nước trong quá! Nhìn thấy những con cá thần tiên dưới đáy.

Tên cao gầy bật cười:

- Thật chịu thầy! Tôi chỉ thấy có cá diếc thôi!

Chú bé chen vào đùa với nhà thơ:

- Cá thần tiên đấy!

Tên cao gầy lia mắt vào lòng thiếu phụ:

- Con ơi, con hỏi mẹ con xem đây là cá diếc hay cá thần tiên?

Thiếu phụ luống cuống, khép đuôi lại, kéo tay chú bé.

Chị lái đò đẩy sào. Chiếc đò rời bến. Trời chiều mây xám. Một cánh chim bay về phía núi. Con đò xoay ngang.

- Đò!

Tiếng gọi gay gắt từ trên bờ đất vang lên. Tên cao gầy khoát tay:

- Kê họ!

Chị lái đò lưỡng lự đẩy sào.

- Đò!

Tiếng gọi lần này lại gay gắt hơn. Con đò hướng mũi vào bờ.

Từ doi đất đi xuống là một người cao lớn, khoác túi, trông dáng phong trần. Nhảy một bước, anh ta đã ở trên đò. Nước sông bắn cả vào nhà sư.

Nhà sư giật mình, thốt lên:

- A di đà Phật!

Ông giáo lâm bầm:

- Người với ngợm, trông như tướng cướp.

Kẻ ấy là tướng cướp thật. Hắn cười nhả nhận như để xin lỗi mọi người rồi thân nhiên cầm lấy tay chèo. Hắn quần chiếc túi vải lên đầu tay chèo rồi vừa kẹp tay chèo vào nách để châm thuốc lá

vừa nháy mắt nói với chị lái đồ:

- Trời chẳng nắng, trời chẳng mưa. Thoắt cái mà đã xế trưa mất rồi!

Chị lái đồ bâng quơ:

- Giông bão gì đâu mà quạ xuống núi?

Tên cướp vui vẻ:

- Có cỗ cưới, người ta mời. ông lão sáu mươi lấy cô mười bảy.

Mọi người trên đò lặng ngắt. Chẳng ai ưa lời trò chuyện này. Chỉ có cặp tình nhân không chú ý gì. Chàng trai luồn bốn ngón tay qua lần chun quần cô gái. Cô gái định làm một cử chỉ cưỡng lại nhưng sợ mọi người chú ý nên lại ngồi im.

Tiếng chèo khua rất khẽ.

Tên mặc áo carô ngủ gà ngủ gật.

Ông giáo tiếp tục câu chuyện:

- Bạch thầy! Bản chất đời sống con người có sự ác. Con người chạy theo dục tình, tiền bạc, danh vọng hão huyền.

Nhà sư đưa mắt nhìn vào lòng bàn tay. Ông giáo nói:

- Bạch thầy! Đâu đâu con cũng thấy toàn là súc vật. Mọi sự thấy súc vật hết. Cả sự chung tình cũng là súc vật. Ý thức hướng thiện cũng súc vật nốt.

Nhà thơ ngâm khe khẽ:

- Chỉ có ta, cô đơn giữa bầy...

Thiếu phụ bóc một quả cam đưa cho chú bé. Chú bé lắc đầu.

Tên cao gầy rút bao thuốc lá mời nhà thơ. Nhà thơ nhận ra một nốt ruồi ngay tinh mũi hần. Anh lắc đầu:

- Cái nốt ruồi kinh quá!

Tên cao gầy trở mặt:

- Sao thế?

- Anh có thể thoát cái giết người như bõn.

Nhà thơ đưa tay cửa ngang cổ mình:

- Như thế này này...

Tên cao gầy bật cười:

- Sao biết?

Nhà thơ lấp bắp, anh không tin chắc điều mình nói nữa:

- Tôi là nhà tiên tri thấu thị.

Chú bé nín lấy tay anh:

- Thế còn cháu thế nào hả chú?

Nhà thơ chăm chú nhìn sâu vào mắt chú bé, nhận ra một nỗi buồn khắc khoải tê dại như thể của tổ tông truyền lại cho nó, lẫn ở đây có những vẩn đục nhỏ li ti.

Anh ngần ngại hỏi:

- Cháu có dám mơ mộng không?

Chú bé gật đầu quả quyết:

- Có!

Nhà thơ mỉm cười:

- Vậy cháu bắt hạnh.

Thiếu phụ thờ dài. Ông giáo lẩm bẩm:

- Đâu đâu cũng rất những phường điêu trá.

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò chạ quây. Người yêu của cô luồn bốn ngón tay sâu thêm chút nữa vào trong quần lót của cô. Cử chỉ của anh không lọt qua mắt thiếu phụ. Bằng kinh nghiệm riêng đàn bà, thiếu phụ biết cặp tình nhân đang giờ trò khi.

Ông giáo ngâm ngợi:

*Gót danh lợi bùn pha sắc xám,*

*Mặt phong trần nắng r ám mùi dâu.*

*Nghĩ thân phù thế mà đau,*

*Bọt trong bể khổ bèo dầu bến me.*

*Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ,*

*Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu.*

*Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,*

*Chiếc thuyền bào ánh lô xô mặt ghềnh...*

Nhà thơ reo khê:

- Hay quá! Thơ của ai thế cụ?

Ông giáo trả lời:

- Đây là Nguyễn Gia Thiều.

Nhà thơ thở dài:

- Tiếc thật...Tay nào hay thì đều toi cả...Văn chương chết đoán hết...

Cô gái ngồi ở đầu mũi đòn bật lên tiếng rên khe khẽ.

Thiếu phụ nhìn sâu vào mắt cô gái rửa thắm:

- Đồ đi!

Cô gái nhận ra lời rửa bèn quay mặt đi nhưng vẫn bị ánh mắt thiếu phụ dõi theo. Không chịu nổi, cô gái trừng tráo nhìn thẳng vào mắt thiếu phụ thừa nhận:

- ừ thì đi!

Chú bé bật cười vì nhìn thấy rớt dãi ở mép của tên buôn đồ cỏ mặc áo ca rô. Mắt hắn dúi lại, đầu cứ thúc lia lịa vào mặt nhà sư.

Chiếc bọc vải trên tay của tên mặc áo carô tỳ hấn lên đùi ông giáo. Ông bực mình, giằng lấy chiếc bọc vải làm sợi dây buộc ra để lộ chiếc bình.

Tên mặc áo carô tỉnh ngủ, giật mình:

- Cháu xin lỗi cụ!

Ông giáo nâng chiếc bình lên tay ngấm ngấm thán phục:

- Chiếc bình đẹp quá!

Ông giáo quay sang bên cạnh:

- Bạch thầy! Chiếc bình này thời nào?

Nhà sư ngược lên, trong ánh nhìn lóe một tia sáng thậm chí giống hệt dục vọng:

- Bình gốm thời Bắc thuộc, đời Lý Bí hay Khúc Thừa Dụ...

Ngần ngừ giây lát, nhà sư đưa bàn tay sờ lên miệng bình:

- Chùa Tương có cái bình thế này, bán đi đủ tiền xây lại tam quan.

- Một “cây” đấy!

Tên cao gầy hãnh diện đỡ lấy chiếc bình trên tay ông giáo. Tên cướp dừng chèo, không điều gì trong đồ lột qua mắt hắn.

Cô gái ngồi ở cuối đòn xoay người, tránh một cử chỉ quá trớn bất cần của người yêu cô. Chàng trai bực mình rút tay khỏi lòng cô gái. Anh len lén chùi tay vào khe ván đòn nhưng không làm sao gạt được sợi lông xoắn dính ở ngón tay. Ngay lúc ấy, một ý nghĩ hiện lên khiến anh tự dừng câu bản.

Anh ngồi nhích xa cô gái:



- Đàn bà...quý sứ...Tất cả đều chẳng ra gì... Bản thiêu...

Cô gái duỗi thẳng chân. Về thất vọng của cô làm cho thiếu phụ chú ý. Thiếu phụ cười nụ, không giấu được vẻ hả hê trong mắt.

Nhà thơ xem xét chiếc bình, thán phục:

- Hàng nghìn năm lịch sử...Kinh thật! Ngày xưa có cô công chúa đựng nước gội đầu ở bình này đây!

Tên cao gầy mỉm cười:

- Tôi tưởng bình đựng rượu?

Nhà thơ gật đầu:

- Đúng rồi! Thế kỷ XIII, khi quân Nguyên Mông sang, có tráng sĩ đã dùng bình này đựng rượu...Thế kỷ thứ XV người ta chôn nó xuống đất.

- Thật chịu thầy! - Tên cao gầy thú vị. - Chiếc bình này chắc nhiều sự tích phải không?

- Tất nhiên rồi. - Nhà thơ nheo mắt lại. - Có năm mươi sự tích.

Ông giáo đánh rơi chiếc cặp trên tay. Tên mặc áo ca rô nhặt hộ tờ giấy, thấy ở đáy có chữ ghi chép. Hắn liếc mắt đọc:

“Nhân loại có bốn phận làm việc không ngừng để sáng tạo những người cao thượng; đó là nhiệm vụ của con người, và chẳng có việc gì khác nữa (Nitsơ). Tôi thường nói với nghệ sĩ - và tôi còn nói mãi - rằng cùng đích những xung đột trong vũ trụ và loài người chính là nghệ thuật trình diễn kịch, bởi vì những xung đột đó không có một công dụng nào nữa (Goto)”.

Tên mặc áo carô đưa trả ông giáo tờ giấy. Hắn lễ độ:

- Chữ cụt tươi quá!

Ông giáo cầm tờ giấy, chua chát nói:

- Chữ à! Văn tốt chữ tươi thì nghĩa lý gì?

Chú bé dựa hẳn vào lòng nhà thơ. Chú bé đút tay vào trong miệng bình. Thiếu phụ hét hoảng:

- Này con! Khéo không rút tay được ra thì khôn!

Có lẽ lời nhắc nhở của thiếu phụ chính là lời rửa của tạo hóa, ở đáy chứa cả nỗi căm uất quá khứ.

Tên cao gầy giật mình. Hắn bảo chú bé:

- Rút tay ra!

Nhà thơ bông đùa:

- Đút tay vào lịch sử thì kẹt ở đấy còn lâu!

Chú bé loay hoay. Hình như miệng của chiếc bình bé lại. Chú bé mếu máo:

- Mẹ cứu con!

Mọi người trong đồ rồi rít cả lên. Chú bé không sao rút tay ra được miệng bình.

Thiếu phụ sợ hãi:

- Làm sao bây giờ?

Tên mặc áo carô ngồi xuống đỡ lấy chiếc bình, hấn vừa xoay chiếc bình vừa cắn nhả:

- Đồ quý! Nghịch hết chỗ nói!

Chú bé oà khóc. Tên cao gầy bắt đầu nổi giận.

Tên cướp không chèo nữa. Hấn đến gần, xem xét.

Hấn khuyên chú bé:

- Kéo mạnh tay ra!

Tên cao gầy nhả mặt, giọng khàn lại:

- Cẩn thận không vỡ chiếc bình!

Chi còn một thôi chèo nữa là đồ cập bến. Dòng sông lặng ngắt như tờ. Đã thấy khói lam chiều ở phía làng xa.

Cặp tình nhân cũng rời chỗ ngồi đến gần chú bé. Người ta tìm đủ cách gỡ chiếc bình ra. Chú bé nước mắt lưng tròng.

Nhà thơ đùa cợt, rõ ràng chẳng hợp tình cảnh chút nào:

- Chi còn cách chặt tay chú bé để cứu chiếc bình, sau đó lại đập vỡ bình cứu tay chú bé.

Thiếu phụ khóc lóc, rên ri:

- Trời ơi...khổ quá!

Tên cao gầy đỡ lấy chiếc bình. Hấn kéo mạnh.

Đây là cố gắng cuối cùng. Cổ tay chú bé đỏ hỏn, xước cả da.

- Chịu!

Tên cao gầy khẳng định. Hấn đứng dậy, thò tay vào trong ngực áo. Tên mặc áo carô hiểu ý bạn hấn.

Chiếc đồ cập bến. ở trên bờ không một bóng người.

Gió lạnh thổi.

Tên cao gầy và tên mặc áo carô lăm lăm hai mũi dao nhọn.

Tên cao gầy nói với thiếu phụ, dứt khoát, lạnh lùng:

- Chiếc bình này một “cây”! Bà chị tính sao thì tính!

Thiếu phụ sợ hãi, ôm chặt chú bé:

- Trời ơi...tôi không mang tiền...

Sực nhớ ra, thiếu phụ vội vã tháo ở ngón tay chiếc nhẫn.

Tên cao gầy hất đầu cho tên mặc áo carô. Tên này cầm ngay chiếc nhẫn đút vào túi áo.

Tên cao gầy dí dao vào cổ chú bé. Một giọt máu ứa ra nơi đầu mũi dao. Giọt máu chảy từ từ trên vệt lang ben trắng bạch.

- Làm sao thế?

Ông giáo lập cập đánh rơi cả kính. Mũi dao ấn sâu hơn nữa. Một tia máu nhỏ phun vào bàn tay ông giáo.

Cô gái đứng bên chàng trai ôm mặt rú lên, ngã cạnh thành đồ. Chàng trai đẩy nhà thơ ra, anh tháo chiếc nhẫn ở tay chìa cho tên mặc áo carô.

Anh nói, giọng như ra lệnh:

- Các người bỏ thằng bé ra!

Thiếu phụ thôi khóc. Chị hơi ngạc nhiên trước cử chỉ của chàng trai trẻ.

Tên cao gầy đảo mắt. Mũi dao lún sâu dần vào cổ chú bé.

Tên mặc áo carô cầm lấy chiếc nhẫn trên tay chàng trai.

Tên cướp sấn vào, hấn dẫm vào chân chú bé.

Chú bé rú lên. Tên cướp nghiêng người, xô cả vào người ông giáo. Chiếc túi vải khoác trên vai hấn rơi xuống, đổ ra lũng cùng các thứ đồ nghề rõ ràng chẳng phải lương thiện chút nào. Chiếc côn nhị khúc, chùm chìa khóa đến năm chục chiếc khác nhau, lưỡi lê, còng số 8, cuốn lịch xem ngày tốt xấu ó vàng rách nát...

Tên cướp nhét vội đồ nghề cho vào túi vải. Hấn cầm chiếc côn lên tay đập đập. Hấn nói:

- Việc đã lỡ rồi, coi như vận xấu, đi buôn lỗ vốn!

Tên cao gầy trừng mắt lên nhìn. Tên cướp nửa đùa nửa thật:

- Thôi đi! Trẻ con là tương lai đây! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu.

Tên cao gầy lưỡng lự, để lỏng mũi dao. Ngay lúc ấy, chiếc côn trên tay tên cướp bỏ mạnh vào miệng chiếc bình.

Chiếc bình gồm vỡ.

Nhà thơ thở phào, anh tán thưởng:

- Có thể chứ!

Chú bé quy vào lòng mẹ. Hai mẹ con ôm nhau khóc. Tên cao gầy và tên mặc áo carô sừng sò, chúng quay sang phía tên cướp, lăm lăm lưỡi dao. Tên cướp lùi dần rồi nhảy lên bờ. Hắn xoay chiếc côn nhị khúc trên tay.

- Vô ích! - Hắn thân nhiên nói.

Mà vô ích thật. Rõ ràng là thế.

Chàng thanh niên đỡ cô gái dậy. Cô gái mỉm cười. Cô biết, cô sẽ yêu anh mãi mãi.

Nhà thơ lâm bầm:

- Tình yêu làm cho con người cao thượng.

Hai tên buôn đồ cổ cắt dao rồi đẩy xe máy lên bờ.

Chúng lau bầu chùi rửa đến khi ngồi lên xe máy. Ông giáo bàng hoàng. Sự việc xảy ra khiến ông kinh ngạc:

- Trời! Anh ấy dám đập vỡ bình! Thật đúng là một anh hùng! Một nhà cách mạng! Một nhà cải cách!

Chị lái đồ giấu nụ cười thầm. Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hắn trong đêm..

Nhà thơ nhặt mấy mảnh gốm đưa cho thiếu phụ. Anh giải thích:

- Để làm kỷ niệm.

Anh cúi xuống đỡ người chú bé. Mọi người lần lượt lên bờ.

Bóng chiều tan dần. Trên đò còn lại nhà sư vẫn ngồi bất động.

Chị lái đồ dè dặt:

- Bạch thầy! Mời thầy lên bờ.

Nhà sư lắc đầu:

- Thôi, tôi nghỉ lại rồi...Cho tôi quay về.

Ngần ngừ giây lát, ông lương lự nói:

- Tôi sẽ đi sau.

Chị lái đồ tần ngần nhìn những vì sao cuối trời:

- Bạch thầy, về bên kia sông con không đi nữa.

Nhà sư vui vẻ, cười khẽ:

- Không sao! Muốn đi là được. Ngày xưa, đức Bồ Đề Lạt Ma còn sang sông trên một cọng cỏ cơ mà...

Chiếc đò quay về bến cũ. Bóng chị lái đồ và nhà sư nổi bật ở trên dòng sông phẳng lặng. Trăng lên, tiếng chuông ngân nga êm đềm. Nhà sư thâm thì đọc câu thần chú:

*- Gate gate! Para gate! Para para san gate!*

# THIÊN VĂN

Con đò nằm bên vệ sông. Buổi trưa nắng gắt. Khách xuống đò mặc bộ đồ chàm xanh, tay nải khoác vai. Đò không có chèo, neo bằng sợi dây thép buộc vào hòn đá. Chắc lái đò đã về nghỉ trưa rồi. Dòng sông không một bóng người.

Khách ngồi ở mũi đò bình thản nhìn quanh. Sông lặng tờ.

*Này nhé: này là dòng sông*

*Định mệnh cứ cuộn cuộn chảy*

*Bồi và lở*

*Được và mất*

*Con thuồng luồng nào nín hơi dưới đáy*

*Ngắm nghĩ về mẻ lưới người*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đầy.*

*Con thuồng luồng nín hơi bơi đi*

*Tránh những bến quen ê chề*

*Này bọn cá mương, cá ngao*

*Mày có bao giờ mơ về đại dương?*

Khách lúi ở tay nải ra một miếng lương khô hơi giống mẫu bánh mì đen. Khách nhai trệu trạo, đôi mắt đắm đắm nhìn dòng nước.

Khách ăn rất lâu, có vẻ như thề ăn dè. Hay đây là miếng lương khô cuối cùng? Hay trong tay nải vẫn còn lương khô nhưng chặng đường đi còn xa? Không biết.

Khách hẳn là người đã từng nếm nhiều gian khó. Những kẻ không thủ đắc điều gì, không chuyên tâm điều gì không ăn như thế. Những người quen sống no đủ không ăn như thế.

Những mẩu vụn lương khô vụn lại giữa lòng bàn tay khách. Những con cá lòng tong bé xíu bơi sát mạn đò. Khách nghiêng người thả tay xuống, thích thú thấy chúng bu lại.

Trời rất xanh, bông bành trên cao những đám mây trắng, mây bông. Gió thổi những đám mây bay đi. Nhận được điều ấy bởi những bóng râm thỉnh thoảng lướt trên mặt sông như chạy, như đuổi. Có đàn chim sẽ bay ào qua.

*Này nhé: này là cánh chim*



*Có cánh chim nào mỏi mệt không?*

*Có cánh chim nào rũ rời không?*

*Mà gió đấy, mà bão đấy*

*Gió bão xua đuổi thời vận*

*Mặt đất đầy những cạm bẫy*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đầy*

*Những cánh chim bay đi*

*Về chân trời xa*

*Đêm nay chim ngủ đâu*

*Mà đêm nay hồn anh ở đâu*

*Này chú chim xanh*

*Bao giờ báo tiếp?*

Khách đứng dậy, vẻ lo lắng hiện trong đôi mắt. Sao đã lâu không ai xuống dò? Sao không thấy lá dò? Đến cả mái chèo cũng tháo đi rồi? Hay đây là cạm bẫy?

Khách ngồi xuống chỗ ban nãy ở đầu mũi dò. Chắc khách nghĩ không cạm bẫy nào giăng ra đây cả. Điều ấy đáng khinh bỉ, tầm thường. Với khách, một bộ hành như thế, hoặc tin rằng không ai làm hại được gì bởi rất có thể khách (và con người nói chung) đều chỉ là một hình ảnh không thực, hoặc giả khách đã quá quen với mọi hiểm nguy nên coi mọi sự là thường.

Nắng không còn gay gắt nữa. Thiên nhiên mơ màng. Lựa một thế dễ chịu, khách duỗi chân, gác đầu lên tay nải, chìm mất lại.

*Này nhé: giấc ngủ*

*Ta đã ngủ giấc ngủ dài*

*Hãy tỉnh thức vì trưa rồi*

*Mặt trời đã chuyển từ Đông sang Tây*

*Mà mưa bão qua giờ Ngọ cũng hết*

*Sao anh mơ màng?*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đầy*

*Thế gian cay đắng*

*Giọt mật nào còn sót trên môi em*

*Giọt muối nào còn sót trên môi em*

*Một cuộc mộng mị dài trăm năm*

*Một giấc mơ dài cả đời anh...*

Khách bỗng choàng dậy. Những kẻ có số phận bất trắc mạo hiểm vẫn luôn có những giây khắc bồng thức hãi hùng như thế. Những kẻ khao khát tri thức tự do và chân lý tuyệt đối cũng luôn có những giây khắc bồng thức hãi hùng như thế. Những bản năng mọi rợ ngủ say.

Khách khép mắt ngủ lại chập chờn, cứ nghĩ chỉ chớp mắt không lâu. Thật ra, không phải thế. Thiên nhiên vẫn tính gian trá thời gian khi ta thiếp ngủ. Một lát sau khách thức dậy thì mặt trời đã đi một chặng xa rồi. Khách cúi người bên mạn đò, vốc nước rửa mặt. Chừng như không đã, khách bèn đưa tay bám chặt lấy thành đò rồi vục hắt đầu xuống nước. Nước ấm áp dễ chịu. Căng mắt cố nhìn chỉ thấy một màu vàng đục nhur nhối. Không chịu nổi, khách lắc mạnh đầu rồi đưa tay dụi mắt. Khi định thần lại, khách bỗng giật mình vì trong khoảnh khắc thiếp đi thiên nhiên đã trở mặt. Không còn ánh nắng. Không còn trời xanh. Không còn mây bông. Tất cả sầm sập âm u một màu xám chì. Phía chân trời, cuộn cuộn những dải mây đen vùn vù.

*Này nhé: sự biến dịch luân hồi*

*Cười người hôm trước hôm sau người cười*

*Thế gian cứ một hồi trị một hồi loạn*

*Thời cuộc cứ một khi co một khi duỗi*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đầy*

*Ừ, về nhà thôi, về nhà thôi*

*Cố hương này cố hương xưa*

*Cố hương có ai mong chờ*

*Cố hương có ai tựa cửa*

*Nơi nào có khói lam chiều*

*Đâu là nơi mẹ ta chôn rau?*

*Cây gạo đầu làng có còn không?*

*Bây giờ có ai đi nhặt hoa đỏ không?*

Khách bắn khoả nhìn quanh. Những giọt nước rất to ném xuống mặt sông như dò dẫm, như đùa, như cột, khi mau, khi chậm, rồi bỗng tạnh hẳn. Khách hải hùng: giữa bên sông vắng chẳng có nơi nào trú ẩn.

Mặt sông chuyển sóng. Màu nước xanh sậm hơn. Rồi màu nước xanh sậm chuyển sang màu nhờ đục. Những cành củi khô, rác rưởi kết thành bè trôi nhanh loang loáng giữa dòng. Sóng đánh dồn dập làm chiếc đồ xoay mạnh. Sợi dây thép neo đồ tuột khỏi hòn đá. Ngay lập tức, mưa trút xuống rào rào, sầm ì ầm, chớp lóe sáng, sét nổ.

Chiếc đồ xoay mạnh văng ra khỏi bờ. Khách loạng choạng té ngã. Đành phải phó mặc mọi sự, chống đỡ bây giờ vô hiệu.

*Này nhé: sự tuyệt vọng*

*Người đến có chu kỳ nào không*

*Người có tuân theo những vận động ám muội nào không*

*Đâu là hạt giống người gieo*

*Đâu là cái gặt đầu cho một âm mưu?*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đày*

*Con thưởng lương lặn thẳng một hơi*

*Sá chi một mẻ lưới người?*

*Ồ tự do, tự do hay buông thả?*

*Tự do thường nói theo sự tuyệt vọng nửa bước chân.*

Khách một mình trên đò giữa mưa bão. Rất dễ ló bịch và thê thảm. Nhưng đây là với kẻ tầm thường. Còn khách, hình như bây giờ mới là lúc khách biểu hiện bản lĩnh của mình. Nhanh nhẹn, khéo léo, dứt khoát, quả cảm, khách di chuyển đến giữa tim đò, chân rướn thẳng, giữ thăng bằng.

Con đò chao lắc dữ dội theo dòng nước. Ai đã xem trò chơi lướt sóng hẳn sẽ ngạc nhiên trước tài nghệ phi thường của người điều khiển mảnh ván trên đầu sóng. Có điều ở đây mảnh ván là cả con đò công kênh và thô lậu. Số phận nào mà chẳng công kênh, thô lậu?

*Này nhé: định mệnh*

*Người công kênh và thô lậu*

*Những đợt sóng vận hạn của người thật quái ác*

*Còn ta, ta lướt qua người giản dị, mạch lạc*

*Giản dị, mạch lạc buông thả*

*Giản dị, mạch lạc xu thời*

*Tự do nào chẳng có buông thả, xu thời*

*Cao thượng, đề tiện chung một nụ cười*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đày*

*Bên kia bờ xa*

*Chứa ẩn định mệnh kinh hoàng.*

Mưa như trút. Gió thổi khi ngang, khi dọc. Con đò lướt trên đầu sóng chẳng có chiều hướng nào hết: khi xuôi, khi ngược, khi nhanh, khi chậm. Có điều, rõ ràng con đò đang tiến về phía bờ xa.

Mưa thưa hạt, gió dừng thì đò cập bến. Sóng liềm vào bãi cát từng đợt thêm khát, mệt mỏi, gọi dục. Những con le le không biết ở đâu bay đến kêu táo tác đổ xuống mép nước, ngang nhiên ở ngay mũi đò.

*Này nhé: ta cập bến đợi*

*Ta đã lôi cuốn tất cả những gì nông cạn,*

*tâm thường để đến đích*

*Ta đã tự khoa trương, tự khinh bỉ*

*Ta đã đi qua sự vô luân, sự nhẹ dạ*

*Và ti ti điều vụn vặt*

*Ta đã đến bến bờ*

*Bình đẳng với những kẻ bình đẳng*

*Bất bình đẳng với những kẻ bất bình đẳng*

*Không bao giờ bình đẳng hóa những*

*bất bình đẳng*

*Anh đã mắc vào lưới tình*

*Thật chua xót ngu ngốc*

*Anh đã mắc vào đôi mắt*

*Chịu án lưu đày...*

Khách xách tay nải nhảy xuống đò vuốt mặt, loay hoay đẩy mũi đò ghéch lên bờ cát.

Khách nhìn lại đằng sau, tự hỏi vì sao mặt sông rộng thê, lại mặc nhiên xa lạ với mình, chẳng biểu hiện tình cảm gì.

Khách thở dài, ngược mắt nhìn trời. Đêm xuống. Những ngôi sao mọc lên rất nhanh trên nền trời trong vắt. Kìa là chòm sao Thần Nông chăm chú nhìn về phương Nam, lưng rất thẳng. Đây là dấu hiệu thiên văn báo rằng năm tới được mùa, làm ăn không vất vả.

Khách đi hút vào đêm tối.

\*\*\*

\*

Ngày ấy, năm ấy, đồn rằng có khách qua sông trên đò một mình, chẳng có chèo, chẳng có sào gì cả, mưa bão rất lớn mà đò vẫn cập bến. Người ta bảo rằng đây là một thiên thần qua sông. Dấu chân để lại trên sạp đò rất lớn, cô lái đò ướm chân mình vào đấy về nhà mang thai.

Cũng có thể qua sông hôm ấy là một thi sĩ. Thi sĩ bao giờ cũng làm những việc lạ thường, đuổi theo những vẻ đẹp kỳ ảo, những vẻ đẹp huyền bí. Chỉ có điều vết chân thi sĩ để lại thường rất nhỏ.

# CHUYỆN TÌNH KỂ TRONG ĐÊM MƯA

Hồi ở Tây Bắc, tôi có quen một người Thái tên là Bạc Kỳ Sinh. Tôi quen Bạc Kỳ Sinh trong dịp tình cờ. Sự việc như sau:

Hôm ấy, tôi đi chợ Mường La. Chợ Mường La họp ngay bên đường phố núi. Chợ khá sầm uất, hàng giả thật lẫn lộn. Các cô gái Thái, gái Xá ngồi bán đào, mận, mắccoọc... hái ra từ trong núi. Những sạp vải hoa, phích nước, xoong nồi... buôn từ Trung Quốc sang bày bán la liệt. Những người đàn ông, đàn bà Mông dắt ngựa, gửi những gửi sa nhân, đặng sâm, ba kích... gửi cả những gửi nếp tan là thứ gạo nếp đặc sản có một không hai của họ, màu hồng hồng như nhuộm phẩm, rất thơm và dính.

Chợ Mường La họp từ sáng sớm, khi sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sai tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở vùng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màn sữa loãng, mênh mông bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi và mưa nhỏ mà ta vẫn gọi là sương ở dưới đồng bằng.

Khoảng gần trưa, khi sương tan đây là khi chợ náo nhiệt nhất. Người Mông xúm xít quanh nồi “thắng cố”, uống rượu, thổi khèn bè. Người Thái, người Xá cũng uống rượu, thổi khèn bè. Người La Hủ thổi khèn lá. Các cô gái Thái, gái Xá, gái Dao đứng tùm lại hát đối, hát gheo, hát giao duyên với các chàng trai. Có vài người nổi hứng bắn lên trời mấy loạt súng kíp, đám đông xung quanh chạy dạt ra như ong vỡ tổ.

Tôi đi chợ cũng chẳng định mua bán gì. Cũng có nhiều người đi chợ như tôi. Chợ miền núi là nơi gặp gỡ, giao tiếp, là lễ hội nhỏ, là nơi đi chơi, nơi người ta thoát ra khỏi nếp sống thường tẻ nhạt.

Tôi đi dọc phố chợ, đi hết chợ rồi ngược trở lại. Ở giữa chợ có một ông già người Hoa đang ngồi xem bói. Trước mặt ông già có một cái đĩa đựng ba viên súc sắc. Người xem bói đặt tiền rồi cho ba viên súc sắc vào một quả bầu khô lắc mạnh, sau đó đổ ra đĩa gọi là “gieo quẻ”. Ông già căn cứ vào tổng số điểm trên ba viên súc sắc để nói về định mệnh của họ. Người ta xuýt xoa, trầm trồ, sợ hãi. Tất cả đều thành thực, tin tưởng. Có cái gì vừa như huyền bí, vừa như đe dọa, lại vừa như lường gạt trắng trợn lơ lửng đâu đây ở trên đầu đám đông. Tôi thấy vui vui, thấy hồi hộp lạ lùng và cũng định xen vào để thử vận hạn. Ngay khi ấy có người níu lấy tay tôi. Tôi quay lại, thấy một gã người Thái mặc quần áo chàm, đội mũ nôi, khuôn mặt thật thà, nói tiếng Kinh rất sôi nổi:

- Đừng có tin! Lừa dối đấy! Mời ông xem cái này!

Gã giơ ra trước mặt tôi một vật đen đen ám khói bếp, bản và hôi không tương tượng được, trông giống như một cái mề gà sấy khô:

- Đây là mật gấu 100 phần trăm. Tôi bắn được con gấu này ở trong Xốp Cộp. Nặng 137 cân. Tôi để cho ông giá rẻ...

Tôi cười lắc đầu. Tôi đã biết người ta làm giả mật gấu bằng mật lợn như thế nào. Tôi còn biết người ta đã dùng xilanh để rút mật gấu thật ra rồi bơm vào đầy nước lã ra sao. Gã người Thái nài nỉ vài câu, cuối cùng tỏ ra thất vọng. Gã giơ hai tay lên trời, phàn nàn vài câu bằng tiếng Thái rồi bỏ đi. Tôi quay lại chỗ cũ, nhận ra chiếc đồng hồ đeo tay đã biến mất từ lúc nào. Tôi vừa tức giận vừa bực mình. Đây là vì khi ấy tôi còn trẻ tuổi! Cảm giác bị kẻ khác lường gạt, bị lừa, bị hớ, bị xỏ mũi chỉ vì mình cả tin thật thà khiến tôi mất cả bình tĩnh. Với một giáo viên quen, chiếc đồng hồ đeo tay khi ấy với tôi là một gia tài, một của quý, một sĩ diện, dù chiếc đồng hồ ấy luôn chạy sai giờ.

Tôi đi xuyên qua chợ, tìm gã bán mật gấu, tôi định sẽ cho hắn bài học đích đáng. Bỗng tôi thấy



một cô gái Thái dắt một con ngựa tiến lại phía tôi. Cô gái Thái trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt nông, hoang vắng và tinh khôn có phần dạn dĩ. Đi sau cô gái có hai ông già tay ôm hai con gà chọi.

Cô gái chào tôi:

- Hày à... Thưa ông, em muốn nhờ ông giữ hộ con ngựa một lát được không?

Tôi lúng túng, không biết trả lời ra sao thì cô gái đã giúi cương ngựa vào trong tay tôi. Cô gái nói:

- Ông đứng ở vệ đường này. Chỉ một lát thôi là em quay lại...

Cô gái cười, nụ cười rất nhiều hứa hẹn rồi chạy bỏ đi. Hai ông già đi theo cô gái ngồi thụp ngay xuống lòng đường rồi thả gà ra. Lập tức, hai con gà xông vào đánh nhau túi bụi. Đám đông bu lại thành một vòng tròn, lộn xộn, điên cuồng, phấn khích không tưởng tượng được.

Có tiếng la hét dẹp đường rồi một chiếc xe com - măng - ca đi tới. Trên xe có mấy cảnh sát chờ một người tù bị khóa tay bằng còng số 8. Chiếc xe phải dừng lại vì bị đám chọi gà cản đường. Mấy cảnh sát vừa bước xuống xe thì đám đông ồn cả lên, bao vây quanh họ, bụi cát mù mịt tung trời. Một tổ ong vàng không biết ở đâu xuất hiện, vỡ tung ngay trên đầu đám đông. Người ta hò nhau chạy, ngã dúi ngã dụi vào nhau. Tôi chưa kịp định thần thì thấy cô gái Thái lúc này xuất hiện giằng lấy tay cương. Người tù trên xe nhảy ào lên lưng con ngựa. Tôi chỉ thoáng thấy anh ta để tóc dài, mặc bộ quần áo chàm xanh. Cô gái Thái nhảy lên theo và họ lập tức phi ngựa băng qua các mẹt hàng, sập hàng chạy về phía đường rừng Tạ Bú, tả ngạn sông Đà.

Tôi bị bắt giam vào đồn cảnh sát. Người ta coi tôi là can phạm trong vụ cướp tù, cuối cùng không đủ chứng cứ quy tội nên chuyển tôi làm nhân chứng. Tôi phải ký tên vào một tờ khai chữ nghĩa hết sức rắc rối mập mờ. Tôi được biết người tù kia là một tên thô phi, một kẻ sống ngoài vòng cương tỏa xã hội. Hắn tên là Bạc Kỳ Sinh.

\*\*\*

\*

Trường học miền núi nơi tôi ở nằm trên một quả đồi trọc gọi là đồi Thông mặc dầu trên ấy chẳng có một ngọn thông nào. Trên một vạt đất bằng phẳng người ta dựng lên ba dãy lớp học làm bằng gianh tre nửa lá có phần nào giống một trại nuôi bò. Khu nhà giáo viên gần kề ngay đó lợp ngói, vách trát "toocsi" nhưng khi mưa xuống dột còn nhiều hơn cả mái nhà lợp gianh. Vốn thích độc lập, tôi tự mình dựng một ngôi nhà nhỏ cách biệt hẳn ra, có hàng rào bao quanh cẩn thận. ở riêng một chỗ, tôi có cái thú của kẻ tự do, nghĩa là tha hồ buông xuôi ở trong cảm giác cô đơn mà không để người khác nhòm thấy, không làm lụy ai cả. ở ta, tự cô đơn là cách rẻ rúng nhất, vô hại nhất để tạo ra ảo giác về tự do, một điều xét cho cùng cũng chẳng ra gì nhưng thiết yếu để rèn luyện nhân cách cho tuổi trẻ vốn lắm mê say và dễ sa ngã.

Mùa hè năm ấy, tôi phải ở lại trông nom, bảo vệ trường học. Mưa lũ kéo dài từ đầu tháng bảy đến giữa tháng chín khiến nơi tôi ở không khác gì một ốc đảo. Số gạo dự trữ sắp hết. Tôi rất buồn rầu và thương thân mình. Tôi có thể ốm rồi chết ở nơi khi ho cò gáy này vô ích. Tôi đã thấy mộ những giáo viên vô danh chết như thế ở Mường Hum và Chiềng Cọ, cả ở trong bản Chi cuối đường 19 nữa. Suy đi tính lại, tôi quyết định vượt qua thung lũng Chiềng Sạ vào bản Pò Mạt tìm người giúp đỡ. Tôi mặc áo mưa, mang theo khẩu súng săn đã han rỉ và bị hóc đạn bên mình, mang đi theo để cho oai chứ thực ra chẳng có tác dụng gì cả. Tôi tìm đường đi xuống thung lũng.

Loay hoay hết buổi, tôi không làm sao vượt qua được thung lũng ngập đầy nước. Tôi không dám liều mạng bởi tôi không thuộc địa hình địa vật ở đây, nếu bị nước cuốn vào một khe hẻm coi như toi mạng. Tuyệt vọng, tới gần tối tôi quay về nhà, ngạc nhiên thấy ở trong nhà mình có sáng ánh đèn.

Trong nhà tôi, ở giữa nhà có một đồng lửa mới được nhen lên. Một người đàn ông Thái đang ngồi thán nhiên nướng thịt gà rừng. Thấy tôi, y chẳng buồn nhìn mặt mà chỉ liếc xéo trông chừng khẩu súng săn của tôi với vẻ đề phòng.

- Ông là chủ nhà à? - Y hỏi tôi sau khi tôi đã treo súng lên tường.

Tôi chán nản gật đầu. Người đàn ông Thái nói:

- Chúng tôi sẽ ở đây ba ngày đợi lũ rút đi.

Tôi hơi ngạc nhiên vì y dùng chữ “chúng tôi”. Như vậy, chắc y không phải chỉ có một mình.

- Tôi không còn gì ăn cả. - Tôi thông báo trước với khách như vậy, không tỏ ý thiện cảm chút nào.

- Tôi biết rồi, - người đàn ông Thái gật đầu với tôi, - trước khi ông về tôi đã lục lợi khắp trong nhà này. Cô Muôn đang đi lấy gạo.

Tôi hơi phật ý vì thái độ tự nhiên của khách. Chừng như nhận ra, y mỉm cười giới thiệu:

- Tên tôi là Bạc Kỳ Sinh.

Tôi hơi giật mình. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Tôi đi với cô gái. Cô ấy là Muôn.

Đúng lúc ấy, cô gái Thái mà tôi đã gặp trước đây ở chợ Mường La bước vào, vai đeo gùi, người ướt như chuột lột. Bạc Kỳ Sinh đứng dậy đỡ lấy gùi gạo. Tôi không hiểu họ moi đâu ra gùi gạo trắng tinh ở giữa trời mưa, ở giữa nơi mệnh mông đầy nước ngập này.

Bạc Kỳ Sinh và cô gái nói chuyện với nhau bằng tiếng Thái. Cô gái nhìn tôi mỉm cười:

- Em nhận ra ông rồi! Ông đã giúp em giữ ngựa ở chợ Mường La.

Bạc Kỳ Sinh lấy gạo thổi cơm, còn cô gái lui vào buồng trong thay áo. Tôi nghe thấy tiếng lục lợi đồ đạc rồi cô gái thò đầu ra cửa hỏi tôi:

- Ông giáo! Ông cho em mượn cái áo của ông được không?

Tôi nhìn Bạc Kỳ Sinh và thấy y có vẻ tán thành nên nói:

- Được!

Tôi ở miền núi đã lâu, tôi biết đàn ông Thái nhiều người có máu ghen tuông ghê gớm! Anh có thể chết như bôn vì một nhát dao nếu như vô tình ghẹo cô gái có chồng đã “tăng cầu” tức là đã buộc ngược tóc lên đỉnh đầu. ở Yên Châu vài năm trước đây đã có một vụ như thế: có một tay giáo viên người Kinh quê ở Hưng Yên đã bị xẻo mất “của quý” bằng con dao quắm to bản dùng để chẻ lạt, gã “pháo thủ” không bao giờ còn ra trận được nữa, gã phải “hồi hưu” khi gã mới hai mươi tuổi. Tôi không muốn như thế, năm ấy tôi mới hai mươi một tuổi đầu, chưa biết tí ti gì về chuyện “phong hoa tuyết nguyệt”.

Một lúc sau, cô gái ở trong buồng trong bước ra, mặc chiếc áo “phông” sắc sỡ của tôi và chiếc váy mới. Trông cô rất đẹp, vẻ đẹp vừa hoang vắng, vừa mê đắm lại vừa man rợ.

Chúng tôi ngồi ăn cơm và cùng trò chuyện với nhau. Bạc Kỳ Sinh ít nói, đôi mắt của y lạnh lẽo,

căng thẳng như mắt điều hâu, thỉnh thoảng lại sáng rực lên như có tia chớp, tia lửa. Chỉ khi nào ánh mắt của y gặp ánh mắt của Muôn nó mới dịu đi đôi chút, nó mới có vẻ như ánh mắt người. Bạc Kỳ Sinh có nụ cười dè dặt, lúc nào cũng có vẻ như giấu cột bản thân mình hay giấu cột ai.

Chúng tôi ngồi nói chuyện về các sản vật ở vùng Tây Bắc, về phong tục người Thái, về việc người Kinh lên đây làm ăn sinh sống. Bạc Kỳ Sinh có vẻ không thích thú lắm với việc ngày càng có nhiều người Kinh lên Tây Bắc “đi xa hơn nữa”, “khai hóa văn minh”, “thắp lên ánh sáng văn hóa”. Muôn thì khác, cô tỏ ý chê bai lối sống khép kín, quá gần tự nhiên, thậm chí có phần tăm tối của dân miền núi. Qua câu chuyện, tôi thấy hai người hiểu biết nhiều thứ, không hề ngờ ngẩn hoặc quá hẹp hòi như cách thức mà dân thành thị chúng ta vẫn hình dung về “người dân tộc”.

Com nước xong, Bạc Kỳ Sinh dựa lưng vào vách, mắt đắm đắm nhìn vào đồng lửa bập bùng. Ngoài trời đêm mưa vẫn không ngớt. Bạc Kỳ Sinh hát ê a một bài hát bằng tiếng Thái, lời lẽ rất ấn tượng. Có nhiều đoạn, cô Muôn cùng hát với y. Tôi nghe loáng thoáng, cố gắng tìm cách sắp xếp lại lời của bài hát này:

*Pò mẹ ơi! Bố mẹ ơi...*

*Pò mẹ sinh con từ hang núi.*

*Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm*

*Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm*

*Tiếng hổ gầm, tiếng chó sói hú*

*Những con rắn, con trăn tìm mồi*

*Bọn cáo chồn hôi háu rình mò*

*Con don, con dím nắp trong hang*

*Con mình trần thân trụi run rẩy*

*Gió lạnh lùa vào ngực con*

*Con nhen lửa, gió làm tắt lửa*

*Con sờ soạn trong bóng đêm*

*Và nhặt được một vật mềm, ướt át*

*Con sợ hãi, không biết vật gì*

*Nó phập phồng trong tay con*

*Ôi đau quá, đau nhói ở đây*

*Cái vật mềm, ướt át ấy*

*Là trái tim con rơi trên đất*

*Mặt đất ấy nhiều gió, lạnh lắm*

*Pò mẹ ơi, ai thương con*

*Pò mẹ ơi, ai thương pò mẹ...*

Tiếng hát của Bạc Kỳ Sinh rất lạ, đơn giản, như lời người nói. Tôi chưa thấy ai hát như thế bao giờ: người hát không lấy hơi, không rần sức, khi nhấn lời hoặc ngân nga thì dịu dàng không sao kể xiết; ngậm ngùi, tê tái mà không mùi lòng; tâm trạng cô đơn lạnh buốt lẫn lộn với những khao khát nồng nàn. Tiếng hát sóng sánh, đặc như những giọt mật ong. Mỗi từ là một giọt mật. Tôi nghe hát mà nước mắt cứ thế chảy ra giàn giụa, tự nhiên không kìm lại được.

Bài hát chấm dứt. Tất cả lặng đi. Tiếng mưa rơi và tiếng côn trùng bỗng nhiên ùa vào trong nhà riết róng, nghe rõ mồn một. Không ai nói năng gì cả. Tiếng hát vẫn còn như lơ lửng bay trong không gian, vương vào mái nhà, kèo nhà, vương vào mái tóc, vương vào đôi môi, cháy xèo xèo trên ngọn lửa đỏ rực.

Bạc Kỳ Sinh hát xong, y cười một nụ cười nhợt nhạt, thất thần, hình như bao nhiêu sinh lực của y đã trút hết vào cho bài hát. Một lúc sau như không chịu đựng nổi sự yên lặng, Muôn cũng ê a hát. Bài hát này cũng xót xa tê tái chẳng kém gì bài hát của Bạc Kỳ Sinh

*Ing noọng ơi, ing noọng ơi*

*Nếu em xây nhà*

*Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng*

*Trong nhà có bếp lửa hồng*

*Trên bàn có cắm bông hoa đỏ và bông hoa trắng*

*Chăn đệm mới thơm tho*

*Bên cạnh em có anh*

*Em muốn anh ở bên cạnh em*

*Đây là ước mơ của em*

*Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi*

*Ma rình bắt anh hay ngọn lửa nào gọi anh*

*Anh đi về hướng nào?*

*Không có ai đợi anh ở đây*

*Anh yêu ơi, về đây với em*

*Ta xây ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng*

*Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi?*

*Người thương ơi, bây giờ đi đâu rồi?*

Tôi lặng nghe Muôn hát, thấy giọt nước mắt lăn trên gò má của cô. Bạc Kỳ Sinh có vẻ xúc động. Y đưa tay ôm lấy bả vai cô gái kéo về phía mình. Khi Muôn hát xong, y nói một câu tiếng Thái rất nhanh, tôi không nghe rõ nhưng đoán là một lời chửi rủa hay một lời thề độc. Muôn trừng mắt nhìn y rồi ngồi xích ra có vẻ bất bình. Họ nói về một người nào đó có tên là Ngân.

Đêm về khuya, mưa càng ngày càng nặng hạt. Mưa thấm vào đất, vào vách nhà, vào lòng người... Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Lát sau Bạc Kỳ Sinh lên tiếng trước. Y phàn nàn về những điều kiện sinh sống khốn khổ ở nơi nào đó, chắc là ở quê hương y. Vùng Tây Bắc tôi đã đi nhiều, điều kiện sống của con người ở đây thật khác nghiệt. Dân nhiều nơi chỉ đủ gạo ăn có ba tháng, còn chín tháng trong năm phải vào rừng đào củ mài. Săn bắt và hái lượm vẫn là những hình thức kiếm sống phổ biến của nhiều tộc người ở đây hết như một ngàn năm trước. Nạn du canh du cư và triệt phá rừng làm cho quang cảnh rừng núi ngày càng thêm tiêu điều. Tôi cố tình dò hỏi tông tích gốc gác của Bạc Kỳ Sinh. Y trả lời dè dặt, y nói chung chung:

- Tôi là đứa con hoang của rừng.

Y nói câu đó thì thảm như lời thú tội, có phần nào chán chường nhưng vẫn ngấm ngấm một niềm kiêu hãnh đặc biệt. Tôi gọi lại chuyện xảy ra bữa trước ở chợ Mường La thì y mỉm cười:

- Rắc rối cho ông ghê lắm phải không?

Y ngượng ngịu xoa tay vào nhau rồi nói tiếp:

- Tôi đã mang ơn ông.

Sau đó y chỉ vào Muôn:

- Nhờ có con nhím này!

Mãi về sau, do nhiều người kể lại tôi mới biết rõ về câu chuyện xảy ra hôm ấy.

Đêm về khuya, tôi ngủ ở bên bếp lửa, nằm thao thức nghe tiếng mưa rơi. Trong giấc mơ, tôi cứ chập chờn về hình ảnh trái tim mềm mại, ướt át, đập phồng rộp trên đất lạnh và ngôi nhà nhỏ có cửa sổ rộng. Những hình ảnh ấy phải chăng là nỗi ám ảnh thân phận tình yêu đôi lứa của hai người?

\*

\*\*

Bạc Kỳ Sinh là hậu duệ của dòng họ Bạc đất Mường Vải. Đây là một dòng họ quý tộc xa xưa, đồn rằng ông tổ là người Kinh đã từng làm chức thượng thư, bỏ lên Tây Bắc vì chán thời thế. Đây là vào khoảng thế kỷ XVIII, thời vua Lê, chúa Trịnh, một thời nhiều nhượng trong lịch sử. Ông tổ của Bạc Kỳ Sinh lấy vợ người Thái, lập trang trại, sống nhờ vào việc buôn bán thuốc phiện với người Lào và người Hoa. Đến đời Bạc Kỳ Sinh, thời thế thay đổi, chính quyền mới đang tồn tại cùng chúng ta đây thành lập. Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vải. Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bản, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. Đồn trưởng biên phòng là Lò Văn Ngân, người Thái ở Yên Châu, một thiếu úy mẫn cán và sắt đá. Số phận éo le, giữa Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh có những mối quan hệ thật trớ trêu.

Một lần, vào dịp Tết cổ truyền, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa cho thanh niên trong vùng. Chặng đua khá nguy hiểm, phải vượt qua nhiều suối và núi đá tai mèo. Có nhiều giải thưởng, giải nhất là một con ngựa tuyệt đẹp. Muôn là cô gái xinh đẹp nhất đất Mường Vải sẽ trao dây cương cho người thắng trận.

Mười bảy kỵ sĩ tham gia cuộc đua, trong đó có Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh. Hai người ganh đua từng phân một và họ bỏ xa các kỵ sĩ khác. ở chặng cuối cùng, nguy hiểm nhất là phải băng qua vực đất sụt. Nghe nói dưới đó có mạch nước ngầm từ xa xưa, mạch nước ngầm này còn lớn hơn cả con sông Đà, nhiều chỗ mạch nước ngầm phun lên làm nơi đó biến thành bùn lầy vô cùng nguy hiểm.

Lò Văn Ngân là kỵ sĩ giỏi. Con ngựa anh cưỡi là con ngựa giống sông Đông ở Nga. Hồi ấy loại ngựa này chỉ nhập vào Việt Nam có sáu con để phối giống, được nuôi ở trại ngựa Bá Văn Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đặc biệt, người ta tìm cách nhân nó lên để cung cấp cho lính biên phòng. Con ngựa này phi rất nhanh, nếu đường sá tốt có thể phi tới hơn trăm cây số một giờ, bước nhảy của nó xa tới 4 mét. Nó cao gấp rưỡi con ngựa bình thường. Bạc Kỳ Sinh cưỡi con ngựa của người miền núi Tây Bắc, chân thấp, tướng mạo xấu xí, trông giống một con la già, chạy không nhanh nhưng dai sức, khi leo núi thì không khác gì sơn dương. Loại ngựa này đặc biệt nhạy cảm với địa hình miền núi, nó ăn rất ít và chịu được khát.

Khi qua đèo, con ngựa sông Đông của Ngân chạy song song với con ngựa của Bạc Kỳ Sinh. Đường rất hẹp, hai con ngựa chen nhau khi vượt khúc quanh ở hẻm núi. Gió thổi mạnh, con ngựa sông Đông khỏe hơn nên hất con ngựa của Bạc Kỳ Sinh xuống khe núi. Bạc Kỳ Sinh thoát chết nhờ vào sự nhạy cảm thần kỳ của con tuấn mã. Con ngựa chồm bốn vó, lăn tròn ở vạt dốc nghiêng, không hiểu làm sao móc được một chân vào thân cây dâu da. Sau này Bạc Kỳ Sinh kể lại: “Lúc đó mạng sống thật là “ngàn cân treo sợi tóc”. Con ngựa hình như cũng biết điều đó, nó chỉ doãi căng chân ra là cả hai sẽ lao xuống vực sâu 300 mét. Gió thổi, đá cào làm nó tuột xước hết cả da. Nó run bắn lên, mồ hôi túa ra đầm đìa. Mắt nó như muốn dò hỏi: “Tại sao? Tại sao lại chết vô lý thế này?” Thế là nó vùng vẫy, sức lực của nó như được nhân lên gấp bội...”

Loay hoay mãi, Bạc Kỳ Sinh mới gỡ được mình ra và dìu được con ngựa từ trên cây xuống. Bạc Kỳ Sinh bị thương khá nặng: xương đùi gãy, một chân bị treo khớp. Nhưng một kỵ sĩ miền núi thì chẳng bao giờ bỏ cuộc. Y vẫn tiếp tục cuộc đua. Để đến đích, nếu theo con đường cũ dễ dàng thì thất bại là chắc chắn: với hơn 20 cây số đường rừng như vậy thì người và ngựa sẽ kiệt sức vì mất máu. Bạc Kỳ Sinh quyết định vượt qua núi đá tai mèo để về thung lũng: đường ngắn hơn, chỉ có hơn hai cây số nhưng làm như thế nghĩa là “leo núi” chứ không phải còn là “đua ngựa” nữa. Được cái cuộc đua không hề quy định lộ trình bắt buộc. Từ xa xưa, dân miền núi đã quen chỉ xác định hướng đi chứ không xác định sẽ đi như thế nào, con người phải tự mò mẫm một mình và chỉ có linh cảm, trực giác mới giúp họ vượt qua tất cả.

Bạc Kỳ Sinh vượt qua vách núi tai mèo, nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay, hy vọng sống trong một phần nghìn. Không hiểu làm thế nào mà Bạc Kỳ Sinh vượt qua được. Máu loang lổ, bết đầy người và ngựa. Y đến đích không khác gì một con ma rừng.

Cuộc đua kết thúc. Không ai trao giải thưởng cho con ma rừng. Giải thưởng thuộc về Lò Văn Ngân và con ngựa giống sông Đông. Bạc Kỳ Sinh chỉ được sự tán thưởng ngầm của ít người dân miền núi lắm lì nhất, họ có cách đánh giá riêng của họ về các giá trị con người.

Bạc Kỳ Sinh dưỡng bệnh ở nhà ông Sùng là bố của Muôn. Ông là thầy thuốc biết chữa bệnh bằng nhiều thứ lá cây rừng. Tình yêu của y với Muôn bắt đầu nảy nở trong những ngày đó. Nhưng Lò Văn Ngân, viên thiếu úy đồn trưởng biên phòng cũng rất yêu Muôn.

Bạc Kỳ Sinh khỏi bệnh vào cuối mùa thu. Lúc ấy rừng đang thay lá. Rừng cây sau nhà Muôn từ màu xanh chuyển sang màu đỏ như mận và màu đỏ của máu. Hoa linh lăng là thứ hoa đơn ở rừng có màu vàng như là hoa tai vàng nở rất nhiều ở hàng rào đầy những dây tơ hồng cũng màu vàng như màu nhẵn vàng.

Bạc Kỳ Sinh ngồi bên cửa sổ. Muôn ngồi xe sợi ở ngoài chái nhà, cô e a hát bài hát mà cô ưa thích:

*“Íng noọng ơi, íng noọng ơi...”*

*Nếu em xây nhà*

*Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng...*

*Trong nhà có bếp lửa hồng...”*



Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:

- Nay Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc hay không?

Bạc Kỳ Sinh cười:

- Khi còn mê muội...

Muôn hỏi:

- Vậy văn minh?

- Không tốt gì! - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói. Đây là Lò Văn Cường, em trai ông Sùng, chú ruột của Muôn. Ông ta gửi một gửi hàng nặng. Ông ta vẫn buôn thuốc phiện từ Tam giác vàng qua đường Thượng Lào sang Tây Bắc.

Đêm hôm đó, Lò Văn Cường ngủ ở nhà anh trai mình. Ông bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Cháu Sinh ạ, tao đã thấy mày đua ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi! Mày là ma rừng phải đi đường hẻm. Mày muốn con Muôn thì hãy nghe tao! Mày hãy đi gửi hàng lên Hoàng Su Phì! Hãy nghĩ đến tự do tức là tiền bạc rồi sau hãy nghĩ đến đàn bà! Con Muôn nó sẽ giết mày!

Nửa tháng sau, Lò Văn Cường bị bắn chết. Những người lính biên phòng do Lò Văn Ngân chỉ huy phục kích đã bắn chết ông ta khi mang thuốc phiện vượt qua biên giới. Lò Văn Ngân được thăng chức trung úy. Ngân cưới con ngựa sông Đông đến chơi nhà Muôn. Anh tặng Muôn đôi vòng tay bạc.

Muôn hỏi:

- Nếu giết được một người thì được tặng một chức à?

Ngân bảo:

- Điều ấy tùy vào người bị giết là ai.

Muôn nói:

- Ông ta là chú tôi.

Ngân bảo:

- Tôi không biết.

Khi Ngân đi xuống cầu thang thì con ngựa sông Đông của anh đã bị cắt mắt gân chân đang nằm gục bên hàng rào. Ngân chạy lên cầu thang rút súng chĩa vào Bạc Kỳ Sinh:

- Mày giết ngựa! Mày có biết con ngựa ấy đáng giá bằng mấy mày không?

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Cần thì tao cắt gân mày chứ không cắt gân con ngựa!

Bạc Kỳ Sinh bị bắt. Muôn than thở:

- Anh ta đang ốm.

Ngân nói:

- Con ngựa này mỗi ngày ăn hết 20 cân thóc, 6 lít sữa với 2 cân đường. Cả nước bây giờ chỉ còn hai con như thế!

Bạc Kỳ Sinh bị giam chín tháng trong tù. ở trong tù, những người bạn của Lò Văn Cường chỉ cho y các mối hàng, cách đi rừng, cách chơi gái sao cho không bị mang bệnh, cách trốn lính biên phòng, cách phân biệt tiền giả thật, tiền bạc Thái Lan và tiền kíp Lào, rất nhiều thứ mà người ta không biết phân biệt đây là những kiến thức về tự do hay sự từng trải phóng đảng.

Một tay ăn trộm người Dao tên là Triệu Phú Đại rủ Bạc Kỳ Sinh vượt ngục. Đêm hôm ấy trời mưa to, hai người rở mái tôn chuồn được ra ngoài luôn rừng chạy về phía rừng Thuận Châu trốn tránh.

Ít ngày sau Bạc Kỳ Sinh tìm đường về đến nhà Muôn. Triệu Phú Đại căn dặn:

- Chúng ta phải chuồn sang Thượng Lào ngay lập tức. Loanh quanh ở đây rồi chết có ngày.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Mà biết gì về tình yêu?

Triệu Phú Đại thờ dãi:

- Đây là thứ tình cảm không lương thiện.

Muôn chạy ra đón Bạc Kỳ Sinh, trên tay đeo đôi vòng bạc của Ngân tặng cô.

Bạc Kỳ Sinh hỏi:

- Cô yêu nó à?

Muôn nói:

- Không biết! Em chỉ thích bộ quân phục.

Bạc Kỳ Sinh và Triệu Phú Đại ở nhà Muôn ba ngày. Triệu Phú Đại bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Mà lựa chọn đi. Hoặc đi Thượng Lào. Hoặc ở đây rúc vạy con Muôn để đợi thằng Ngân đến bắt.

Năm giờ sáng, lính biên phòng bao vây nhà Muôn. Triệu Phú Đại và Bạc Kỳ Sinh nấp trong buồng kín. Triệu Phú Đại nói:

- Phen này chết là chắc. Tao không tiếc gì. Chỉ tiếc mà mới hai mươi lăm tuổi.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Khi thằng Ngân bước lên cầu thang tao sẽ dí dao vào cổ nó... Khi người ta đưa ngựa tới, mỗi thằng chạy về một phía...

Bạc Kỳ Sinh treo người ở trên chái nhà giống như con dơi. May cho y là 5 giờ sáng thì trời vùng núi còn tối như mực. Lúc ấy trời lại đổ mưa to. Hai người chạy thoát sang đất Thượng Lào.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Chắc cha con ông Sùng bị bắt mất.

Triệu Phú Đại cười:

- Có con Muôn thì chẳng sợ. Biết “mèo nào cắn miu nào”!

Bạc Kỳ Sinh buôn bán dọc ngang ở vùng Thượng Lào, nhiều khi sang cả Thái Lan. Y có tiền, có nhiều thứ nhưng trong lòng khôn nguôi nhớ Muôn và nhớ quê hương. Thình thoảng y tìm đường liều lĩnh về thăm đất Mường Vài. Một lần về, y bị bắt và xảy ra vụ trốn chạy ở chợ Mường La mà tôi chứng kiến.

\*

\*\*

Bạc Kỳ Sinh và Muôn trú ở nhà tôi sang ngày thứ hai thì họ cãi lộn với nhau. Cả hai đều mất bình tĩnh. Tôi không hiểu lắm vì họ nói bằng tiếng Thái rất nhanh, tôi chỉ lồm bồm biết một số từ. Tôi đoán hai người đã không đồng ý về cách giải thoát tình trạng hiện thời. Muôn nài nỉ điều gì đó nhưng Bạc Kỳ Sinh dứt khoát chối từ. Một lúc sau, Bạc Kỳ Sinh cũng nài nỉ điều gì đó nhưng Muôn không chịu. Cuối cùng Bạc Kỳ Sinh đứng lên tru một tiếng khùng khiếp như chó sói hú. Trông y rất đau đớn. Muôn ôm mặt chạy ra ngoài trời mưa. Lúc ấy trời đã khuya lắm. Bạc Kỳ Sinh chạy theo. Họ giằng co nhau một lúc lâu rồi Muôn chạy về phía rừng. Bạc Kỳ Sinh quay vào nhà, y nằm vật ra ở bên đồng lửa.

Tôi ngồi lặng lẽ chứng kiến hai vị khách trọ. Tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Tại sao lại phải dày vò mình, phải dày vò nhau như thế? Hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi chưa nếm trải vị ngọt cũng như vị đắng tình yêu. Ôi tình yêu! Sau này tôi mới biết đây là thế nào! Bạn trẻ, bạn hãy yêu đi! Nó sẽ làm cho bạn hóa rồ hóa dại, nó sẽ làm cho bạn tốt lên hoặc xấu đi thì tôi cũng chẳng biết nữa nhưng tôi biết chắc chắn đó là một điều tuyệt vời nhất trên đời, đó là thứ giá trị nhất trong mọi thứ giá trị mà Thượng đế ban cho con người. Bạn trẻ! Bạn đừng tin những kẻ nói với bạn rằng tình yêu là sai lầm! Không có tình yêu sai lầm... Đây là những kẻ ghen tị với tình yêu, những kẻ không có cơ hội để có tình yêu, vu khống, xúc phạm tình yêu...

Suốt đêm hôm ấy chúng tôi không thấy Muôn trở lại. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên bếp lửa như hóa đá. Tôi cố gợi chuyện y. Y thờ dãi:

- Cô ấy sẽ không trở lại... Đàn bà rất thích những ngôi nhà có cửa sổ rộng để chuồn ra ngoài...

Trầm ngâm một lúc, y nói tiếp:

- Về bản chất, đàn bà đứng về phía trật tự... Không có trật tự nào dung được tình yêu to lớn...

Tôi lấy củi chất thêm vào đồng lửa. Mưa rất to. Hai chúng tôi ngồi bên đồng lửa đến tận sáng bạch. Bạc Kỳ Sinh đã kể cho tôi nghe về tình yêu nồng cháy của y. Y nói về phụ nữ, về cuộc đời, về nhiều thứ khác.

Y nói:

- Không ai mang lại cho tôi nhiều hạnh phúc và đau khổ như Muôn. Ông đã yêu bao giờ chưa? Tình yêu dạy cho ta bước đi của hổ, của báo, cho ta sức mạnh của mãnh thú. Nó dạy cho ta sự giáo hoạt của cáo, của rắn độc... Nó khiến ta nhân đạo hơn hoặc độc ác hơn... Những kẻ hèn hạ không có tình yêu.

Tôi dò hỏi Bạc Kỳ Sinh về Muôn. Y nói:

- Cô ta cũng giống như mọi người đàn bà khác. Tôi quá điên rồ, quá nguy hiểm đối với cô ta.

Trước sau gì cô ta cũng sẽ trèo qua cửa sổ để về với một môi trường tâm thường hơn nhưng an toàn hơn. Cô ta chết chậm hơn tôi. Nhưng thôi, tất cả những điều tôi nói không có ích gì, sau này rồi ông sẽ hiểu...

Bạc Kỳ Sinh ở với tôi đến trưa hôm sau. Y dứt khoát trả tôi tiền trọ. Món tiền khá lớn, bằng tổng số tiền lương giáo viên của tôi trong nhiều tháng.

Tôi và Bạc Kỳ Sinh chia tay nhau. Y nói rằng y sẽ đi Thái Lan ngay hôm ấy. Cả hai không nghĩ rằng rồi sẽ gặp nhau. Tôi cũng không ngờ hai mươi lăm năm sau, tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh trong một hoàn cảnh lạ lùng kỳ dị.

Ít năm sau, tôi có dịp quay lại Mường La. Tôi gặp Lò Văn Ngân, bảy giờ đã lên chức thiếu tá. Ngôi nhà của Ngân ở ngay cổng chợ Mường La, ngôi nhà thiết kế giống như những ngôi nhà khác ở thành phố, tầng dưới để bán hàng hay để cho thuê văn phòng, tầng trên để ở. Ngân và Muôn lấy nhau, họ có hai đứa con, cả hai đang học đại học. Tôi gặp Ngân nhưng anh tiếp chuyện tôi dè dặt, thậm chí có phần lạnh lùng. Chúng tôi không nói gì về chuyện cũ.

Lựa dịp thuận tiện, tôi tìm cơ hội để gặp riêng Muôn. Muôn còn rất đẹp. Cô mặc quần áo sang trọng theo lối dân thành phố. Tôi gợi lại chuyện về Bạc Kỳ Sinh thì Muôn thất kinh, hốt hoảng nói:

- Bò hự...! Ai nhá nhắc lại chuyện cấu nư... (Không biết! Anh chớ nhắc lại chuyện cũ nữa).

Tôi quay lại chợ Mường La. Cũng không khác xưa nhiều lắm: các cô gái Thái, gái Xá... ngồi bán đào, mận, mắc cộc... hái ra từ trong núi, những người đàn ông, đàn bà người Mông gửi những gửi sa nhân, đẳng sâm, ba kích, nếp tan... ở góc chợ vẫn có ông già người Hoa ngồi xem bói. Không có đám đông nào vây quanh ông già. Tôi đến gần ông già đặt tiền, gieo quẻ và hỏi về số phận của Bạc Kỳ Sinh. Ông già đọc cho tôi nghe một bài thơ chữ Hán:

- *Ngộ bất ngộ*

*Phùng bất phùng*

*Nguyệt trâm hải đế*

*Nhân tại mộng trung...*

Tôi thở dài quay đi ngẫm nghĩ. Tôi tự hỏi mình:

- Này số phận! Những gì tạo nên số phận? Điều gì giá trị? Điều gì vô giá trị? Điều gì trên đời này có ý nghĩa nhất cho một con người?

\*

\*\*

Tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh tình cờ khi tôi đến Mỹ mấy năm trước đây. Hôm ấy ở New York, tôi đến một quán cà phê nơi vẫn tụ tập khá nhiều nhà thơ và nghệ sĩ. ở đây có một người Việt Nam chơi đàn ghi-ta rất điệu nghệ. Người này hát những bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Khi nghe một bài hát tôi đã lặng đi không thể tin được. Đây chính là một phần bài hát tôi từng được nghe ngày nào:

*Pò mẹ ơi... Bó mẹ ơi!*

*Pò mẹ sinh con từ hang núi*

*Nơi ấy nhiều gió, lạnh lắm*  
*Cuộc đời người nhiều gió, lạnh lắm*  
*Ôi tự do, tình yêu, quê hương*  
*Những con đường chông gai, nhọc nhằn*  
*Con mình trần thân trụi run rẩy*  
*Và sờ soạng trong bóng đêm*  
*Con nhặt được một vật mềm, ướt át*  
*Con sợ hãi, không biết vật gì*  
*Nó phập phồng trong tay con*  
*Đau quá, đau nhói ở đây*  
*Con ngửa mặt lên trời và hỏi:*  
*Đâu tình yêu? Đâu tự do? Đâu quê hương?*  
*Pò mẹ ơi...*  
*Pò mẹ sinh con từ hang núi...*  
  
Người đánh đàn ghi-ta và hát là Bạc Kỳ Sinh.

Tối hôm ấy, Bạc Kỳ Sinh đưa tôi về nhà. Đó là một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng trên gác của một chung cư. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi. Bạc Kỳ Sinh thuê ngôi nhà này ở đây và sống độc thân. Sau lần gặp tôi, y sang Thượng Lào, sang Thái Lan rồi tới định cư ở Mỹ.

Chúng tôi uống rượu suốt đêm. Bạc Kỳ Sinh hỏi tôi rất nhiều về vùng Tây Bắc Việt Nam. Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh xem có cơ hội trở về Việt Nam hay không. Y buồn bã lắc đầu, chỉ vào ngực mình:

- Tôi không biết. Tôi vẫn thường đau ở trong ngực này...

Y cười, vẫn nụ cười như giấu cọt ai hay giấu cọt mình.

Trên tường nhà Bạc Kỳ Sinh có treo ảnh Muôn. Nước ảnh đã cũ, đã ố vàng nhưng Muôn trông rất đẹp. Tôi không nhớ nói với Bạc Kỳ Sinh là ở Việt Nam, Muôn đang sống hạnh phúc.

Bạc Kỳ Sinh ép tôi uống rượu mạnh. Cả tôi và y đều say khướt. Tôi hỏi y thế nào là tình yêu. Bạc Kỳ Sinh bảo:

- Tin tôi đi! Đây là một hung thần...

Đêm hôm ấy ở New York trời mưa rất to, mưa như ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được...

# THƯƠNG NHỚ ĐỒNG QUÊ

Tôi là Nhâm. Tôi sinh ở làng quê, lớn lên ở làng quê. Đi trên đường Năm nhìn về làng tôi chỉ thấy một vệt xanh nhô trên đồng vàng. Xa mờ là vòng cung Đông Sơn, trông thì gần nhưng từ làng tôi đến đấy phải năm mươi cây số. Làng tôi gần biển, mùa hè vẫn có gió biển thổi về.

Tháng Năm âm lịch là mùa gặt. Mẹ tôi, chị Ngừ, chú Phụng với tôi ra đồng từ mờ sáng. Ba người gặt, còn tôi gánh lúa.

Tôi gánh lúa về nhà, đi men theo đường nương. Nắng gắt lắm, ngoài trời có lẽ phải bốn mươi độ. Bùn non bên vệ nương nứt nẻ, bong cong lên như bánh đa.

Tôi mơ mộng lắm, hay nghĩ. Bố tôi là thiếu tá, cán bộ trung cấp kỹ thuật hải quân, vẫn đi ra các đảo lấp ra đa với máy thông tin, mỗi năm về phép một lần. Bố tôi thuộc hết tên các đảo. Mẹ tôi chẳng bao giờ đi xa khỏi làng. Mẹ tôi bảo: “ở đâu chẳng thế, chỗ nào cũng toàn là người”. Chú Phụng thì khác, chú Phụng đã đi nhiều nơi, chú Phụng bảo tôi khi chỉ có hai chú cháu với nhau: “Trong thiên hạ không phải chỉ có người đâu, có các thánh nhân, có yêu quái”. Nhà chú Phụng toàn phụ nữ: mẹ vợ, vợ, bốn đứa con gái. Chú Phụng đùa: “Chú đẹp giai nhất nhà”.

Chị Ngừ là chị dâu tôi, lấy anh Kỳ. Anh Kỳ đang làm công nhân trên mỏ thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng. Chị Ngừ là con ông giáo Quỳ. Ông giáo Quỳ có nhiều sách. Mọi người vẫn bảo ông là “đồ gàn”, lại bảo ông là “lão dề già”, “Quỳ dề”. Ông giáo Quỳ có hai vợ, vợ cả sinh ra chị Ngừ, chị dâu tôi. Vợ hai là thím Nhung, vừa là thợ may, vừa bán quán, sinh ra thằng Văn bạn tôi. Thím Nhung trước kia là gái giang hồ ở Hải Phòng. Ông giáo Quỳ lấy về làm vợ nên uy tín chẳng còn gì.

Tôi gánh được chục gánh lúa thì đầy ùn cả sân. Tôi gọi cái Minh dọn rom để có chỗ xếp lúa. Cái Minh em gái tôi người nhỏ quắt, đen đúa nhưng mắt sáng, lại dai sức. Cái Minh chui ở bếp ra, mặt đỏ gay, mồ hôi ướt đầm hai bên vạt áo.

Tôi ra bẻ nước mưa múc đầy cả một gáo dừa uống ừng ực. Nước mát lịm. Mẹ tôi vẫn hay chan com nước mưa ăn với cà muối. Mẹ tôi không ăn được thịt mỡ.

Sân nóng hừng hực, hơi nóng mờ mờ bốc lên ngậy ngậy. Mùi lúa ngọt ngọt.

Đường làng đầy rom rạ phoi ngồn ngàng. Tôi đi qua cổng nhà dì Lưu thấy có đám người xúm đông. Cái Mị con dì Lưu gọi tôi: “Anh Nhâm!” Tôi vào thấy ông Ba Vện bưu điện xã đang nhét thư báo vào túi bạt sau yên xe đạp. Cái Mị bảo tôi: “Có điện của chị Quyên ngoài Hà Nội”.

Dì Lưu là em mẹ tôi, bị liệt mấy năm nay. Chú Sang chồng dì Lưu đang công tác bên Lào, chú là kỹ sư cầu đường. Anh trai chú Sang ngoài Hà Nội có con gái là Quyên đi học đại học bên Mỹ. Hồi bé Quyên đã có lần về thăm quê.

Tôi cảm bức điện đọc: “Cô Lưu cho người ra ga đón cháu Quyên 14 giờ ngày...” Tôi hỏi cái Mị: “Chiều nay à?” Cái Mị gật đầu.

Dì Lưu nằm nghiêng tựa lưng vào tường. Lúc nào dì Lưu cũng nằm như thế đã sáu năm nay. Dì Lưu bảo tôi: “Nhâm giúp dì ra đón em Quyên nhé”. Tôi bảo: “Nhà cháu đang gặt”. Dì Lưu bảo: “Đề đấy đã. Gặt ở khoảnh nào?” Tôi bảo: “Gặt ở khoảnh gieo bào thai hồng”.

Cái Mị cảm bức điện ra đồng để nói với mẹ tôi. Cái Mị cùng tuổi cái Minh em tôi nhưng cái Mị trắng hơn. Nó hay nói, hay làm nũng. Cái Mị bảo: “Anh Nhâm ơi, hôm nào anh làm cho em cái lồng lấy ổi”. Lồng lấy ổi làm bằng cây nứa tươi, đầu lồng hơi giống hom giỏ, có hàm răng mở ra. Tôi bảo: “Em kiếm nứa đi”. Cái Mị bảo: “Em có rồi. Mai anh làm nhé”. Tôi nhăm việc, thấy kín hết chỗ từ sớm đến khuya. Cái Mị bảo: “Mai đấy”. Tôi bảo: “ừ”. Nhà cái Mị có ba cây ổi, nó treo ổi gãy cành

có lần suýt ngã.

Chú Phụng đọc tờ điện báo nói: “Sao lại bưu cục S.N.N? Thế là nghĩa lý gì? Bọn ở thành phố nhiều mưu kế lắm”. Mẹ tôi bảo: “Dì Lưu đã nhờ đi thì Nhâm đi đi. Cái áo mới mẹ để ở hòm, lấy mà mặc”. Tôi bảo cái Mị: “Em về đi. Anh phải gặt đến trưa, ăn cơm rồi đi luôn”.

Cái Mị về một mình. Bóng nó cứ ngụp dần trên cánh đồng xa tít tắp đang gặt nham nhở. Tôi cầm liềm. Quơ một vòng sát chân rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. Lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt. Những con châu chấu nhỏ xíu nhảy lách tách.

Đến giữa trưa thì đồng vắng lắm. Nhìn ra chỉ có bốn người nhà tôi giữa đồng. Mẹ tôi ngồi bên vệ cỏ nhễ gai ở chân. Chị Ngừ đội nón, khăn trùm mặt, quần xà cạp đến tận mắt cá chân, ngơ ngẩn nhìn về dãy núi xa phía vòng cung Đông Sơn. Chú Phụng xếp lúa để gánh về. Chú Phụng hỏi: “Mày về luôn chứ?” Tôi khô khốc miệng, không nói được, chỉ gặt đầu. Hai chú cháu tôi mỗi người một gánh đi về. Chú Phụng đi trước, tôi đi sau. Gánh lúa rất nặng. Tôi thấy chân mình run lắm nhưng cố bước. 100 bước. 200 bước. 1000 bước. 2000 bước. Cứ thế. Cứ thế mãi. Rồi cũng đến nhà.

Cái Minh dọn cơm cho tôi ăn rồi vội vàng mang cơm ra đồng cho mẹ tôi và chị Ngừ.

Tôi ăn cơm. Cơm có rau khoai lang luộc, cà muối, cá tép kho khế. Tôi ăn một lèo sáu bát cơm. Bây giờ đang mệt, nếu không mệt tôi đánh thông đầu gạo.

Tôi ra giếng tắm, thay quần áo. Tôi lấy chiếc áo mới ra mặc, nhưng thấy ngượng nên thôi. Tôi mặc chiếc áo bộ đội bạc màu của bố tôi. Tôi sang nhà dì Lưu lấy xe đạp. Dì Lưu bảo: “Cháu cầm lấy ít tiền”. Dì Lưu đưa tôi năm nghìn nhưng tôi chỉ lấy hai nghìn. Hai nghìn là hơn cần thóc. Dì Lưu hỏi: “Nhâm còn nhớ mặt em Quyên không?” “Tôi gặt đầu, thực ra tôi không nhớ lắm, nhưng gặp tôi cũng nhận ra.

Tôi đạp xe ra ga. Từ làng tôi đến ga tám chín cây số. Lâu lắm tôi mới đi xa thế này.

Con đường đất men theo rìa làng, qua đình làng, qua đầm sen rồi theo bờ mương ngược về huyện lỵ. Tôi nghĩ. Những ý nghĩa của tôi mừng lung.

*Tôi nghĩ*

*Tôi nghĩ về sự đơn giản của ngôn từ*

*Sự bất lực của hình thức biểu đạt*

*Mà nỗi nhọc nhằn đầy mặt đất*

*Sự vô nghĩa trắng trợn đầy mặt đất*

*Những số phận hiu hắt đầy mặt đất*

*Bao tháng ngày trôi đi*

*Bao kiếp người trôi đi*

*Sự khéo léo của ngôn từ nào kể lại được*

*Ai nhật cho tôi buổi sáng mai này*

*Nhật được ánh hoang vắng trong mắt em gái tôi*

Nhặt được sợi tóc bạc trên đầu mẹ tôi  
Nhặt được niềm hy vọng hão huyền trong lòng chị dâu tôi  
Và nhặt được mùi vị nghèo nàn trên cánh đồng quê?  
Tôi rớt ráo bắt tia từng ý nghĩ  
Tìm cách săn đuổi cho nó vào chuồng  
Và tôi hú gọi trên cánh đồng lòng  
Tru lên như con sói hoang  
Tôi gắng gặt một lượm sống  
Bỏ buộc lỏng lẻo bởi dải băng ngôn từ  
Tôi hú gọi trên cánh đồng người  
Tôi nhặt những ánh mắt đời  
Hòng dõi theo ánh mắt tôi  
Dõi vào cõi ý thức  
Cõi ý thức mênh mông xa vời  
Dầu tôi biết vô nghĩa, vô nghĩa, vô nghĩa mà thôi.

Ga chiều huyện lỵ vắng vẻ. Mấy con gà rã cánh đi trên sân ga. Có khoảng chục người chờ ở cổng. Vẳng lại tiếng nhạc ở băng cát xét nhà nào đang mở. Tiếng hát của ca sĩ Nhã Phương chậm rãi: “Người đi qua đời tôi, có nhớ gì không người? Em đi qua đời tôi, có nhớ gì không em?” Hàng phở, hàng giải khát. La liệt là những sạp hàng quần áo, giày dép, đường sữa, thuốc lá. Ô tô chạy xuôi chạy ngược.

Trời rất trong. Nắng bùng bùng. Cả phố huyện say nắng.

Tiếng còi tàu hú từ xa dè dặt, vui mừng. Có ai nói to: “Tàu về”. Cả phố huyện vẫn mơ màng. Lại có ai gất lên: “Tàu về”. Tiếng còi tàu hăm dọa, chói óc. Mọi người bỗng nhiên rối rít, cuống cuống. Những bà, những chị, những đứa trẻ bán hàng rong chạy xuôi chạy ngược. Tiếng rao hàng chen nhau: “Nước đây! Ai bánh nào! Ai nước nào! Ai bánh nào! Ai nước nào!”

Tôi dắt xe đứng một chỗ nhìn. Người trên tàu ra đứng ngồi ngón ngang ở ngay bậc cửa. Đây là ga lẻ. Đồng quê tôi vô danh. Nơi tôi đứng đây vô danh.

Khoảng hơn chục người lần lượt qua cổng soát vé. Tôi nhận ra mấy thầy cô giáo cấp ba trường huyện. Bộ đội. Mấy người buôn chuyến. Mấy người thợ sắt. Một ông to béo, đeo kính râm, mắt kính vẫn còn dán tem. Một thanh niên cao, gầy, tóc rẽ tre, đôi mắt tư lự. Tôi biết người này. Đây là nhà thơ Văn Ngọc. Sau anh Ngọc là một cặp vợ chồng già. Quyên.

Quyên xoa tóc, mặc áo pun, quần gin, đeo kính, khoác túi. Quyên trông khác hẳn mọi người bởi toàn bộ thân thái toát ra.

Quyên qua cửa soát vé, nhìn quanh. Nhận ra tôi ngay. Quyên bảo: “Tôi là Quyên. Có phải cô



Lưu dặn anh đón tôi không?” Tôi bảo: “Vâng”. Quyên cười: “Cám ơn anh. Anh là thế nào với cô Lưu? Anh tên gì?” Tôi bảo: “Tôi là Nhâm, con ông Hùng”. Quyên hỏi: “Thế anh có họ hàng gì với tôi không?” Tôi bảo: “Không”. Quyên gật đầu: “Tốt. Cô Lưu thuê anh à?” Tôi nhìn cái bóng tôi sẫm trên nền xi măng. Tôi, thân phận tôi, ở đâu người ta cũng nhận là kẻ làm thuê, làm mướn.

Chiều xuống chậm. Những bóng râm chạy đuổi nhau lướt trên mặt đất. Chiều đánh rỗng nội tâm của ai hy vọng lý giải điều gì có nghĩa.

Quyên hỏi: “Nhà anh cấy bao nhiêu sào? Mỗi sào bao nhiêu thóc? Được bao nhiêu tiền?” Tôi bảo: “Mỗi sào được hơn ba nôi, khoảng gần tạ, mỗi cân thóc một nghìn tư”. Quyên nhảm: “Hai mươi triệu tấn thóc cho sáu mươi triệu người”. Tôi bảo: “Có ai chỉ nghĩ đến ăn”.

Qua đầm sen gặp sư Thiều. Sư Thiều chào. Tôi chào lại. Sư Thiều bảo: “Tôi vẫn nhớ dành cho cậu cây hồng tú cầu”. Tôi bảo: “Để lúc nào qua chùa con xin”. Tôi thú chơi hoa. Ông giáo Quý bảo: “Đây là thú của kẻ biết đời chó lăm”. Sư Thiều bảo: “Có lấy ít sen về cắm lọ không?” Đầm sen của chùa mùa này nhiều hoa.

Tôi dựng xe đẩy thuyền cho sư Thiều. Chiếc thuyền thúng chỉ vừa người ngồi. Chèo khua nước. Quyên bảo: “Tôi muốn đi thuyền”. Tôi gọi sư Thiều. Sư Thiều ghé thuyền vào.

Sư Thiều ôm bó hoa sen đặt lên bờ. Quyên trèo lên thuyền. Tôi đẩy thuyền ra.

Sư Thiều bảo: “Chiều người lụy ta”. Tôi cười. Tôi và sư Thiều ngồi ở trên bờ. Chiều vẫn xuống chậm. Nắng hoe vàng. Trong lòng tôi rỗng hoác, rỗng lăm, một khoảng rỗng không.

Quyên lên bờ. Sư Thiều mời ăn ngó sen. Sư Thiều hỏi: “Ngon không?” Quyên bảo: “Ngon”.

Nấn ná một lát rồi về. Sư Thiều chào. Quyên chào lại. Quyên ôm bó hoa sen. Sư Thiều tần ngần đứng trông theo.

Tôi đi trước. Quyên đi sau. Quyên hỏi tôi về sư Thiều.

Chuyện sư Thiều

*Sư Thiều mở côi cha mẹ. Năm 15 tuổi có người trông thấy tướng lạ bảo: “Nên xuất gia, trong trần gian không có chỗ chứa cậu”. Sư Thiều nghe lời, đi du phương nhiều nơi, tìm hiểu qua nhiều bậc thiện tri thức nhưng chẳng ngộ. Sư Thiều nói: “Nay Phật ở nơi không có Phật”. Lại nói:*

“Đạo không tâm hợp người

Người không tâm hợp đạo”.

*Sư Thiều tìm thấy một nền chùa cũ bèn phát công đức, tìm cách tu dựng lại, không hiểu sao gọi là “Bạch xi tự” (Chùa trắng răng). Sư Thiều hay đọc thơ, có câu:*

“Cô luân độc chiếu giang sơn tịnh

Tự tiểu nhất thành thiên địa kinh”.

Nghĩa là:

“Một vầng riêng chiếu non sông lặng

Chợt cười một tiếng đất trời kinh”.

*Lại có câu:*

*“Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm*

*Bát thị thi nhân mạc hiến thi”*

*Nghĩa là:*

*“Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm*

*Chẳng phải nhà thơ chớ hiến thơ”.*

Sư Thiệu bảo: “Phật dạy con người tu một cách thực tế, tìm lại bản lai diện mục của mình. Phật quá thực tế nên không phải ai cũng hiểu”.

\*

\*\*

Tôi và Quyên về nhà. Dì Lưu nước mắt lã chã gọi: “Cháu! Cháu ơi!” Quyên ngồi bên giường bảo: “Bố mẹ cháu nhớ ngày giỗ ông nhưng bận không về được, bảo gửi cho cô chú ít tiền”. Dì Lưu bảo: “Cô chú không cần tiền, chỉ cần tình cảm”. Quyên lấy ở túi ra năm triệu đồng đưa cho dì Lưu. Quyên bảo: “Chị cho Mị cái áo”. Cái Mị cười bên lên bảo: “Em cảm ơn chị”. Tôi bảo dì Lưu: “Cháu về đây”. Tôi nhét trả dì Lưu hai nghìn đồng xuống gối rồi về.

ở nhà đang tuốt lúa. Chị Ngừ hỏi: “Con bé Quyên có xinh không?”. Tôi bảo: “Xinh!”

Ăn cơm xong thì tối mịt. Trời đổ mưa rào. Sấm sét nổ vang trời. Cả nhà tôi lục đục chuyển thóc ra khỏi chỗ dột. Xong mọi việc thì đồng hồ đã 11 giờ khuya. Trời vẫn mưa. Tôi bỗng thấy bồn chồn lòng dạ, không ngồi yên được. Tôi bảo mẹ tôi: “Con muốn ra đồng bắt ếch. Mưa này có nhiều ếch”. Mẹ tôi bảo: “Con không sợ sấm sét ư con?”. Tôi cười. Mẹ tôi chẳng hiểu nụ cười của tôi đâu. Tôi cười như một tên thô phi, cười như một gã nặc nô, cười như một tên quý sứ cười móng chân tay mình sao lại đen dài như thế.

*Bài hát phụ đồng bắt ếch*

*Hồn ếch ta đã về đây*

*Phải nằm khô cạn, ta nay lên bờ*

*ở bờ những hốc cùng hang*

*Chăn chiếu chẳng có trăm đường xót xa*

*Lạy giới cho đến tháng ba*

*Được trận mưa lớn ta ra ngồi ngoài*

*Ngồi ngoài rộng rãi thành thơi*

*Phòng khi mưa nắng ngồi ngoài kiếm ăn*

*Trước kia ta vẫn tu thân*

*Ta tu chẳng được thì thân ta hèn*

*Ta gặp thằng bé đen đen*

*Nó đứng nó nhìn nó chẳng nói chi*

*Ta gặp thằng bé đen sì*

*Tay thì cái giỏ tay thì cần câu*

*Nó có chiếc nón đội đầu*

*Khăn vuông chít tóc ra màu xinh thay*

*Nó có cái quạt cầm tay*

*Nó có ống nứa bỏ đầy ngoé con*

*Nó có chiếc cán thon thon*

*Nó có sợi chỉ son son dài dài*

*Ếch tôi mới ngồi bờ khoai*

*Nó giật một cái đã sai quai hàm*

*Mẹ ơi lấy thuốc cho con*

*Lấy những lá ớt cùng là xương sông*

*Ếch tôi ở tận hang cùng*

*Bên bờ rau muống phía trong bè dừa*

*Thằng Măng là con chú Tre*

*Nó bắt tôi về làm tội lột da*

*Thằng Hành cho chí thằng Hoa*

*Mắm muối cho vào cay hời đắng cay*

*Bụt ơi bọt hiện xuống đây*

*Lướt oan hồn ếch đón bay về gò*

*Trăm năm lần lộn khóc cười*

*Kiếp ếch kiếp người cay hời đắng cay...*

Đông vắng lặng. Tiếng ếch ộp oạp. Tiếng ếch ương rất vang, rất to. Tiếng côn trùng ri rả.

Mưa

Mưa miên man.

Tôi cảm đèn pin, chân xéo bừa lên các chân rạ ẩm ướt. ếch có nhiều, đờ đẫn dưới ánh đèn, chỉ cần bắt cho vào rọ. Sấm sét nổ vang trời. Chớp lóe sáng. Vũ trụ mở ra vô cùng vô tận. Gió ào ào, nghe như có muôn vàn cánh chim bay đang vỗ trên đầu. Một cảm giác kinh dị xâm chiếm toàn thân khiến tôi bủn rủn. Tôi rõ ràng thấy có một bóng hình vĩ đại đang lướt nhanh qua, đang chuyển vận mãnh liệt trên đầu. Tôi nằm áp xuống bờ rạ, tâm trạng bàng hoàng, thôn thức. Tôi tin chắc ở lực lượng siêu việt bên trên tôi kia, đang chuyển vận rầm rộ kia, thấu hiểu tất cả, phân minh lắm, rạch ròi, chắc chắn bảo dưỡng tính thiện trong tâm linh con người, có khả năng an ủi, âu yếm đến từng số phận. Điều ấy khiến tôi an lòng.

*Tôi đã đứng*

*Tôi an lòng bởi sự lựa chọn hình thức biểu đạt này*

*Hình thức khó khăn, tâm thường,*

*vô nghĩa, phù phiếm*

*Để sáng danh giá trị thiện tri thức*

*Trên cánh đồng hoang này*

*Cánh đồng hoang của mê muội và cái ác nhờn nhờn*

*Ai đấy?*

*Ai cất lên tiếng sáo ní non trong đêm*

*Và những anh linh nào, những hồn ma*

*nào quờ quạng*

*Tiếng thở nào rất khẽ*

*Nụ cười nào rất khẽ*

*Cát lên ghê rợn từ hàm răng trắng*

*Những tiếng thì thầm nào*

*Những lời rên rỉ côn trùng, không nghĩa lý gì*

*Chỉ riêng tiếng sáo mục đồng nhỏ nhoi, phiêu bồng*

*Đi hoang trên cánh đồng lòng*

*Đi hoang trên cánh đồng người*

*Kẻ tha nhân nào sống sót*

*Gã tri âm nào lắng nghe*

*Cội rẽ nào gọi về*

*Rung tiếng tơ đồng*

*Đêm vô minh này còn ai thức chong*

*Ai rảo bước phiêu du trên đồng*

*Trong cõi trần ai mệnh mông?*

Mưa ngớt dần. Tôi đi qua khoảnh ruộng này, khoảnh ruộng khác. Bọn ếch cũng biến đâu mất. Thỉnh thoảng chỉ thấy một con nhái bén phóng vèo theo rạch nước. Thấp thoáng chân trời phía vòng cung Đông Sơn ánh lửa le lói. Tôi cảm giác thấy mình lạc hướng. Tôi không biết bây giờ là mấy giờ nhưng bỗng nhiên nghe thấy tiếng gà kêu. Tiếng gà kêu khắc khoải, chẳng trình tự gì, khi đồ hồi, khi tiếng một. Tôi đi lúc lâu chẳng thấy có con ếch nào, bỗng nhiên nhận ra mình đã lạc đến tận rạch sông Cẩm lúc nào chẳng biết. Trên trời, đơn độc một vì sao Mai.

Mãi đến tận mờ sáng tôi mới lần về đến rìa làng. Không khí rất sạch. Làng quê quen thuộc, yên tĩnh. Sau mưa, quang cảnh hiện lên vừa đằm đằm, vừa tinh khiết.

Qua nhà thím Nhung, tôi dừng lại. Ngôi nhà nhỏ nép ven đường. Phên liếp hé mở. Một bóng người vội vã lách ra. Người ấy trông trước trông sau rồi vụt chạy nhanh khuất sau bụi chuối. Trộm chẳng? Tôi định kêu lên thì nhận ra chú Phụng. Một lát, thím Nhung mở cửa bước ra, vẻ bình thản, mặc bộ đồ váy ngũ phong phan. Thím Nhung hơn ba mươi tuổi, người cân đối, xinh đẹp.

Tôi xách giỏ ếch đi sau chú Phụng. Đến chỗ rẽ, chú Phụng ngoái lại thấy tôi. Chú Phụng hỏi: “Ếch có nhiều không?” Tôi không trả lời. Chú Phụng thoáng giật mình. Chú căn vặn: “Mày sao thế?” Tôi bỗng thấy buồn da diết. Tôi buồn cho thím Nhung, buồn cho chú Phụng, cho ông giáo Quỳ. Tôi buồn cho tôi.

Chú Phụng bỏ đi, về bắt cần. Tôi về nhà. Hóa ra cũng chỉ có khoảng hai chục con ếch. Chị Ngừ bảo: “Chẳng bõ. Thế mà cũng đi suốt đêm”. Mẹ tôi cười: “Chắc cu cậu vừa bắt ếch, vừa ngủ gật”. Cái Minh sửa soạn đến trường để sinh hoạt hè. Nó mặc quần phăng xanh, áo trắng, đây là bộ diện nhất mà nó chỉ mặc trong dịp hội hè. Cái Minh ghé tai tôi bảo: “Em biết anh đi đâu rồi, nhưng em không nói. Không phải anh đi bắt ếch”. Cái Minh cười. Tôi nhìn vào mắt nó. Nó biết. Tôi đâu ngờ rằng chỉ vài giờ sau tôi đã phải khóc nó. Nó biết, đơn giản vì gần như nó đã trải qua, thấu suốt. Đến lúc ấy, lúc nó chết, chỉ còn hơn bốn giờ nữa để nó đùa cợt và ngộ cho xong hết thấy mọi điều.

Mẹ tôi bảo: “Con mang mấy con ếch sang cho nhà bác giáo Quỳ nhắm rượu”. Tôi bảo: “Vâng”. Nói xong đi tắm.

Mẹ tôi và chị Ngừ ra đồng rờ lạc. Đây cũng là công việc của tôi buổi sáng.

Tôi xách xâu ếch qua nhà ông giáo Quỳ. Qua nhà đi Lưu thấy Quyên gọi: “Anh gì ơi”. Tôi bảo: “Tôi là Nhâm. Cái Mị đâu rồi?” Quyên bảo: “Mị đến trường. Anh đi đâu cho tôi đi với”.

Chúng tôi đến nhà ông giáo Quỳ.

Chuyện ông giáo Quỳ

Ông giáo Quỳ dạy cấp Một, tính thương người, hay đọc sách từ nhỏ. Lớn lên, cha mẹ đi hỏi vợ cho, ông giáo Quỳ bảo: “Cô đừng lấy tôi rồi khổ một đời”. Người kia bảo: “Khổ cũng lấy”. Ông giáo Quỳ bảo: “Lấy tôi thì đừng sợ nghèo là một, đừng sợ nhục là hai, đừng ghen tuông là ba, phải trọng liêm sỉ là bốn”. Người kia bảo: “Biết trọng liêm sỉ thì ba việc trước là thường”. Hai vợ chồng lấy nhau ăn ở tâm đắc. Ông giáo Quỳ về sau bị đuổi việc vì dạy trẻ con không chịu dạy theo sách giáo khoa, cứ tục ngữ ca dao mà dạy. Một lần đi chấm thi ở Hải Phòng, thấy cô gái

*giang hồ đang bưng mang dạ chưa không có nơi sinh nở thì đưa về làm vợ hai, vợ cả cũng chẳng nói gì, còn cấp tiền cho để làm nhà riêng. Biết vợ hai phong tình, vẫn hay đi lại với nhiều người, ông giáo Quỳ cũng mặc, chỉ bảo: “Cô ngủ với ai thì nhớ đòi tiền, không có tiền thì lấy thóc hay lấy lợn vịt thế vào chứ đừng ngủ không”. Cả làng cười, ông giáo Quỳ cũng mặc. Ông giáo Quỳ hay uống rượu, rượu vào thơ ra, có nhiều bài nghe cũng được.*

Ông giáo Quỳ ở nhà một mình, nằm võng đọc sách. Tôi và Quyên chào. Ông giáo Quỳ vội nhòe dãi pha nước. Chúng tôi ngồi ở chõng tre dưới dàn thiên lý. Ông giáo hỏi Quyên: “Cô học đại học bên Mỹ thì lợi cho ai?” Quyên bảo: “Lợi cho cháu, cho gia đình, cho đất nước”. Ông giáo Quỳ cười: “Đừng nghĩ đến lợi, nghĩ đến lợi nhọc mình”.

Chúng tôi ngồi ăn khoai sọ chấm muối vừng. Ông giáo Quỳ cầm quyển sách nhét xuống chiếu. Quyên bảo: “Bác làm thế nát mất sách còn gì”. Ông giáo Quỳ cười: “Nát thì thôi. Đọc sách để có tri thức. Có tri thức để sống đời mình có nghĩa”.

Nắng lọc qua dàn hoa rài những vệt nắng trên đất. Cả ông giáo Quỳ, cả Quyên, cả tôi đều cùng im lặng. Tôi muốn ra đồng. Quyên bảo: “Tôi về lần này rất muốn có một ấn tượng đúng về đồng quê. Anh đi đâu cho tôi đi với”. Tôi lưỡng lự. Ông giáo Quỳ cười: “Cô ấy là đàn bà, sao lại chối từ đàn bà được?”

Chúng tôi chào ông giáo Quỳ rồi ra đồng. Quyên bảo: “Cánh đồng rộng quá... Anh có biết cánh đồng bắt đầu từ đâu không?”

*Cánh đồng bắt đầu từ nơi rất sâu trong lòng tôi*

*Trong máu thịt tôi đã có cánh đồng*

*Đứng bên ni đồng mênh mông bát ngát*

*Đứng bên tê đồng bát ngát mênh mông.*

*Tôi làm sao quên được nơi mẹ sinh ra tôi*

*Mẹ đã buộc cuống rốn tôi bằng sợi chỉ*

*Tắm gội cho tôi bằng nước ao đầm trước*

*Tôi biết khóc cũng vô ích vì tất cả phải chờ đợi*

*Phải chờ đợi từ tháng giêng đến tháng chạp*

*Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà*

*Tôi đi qua rất nhiều bờ ngang bờ dọc làm lạch*

*Đi qua rất nhiều gian khó, thô tục*

*Tôi phải gieo trồng, gặt hái trên cánh đồng này*

*Phải thuộc tên nhiều loài sâu bọ*

*Còn cánh đồng thì khi mưa, khi nắng.*

*Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu*

*Rồi ngày kia.*

*(Cái ngày xung tháng hạn)*

*Có một người đàn bà đến làm cho tôi đau*

*Nàng dạy tôi thói bạc tình*

*Bằng cách phản bội tôi như có thể*

*phản bội một người thương*

*Tôi lẳng lặng chôn nỗi căm ghét cuối cánh đồng.*

*Trong mạch đất hiếm có hình lưỡi kiếm*

*Những bông hoa mơ ước héo trên tay*

*Công việc trở nên nặng nề hơn trước*

*Tôi bán những sản vật làm ra với giá rẻ như bèo*

*Đã có những mùa thu hoạch lớn*

*Tôi cũng đã phá sản đôi lần*

*Khi chiều xuống, hoàng hôn tĩnh lặng*

*Tôi không kịp xem những vết sẹo trên người*

*Chỉ biết rằng tôi đã mang thương tích*

*Đêm*

*Những vì sao thấp nển trên bầu trời*

*Tôi đắp tấm vải liệm sục mùi đồng nội lên người*

*Khi ấy, bạn ơi, bạn trẻ ơi*

*Bạn hiểu cho tôi*

*Tôi đã gắng làm cho cánh đồng phì nhiêu...*

Tôi dẫn Quyên đi qua cánh đồng màu. Quyên hỏi: “Giá nông phẩm quê anh năm nay tăng giảm thế nào?” Tôi bảo: “Tăng 0,4%”. Quyên bảo: “Chết thật! Thế mà hàng công nghiệp tăng 2,2%. Thế giá phân bón thế nào?”. Tôi bảo: “Đạm tăng 1,6%, lân tăng 1,4%”. Quyên hỏi: “Quê anh có dùng điện không?” Tôi bảo: “Không”. Quyên bảo: “Giá điện tăng 2,2%.”

Khoảng 10 giờ sáng là khoảng thời gian đông người trên đồng, có nhiều phụ nữ, trẻ em. Họ là những nguồn lao động chính. Đàn ông quê tôi phiêu lưu, lại nhiều ảo tưởng, họ ôm ấp ước mơ làm giàu nên hay bỏ ra ngoài thành phố tìm việc, đi buôn bán. Cũng có người lẫn lộn vào tận miền trong đào vàng, đào hồng ngọc. Khi về, tính tình họ đổi khác, họ trở nên những con thú dữ độc. Chú Phụng là người như vậy.

## Chuyện chú Phụng

*Nguyễn Viết Phụng, nhà nghèo, học hết cấp hai thì thôi học. Phụng làm nhiều nghề: thợ cày, thợ xây, thợ mộc, đánh xe bò... Năm 20 tuổi Phụng đi bộ đội. Ba năm sau về làng lấy vợ. Vợ hơn Phụng bốn tuổi, đẻ liền ba năm bốn đứa con gái (lần thứ ba sinh đôi). Phụng quyết chí làm giàu, bán đồ đạc ở nhà lấy hai đồng cân vàng giắt lưng vào miền trong đào vàng. Bật đi hơn năm chẳng có tin tức gì, một hôm lù lù trở về, người ngòm gầy như xác ve, mặt phù như cái lênh. Phụng nằm liệt giường, vợ tần tảo thuốc thang nửa năm trời, nhà nghèo lại nghèo thêm. Sau trận ốm, Phụng tính nét đổi khác, có lần chém người bị thương, dân làng ai cũng sợ. Cũng có khi Phụng bỗng khóc hu hu, cứ chấp tay lạy vợ lạy con. Về sau may bố mẹ vợ chuyển ra thành phố với người con trai ở nước ngoài về, cho không ngôi nhà với ba sào vườn nên đời thay đổi. Vợ Phụng là người tháo vát, chăn nuôi giỏi, lại có nghề làm đậu phụ. Bốn đứa con gái đứa nào cũng chịu khó giúp mẹ. Phụng ở nhà, dọn cho mình một mình một buồng, cấm vợ con vào. Thỉnh thoảng, Phụng vẫn đi lại với thím Nhung và mấy bà góa nạ dòng. Vợ con Phụng hỏi: “Sao anh cứ xa lánh chúng tôi?” Phụng bảo: “Báo gì mà ở gần tao. Thịt của tao rất độc. Cắn vào tao là cắn phải bả chó. Tao thương mẹ con mày, muốn mẹ con mày trong sạch đấy thôi”.*

Tôi và Quyên đi qua đầu đất giữa đồng. ở dưới đầu đất, những bụi thầu dầu, rau dền gai mọc đầy. Có cả những cây ngô đồng hoa đỏ lá xanh. Quyên hỏi: “Sao gọi là đầu đất?” Tôi bảo: “Ngày xưa, vua Ba Vành đào nơi này để đóng quân, như ta đóng thóc”. Quyên hỏi: “Khoảng bao nhiêu người?” Tôi bảo: “Hai mươi người một ngũ, hai trăm người một cơ”. Tôi và Quyên đến khoảnh ruộng mẹ tôi và chị Ngừ đang rờ lạc. Nước xăm xấp luống, nhắc cây lạc lên là bật gốc. Quyên xắn quần, cũng lội xuống bứt lạc. Quyên bảo: “Nhàn thật”. Mẹ tôi bảo: “Cô ơi, đây là cô mới chi cười ngửa xem hoa đây thôi. Cô thử tính xem từ khi hạt lạc gieo xuống luống này, đến khi kết hạt mẹ con tôi vất vả lắm lắm thế nào!” Chị Ngừ ví von: “Ai ơi bụng bát cơm đây. Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”.

Tôi đập phải ổ dế. Lấy cuốc bới ra, hàng nghìn con dế đất béo núc ních bò nhung nhục. Mẹ tôi, chị Ngừ bỏ rờ lạc bắt dế. Mẹ tôi xuýt xoa: “Ồi chao, phúc đức đây nhà rồi các con ơi!” Chị Ngừ mừng: “Cả nhà tôi rồi giàu nhất làng!”

Khoảng gần trưa, thấy ở đường Năm có đám đông kêu la khóc lóc đang chạy. Mẹ tôi tự dưng ngã chúi xuống ruộng, thất thanh gọi tôi: “Nhâm ơi Nhâm”. Tôi và chị Ngừ sợ hãi, tưởng mẹ tôi trúng gió. Mẹ tôi mặt tái đi, tay giơ tới trước mặt như sờ nắn ai. Mẹ tôi gọi: “Nhâm ơi Nhâm. Sao em Minh con máu me đây người thế này?” Chị Ngừ lay mẹ tôi: “U ơi u, sao u nói gở thế?”

Có mấy người từ đám đông trên đường Năm bỗng chạy tách ra, băng qua đồng. Có ai gào to thảm thiết: “Bà Hùng ơi (Hùng là tên bố tôi), mau ra mà nhận xác con đây này”. Anh Ngọc tóc dựng ngược, cái anh nhà thơ mà tôi đã gặp ở ga chiều qua, chạy ở phía trước. Anh nói không ra hơi, tôi nghe loáng thoáng, chỉ biết rằng cái Minh em tôi và cái Mị con dì Lưu đeo nhau đi học về, qua ngã ba thì bị chiếc ô tô chở cột điện cán chết.

Mẹ tôi lẫn lộn giữa ruộng lạc đang rờ nham nhở. Những con dế đất bay quanh, bay một quãng lại bò, lại rúc đầu xuống bùn. Chị Ngừ đứng lặng, mắt ngơ ngẩn thất thần nhìn về dãy núi xa phía vòng cung Đông Sơn, tựa như không hiểu sao bỗng dưng trời cao phủ phàng đến thế.

Anh Ngọc, tôi và Quyên chạy ra đường. Nước mắt tôi giàn giụa. Cái Minh mới 13 tuổi. Cái Mị mới 13 tuổi. Tôi còn chưa kịp làm cho cái Mị cái lồng lấy ổi. Còn cái Minh em tôi, con bé rất thảo, nó suốt đời mặc quần áo vá, nó bao giờ cũng dành cho tôi những quả ngon nhất.

Chiếc xe tải chở ba cây cột điện đổ nghiêng ở bên vệ đường. Người ra dùng kích để nâng bánh xe, tìm cách kéo xác cái Minh và cái Mị ra. Cái Minh nằm nghiêng, cái Mị nằm sấp, đè lên nhau. Chiếc xe đạp rúm ró bên cạnh.

Tôi đưa tay lên miệng để bịt âm thanh thồn thức trong cổ cứ thế bật ra. Tôi thương các em tôi quá. Rất đông những con ruồi bu quanh hai lỗ mũi cái Minh, cái Mị. Anh Ngọc nhà thơ không biết lấy ở đâu ra nắm hương đốt hươ hươ trước mặt hai đứa, khói hương quần lại một chỗ không bay lên



được.

Tôi sẽ không kể gì về cái chết của cái Minh, cái Mị nữa. Chiều hôm ấy phải làm đám ma cho hai em tôi. Cũng giống như mọi đám ma ở làng, ở đây có rất nhiều nước mắt, nhiều lời than vãn. Tôi và một thanh niên trong làng cáng dì Lưu ra tận ngoài đồng rồi lại cáng về. Quyên cũng đi theo. Anh Ngọc có làm bài thơ về sự việc này. Tôi không hiểu sao anh làm thơ được ở trong hoàn cảnh nhẩn tâm như thế.

Bài thơ “Đám ma em gái trên đồng” của nhà thơ Bùi Văn Ngọc

*Tôi đi đưa đám ma em gái trên đồng*

*Cái chết trắng, cái chết trắng xóa*

*Những con bướm trắng, những bông hoa trắng*

*Những tâm hồn trắng, những cuộc đời trắng.*

*Ơi hỡi, tôi đưa đám ma em gái trên đồng*

*Tôi đào huyệt, dài một mét tám, ngang*

*bảy mươi phân*

*Tôi đào huyệt, sâu một mét rưỡi*

*Ơi hỡi, tôi chôn vào đây em gái làng tôi*

*Ơi hỡi, này là vật hiến tế cho đất đai*

*Trình nữ vệ tuyến, cái chết trắng xóa*

*Những con bướm trắng, những bông hoa trắng*

*Những tâm hồn trắng, những cuộc đời trắng*

*Ơi hỡi, tôi lót vào ngực bài thơ trắng tinh*

*Bẻ một cành xanh mà che mắt nhìn*

*Gió phơ phất, hồn bay phơ phất*

*Hồn bay lên, trên cánh đồng người*

*Tôi đi đưa đám ma em gái trên đồng*

*Trong ngày như thế, trong một ngày dưng*

*Trong ngày như thế, trong một ngày thường*

*Ơi hỡi, tôi đi lẫn trong đám đông, trong số đông,*

*trong lòng người, trong nỗi đau thương, trong thê lương,*

*trên quê hương...*

Chiều hôm sau tôi đưa Quyên ra ga. Dì Lưu nói mãi nhưng Quyên cứ nằng nặc đòi về. Chúng tôi đi theo con đường đất men bên rìa làng qua đầm sen rồi dọc bờ mương ngược về huyện lỵ. Qua đầm sen chúng tôi ngồi nghỉ. Quyên bảo: “Tôi ở đây ba ngày mà sao dài quá”.

Ga chiều huyện lỵ vắng vẻ. Vẫn chỉ có khoảng hơn chục người đứng ở sân ga đợi tàu. Vẳng lại tiếng cát xết nhà nào đang mở. Tàu vào ga. Hành khách lần lượt lên tàu. Một thầy cô giáo cấp ba trường huyện. Bộ đội. Một thanh niên đeo kính trắng, tay xách va li. Hai cặp vợ chồng già. Quyên.

Quyên bảo: “Anh gì ơi! Tôi đi nhé! Cảm ơn anh đã đi tiễn tôi”.

Tôi đứng ở sân ga rất lâu. Tàu đi khuất. Tôi linh cảm thấy không bao giờ còn gặp Quyên nữa.

Tôi qua cửa soát vé về làng. Nhìn phía trước chỉ thấy một vệt xanh nhô trên đồng vàng, xa mờ là vòng cung Đông Sơn. ở đây tôi có rất nhiều thương nhớ.

Ngày mai trời nắng hay mưa? Thực ra bây giờ với tôi, trời nắng hay mưa thấy đều vô nghĩa. Tôi là Nhâm. Ngày mai tôi mười bảy tuổi. Có phải đây là tuổi đẹp nhất đời người ta không?

# MƯA NHÃ NAM

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Tôi sẽ kể chuyện này cho anh, vì anh, anh bạn ạ, bởi đến năm mươi tuổi anh sẽ thành ông lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho chị, vì chị, chị bạn ạ, bởi đến bốn mươi tuổi chị sẽ trở thành bà lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu im đi, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy chỉ toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Chuyện thế này... Một câu chuyện nhỏ về Hoàng Hoa Thám.

Tôi không chắc ông Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, tức Hùm xám Yên Thế trong lịch sử có giống ông Đề Thám mà tôi kể không? Còn ông Đề Thám như tôi biết (tôi biết rõ ông ta): ông ta là một anh hùng, cũng là một người nhu nhược.

Đây là khoảng năm..., thời kỳ người Pháp giảng hòa với Đề Thám. Vốn hay đùa nhả trong chính trị, người Pháp thỉnh thoảng có mời Đề Thám về Hà Nội hoặc Bắc Giang chơi. Lần ấy, thống sứ Bắc Kỳ là ông Mōren thông qua công sứ Bắc Giang có mời Đề Thám đến Bắc Giang dự một buổi tiếp tân.

Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.

- Có nên đi không? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình.

- Đi chứ! - Những người già quả quyết.

Thế đấy, những người già! Với họ chẳng có việc gì là đáng kể. Những cơ hội tốt nhất trong đời họ bỏ lỡ cả rồi.

- Đi làm gì! - Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời.

Thế đấy, các bác Cả! Các bác Cả thường rất khoan hồng. Chúng ta thông cảm với họ, nếu chúng ta tự mình như họ, trần lực như họ, không có ai để bàn bạc, không có ai đáng bàn bạc, họ phải tự gánh lấy trách nhiệm của họ, nghĩa vụ của họ, giá trị của họ.

- Thế còn bà? - Đề Thám hỏi bà Ba Cẩn. Bà Ba là người phụ nữ đáng kể nhất trong cuộc đời Đề Thám. Bà là người phụ nữ duy nhất có mặt nơi này, giữa những tên tuổi hào kiệt lừng danh của phong trào nông dân Yên Thế.

- Ông nên làm điều có nghĩa, - bà Ba trả lời rồi thở dài. Bà có tật như thế khi phải băn khoăn, lưỡng lự điều gì.

Đề Thám bảo mọi người lui ra để ông ngồi lại một mình. Ông nghĩ. Những ý nghĩ của ông bắt đầu phiêu lãng. Thường ý nghĩ của ông bắt đầu từ một vật gì đó cụ thể, tức thời đập vào mắt ông. Thí dụ từ bông hoa hồng.

*Này bông hoa hồng*

*Giá trị của mây là khoảnh khắc  
Ai biết mây khi đang kết nụ?  
Ai để ý khi mây úa tàn?  
Ôi hoa hồng, hoa hồng  
Phút giây này thật tuyệt vời  
May cho kẻ tình nhân gặp mây lúc này  
Môi hồng của thiếu nữ cũng thua mây  
Hương trầm kia sánh sao được vị thơm nơi nhụy hoa?  
Và những cánh mỏng mịn mà kia,  
khiến tất cả vật khác thành phàm tục  
Hoa hồng, ôi hoa hồng  
Ta tiếc cho kẻ vô tình quên băng mây  
Và giạt mình ghen tị với kẻ vô danh nhanh tay  
Không biết ai hái mây hôm qua  
Kẻ ấy cư xử ra sao với mây?  
Hắn có chôn mây trong tim không?  
Trái tim ấy có rộng lượng không  
Có đủ chỗ cho mây ngụ không?  
Trái tim ấy có đủ máu không?  
Ước không có giông bão lọt vào đây  
Rồi mây cũng nát tan thôi, em à, cô em à,  
Hắn không đáng kể gì, hắn không biết cách  
“Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa”...*

Đề Thám không nghĩ như thế, dĩ nhiên rồi. Có điều, hôm ấy trong đồn Phồn Xương ông đã cầm lên tay một bông hoa hồng. Ông nghĩ về điều khác. Ông đặt mình vào vị trí của Môren, vào vị trí của những người Pháp. Ông cho rằng buổi tiếp tân chẳng quan trọng gì và sự có mặt hay không có mặt của ông đều chứa hiểm họa. Ông sẽ mang tiếng hèn nhất nếu ông từ chối. Ông sẽ thành lỗ bịch nếu ông có mặt.

- Thế lỗ bịch hơn hay hèn nhất hơn? - Đề Thám tự hỏi. - Thôi thì lỗ bịch còn hơn hèn nhất!

- Tôi sẽ đi, đi một mình, đi ngựa... Sẽ ăn mặc như một chàng rể... - Đề Thám vừa nói với bà Ba

Cần vừa đội lên đầu chiếc khăn xếp trứ danh thừa mãi tận phố Hàng Lọng Hà Nội, chiếc khăn quai đân: không thể dùng làm mũ, cũng không thể dùng để lau mặt được.

- Ông muốn đi ngựa thì đi... nhưng đến Bắc Giang tôi sẽ cho phu kiệu đón. - Bà Ba nói vậy rồi lại thở dài.

Đề Thám bực mình: ông không thích người ta quan tâm nhiều quá đến mình. Ông bảo:

- Đừng làm phiền tôi.

- Nhưng ông làm phiền mọi người. - Bà Ba bẻ lại.

Sự đời là thế. Bà Ba có lý của bà Ba, cũng như bà Cả có lý của bà Cả vậy.

Đề Thám giật cương, thúc con ngựa ô ra khỏi cổng đồn Phồn Xương. Ông cho ngựa đi bước một, lang thang trong rừng. Ông thích như thế.

Đây là thiên nhiên: cảnh cây xòa trước mặt, tiếng chim hót, những giọt nước mưa đọng lại trên cây, mùi lá mục ẩm ướt, những con chim xanh, con chim đỏ, con chim vàng, những cánh mồi ướt rui, những con bọ nhảy, tiếng vượn kêu náo nùng, bông hoa bé xíu... Tất cả hương vị, màu sắc của thiên nhiên đều chân thực, thanh khiết, đều khiến ta cảm động đến tận đáy sâu tâm hồn.

Đề Thám đi miết. Có thể ông nghĩ gì đấy về tuổi ấu thơ đáng cay tủi nhục, những ngày ông phải đi ở tận mãi Tiên Lữ, Hưng Yên. Có thể ông nghĩ về Đề Năm (Luong Văn Năm), người đã trao quyền cho ông ở vùng Yên Thế, Nhã Nam này. Có thể ông nghĩ về cái mà ta vẫn gọi là “trường tranh đấu”, sự sống hoặc cái chết.

Đề Thám đi xuyên qua rừng mỡ, rừng dẻ, rừng lim và rừng nhội gai. Ông trông thấy một con phượng hoàng bay qua trước mặt. Ông nói:

- Nếu ta nhìn thấy mày hai mươi năm trước thì thích.

Đến giữa trưa thì Đề Thám rẽ vào nhà một người quen ở gần Ké. Đây là nhà ông đồ Hoạt. Ông đồ Hoạt có nhà. Các ông đồ thường chẳng đi đâu cả: các ông ở trong bốn phạm mình, trong kiến thức của mình (thực ra là của những con thú to hơn), trong thành kiến của mình, trong giá trị của mình.

Ông đồ Hoạt là người hay chữ, hay thơ. Và như thế, nghĩa là ông chẳng giàu có gì.

ở nhà ông đồ, Đề Thám được đón tiếp như người nhà. Thoắt cái, đã thấy bà đồ Hoạt bung lên một mâm lòng lợn, có cả một đĩa phèo nồn nà. Mùi mắm tôm chanh, mùi rau húng thơm lừng. Bà đồ Hoạt cười bảo Đề Thám:

- Chị vẫn biết chú thích món này!

Ông đồ Hoạt nói:

- Bà gọi ông Lũy với thằng Hoạt ra đây cùng ngồi.

Ông Lũy là ông hàng xóm, người nổi tiếng về tài ăn trộm trâu bò của bọn hào lý trong vùng. Hoạt là con trai duy nhất của ông bà đồ, bị khoèo tay, tính tình e thẹn.

Bữa rượu vui vẻ, thân mật. Mọi người đều ca thán về nạn sưu thuế, thói nhũng lạm, thái độ mất dạy của bọn quan liêu.

- Thời đại chó má!

Mọi người đều thấy đúng là thời đại chó má. Họ dốc vào hòng thứ rượu nấu bằng sắn, thứ rượu mạnh đến nỗi có thể châm lửa đốt cháy được để hòng làm dịu đi nỗi phiền muộn.

Đề Thám kể cho mọi người nghe chuyện bất sống chủ bút tờ báo “L’Avenir du Ton Kin” mấy năm trước, chuyện trung tá Péroz đến đồn Phồn Xương thương lượng để ký khế ước ngừng chiến.

Đang câu chuyện, Đề Thám hỏi ông Lũy:

- Ông có đủ thịt ăn không?

- Nhờ giới, - tay trộm trả lời, - không phải lúc nào cũng ăn thịt bò, nhưng thịt gà thịt vịt cũng ngon.

Đề Thám nói:

- Nếu ông ở chỗ tôi, tay Ba Biều sẽ nện cho ông một trận rồi tống ông vào trại. Tôi không thích trộm cắp vật vãnh.

Ông Lũy bảo:

- Tôi không đến chỗ ông vì thế, tôi biết tôi chẳng ra gì vì vương nợ đời. Tôi giành công bằng theo lối trâu bò gà vịt chứ không phải theo lối con người. Chỉ xin ông đừng khinh tôi.

- Tôi không khinh ông, - Đề Thám nói, - nhưng cũng chẳng trọng.

- Đa tạ ông. - Ông Lũy đứng dậy chấp tay vái. - Ông và bác đồ cho tôi lỗi phép.

Ông Lũy đi ra. Mâm rượu còn lại ba người. Ông đồ Hoạt nói:

- Anh Đề ạ, cái đầu anh thật kiêu hãnh, thật đáng giá. Toàn quyền Đông Dương thật hà tiện khi đặt giá đầu anh 30 ngàn quan.

Đề Thám cười:

- Bác vẫn làm thơ đấy chứ?

- Vẫn làm... Thế mới đề tiện. - Ông đồ Hoạt đỏ mặt. - Còn anh, anh cũng làm thơ theo lối của anh phải không?

Đề Thám nói:

- Không... Tôi không biết chữ.

Ông đồ Hoạt lắc đầu:

- Mặc xác anh! Anh vẫn là một nhà thơ đáng kể nhất! Ai bảo anh sống thế? Anh là một tên thi sĩ ma vương! Anh làm sao tránh được danh hiệu đáng sợ ấy! Anh đã làm những điều mà bọn văn chương suốt đời thêm muốn. Chúng không làm sao biến được ngọn bút của chúng thành ngọn giáo hay cái câu liêm!

- Giáo hay câu liêm, thì tôi có thừa, - Đề Thám nói, -nhưng tôi khát khao điều ấy...

*Điều ấy, nào, bác Cả, bác biết là điều gì không?*

*Đâu là giá trị tinh thần, vật chất nơi bác?*  
*Chúng ta chỉ vốn vẹn có mạng sống này thôi*  
*Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê*  
*Những con đường chúng ta đi qua*  
*Tất cả đều xám xịt, lảm bùi*  
*Mỗi cung đường, mỗi vận hạn*  
*đều xám xịt, lảm bùi*  
*Mà vàng trắng kia xa lắc*  
*Vàng trắng kia lơ lửng trên đầu*  
*Có đôi mắt nào mở to trong tim ta*  
*Và mỗi cái chớp mắt đều khiến ta nhói lòng*  
*Sẽ phải khởi nghĩa thôi*  
*phải tranh đấu cùng số phận*  
*Trăm năm trước cũng thế*  
*trăm năm sau cũng vậy*  
*Ta phải dân thân, phải đốt lửa*  
*Ngọn cờ ta phát lên là giá trị cuộc đời*  
*Bác Cả, cuộc chiến này thật khốn nạn*  
*Bác có chối cũng chẳng được*  
*Làm người chỉ có một lần*  
*làm người thật khó...*

Đề Thám hỏi:

- Thăng Hoạ bao giờ lấy vợ?

- Chắc nó ở vậy. - Ông đồ thờ dài. - Không hiểu sao đàn bà chỉ thích những tên đàn ông nhăng nhít, dê cụ, khả ố, đều cang... Thăng Hoạ nhà tôi lại đứng đắn quá.

Đề Thám cười:

- Tôi nhớ tôi đã ăn lễ dạm hỏi ở nhà này rồi. Thăng Hoạ sẽ làm rể Chánh Trương cơ mà?

- Đúng vậy. - Ông đồ gật đầu. - Tôi đã hỏi con bé Xoan cho nó. Trầu cau đưa rồi, cuối năm nay

cười nhưng Chánh Trương lại muốn chạy làng, định gả con Xoan cho lão nghị Trường. Lão ấy góa vợ, nhà giàu nứt đổ đổ vách.

- Tôi biết nghị Trường, - Đề Thám nói. - Thằng già ấy lắm cầm lẫn lộn, khôn như cáo, nói chuyện với ai cũng chỉ gạt đầu.

- Anh Đề! Anh hãy giúp đỡ chúng tôi. - Ông đồ năn nỉ. - Anh vốn hào hiệp... Anh đừng để con trai tôi xổng con bé ấy.

Đề Thám nhìn Hoạt. Cậu thanh niên e thẹn thờ dài. Ngoài cổng xôn xao, trông ra đã thấy Thông Luận, Bang Kinh và mấy phu kiệu thập thò đứng đón. Bà Ba Cần không quên lời hứa. Đề Thám biết rằng bà Ba đã đứng trong trường hợp này: ông không thể vào dinh công sứ Bắc Giang như một phần tử cực đoan lãng mạn, ông buộc phải tiền hô hậu ủng như một đại diện cho nhiều người.

Đề Thám lên kiệu. Ông bảo ông đồ:

- Tôi sẽ gắng làm hết sức.

Hoạt chào Đề Thám, đôi mắt chứa chan hy vọng.

Đề Thám nói với Bang Kinh:

- Mang con ngựa ô đi theo. Khi về tôi về bằng ngựa.

Bây giờ tối, Đề Thám đến dinh công sứ Bắc Giang. Các quan chức và sĩ quan Pháp đi ra đón ông. Họ ngạc nhiên trước người anh hùng nổi tiếng, người được coi là “đại diện cho tâm hồn An Nam” trông y hệt một tay địa chủ nông thôn họ vẫn thường gặp: cũng khăn xếp đen, áo lương, quần trắng, đi giày Gia Định. Đề Thám khác người là ở thần thái, ở tinh thần tự chủ cao, nhãn quan bao quát rộng, nếu có kẻ thêm thì đây là sự buồn nản thất vọng về phẩm cách con người nói chung thỉnh thoảng lộ ra ở khóe nhìn vô hồn nơi ông.

Đề Thám trông thấy đám quan chức người Việt đứng tùm lại thật hèn hạ. Ông nhận ra nghị Trường, Chánh Trương và cả Xoan, con gái lão, người đã đính hôn với con trai ông đồ Hoạt.

Tôi sẽ không kể gì về buổi tiếp tân này. Theo sử sách ghi chép thì người Pháp ở giới thượng lưu thời ấy đều nhẹ dạ, ngây cuồng, xa hoa; đa phần người Pháp “thực dân” còn lại trong các guồng máy cai trị công kênh, lại vừa ngu vừa ác. Bầu không khí tinh thần của thời “thuộc địa nửa phong kiến” ấy đại để như sau: thói ham tiền hám của trợn lẩn với lòng thèm khát khoái lạc vui chơi, chế độ nô lệ tàn bạo bày ra trắng trợn ở các hầm mỏ, đồn điền; đám nha lại người Việt coi thuế là nguồn thu chủ yếu để xây lợp mái nhà Tổ quốc, có chỗ xây lợp bằng đá thật, có chỗ xây lợp bằng các tờ báo lá cải và chứng từ kế toán giả mạo, “con rồng tre An Nam” tìm cách nhảy chồm lên trong tiếng tom chát ở các ổ chứa và tiếng vỗ tay trong các hội đoàn, thỉnh thoảng lại giật mình co lại bởi tiếng súng kíp hoặc súng hỏa mai tự chế ngoài biên giới... Việt Nam đầu thế kỷ XX là một đất nước nghèo nàn, gần như mọi rợ...

Buổi tiếp tân không làm Đề Thám thú vị chút nào. Lựa dịp thuận tiện, Đề Thám nói với Chánh Trương:

- Tôi muốn nói chuyện với con gái ông.

Tôi không biết Đề Thám đã nói với Xoan những gì hôm ấy, chỉ biết rằng cô rất bối rối xúc động.

*Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động?*



*Những lưỡi dao cứa vào sĩ diện cô ư?*

*- Không phải!*

*Những lời tán tỉnh rườm rà hoa mỹ ư?*

*- Cũng không phải nốt!*

*Ngôn ngữ trở nên ghê tởm, nhóp nhúa trên miệng*

*bọn tiểu nhân*

*Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất*

*Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng*

*Tựa như tiếng tù và*

*Như tiếng kèn đồng*

*Như tiếng chuông vọng...*

*Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người*

*Buộc họ soi vào lòng mình như soi mặt xuống lòng hồ*

*Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng,*

*của người chính trực*

*Nó làm ta bối rối xúc động*

*Ta không trốn được*

*Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm cũng chẳng tân kỳ*

*Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại*

*Thứ ngôn ngữ của lương tri không bao giờ mất...*

Đề Thám ra về trước khi buổi tiệc kết thúc. Không có bất trắc gì xảy ra cho ông và các thủ hạ đi theo. Đề Thám chia tay với mọi người ở triền đê sông Thương, ông lên con ngựa ô rồi theo con đường mòn rẽ vào rừng, ở đây có lối đi tắt về Nhã Nam.

Đề Thám đến cửa rừng thì thấy Xoan đứng đó. Sự biến động trong tinh thần khiến khuôn mặt vốn trắng hồng của cô gái tái nhợt hẳn đi.

Xoan nói:

- Em van ông... ông hãy cho em đi theo. Đi đâu cũng được...

- Cô phải về đi, - Đề Thám nói. - Cô phải chọn Hoạt.

- Không ... - Xoan nức nở.

Đề Thám đón Xoan lên con ngựa ô rồi thúc con ngựa vào rừng. Đêm trong rừng mênh mông và hư ảo lắm. Tiếng côn trùng rì rạc. Mùi hương rừng nồng nàn. Bóng tối sẫm đen trên các tán lá cây, sẫm đen nơi hốc đá, sẫm đen cả trên mặt đất. Rừng vô tình, vô cảm, thân nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế. Thiên nhiên muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thân nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực; nó chớp đôi mắt pháp phóng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? Đi đâu? Thế nào? Làm gì? Tiến đến đâu? Bao giờ thành tựu? Bao giờ kết thúc?

Đề Thám và Xoan đến chỗ có hai ngã rẽ một vào căn cứ Hồ Chuối và một về Ké thì mưa. Mưa tháng Tư là thứ mưa đầu mùa ở vùng nhiệt đới. Nhoảng một ánh chớp, một làn gió thoảng qua là mưa liền, không sao lường được. Bắt đầu tưởng là cơn mưa bóng mây không phải ngại gì, bỗng thoát là mưa đá, sấm rền, sét nổ. Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuộn cuộn, gió giật liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào. Con ngựa không thể đi được vào trong hẻm núi. Đề Thám gầm lên một tiếng như lời chửi rủa, cũng gần như lời than thở rồi thúc đầu gối vào ức phải con ngựa cho nó chạy xuống cánh đồng, ngã rẽ về Ké. Một lúc sau, hai người đã ở trong nhà ông đồ Hoạt.

- Ta đã biết mà, - Ông đồ bảo Xoan. - Ta biết con sẽ là một con người con dâu thảo hiền, tín nghĩa...

Bà đồ cuồng cuồng giục Xoan đi thay áo quần kéo lạnh. Hoạt vung vẩy cánh tay khoèu, khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

- Anh Đề! - Ông đồ nắm lấy vạt áo Đề Thám. - Anh hãy ở lại đến mai hãy về...

- Không! - Đề Thám lắc đầu. Những giọt nước mưa mặn chát ướt đầm trên khuôn mặt ông. Ông nhảy lên ngựa rồi phóng thẳng vào trong màn mưa dày đặc, màn đêm dày đặc.

*Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động?*

*Những lưỡi dao cưa vào sĩ diện cô ư?*

*- Không phải!*

*Những lời tán tỉnh ruộm rà hoa mỹ ư?*

*- Cũng không phải nốt!*

*Ngôn ngữ trở nên ghê tởm, nhóp nhúa trên miệng*

*bọn tiểu nhân*

*Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất*

*Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng*

*Tựa như tiếng tù và*

*Như tiếng kèn đồng*

*Như tiếng chuông vọng...*

*Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người*

*Buộc họ soi vào lòng mình như soi mặt xuống lòng hồ*

*Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng,*

*của người chính trực*

*Nó làm ta bối rối xúc động*

*Ta không trốn được*

*Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm cũng chẳng tân kỳ*

*Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại*

*Thứ ngôn ngữ của lương tri không bao giờ mất...*

Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bóng râm. Ông bỗng òa khóc. Ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường: một anh bán bánh đa mật ở chợ Kề, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bốn phận, nghĩa vụ, cương tào. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa.

Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp.

Mấy năm trước tôi gặp bà cụ Xoan ở huyện lỵ Yên Thế gần đồn Phồn Xương, nơi bây giờ trở thành một phố chợ sầm uất. Bà cụ già 84 tuổi, tóc bạc trắng, trông rất hiền lành. Tôi hỏi bà cụ về cuộc đời bà cụ trải qua, bà cụ kể lể không biết bao nhiêu những điều cơ cực nhọc nhằn xảy ra trong cuộc đời mình: nào người chồng tính nết dờ hơi thô bạo, nào đói kém, nào con, nào cháu, nào tật bệnh, nào chiến tranh... Tôi đứng trên quả đồi khô cằn toàn sỏi nơi bà cụ phát hoang để xây dựng cơ nghiệp cho gia đình mình, trong lòng vô cùng cảm động thương xót. Tôi hỏi điều gì đã làm bà cụ vượt qua được hết nhọc nhằn gian khó trong bao nhiêu năm tháng ấy, bà cụ cười móm mém để lộ hai hàng lợi không còn một cái răng nào rồi vạch áo cho tôi xem tấm ngực trần hom hem với đôi vú teo tóp răn reo. Bà cụ nói:

- Ông ấy muốn thế... Tôi không phụ lời tôi hứa... Ông ấy là nguồn an ủi suốt cuộc đời tôi...

- Ông ấy là ai hả cụ?

- Ông ấy kia kìa... - Bà cụ chỉ về bức tượng xi măng cốt thép đứng trên đỉnh đồi ở gần di tích Phồn Xương. - Ông ấy chẳng hề nói năng gì cả...

Tôi biết Đề Thám đã không hề nói năng gì cả từ năm 1913, hơn 80 năm rồi...

Hôm tôi ở Nhã Nam trời cũng mưa, nhưng là cơn mưa bóng mây, một thứ mưa xoàng.

Tôi kể chuyện này đến đây là hết.

# CHĂN TRÂU CẮT CỎ

Chùa Kiên Lao làng Hiền Lương là chùa nhỏ. Sư Tịnh ở chùa một mình. Năng hay đến chơi.

Mẹ Năng bảo:

- Năng, mày có duyên với nhà Phật đấy!

Năng cười, không nói gì.

Một hôm sư Tịnh bảo:

- Nay Năng, con ở gần ta sáu năm. Nghe ta đọc kinh Phật có hiểu không?

Năng bảo:

- Có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu.

Sư Tịnh bảo:

- Ừ.

Sư Tịnh bảo:

- Ngày xưa, Lục tổ nghe kinh Kim Cương, chỉ nghe câu: “ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” liền khai ngộ. Câu ấy có nghĩa là: “Đừng bám vào cái gì mà để lòng vào”. Con có hiểu không?

Năng bảo:

- Con đang nghĩ.

Nói thế nhưng không nghĩ gì. Sư Tịnh bảo:

- Nghĩ đi.

Hôm ấy có sư Diệu Thủy ở chùa Sùng Khánh đến nghe giảng. Sư Diệu Thủy hơn Năng vài tuổi, quê ở Thái Bình, đã học hết phổ thông trung học. Hỏi vì sao đi tu? Sư Diệu Thủy bảo:

- Hồi ấy, trường học tổ chức đi du lịch ở Côn Sơn Kiếp Bạc. Ta đến, thấy các ni cô đang ngồi đống oản. Không khí trong lành, cảnh chùa đẹp đẽ. Lòng ta tự dưng rung động. Ta ước ao có ngày cũng được như những người kia. Thế là về nhà, ta lạy chào cha mẹ rồi đi. Năm ấy 17 tuổi.

Sư Tịnh bảo:

- Bằng tuổi Năng bây giờ.

Năng nghĩ:

- 17 tuổi là tuổi ngọc ngà.

Sư Tịnh đọc được ý nghĩ của Năng, Sư Tịnh bảo:

- Không gốc đâu.

Năng đỏ mặt. Năng đã coi thường sư Diệu Thủy chẳng?

Sư Tịnh bảo:

- Hôm nay ta kể chuyện này. Lần ấy Lục tổ đến chùa kia. Mọi người đang nghe giảng kinh, bỗng có ngọn gió thổi đến làm lay động lá phướn. Một thầy tăng nói: “Gió động”. Một thầy tăng khác nói: “Phướn động”. Thế là mọi người đua nhau tranh cãi. Lục tổ bấy giờ mới bước lên nói rằng: “Không phải gió động, cũng không phải phướn động. Chỉ có cái tâm của chư vị động mà thôi”. Mọi người bấy giờ hết sức ngạc nhiên, tất cả sụp lạy Lục tổ.

Sư Diệu Thủy về, Năng cũng về.

Năng đi qua cánh đồng. Lúa sắp lên đồng nên có mùi thơm ngào ngạt. Trời nắng, thứ nắng đầu mùa hạ, không khô mà dịu.

Thoạt nhiên bỗng mưa bóng mây. Mưa rất nhanh, ào ạt, chỉ khoảng độ năm mười phút. Giữa đồng không mông quạnh, chẳng biết trôn vào đâu, Năng ngồi thụp xuống bờ cỏ, thế mà ướt đầu, ướt áo. Năng nhìn ra xung quanh, màu lúa như sẫm xanh hơn.

Năng đi đến bờ mương ngồi nghỉ. Không nghĩ gì, chỉ nhìn những gợn sóng lăn tăn đều đặn ở trong lòng mương.

Nước như đứng lại, không biết chảy ngược hay xuôi. Từ phía phố huyện có ba người đi đến. Năng nghĩ:

- Không phải người làng.

Ba người ngồi dưới gốc cây phi lao. Một người béo chừng năm mươi tuổi trải một tờ báo xuống đất, lấy thức ăn trong túi xách đặt lên. Một người gầy cũng lấy trong túi ra mấy hộp bia và hộp nước ngọt. Còn người thứ ba, thấp lùn thì đứng bên cạnh, cầu nhàu:

- Sao không vào quán mà ăn?

Người béo cười:

- Đánh chén ở đây khỏi phiền người ta.

Họ cùng ngồi xuống ăn uống, nói chuyện.

Người gầy nói:

- Ông Trọng tháng mười một này nghỉ hưu. Đáng lẽ về từ mấy năm trước nhưng ông ấy khai gian lý lịch để kéo thêm vài năm, ông ấy tuổi Sửu bằng tuổi chú Vượng tôi. Thế mà chú Vượng tôi đã chết được sáu năm rồi.

Người béo nói:

- Ông Trọng về là phải rồi. Cũng đã xây được nhà, con trai con gái đều đã lấy vợ lấy chồng. Thế là “vinh thân phì gia”, có của ăn của để.

Người thấp lùn nói:

- Con gái bà chị tôi là con dâu ông Trọng, lấy thằng Diễm. Hai vợ chồng nó đều dạy học ở thị

xã, lại có cửa hàng ở chợ, thuê người bán hàng. Sống sung túc lắm.

Người gầy nói:

- Ông Trọng về nghỉ hưu thì ai lên thay chức ông ấy?

Người thấp lùn nói:

- Chắc lại ông Trung vẫy cánh của ông ấy thôi.

Người béo nói:

- Tôi đâm ra nghiện cái nước giải khát “Coca Cola”.

Câu chuyện kéo dài, mỗi người nói một câu rồi họ đứng lên đi về phía Năng.

Năng về nhà. Cơm nước xong thì mẹ Năng bảo:

- Năm nay con có định thi vào đại học không?

Năng bảo:

- Thôi mẹ ạ, con ngại học lắm. Con cũng không muốn xa mẹ.

Mẹ Năng cười:

- Anh tưởng anh còn bé à? Đi ra đời mà học khôn chứ!

Bố Năng bảo:

- Khôn dại làm quái gì! Cứ làm anh nông dân là tốt! Kệ nó! Nó lớn rồi nó biết nghĩ.

Năng lên giường nằm. Giấc ngủ kéo đến dịu êm và nhẹ nhàng. Trong giấc ngủ, Năng cảm thấy mình đang phiêu du ở đâu ở đâu.

Buổi sáng, Năng dậy đi cắt cỏ trâu. Mang theo cái liềm với đôi quang gánh. Dọc theo bờ sông là bãi ngô với bãi mía. Năng cũng không biết cảnh vật ở đây đẹp hay không đẹp. Bây giờ ở Hà Nội người ta làm gì, ở New York người ta làm gì, ở Tôkyô người ta làm gì? Năng cảm thấy mình đã ở những nơi ấy, thậm chí thuộc lâu từng khu phố một.

Cắt cỏ chỉ hơn tiếng đồng hồ. Cỏ mật rất thơm nhưng trâu không ăn. Sao trâu lại chỉ ăn cỏ gừng cay mà khô, chỉ ăn cỏ cật rập và ngựa, cỏ nhằng là thứ cỏ dai ngoách?

Năng rẽ vào chùa. Sư Tịnh đang ngồi một mình, tựa như đang ngủ. Năng đặt nhẹ gánh cỏ xuống dưới góc nhãn rồi nhẹ bước đi vào mà sư vẫn biết.

Sư Tịnh bảo:

- Năng đây à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Đi cắt cỏ à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Có chuyện gì không?

- Không.

Sư Tịnh:

- Đang nghĩ gì?

Năng giật mình. Nghĩ gì? Có cần phải nghĩ một điều gì không?

Sư Tịnh bảo:

- Mỗi giây nghĩ đều không ngưng trệ. Sống. Biến đổi. Như dòng nước. Như mây bay. Như máu chảy.

Có khách đến. Khách là ông giáo Hội. Ông giáo Hội cũng là người làng.

Sư Tịnh hỏi:

- Ông giáo hôm nay không lên lớp à?

Ông giáo Hội cười, lộ chiếc răng khênh.

Ông giáo Hội bảo:

- Bạch thầy, hôm nay tôi không có giờ. Chẳng là có chai rượu của cậu học trò mang biếu. Nghĩ uống rượu một mình buồn nên mang lên chùa uống với thầy. Có được không ạ?

Sư Tịnh bảo:

- Được.

Uống rượu một lúc. Ông giáo Hội bảo:

- Tôi là người phạm phu, trông lên Phật “*kính nhi viễn chi*”. Không dám đến gần. Tầu cũng ham, sắc cũng ham, danh lợi cũng ham. Biết là xấu mà không bỏ được. Bằng tuổi này đau đớn ê chề đủ cả. Nếu bằng tuổi thằng Năng bây giờ, tôi không gần đàn bà - đây là toàn những bộ xương khô. Tôi không đọc sách báo - đây toàn là thuốc ngủ, tôi không bạn bè với ai - đây toàn là yêu quái.

Sư Tịnh cười:

- Thế ông làm gì?

Ông giáo Hội không trả lời, hỏi vu vơ:

- Thế sống là chạy đuổi theo thói xấu với người xấu à?

Năng chào sư Tịnh và ông giáo Hội về nhà.

Sư Tịnh bảo:

- Tùy duyên, sao lại phân biệt tốt xấu để cho đau lòng?

Năng gánh cỏ. Năng thấy gánh cỏ một bên nặng, một bên nhẹ. Để cân bằng phải lệch đòn gánh một bên. Gánh thế không đi xa được nhưng may từ chùa về nhà chỉ dăm trăm thước. Trâu đang đợi cỏ, thấy Năng về vẩy đuôi rồi rít.

Năng đang cho trâu ăn cỏ thì chị Thư đến. Chị Thư là thủ quỹ của xóm chuyên đi thu tiền. Mẹ Năng ra tiếp.

Chị Thư bảo:

- Cháu đến thu tiền điện. Tiền điện tháng này của nhà hết 28 ngàn đồng. Tiền góp cho lễ Thánh mỗi nhà 5 nghìn đồng. Tiền tiêm chó 3 ngàn đồng. Cả thảy 36 ngàn đồng.

Mẹ Năng cười ngượng ngịu:

- Cả nhà còn mỗi 30 ngàn đồng. Hay tao bảo thằng Năng mang con gà ra chợ bán?

Chị Thư bảo:

- Con gà nhà mấy cân?

Mẹ Năng bảo:

- Làm gì mấy cân? Con gà ri trứng đẻ cứ vỡ. Bán giỏi lắm chắc được 15 ngàn đồng.

Chị Thư bảo:

- Thím bắt ra đây cho cháu xem nào. Đẳng nào cháu cũng phải đi chợ mua thức ăn đãi khách ỷ ban. Nếu thấy được thì cháu “duyet” luôn. “Nhất cử lưỡng tiện”. Khỏi phải ra chợ.

Mẹ Năng đi bắt gà. Năng bảo:

- Con đánh trâu ra đồng cày. Được không mẹ?

Chị Thư bảo:

- Thằng Năng đảm việc thật. Về sau cô nào lấy được cậu ấy thì sướng cả đời.

Năng đỏ mặt. Nghĩ đến ông giáo Hội bảo đàn bà là đồng xương khô lại bật cười. Người đàn bà nào gắn với số phận của Năng liệu có sướng không?

Năng vác cày, đánh trâu ra đồng. Năng nhìn theo dấu con trâu bước đi chậm rãi.

*Sinh ra là kiếp con trâu*

*Suốt đời tắm tối dãi dầu nắng mưa*

*Thân tôi cổ cày vai bừa*

*Nào từng buộc, nào mỡ khua rộn ràng*

*Xin ông, ông xử nhẹ nhàng*

*Tôi xin nộp đủ thóc vàng cho ông*



*Chú nghề tơ có độc chiếc răng  
Còn chưa vục được, ông đừng vục roi  
Tôi biết thân biết phận tôi rồi  
Tôi không hé miệng nửa lời với ai  
Gác súng, rọ mồm, vênh tai  
Cấn rơm cấn cỏ lay ngải lượng cho  
Đêm năm canh tiết bốn mùa  
Chuông xiêu, mái dột gió lửa vẫn cam  
Ai ơi bụng bát cơm vàng  
Xót thương trâu đứng bên đàng lẻ loi  
Khi nào giết trâu tế Trời  
Miếng thịt bùi ngùi trâu hời là trâu...*

Năng cày ruộng. Năng biết cày hết thửa ruộng cũng phải quá trưa nhưng Năng không vội. Nước xâm xấp bờ. Con trâu im lặng, lầm lũi như đang nghĩ ngợi, khắc đi khắc đến. Năng cũng im lặng, chăm chú vào việc lái cây cho thẳng. Đất lật sang một bên thành từng hàng như sóng. Năng cố gắng để không nghĩ ngợi, không xét đoán. Chợt nhớ sư Tịnh có lần khuyên rằng không nên xét đoán hay dở, đúng sai, xấu tốt. Ta đã chắc gì mình ở đâu, ở đâu?

Năng cày một mình không nghỉ. Đứng bóng thì xong thửa ruộng, đánh trâu xuống sông tắm mát. Năng lấy cỏ kỳ cọ cho trâu. Con trâu dim mắt lại. Năng bôi một lát, thấy đói cồn cào.

Năng về nhà. Ăn cơm xong thấy ông giáo Hội ngật ngưỡng xiêu vẹo đi vào.

Ông giáo Hội bảo:

- Cho bác nghỉ nhờ ở đây một lát. Về nhà thấy toàn những khuôn mặt cũ, chán lắm!

Năng bật cười. Nhà ông giáo Hội có tiếng nền nếp: vợ đảm đang, những đứa con rất ngoan, hiền lành, nhà cửa khang trang, ngăn nắp.

Ông giáo Hội nằm võng. Ông giáo Hội bảo:

- Lúc nãy ở chùa nói chuyện với sư, giật mình nghĩ lại thấy mấy chục năm nay mình đi dạy học, dạy trẻ con toàn thứ láo khoét. Phen này xuống ngục A-tỳ là chắc. Thôi ngày mai bỏ về cày ruộng.

Ông giáo Hội nói xong thì ngủ.

Năng không nói gì. Năng biết ông giáo Hội chỉ nói thế thôi, ngày mai sẽ lại lên lớp dạy học như thường. Năng đã nghe ông giáo Hội nói thế không phải một lần. Có lần ông giáo Hội bảo “trường học là nơi tu hành theo lối hướng lạc”.

Năng ra đồng. Lại phải đi cắt cỏ cho trâu. Mẹ Năng bảo:

- Bỏ mảy ra đình từ sáng. Ngày mai làng tế Thành hoàng.

Sớm hôm sau, mới gà gáy nhà Năng đã dậy. Cả những nhà bên cũng thế. Mẹ Năng thổi xôi, luộc thịt. Năng tắm gội sạch sẽ rồi ra đình làng. Hôm nay hội đình, việc này đã được chuẩn bị từ hơn tháng trước. Các cụ ông, cụ bà ở trong đội tế đã thay áo quần, tề tựu cả. Đám thanh niên gồm mười tám trai tân với mười tám gái tân cũng chuẩn bị nhập hội tế.

Năng cũng ở trong số này.

Năng vào phòng hóa trang thay quần áo. Hội đình năm nào cũng diễn sự tích của Thành hoàng làng. Chuyện rằng ngày xưa Trời làm hạn hán, ở dưới mặt đất dân tình đói khổ. Dân làng theo một chàng trai bắc thang đánh Trời. Trời sai Thiên Lôi mang sấm sét thiên la địa võng đánh lại. Ba lần chàng trai đều thắng Thiên Lôi. Cuối cùng Trời phải làm mưa, dân tình thoát khỏi tai nạn hạn hán. Chàng trai cùng dân làng vui vẻ cày bừa, trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng Thiên Lôi đợi khi chàng trai không đề phòng thì tới đánh lén. Khi chàng trai chết, dân làng đã thờ chàng làm Thành hoàng.

Khoảng 9 giờ sáng bắt đầu hội tế. Người đông nghìn nghịt sân đình. Cờ, hoa, các mâm lễ vật bày la liệt. Không khí náo nhiệt.

Năng cùng đám thanh niên vác những cái thang ngắn ra giữa sân đình. Điệu múa thang đã được tập luyện công phu từ mấy tháng trước. Câu chuyện cũ được diễn lại rất tao nhã, đẹp mắt và sôi nổi. Năng cầm thang đứng trong đội múa khi tiến, khi lùi, rẽ ngang, rẽ trái đều theo nhịp trống. Các ông già đóng vai Thiên Lôi và sấm sét cầm đao búa, kiếm kích cũng tiến cũng lùi, rẽ phải trái theo nhịp trống. Trận đánh diễn ra theo những nghi lễ ước lệ. Năng thấy bố mình cũng đóng vai một tướng nhà Trời. Trông ông rất hung dữ, khác hẳn với lúc bình thường.

Năng bị một quả chùy đánh thốc vào ngực. Đòn đánh rất hiểm. Nếu Năng ngã xuống thì thật xấu hổ ê chề. Trông ra thấy sư Tịnh đứng ở góc sân cười tùm tùm.

Diễn tích xong thì đến rước kiệu. Năng vịn vào vai kiệu. Kiệu đi vùn vụt như trong mơ. Đám đông la hét điên cuồng. Ai đó kêu to:

- Kiệu bay!

Cuộc vui kéo dài đến hết buổi chiều. Năng về đến nhà thì tối. Năng tắm giặt, ăn cơm rồi xuống thả trâu.

Trăng non bắt đầu mọc. Gió thổi nhẹ. Năng thấy lòng mình trống rỗng. Năng dắt trâu ra bãi cỏ ven đê rồi nằm dài xuống vật cỏ mềm. Bây giờ mới thấy người đau ê ẩm, cởi áo ra thấy có vết tím ở ngực trái: rõ ràng vết của quả chùy.

Năng nhìn lên trời cao. Năng không biết mình đang ở đâu, ở đâu? Con trâu gặm cỏ bên cạnh, nhẩn nại bình thản. Nó đang nghĩ gì? Nó đang ở đâu, ở đâu?

Bóng tối lan tỏa trên cánh đồng. Có gió thổi, rõ ràng là có gió thổi. Nghe rõ cả tiếng phàn phật của cờ, của phướn.

# THƯƠNG CẢ ĐỜI BẠC

## I

Trước khi đi Nhật Bản, Đặng Từ Mẫn nghe lời Đặng Từ Kính qua Nam Định để gặp Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ. Đến chợ Rồng, Đặng kéo theo cụ Không người làng Đình Trách, vốn trước kia là đốc biện quân lương của Nguyễn Quang Bích. Không cho Đặng biết Phan Bội Châu mới từ Nghệ An ra Nam Định:

- Cụ Phan đang ở nhà tôi.

Chỗ hai người đứng nói chuyện với nhau là một phiến đá vuông dùng để đập lúa nhưng vỡ một góc, nên người ta dùng nó lát đường. Trước khi cháy chợ Rồng năm 1987, người ta vẫn thấy phiến đá ấy lát trước quầy bán cá khô của bà Hai Oanh.

- Thưa cụ, nếu thế thì cụ phải cho tôi gặp được cụ Phan.

Khoảng thời gian đang kể đây là khoảng trước Tết Nguyên đán năm ất Tỵ 1905 chừng mấy ngày. Quang cảnh chợ Rồng vui và nhộn nhịp sẽ được tả sau ở cuối chuyện này.

Cụ Không dẫn Đặng Từ Mẫn len lỏi vào chợ. Tới gian hàng vải, cụ Không giới thiệu Đặng với cụ Đồng Thịnh là người giữ bát họ có danh tiếng ở chợ Rồng:

- Ông Đặng là người hào kiệt.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Chúng tôi đều nghe danh ông. “Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình”.

Đặng bảo:

- Thành Nam là nơi có nhiều hào kiệt.

Cụ Không bảo:

- Đây là ngày trước.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Nhất Tú Xương.

Tiểu sử Tú Xương:

*Trần Duy Uyên, tức Trần Tế Xương, tức Trần Kế Xương, tức Trần Cao Xương, tức Tú Xương, sinh năm Canh Ngọ 1870, mất năm Bính Ngọ 1907, hưởng dương 37 tuổi. Quê Tú Xương ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.*

*Đất Vị Xuyên được Tú Xương kể lại:*

*Có đất nào như đất ấy không?*

*Phố phường tiếp giáp với bờ sông*

*Nhà kia lỗi phép con khinh bố*

*Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*

*Keo cú người đầu như cắt sắt,*

*Tham lam chuyên thờ rất hơi đồng.*

*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh:*

*Có đất nào như đất ấy không?*

Tú Xương là con trai cả cụ Trần Duy Nhuận. Cụ Nhuận có 9 người con, trong đó có 6 người con trai và 3 con gái. Sáu con trai tên là Uyên, Ngự, Nguyên, Thiệp, Câu, Trùng. Ba con gái tên là Khiết, Tịnh, Vân.

Tú Xương lấy vợ, vợ tên là Phạm Thị Mẫn, hơn Tú Xương một tuổi, mất năm 1931, quê ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định. Vợ Tú Xương làm nghề buôn bán gạo. Tú Xương có 6 người con trai tên là Bành, Bột, Bái, Ưông, Lăng, Chữ.

Tú Xương học chữ Hán, sống trong buổi giao thời chuyển từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ.

Tú Xương mộng công danh theo thói đời, theo đường thi cử, đi thi 8 lần, nhưng hỏng 7 lần, chỉ đỗ một lần: kỳ thi át Dậu 1885: hỏng, Mậu Tý 1888: hỏng, Tân Mão 1891: hỏng, Giáp Ngọ 1894: đỗ tú tài, Đinh Dậu 1897: hỏng, Canh Tý 1900: hỏng, Quý Mão 1903: hỏng, Bính Ngọ 1906: hỏng.

Kỳ thi năm Giáp Ngọ 1894, Tú Xương đỗ tú tài, được một người Pháp tên là Buaranh tả lại như sau: “Trường thi Nam Định năm 1894, đông như kiến cỏ. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9000 sĩ tử, năm 1894, con số người đi thi lên tới 11000. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, trùng trùng điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tám mươi lăm lạng nhà đồ (tức là những thi cụ lều chõng). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 1-12-1894. Ngày 8-12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lạnh lạnh. Tiếng í ới gọi nhau lạc đường của người nhà các thầy khóa, của tiểu đồng, lão bộc, quản gia nhỏ lều chõng ra về trong đêm tối lập lòe ánh đuốc. Đám đông lên tới 25000 người. Lễ xướng danh từ rất sớm cho đến chiều. Ghế bành của các quan chấm thi và dự lễ kê cao tới 4 mét. Quan Toàn quyền bận không đến, có quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cứ xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên mất 5 phút - tính từ lúc cất tiếng loa gọi tên, xoáy sang phía trái, xoáy sang phía phải, cho tới khi người trúng thi thích cánh lách được lên chỗ để trình căn cước. Khoa thi năm 1894, lấy 60 cử nhân và 200 tú tài (lệ triều đình đặt ra thường lấy theo tỉ lệ nhất cử tam tú, cử chấm được một cử nhân thì lấy được ba tú tài). Xướng xong tên được 60 ông cử nhân tân khoa mất 3 tiếng đồng hồ thì quan sứ Moren về. Các ông tân khoa phục xuống lạy. ở tỉnh đường quan Tổng đốc, quan Kinh lược Bắc Kỳ ban mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn - nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang công danh hoạn lộ” (Bắc Kỳ cổ sự).

Tú Xương than sự thi, coi đây là nghiệp chương:

*Bụng buồn còn muốn nói năng chi*

*Đệ nhất buồn là cái hỏng thi*

*Một việc văn chương thôi cũng nhảm*

*Trăm năm thân thể có ra gì!*

Về nghề nghiệp, Tú Xương không có nghề nghiệp gì.

Tú Xương kể lại: “Tôi vốn đi tiêu dao suốt năm, không để ý gì đến cửa nhà, đến nỗi vợ phải đón về dạy con, cung phụng như ông đồ người ngoài, không dám xưng hô theo lễ vợ chồng:

Thầy đồ, thầy đạc

Dạy học, dạy hành

Vài quyển sách nát

Dăm thằng trẻ ranh.

Văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng tía

Võ có giỏi đã ra giúp nước, khó đỏ khó xanh.

Ý hãnh thầy văn dốt võ dốt

Cho nên thầy luẩn quẩn loanh quanh.

Trông thầy:

Con người phong nhã

ở chốn thị thành

Râu rậm như chổi

Đầu to tày giành

Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo;

Cũng nhiều lúc chơi liều chơi linh từ đóm tam khoanh.

Nhà lính, tính quan: ăn rất những thịt quay,

lạp xường, mặc rất những quần vân, áo xuyên;

Đất lè, quê thói: chỗ ngồi cũng án thư, bàn đọc,

ngoài hiên cũng cánh xếp, mành mành.

Gần có một mụ, sinh được bốn anh:

tên Ưông, tên Bái, tên Bột, tên Bành;

Mẹ muốn con hay, rắp một nỗi biển, cò, mũ áo;

Chủ rước thầy học, tính đủ tiền chè, rượu, cơm canh.

Chọn ngày lễ bái

Mở cửa tập tành

Thầy ngồi chễm chệ

Trò đứng xung quanh

Dạy câu Kiều lấy

Dạy khúc lý Kinh

Dạy những khi xuống ngựa lên xe,

đứng ngồi phải phép

Dạy những lúc cao lâu, chiếu hát, ăn nói cho sành!”

Tú Xương có tài xuất khẩu thành chương, hay làm thơ bốn cột người đời, thói đời.

Thí dụ bốn ông ắm Điềm:

Ghi chú của Tú Xương: “Ông ắm Điềm đang ngồi chơi với ta, một chốc bỗng thấy con bé là người nhà bà Hai Đích tới gọi: “Ông ắm ơi! Ông về gói hộ bà tôi vài cái giò!” Ông ắm lấy làm buồn cười. Hỏi mãi thì hóa ra chủ nhà sai nó đi gọi thằng ắm, nó nghe nhầm ra ông ắm Điềm. Buồn cười quá ta mới bốn ông ắm rằng:

“ắm không ra ắm, ắm ra nôi

ắm chạy lảng quăng, ắm chẳng ngồi

Chán cả đồ chuyên cùng chén mẩu

Luộc gà, nấu thịt, lại đồ xôi”.

Thí dụ bốn ông Thành Pháo (mượn chuyện chơi tam cúc để réo tên ông Pháo là người may được cử giữ chức phòng thành):

Tượng tượng, xe xe, xé lé rồi,

Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng vào đôi.

Đó ai biết được quân nào kết,

Mã cũng chui mà tốt cũng chui!

Thí dụ bốn ông ắm Kỳ là con trai cụ tuần Quang: Mẹ ắm Kỳ dan díu với sư Doãn, tu ở chùa Phù Long (Nam Định):

ắm Kỳ kia ơi tờ báo này,

Cha con mày phải cái này cay.

Thôi đừng vớng giá nghênh ngang nữa,

*Thằng tiểu Phù Long bá ngọ mà!*

*Thí dụ bốn bản thân mình:*

*Một trà, một rượu, một đàn bà*

*Ba cái lẳng nhăng nó hại ta,*

*Chừa được cái gì hay cái nấy*

*Có chẳng chừa rượu với chừa trà.*

*Tú Xương được người đời gọi là “thần thơ thánh chữ”. Có người nói đặc sản Nam Định là chuối ngự và thơ Tú Xương. Cả một thời đại văn chương nhưng Tú Xương được yêu mến nhất:*

*Ông nghề, ông thám vô mây khói*

*Đứng lại văn chương một tú tài!*

*Tú Xương để lại khoảng 150 bài thơ phú và câu đối, phần lớn truyền miệng, bài nào cũng buồn cười, chơi chữ thần tình. Thí dụ nói về người chỉ giỏi cơm rượu mà kém văn chương:*

*Văn chương chẳng thấy kêu rằng tốt*

*Chỉ tốt hai hàng lúa mạ thôi!*

*Hay:*

*Ý hẩn thịt xôi lèn chặt dạ*

*Cho nên con tị mới tòi ra!*

*Thí dụ trêu vợ chồng mới cưới:*

*Con bé nhà kia nó lấy ai?*

*Thưa ông nó lấy chú Hai Mai*

*Đuôi gà cô ả coi xinh gái*

*Trúng cá anh chàng cũng đẹp giai!*

*Có người viết về Tú Xương: “Ông sinh không ai biết, ông chết không ai hay”...*

*Vậy là cụ Đồng Thịnh bảo:*

*- Nhất Tú Xương.*

*Đặng Từ Mẫn cũng bảo:*

*- Nhất Tú Xương thật.*

*Cụ Không độc biện bảo:*

- Hiêm Tú Xương chỉ du hí văn chương.

Khi ba người đang đứng nói chuyện với nhau thì có một người ăn mày đi đến ngửa tay xin tiền ở quầy bán thuốc bắc hiệu ông lang Xán. Ông lang Xán xua tay:

- *Người đói thì ta cũng chẳng no*

*Cha thằng nào có tiếc không cho!*

Xung quanh cười ầm lên.

Cụ Đồng Thịnh cười:

- Lại Tú Xương!

Nói rồi móc túi cho người ăn mày một hào.

Cụ Không đọc biện hỏi:

- Ông Đặng, khi nào ông đi Nhật Bản?

Đặng Tử Mẫn bảo:

- Sang năm mới.

Cụ Đồng Thịnh vào sạp vải lấy ra một gói lụa đỏ:

- Ông Đặng, đây là tiền đóng góp của người Việt Nam cho nước Việt Nam.

Đặng nói:

- Đa tạ cụ, của ít lòng nhiều.

Lúc ấy bỗng nhiên có tiếng đàn, tiếng nhị réo rất cất lên. Đám người đứng xúm đông xúm đỏ quanh ông già hát sẩm với cô cháu gái chừng mười lăm tuổi.

Hát rằng:

*Chị hơi chị, năm nay tưng lắm*

*Biết làm sao, Tết đến nơi rồi*

*Mới ngày nào, chị mua muối cùng tôi*

*Ngoảnh mặt lại, hàng vôi nay đã bán*

*Này nụ, này hoa, này hài, này hán*

*Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới đưa sang*

*Chị cùng em sẩm sửa lo toan*

*Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ*



*Chị em ta cùng nhau giữ giá*

*Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng*

*Cũng liều bán váy chơi xuân...*

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Lại Tú Xương!

Ông già hát sấm lại hát.

Hát rằng:

*Người tai mắt ai không thức thú*

*Lúc về già lụ khụ mới chơi xuân*

*Suốt quanh năm nào mất cái lông chân*

*Nhà chứa bản để dành phân bón lúa*

*Ba câu chuyện khoe mình lắm của*

*Chốn nhà lan sặc sụa những hơi đồng*

*Theo anh em đến chỗ lâu hồng*

*Hỏi cô ấy có chồng chẳng nhĩ?*

*Anh đây thật là người chí khí*

*Tiền cưới cheo chi phí một vài hào*

*Khoe mình chơi nhất Hàng Thao!*

Cụ Đồng Thịnh cười:

- Lại Tú Xương!

Đặng Tử Mẫn và cụ Không đốc biện chào cụ Đồng Thịnh để về.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Ông Đặng! Sự nghiệp Đông du lớn lắm!

Đặng gật đầu:

- Đa tạ cụ!

Cụ Đồng Thịnh tiễn cụ Không đốc biện và Đặng Tử Mẫn tới ngoài cổng chợ.

Cụ Không hỏi Đặng:

- Ông Đặng về nhà tôi bây giờ để gặp cụ Phan hay chờ đến tối?

Đặng Tử Mẫn bảo:

- Tôi muốn ghé thăm Tú Xương.

Cụ Đồng Thịnh vẫy một cái xe tay. Người kéo xe tay húi đầu trọc, khuôn mặt ngô nghê thật thà, lúc nào cũng nhe răng cười.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Muốn tìm Tú Xương phải nhờ chú Mán.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe chú Mán. Cụ Khổng đốc biện và cụ Đồng Thịnh lại quay vào chợ.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe. Ông cất bọc tiền cụ Đồng Thịnh vừa trao vào trong tay nải. Thành Nam Định đang vào Tết: người xe nhộn nhịp, thấp thoáng bóng những cảnh đào ở nhiều cửa hiệu buôn. Khuôn mặt bạn bè thân quen hiện ra trong tâm trí Đặng: nào Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám, Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm và nhiều người nữa.

- Tất cả lui vào thiên cổ...

Đặng nghĩ thế. Ông lắng nghe tiếng pháo tốp nổ ran cuối phố mà rùng mình. Trời lạnh. ở Nhật Bản trời lạnh hơn nhiều.

Chiếc xe tay đi lòng vòng một lúc lâu rồi đỗ trước một hiệu cao lâu. Hiệu cao lâu này đến nay không còn nữa. Vị trí của nó đại để ở giữa quán karaoke của cô Dung béo và Công ty Sách - Thiết bị trường học thuộc Sở Giáo dục Nam Định ở phố Hàng Thao bây giờ.

Đặng Tử Mẫn trả tiền xe cho chú Mán rồi gõ cửa hiệu. Chủ hiệu cao lâu là cô Ba Tuyết chạy ra đón Đặng.

Đặng hỏi:

- Ông Tú có ở đây không?

Cô Ba Tuyết cười:

- Gớm! Thì bác cứ vào đây cái đã nào!

## II

Tú Xương nằm trên chiếu, đầu gác lên đùi cô đào Thu.

Tú Xương đọc:

*Người bảo ông điên, ông chẳng điên*

*Ông thương, ông tiếc, hóa ông phiền!*

Tú Xương suy nghĩ.

Ông nghĩ:

*Từ lâu lắm, ở xa lắm, người ta đã nhăm lẩn*

*Những nhăm lẩn cứ chồng chéo lên nhau*

*Sống trong những nhăm lẩn thật tai hại*

*Nhưng tỉnh ra còn tai hại hơn!*

*“Thiên hạ dễ thương đang ngủ cả*

*Tội gì mà thức một mình ta”.*

*Thôi thôi kệ!*

*Ai nhăm cứ nhăm*

*Ta chỉ thấy buồn cười mà thôi*

*“Những là thương cả cho đời bạc*

*Nào có căm đâu đến kẻ thù”...*

Tú Xương nhắm mắt lại. Ông cảm thấy dễ chịu quá chừng. Cô đào Thu mới hai mươi một tuổi.

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương ậm ừ. Ông đã chót hứa với cô đào Thu sẽ giúp cho cô một món lưng vốn.

- Em chỉ muốn về quê đi chợ. Làm công việc này nhọc lắm.

- “Chơi thì nhọc. Làm thì không nhọc. Tại sao lại thế? Lại nhăm lẩn rồi!” Tú Xương nghĩ.

- Ông Tú ạ! Em chẳng thấy ai như ông cả.

- “Lại nhăm lẩn rồi! Đàn ông thì ai cũng như nhau hết”! Tú Xương lại nghĩ.

- Hôm nọ, cái ô mang ra ngoài hiệu cầm đồ chỉ bán được có ba hào.

Tú Xương cười, cô đào Thu cũng cười ngật nghèo.

Giai thoại đi hát mất ô:

*Có ông đi hát, bị cô đầu nằng nết cái ô lục soạn, ông này tiếc của, kể chuyện cho mọi người nghe. Tú Xương làm bài thơ sau:*

*Đêm qua anh đến chơi đây*

*Giày giôn anh dận, ô tây anh cầm*

*Rạng ngày sang trống canh năm*

*Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ*

*Hỏi ô, ô mất bao giờ*

*Hỏi em, em cứ ốm ờ không thừa*

*Chín e rày gió mai mưa*

*Lấy gì đi sớm về trưa với tình...*

*Bài thơ này lưu truyền, nhà hàng sợ mất tiếng xin Tú Xương nghĩ cách chữa cho đỡ ngứa.  
Tú Xương bèn làm bài thơ trả lời:*

*Chẳng qua muôn sự tại giờ*

*Thôi thôi xin chớ dài lời làm chi*

*Nắng thì nắng cũng có khi*

*Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi*

*Thật lòng anh có thương tôi*

*Thì anh cứ việc đội giờ mà lên*

*Nhược bằng anh có bắt đền*

*Thì xin đền cái đất tiền bằng ba!*

Cô đào Thu lại hỏi:

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Rồi đâu có đó.

Cô đào Thu thở dài.

Tú Xương nghĩ:

*Làm người thật khó*

*Chỉ sống thôi sao mà khó thế*

*Chẳng lẽ chỉ như thế thôi*

*Cái cái, đực đực*

*Những con thú mạnh biểu hiện*

*Những con thú yếu kêu gọi...*

*Đực đực, cái cái*

*Cái cái, đực đực.*

Cô đào Thu hỏi:

- Sáng nay ông ăn quà gì? Sáng nay em ăn miễn lươn.

Tú Xương đọc:

*Quần áo rách rưới.*

*Ăn uống xô bồ*

*Cơm hai bữa: cá kho, rau muống*

*Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô...*

Cô đào Thu lại hỏi:

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Được!

Cô đào Thu thờ dài:

- Ông Tú! Ông sống cũng thanh đạm nhỉ?

Tú Xương đọc:

*“Cực nhân gian chi phẩm giá,*

*phong nguyệt tình hoài;*

*Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt”.*

(Cái phẩm giá tốt cùng ở trong thiên hạ là tình đối với trăng gió. Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ).

Cô đào Thu hỏi:

- Ông Tú! Trên đời ông quý nhất loại người nào?

Tú Xương bảo:

- Loại anh hùng hào kiệt và loại rong chơi giang hồ.

Cô đào Thu cười ngặt nghẽo:

- Loại anh hùng hào kiệt ông nào cũng toàn râu là râu!

Tú Xương cười. ừ, trên sân khấu vị anh hùng hào kiệt nào cũng toàn râu là râu thật.

Tú Xương nghĩ:

*Anh hùng chí lớn*

*Ông râu hùm hàm én*

*Ông mặt đỏ râu dài*

*Phong ba cát bụi*

*Danh tiếng nước trần ai!*

Cô đào Thu lại hỏi:

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Tết!

Cô đào Thu bảo:

- ừ ừ! Tết đến nơi rồi!

Vừa lúc ấy thì Đặng Tử Mẫn bước vào.

### III

Chắc chắn cuộc nói chuyện giữa Đặng Tử Mẫn và Tú Xương vô cùng cao nhã vì Tú Xương đã ngồi thẳng dậy, nét mặt nghiêm trang.

Cô đào Thu hỏi:

- Em có phải đi ra ngoài hay không?

Tú Xương bảo:

- Không! Cô phải ở đây hầu rượu.

Đặng Tử Mẫn và Tú Xương nói về thời thế. Xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có tâm trạng chung lo âu, ngơ ngác. Những mong muốn khai sáng xuất hiện trong giới văn thân. Tấm gương cải cách Minh Trị Nhật Bản khơi dậy khát vọng biến đổi.

Đặng nói:

- Cụ Phan đã có ý định Đông du.

Tú Xương buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu bật cười: mỗi khi Tú Xương đa tạ ai nghĩa là Tú Xương đã nhận ra một điều gì đó buồn cười.

Tú Xương đưa mắt, cô đào Thu biết ý lặng im.

Đặng Tử Mẫn nói:

- Số người ghi tên Đông du nay đã hơn 60 người. Trong miền Nam có Phan Chu Trinh rất có chí. Hiêm Phan Chu Trinh chủ trương “Pháp-Việt đề huề”. Cụ Phan Bội Châu thì khác, chủ trương bạo động.

Đặng Tử Mẫn nói:

- ở Bắc Giang, cụ Hoàng Hoa Thám rất mạnh, cụ Phan Bội Châu cũng định lên gặp cụ Hoàng.

Cô đào Thu nín thở.

Đặng Tử Mẫn hỏi:

- Ông Tú! Ông nghĩ gì khi cụ Phan cho rằng “*lập thân tối hạ thị văn chương*”?

Tú Xương lại buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu lại xuýt bật cười. Tú Xương đưa mắt nhìn. Cô đào Thu vô tình chạm tay vào cái tay nai của Đặng Tử Mẫn.

Đặng hỏi:

- Ông Tú, tình cảnh ông hiện giờ thế nào?

Tú Xương bảo:

- “*Thê tróc, tử phục*”.

Giai thoại vợ bắt, con trói:

*Có người mang tặng Tú Xương một cái lồng chim. Thấy con chim bị nhốt, Tú Xương thương tình thả cho nó bay. Ông bảo: “Ngã phóng, nhĩ phi, dục mao tác vũ” (Ta thả cho mày bay đi, lông cánh mặc sức bay nhảy). Không dè bà vợ Tú Xương và mấy đứa con tưởng chim xỏ lồng nên chạy lại, chộp được, lại nhốt vào lồng như cũ. Tú Xương cảm cảnh, bật cười bảo: “Thê tróc, tử phục, âu lộ hoàn lung” (Vợ bắt, con trói thế là con chim tự do lại quay vào lồng).*

Cô đào Thu bảo:

- Ông Tú! Em xuống nhà lấy đàn, lấy trống được không?

Tú Xương bảo:

- Được! Thế đã xong chưa?

Cô đào Thu cười bảo:

- Xong rồi.

Đêm hôm đó, trong men rượu, giữa không khí lạnh của ngày giáp Tết, Đặng Tử Mẫn ngồi nghe Tú Xương gõ trống và cô đào Thu ngâm thơ.

Thơ rằng:

*Sự tình trông ra ngõ sáng lò*

*Đêm sao đêm mãi thế ru mà?*

*Lạnh lòng bốn bề ba phần tuyết*

*Xao xác năm canh một tiếng gà.*

*Chim chóc hầy còn vương cửa tổ*

*Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.*

*Nào ai là kẻ tìm ta đó*

*Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà!*

Đoạn kết

Chợ Ròng chiều 30 Tết chật ních người. Ngoài cổng chợ bày la liệt những hàng rau, hàng thịt. Trong nhà là các dãy hàng khô, hàng vải, hàng tạp hóa. Chỗ nào cũng thấy có những câu đối viết trên giấy điều. Mùi gạo thơm quện lẫn với đủ thứ mùi hàng hóa khác. Tất cả đều có hương vị thân quen nồng nàn.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô chuẩn bị về quê. Đến quầy bán mít kẹo, anh chàng bán hàng chọc ghẹo gì cô đào Thu. Cô đào Thu cười ngật nghèo, đâm thùm thụp vào lưng anh chàng bán hàng. Cô bảo:

*- Chỉ trách người sao chẳng trách mình?*

*Mình trung đầu đấy, trách người trình?*

Xung quanh cười rộ lên. Có ai nói:

*- Lại Tú Xương!*

Giai thoại cô đào Thu:

*Tú Xương quen cô đào Thu hay xin tiền. Tú Xương hứa giúp một chút vốn nhỏ nhưng chưa có dịp. May có một lần Tú Xương gặp Đặng Tử Mặc, Đặng có tiền bèn trích một khoản nhỏ giúp cho cô đào Thu. Cũng có người nói rằng cô đào Thu trộm tiền của Đặng Tử Mặc, Tú Xương biết nhưng lờ đi cho.*

*Nhân việc này Tú Xương có bài thơ:*

*Rước phải cô đào mới tẻo teo*

*Rác tai đà lắm sự ỳ ề*

*Cầm, kỳ, thi, tửu, vui ra phá*

*Điền sản, tư cơ mấy cũng nghèo*

*Bạn ác không vay mà thúc lãi*

*Thối thành dầu lịch cũng thành keo*

*Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy*

*Chiều đãi thì tôi cũng vào đèo!*

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô không biết rằng ở một góc chợ Tú Xương đang lặng lẽ ngắm nhìn



cô.

Tú Xương đi lẫn ở trong đám người đi chợ. Mọi người không ai biết ông... Một nhà sư khát thực chạm phải Tú Xương. Nhà sư lùi lại nói:

- A di đà Phật!

Tú Xương giật mình nhưng ông thấy buồn cười nên tự dung buột miệng:

- Ca ki cà kật!

Không biết mọi người xung quanh có nghe Tú Xương nói gì không nhưng tiếng cười cứ thể ran lên không ngớt.

Tú Xương đi. Kia Tú Xương đang đi... Ông “thống tay vào chợ”...

# HẠC VỪA BAY VỪA KÊU THĂNG THỐT

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đến bến đò lúc ba giờ chiều, giữa lúc nắng gay gắt. Hắn ở trên chiếc ô tô chạy than bước xuống, chiếc ô tô chở khách từ thị xã về bến đò rồi lại từ bến đò ngược về thị xã, mười ngày một bận. Chiếc ô tô sơn đen cà khỗ, lèn chặt được mười sáu người cùng với đồ đạc. Ông khói xả than gò bằng tôn ở dưới đuôi xe dựng đứng lên trời.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đội chiếc mũ cát trắng rộng vành, chiếc mũ đã cũ, ngả màu cháo lòng. Hắn không có đồ đạc gì ngoài một chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy đã cũ, sơn đỏ, trên có vẽ hình một cô gái mặc váy đang múa balê. Hắn cắp chiếc hộp bánh ở nách như ông thầy bói vẫn cắp tráp sơn.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đứng tần ngần một lát ở giữa ngã ba như để nhận đường rồi đi la cà dọc dãy phố chợ. Hắn hỏi một ông đứng trước cửa tiệm thuốc bắc:

- Thưa ông, đây có phải bến đò Vân không?

Ông này trả lời:

- Vâng, bến đò Vân.

Hắn cảm ơn ông ta rồi quay đi. Chừng như không yên tâm, hắn lại hỏi bà bán trầu cau ngồi cách đây một đoạn:

- Thưa bà, đây có phải bến đò Vân không?

Bà này trả lời:

- Vâng, bến đò Vân.

Hắn cảm ơn rồi quay đi. Hắn gật gật đầu, cười tủm tỉm. Hắn rẽ vào một quán ăn ven đường. Giờ này quán ăn vắng khách, chẳng có ma nào. Bà chủ quán đang ngồi ngủ gà ngủ gật ở trên một chiếc ghế gỗ đặt nơi góc nhà.

Hắn đẳng hẳng. Bà chủ quán giật mình tỉnh dậy, tươi cười chạy ra đón khách.

Hắn hỏi lại câu hỏi cũ:

- Thưa bà, đây có phải bến đò Vân không?

- Vâng, bến đò Vân.

- Bà cho tôi một chút rượu, lạc rang, thuốc Lào, một tờ giấy trắng, một chiếc bút chì.

Hắn ngồi ở chiếc bàn cạnh cửa sổ. Hắn để chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy trước mặt.

- Thưa ông, rượu của ông đây! Lạc rang, thuốc Lào... giấy với bút chì cháu không có...

Bà chủ quán rụt rè mang các thứ bày lên mặt bàn.

- Thế nhà ta không có ai đi học cả à?

- Thưa ông, chẳng cứ nhà cháu... ở đây toàn người thất học. Người ta chỉ biết mỗi có tiền thôi!

Hắn cười như mỉu. ở đây đều thất học. Người ta chỉ biết mỗi có tiền thôi.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn nói:

- Bảy năm trước, tôi đã đến bến đò này. Hồi ấy quang cảnh vùng này còn thưa thớt lắm.

- Vâng, thưa ông, thời ấy thiên hạ thái bình. Bây giờ thiên hạ nhốn nháo lắm.

- Tôi nhớ chỗ này ngày xưa là một vườn cải.

- Vâng, vườn cải nhà Tư Sửu. Nhà Tư Sửu bán đất cho nhà cháu, nhà cháu mở quán bán hàng được ba năm nay.

Bà chủ quán quay đi. Hắn thờ dài. Hắn đã ném trải bao nhiêu phong trần, bao nhiêu thay đổi trên đời.

Hắn rót rượu. Hắn lấy ngón tay chấm vào ly rượu rồi hắn viết lên mặt bàn mấy chữ nắn nót. Ngón tay hắn run run.

Hắn viết:

*“Chén ıra men lành, lạnh ngón tay”.*

*Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.*

Vừa lúc ấy có mấy chiếc xe tay dừng trước cửa quán. Trên xe bước xuống là ba mẹ con nhà kia. Bà mẹ trạc năm mươi tuổi, rõ ràng là bậc mệnh phụ phu nhân. Hai đứa con đi theo mẹ là cô con gái mười tám tuổi mặc áo dài trắng và cậu con trai mười bốn tuổi mặc quần soóc, áo cộc tay trắng. Người lão bộc lộc lè xách vào hai chiếc vali.

Phu nhân nói:

- Qua đò là về đến nhà. Mấy mẹ con ta vào đây nghỉ đã.

Họ vào quán. Phu nhân có vẻ thông thạo phong thổ vùng này vì đây là quê hương bà.

Bà chủ quán chạy ra vồn vã:

- Con lạy chào bà Tham... Con chào cô, con chào cậu...

Phu nhân tươi cười:

- Chúng tôi chào thím... Cho chúng tôi ngồi nhờ một lát, đợi lát nữa có người ra đón... Thế vợ chồng thím dạo này có khỏe không? Làm ăn thế nào?

- Thưa bà... vợ chồng con vẫn khỏe, còn làm ăn thì kém lắm! Bà với hai cô cậu có dùng gì không để chúng con hầu!

- Không... không dùng gì... Thím mang cho lão bực đây một cốc nước chè xanh là được rồi.

Ba mẹ con ngồi trên chiếc ghế dài kê ở sát tường. Người lão bực ngồi ở bậc cửa. Họ ríu rít nói chuyện đi đường, chuyện về những chiếc xe tay và người kéo xe.

Cậu con trai nói một câu tiếng Pháp:

- *Que diable est-ce que tout cela?*

Đây là cậu muốn ám chỉ chiếc hộp bánh bích quy của người khách lạ ngồi bên cửa sổ.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn mở chiếc hộp bánh bích quy và lấy trong đó ra những cánh bướm đã ép khô lần lượt xếp lên bàn thành chữ “L”.

- Ai đấy?

Phu nhân khẽ hỏi bà chủ quán.

- Dạ con không biết.

Cậu con trai không cưỡng nổi tò mò, thốt lên:

- Bướm đẹp quá... Thưa ông, ông là người sưu tập phải không?

- Không, tôi làm thơ!

Hắn trả lời. Hắn ngẩng mặt lên. Phu nhân sợ sệt vì hắn chẳng nhìn ai cả, chẳng có ai đáng nhìn, hắn chỉ nhìn chăm chăm có mỗi cô con gái bà.

Cô gái tán thưởng:

- Làm thơ ư?

Phu nhân lo ngại, đưa tay kéo hai đứa con sát lại gần mình.

- Thưa ông, nghề nghiệp của ông thật nguy hiểm. - Người lão bực rụt rè nói.

Hắn mỉm cười. Hắn cười vì nhận ra ở ria mép cô gái có một nốt ruồi chứ không phải vì câu nói của người lão bực.

- Sao lại nói thế? - Phu nhân nhẹ nhàng quở trách.

- Thưa bà, con nghe quan chánh Cẩm nói với ông nhà là hễ mà loạn thì phải bắt ngay những người làm thơ trước đã.

Phu nhân lặng im. Cảm thấy không ổn, bà hỏi dè dặt:

- Thưa ông, nghề nghiệp của ông có dễ dãi không?

Hắn không trả lời. Hắn lại chuyển những cánh bướm từ chữ “L” sang chữ “N”.

Phu nhân hỏi tiếp:

- Thưa ông, tôi muốn hỏi ông kiếm sống có dễ dãi không?

Hắn nói:

- Không, tôi làm thơ!

Cậu con trai cảm thấy thú vị về người khách lạ. Cậu hỏi:

- Thưa ông, làm thơ có khó hay không?

- Khó với người không có tài!

Hắn nói mà không ngừng đầu lên. Hắn lại chuyển những cánh bướm từ chữ “N” sang hình trái tim.

Cô gái đảo đề:

- Thưa ông, người ta nói “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” là thế nào ạ?

Hắn nhìn cô gái và cô đỏ bừng mặt xấu hổ. Cô chợt nhận ra câu hỏi của cô thật sự quá thể vô nghĩa. Nó là thói quen a dua với thói đời chứ đâu phải câu hỏi mà cô muốn nói, không phải câu hỏi từ đáy lòng cô. Cô xúc động vì nỗi u hoài tê tái trong đáy mắt hắn. ánh mắt của hắn như muốn nói rằng:

- Đây cô gái, cô trẻ trung trong sáng thế kia mà sao cô lại đi hỏi một câu rắc rối, rỗng tuếch của người lớn như thế để làm gì? Đây là câu hỏi của một cành cây khô héo chứ đâu phải của một bông hoa?

- Xin lỗi ông. - Cô gái bối rối. - Tôi không muốn hỏi thế! Tôi muốn xin ông một câu thơ được không?

Hắn bảo:

- Được!

Hắn nhòm người lên. Phong độ cử chỉ của hắn bỗng nhiên hào phóng như một ông hoàng cho tiền bố thí. Tuy vậy, hắn không có giấy bút nên hắn lúng túng.

Cậu con trai tinh ý vội mang lại mấy tờ giấy và chiếc bút máy.

Hắn gật đầu. Hắn nói:

- Để tặng tiểu thư... Tiểu thư tên là Nhi phải không?

Cô gái giật mình:

- Chết! Sao ông lại biết tên tôi ..?

Hắn không trả lời. Hắn cười tủm tỉm. Hắn viết:

*“Những một mình em uống rượu hồng...”*

Cậu con trai tán thưởng:

- Tuyệt vời! Thơ hay quá! Tôi cũng muốn xin ông một câu thơ được không?

Hắn mỉm cười vui vẻ.

Hắn viết lên một tờ giấy khác.

“Sòng đời thua nhẵn cả thơ ngây”.

Cậu con trai sung sướng cầm hai tờ giấy giơ lên như giơ hai bông hoa, như hai báu vật. Về hân hoan của cậu làm bà mẹ vốn bản tính dè dặt cũng phải mỉm cười.

Cô gái trở nên bạo dạn:

- Thưa ông, sao ông lại nói “những một mình em?” Còn “rượu hồng” có nghĩa là cuộc đời phải không?

Hắn cắn môi lại. Người con gái này chưa biết thế nào là nỗi cô đơn. Năm nay nàng mười tám tuổi. Phải mười tám năm nữa thì nàng mới biết “những một mình em” là thế nào.

Cậu con trai thốt ra một câu tiếng Pháp:

- *Il n'est de bonheur que dans les voies communes*. Thưa ông, có phải câu thơ của ông nhắc tôi như thế phải không?

Hắn không nói năng gì.

- Thưa ông, - bà mẹ hỏi, - tôi hỏi khi không phải, ông chắc không phải là người ở đây... Thế ông ở nơi xa xôi đến nơi này làm gì?

Hắn nói:

- Tôi đi đưa dâu.

- Thưa ông, vậy ông có người quen ở vùng này à?

- Không.

- Thưa ông, vậy ông đưa dâu ai?

- Một người con gái. Tôi đã hẹn với cô ta từ bảy năm trước... Ngày này, giờ này... lát nữa đám cưới cô ta sẽ đi qua đây...

Cậu con trai ngạc nhiên kêu lên:

- ồ... ồ... Thật lạ lùng!

Cô con gái thì thảo vào tai cậu em trai:

- *Entre nous...* Lãng mạn quá chừng...

Bấy giờ có mấy người lái đò từ dưới bến sông đi lên có vẻ như muốn tìm ai. Một người đứng ở cửa quán hỏi vọng vào:

- Thưa các bác, thưa các già... ở đây có vị nào tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh, hay Điệp Lang hay không?

Hắn nói.

- Có đấy!

Bác lái đồ mừng rỡ:

- Thưa ông, có phải ông nhả người thuê chín chiếc đồ ngang để chở đám cưới hay không?

Hấn bảo:

- Phải.

Bác lái đồ nói:

- Thưa ông, chúng tôi đã tề tựu cả ở dưới bến rồi.

Hấn bảo:

- Được! Cứ chờ!

Mấy người lái đồ kéo nhau xuống bến. Phu nhân và hai người con sừng sốt. Về phần khách làm cho má cô gái và cậu con trai đỏ ửng như có than hồng. Phu nhân hỏi:

- Thưa ông, tôi lại hỏi khí không phải nữa, thế cái người con gái mà ông hẹn bảy năm trước hình dạng thế nào. Chẳng là tôi người ở vùng này, nói đến ai là tôi biết liền...

Hấn dăm chiêu, cau có:

- Trắng trẻo, môi đỏ, khô chân gân mặt, trông đáng vẻ như người đi thoa. Có cái nốt ruồi ở chỗ này, chỗ này...

Hấn chỉ đầu đó lên người cô gái làm cô đỏ bừng cả mặt.

Phu nhân bắn khoăn:

- Hay nhà Dung? Hay nhà Oanh?

Bà chủ quán nói:

- Thôi chết... Đúng cô Xoan rồi... Thưa ông, có phải ngày xưa cô ấy chít khăn mỏ quạ, mặc quần nái đen hay không?

Hấn bảo:

- Phải.

- Có phải ông bảo người ta chân què hay không?

Hấn bảo:

- Phải.

Bà chủ quán khóc òa lên:

- Ông ơi... Nó chết rồi, nó chết đã bốn năm rồi, còn đâu mà đón đưa dâu... Hồi ở tỉnh về là nó chết liền... Nó tự vẫn, nó đâm đồ... Câu thơ ông viết cho nó, nó xé ở vạt áo ra để lại đây này...

Bà chủ quán lúi trên bàn thờ xuống chiếc ống quán, chiếc ống sơn đã cũ vẫn dùng để cất gia phả hay văn tự mua bán. Bà ta lúi ra một miếng vải lụa nhỏ bằng bàn tay.

- Thưa ông, có phải là chữ của ông đây không?

Cô gái và cậu con trai xúm lại.

Hắn thờ dài nói:

- Đúng!

Cậu con trai đọc:

*“Tuổi son má đỏ môi hồng*

*Bước chân về đến nhà chồng là thôi”.*

Tất cả mọi người lặng đi. Tiếng kể của bà chủ quán xen lẫn tiếng nước nỏ:

- Năm nó chết, nó hai mươi lăm tuổi... Nó tuổi Quý Sửu... Tuổi con Trâu... Ba ngày sau người ta mới mò được xác của nó ở dưới chợ Xuôi...

Hắn bước ra ngoài. Mọi người tránh đường cho hắn đi ra. Bóng chiều xuống dần. Sẽ không có đám cưới nào qua bến đò Vân hôm ấy.

Mấy người lái đò khi nãy trở lại quán ăn:

- Cái vị tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh, hay Điệp Lang còn ở đây không? Sao nói có đám cưới mà chờ đến tối cũng không có nhỉ? Vậy ai trả tiền đò cho chúng tôi đây?

- Tôi xin trả! - Phu nhân nói. Bà quay ra bảo người lão bộc lấy tiền rồi mang vali xuống bến.

Cô gái và cậu con trai đi ra ngoài đê. Họ thoáng thấy có bóng người vừa phất tay áo chấm một nét lẻ loi nghiêng lệch góc trời. Vừa chớp mắt lại đã chẳng thấy bóng người ấy ở đâu nữa. Vừa chớp mắt đã lại thấy chỗ ấy có một cánh hạc vừa bay lên trời. Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt.

Về sau này, cậu con trai khi ấy đã thành một giáo sư văn học, đã viết như sau trong một ghi chép của mình:

*“Với một quãng thời gian không dài lắm ở ta trong thế kỷ XX phiên muộn và tàn nhẫn này may có dăm ba thi sĩ tài năng gắng gỏi xây nên một lâu đài văn học nhè nhằng bằng những câu thơ tuyệt vời in dấu sâu đậm trong tâm hồn người Việt vốn chẳng lấy gì làm đặc sắc, nhiều phần ngơ ngẩn hẹp hòi. Thi sĩ là người thế nào? Tiếc thay một số ít lại là những vị thánh bị bôi bẩn trong đám đông phàm phu tục tử, mạnh mẽ lịch sự, nhiều tri thức và đầy kiêu hãnh. Chúng ta phải bán tín bán nghi về những cuộc đời bê bối, vớ vẩn và thâm thúy của đôi người nhưng những cái gì thiếu mập mờ và khẳng định được đâu có phải thơ?”<sup>1</sup>*

*Je ne peux plus vous faire d’autres cadeaux que ceux de cette lumière sombre...”<sup>1</sup>*



# KHÔNG KHÓC Ở CALIFORNIA

Anh cố hình dung ra cuộc sống của cô ở đây. Thành phố. Những dãy nhà. Đường phố xe đi như mắc cửi. Trời xanh. Một cụm mây biếc mắc lại trên cây cối. Chiếc cầu treo nổi tiếng thế giới. “Tự tử trên cầu này - cô nói - vào một cái, bảo đảm chết 100%”. Anh cười, lòng nhói lên cảm giác xót xa. Con người ở đâu cũng phải giáp mặt với cái chết.

*Em lúc nào cũng chờ đợi anh. Tình yêu là chờ đợi, bút rút, hồi hộp, say mê. Khi gặp anh... Anh à, anh ơi... là em đã chờ đợi, trong sự lười biếng, khoải trá và hạnh phúc. Anh không hiểu gì cả... Anh à, anh ơi... anh là thằng ngốc 100%.*

Thôi được! Anh là thằng ngốc. Chắc chắn anh là thằng ngốc 100%. Anh không biết khi cô gặp anh là ở đằng sau cô đã có một thời gian đằng đẳng, lẫn lộn ở đây bao đau đớn vui buồn, bao chuyện sinh tử. ở đây, người ta không nói thứ tiếng Việt Nam man di, mọi rợ của cô. Cô nói tiếng Anh. Chỉ khi nào thất bại, chỉ khi nào một mình, khi nào nhục nhã ê chề lắm cô mới bật ra tiếng nói mẹ đẻ của cô. ồ - dĩ nhiên, đây là một tiếng chửi thề, một câu tục tĩu.

Anh không hiểu gì cả. Anh là thằng ngốc 100%. Anh đâu biết cô đã từng bị sốt rất dữ, đã nôn mửa, run rẩy, thậm chí ngất đi. Cô đã tái mặt vì sợ hãi... Day dứt, dĩ nhiên rồi. Cười như mọi người. Khóc như mọi người. Đọc sách như họ. Lái xe như họ. ứng xử với luật pháp. Với cảnh sát. Với đạo đức. Với khoai tây. Với cá thu và cá hồi. Với đồ lót.

*Niềm ham muốn lớn lao và đẹp đẽ... Anh à, anh ơi... cả hy vọng sâu xa muốn thấy anh. Giọt nước mắt tràn ngập bờ mi... Anh không hiểu gì cả. Buổi chiều đó, em rón rén đi trong nỗi xúc động khôn tả trong lòng để đến với anh, giống như người làm xiếc đi trên dây thừng... Anh à, anh ơi... một con chim nhỏ vụt qua, làm cho nghẹn lời, thót tim lại, sồn da gà...*

Anh là thằng ngốc. Đúng rồi. Anh là thằng ngốc 100%. Anh khác chỉ một kẻ phạm phu tục tử. Anh nói vớ vẩn gì đó về thời tiết, về cơm niêu, về bệnh đậu mùa, về chó đại, về số hóa đơn, về quần đùi, về 48 thể võ “Su mô” của người Nhật Bản.

Anh nghĩ gì? Anh đến nhà cô đúng lúc cô cho con ăn. Ngượng nghịu, anh do dự nhìn mũi giày dính bụi của mình trước lúc bấm chuông. Cô ra mở cửa:

- Thưa ông, ông nhầm rồi. Tôi đã ở đây 24 năm... Tôi không quen ai thế cả...

Chồng cô ngó đầu qua cửa sổ hàm hừ:

- Một tên trộm...

Không! Không phải thế. Cô ra mở cửa và nói:

- Vâng! Thưa ông, ông cần gì?

- Cần gì ư! Không cần gì cả! Nhưng mà em...

- Xin ông thứ lỗi, thưa ông, tôi còn bận việc.

- Vâng, vâng... Xin lỗi cô... Mà em... Tôi ở xa đến, một nơi rất xa, cô không hiểu xa đến thế nào đâu... như từ ký ức... Tôi nhầm, chắc chắn thế...

Anh cười, mặt nhẵn lại. Thế giới có hàng tỷ người. Trong ký ức nào của cô có anh?

*Anh à, anh ơi... Sự mập mờ, quý giá biết bao, vì nó chẳng rõ rệt gì, chẳng phải thể nguyên, đầy rẫy hy vọng... Anh không hiểu gì về những hy vọng nơi người đàn bà, nơi tha hương... Anh à, anh ơi... Khi chúng ta bị tách ra khỏi quên lãng, những ảo vọng tuyệt đối cũng sẽ giá trị như tách cà phê này, như cây đèn này, như tấm áo lót ngực thơm mùi da thịt...*

Ồ, lại nói chuyện cà phê. Tất cả mọi thứ ở quê hương đều đậm đặc. Những cây nhãn có màu xanh đậm đặc... ớt cay hơn... Mùi mắm tôm trong hàng chả cá đậm đặc... Quai guốc gỗ bằng cao su cất ra từ lớp ô tô xiết chặt bàn chân... Những cái xiết tay tựa như dính nhựa. Sự đậm đặc... Trục tiếp. Ráo riết. Những đòi hỏi rút gọn... Cà phê đậm đặc... Cô không uống được và phải lựa chọn trong các loại cà phê để xem thứ nào hợp vị với mình. Cà phê đen nóng, đen đá, cà phê sữa, cà phê trứng, cà phê tan... Anh mua một bịch cà phê tan. Cô uống có một gói nhỏ 20 gam, uống không hết. Khi cô đi rồi, anh đã ngồi một mình uống 23 gói nhỏ cà phê còn lại, cà thấy 460 gam, đắng ngắt trong lòng.

*Ồ, thật là kỳ, tất cả việc dè xén cử chỉ, lời nói ... được gặp nhau là điều kỳ diệu nhất từ trước tới nay... Anh à, anh ơi... Điều gì khiến anh phiền muộn? Vẫn biết thừa nhận sự kiểm chế... Nhảy cảm với sự phiền muộn và tình yêu... Em chẳng biết gì... Cô đơn khôn tả...*

Anh không xứng đáng với cô. Tâm hồn anh đen tối. Cư xử thiếu dịu dàng, nhiều khi thô bạo. Thích thú dục vọng. Đạo đức giả. Anh đã lên ngấm nếp áo trẻ trang và thân hình mảnh dẻ của cô... Một tên trộm... Rõ ràng là một tên trộm... Chồng cô nói đúng... Nhưng khi ấy anh lại nói về Bill Clinton và Đặng Tiểu Bình. Ngay những tên tuổi lừng danh thế giới lúc này cũng vớ vẩn, nhầm nhứ, chẳng ra gì.

Anh không có quyền gì... Anh ngờ là cả chồng cô cũng chẳng có quyền gì cả. Tại sao hán lại hăm hừ gọi anh là trộm trong khi chính hán cũng trộm cướp chẳng kém gì anh? Hán được cô 100%. Đây là may mắn của hán hay là tai họa?

Nào! Hãy kiên nhẫn!

Anh biết, cô vẫn kể chuyện cổ tích cho con mình nghe.

Mẹ kể con nghe:

*Xứ ta là xứ nhiệt đới. Mưa nhiều. Nắng cũng nhiều. Lòng người hay thay đổi.*

*Ngày ấy, ở rừng kia có cái giếng Tiên. Giếng ở nơi khuất nẻo. Những đêm trăng, hoặc vì vui vẻ, hoặc vì phiền muộn - thường thì phiền muộn nhiều hơn vui vẻ - các cô tiên thường xuống giếng tắm.*

*Khi xuống tắm, các cô tiên thường phải trút bỏ bộ cánh để lại trên bờ. Đúng rồi, ướt cánh thì không bay được. Tựa như mơ mộng và phiêu lưu, thậm chí cả lòng cao thượng - rất sợ những định kiến vương bận công kênh.*

*Bấy giờ, ở cõi trần có một chàng trai làm ăn chăm chỉ, sống một mình (giời ạ! ai chẳng sống một mình, từ xưa từ xưa cũng đã thế rồi). Hôm ấy, chàng trai vào rừng đốn củi. Chàng gặp một con yêu tinh? Không phải! Yêu tinh thì chàng đã gặp ngay từ niên thiếu, không phải một lần. Chàng gặp một con chó sói? Có thể lắm. Nhưng chó sói sẽ tránh đường chàng vì chúng biết chàng cô đơn hơn chúng và như thế nghĩa là chàng sẽ quyết liệt hơn nhiều người.*

*Hôm ấy, chàng trai gặp một nàng tiên xuống tắm.*

*Nàng tiên xuống tắm ở giếng. Nàng trút bỏ bộ cánh trắng xóa để ở trên bờ. Chàng trai nhìn thấy, chàng rón rén bò lại, lấy trộm bộ cánh giấu đi.*

*Tắm xong, nàng tiên lội lên bờ. Thấy mất cánh, nàng ngơ ngác đi tìm khắp mọi nơi. Vừa lúc*

ấy chàng trai từ trong chỗ nấp bước ra. Nàng tiên kêu lên:

- Thập thò, thập thò, không lo thì chết!

Chàng trai không phải là người sợ chết! Chết có gì đâu (về cái là xong, bảo đảm 100%). Sống mới khó! Chàng trai nhìn nàng tiên và ánh mắt chàng khiến nàng bối rối, lo lắng.

- Trả cánh cho tôi! - Nàng cầu khẩn. - Tôi còn một cuộc sống khác.

- Không được! - Chàng trai trả lời. - Thênh thang ngòi đầm cỏ xanh. Bao giờ nên yển nên oanh rồi về.

Nàng tiên theo chàng trai về nhà. Chàng trai giấu kỹ bộ cánh rồi ra sửa soạn cơm nước, áo quần, chần chiếu cho nàng. Họ đứng ở trước bàn thờ, mùi hương sực nức. Chàng trai nhìn thấy nàng tiên đứng trước ánh đèn, gò má đỏ lên thẹn thò. Họ ăn cơm trong buồng. Nàng ăn nhỏ nhẹ và nàng nhận ra khi có người yêu thương cùng ăn thì bữa cơm ngon hơn hẳn bữa cơm thường.

Đêm ấy họ nằm bên nhau. Chàng trai chưa bao giờ thấy dễ chịu thế. Nàng tiên cũng nhận ra rằng khi nằm mà bỏ cánh ra thì không vướng. Họ trò chuyện. Những điều họ nói với nhau có phần gốc gác:

- Thế là chúng ta thỏa lòng mong ước, chàng có vui không?

- Có... Nếu mãi thế này...

- Ngộ nhờ có việc gì... Nếu thiếp xa chàng, chàng có còn thương thiếp hay không?

- Thương.

- Thương nhiều hay thương ít?

- Thương mãi mãi.

- Thiếp chết rồi, liệu chàng còn thương nữa không?

Chàng hăm lại lời nói của nàng bằng một nụ hôn. Chàng thấy cay cay nơi sống mũi. Chàng thầm hứa sẽ làm cho nàng bất tử. Chàng không nói to ra điều ấy vì chàng không phải là người tự tin.

Thấm thoát, hai người có một đứa con. Rồi chàng phải đi xa nhà. Trước khi đi, chàng dặn:

- Mẹ con ở nhà, có ăn thì ăn đụn lúa vang, rồi sang đụn lúa ré, chớ ăn đụn lúa rẹ, có tổ ong vò vẽ, đốt cả mẹ lẫn con.

Thực ra, chàng trai giấu bộ cánh của nàng tiên ở đụn lúa rẹ nên nói thế thôi.

Khi chàng trai đi rồi, đứa con ở nhà nghịch ngợm, tìm lôi ra bộ cánh của mẹ trong đụn lúa rẹ. Nó thích thú cười. Nàng tiên mắng:

- Cười sằng sặc có khi rạc cổ, cười ha hả có khi rã xương!

Nhìn thấy bộ cánh của mình, nàng tiên mừng rỡ. Nàng lấp cánh vào và thấy ngượng ngượng. Đã lâu không bay, nàng cảm thấy vụng về khi cất cánh. Nàng phải tập luyện rất lâu rồi mới bay được. Nàng nhớ lại nơi ở cũ của mình.

Sáng hôm sau, nàng tiên dậy sớm làm rất nhiều bánh để lại cho con. Nàng nói:

- Con ở nhà, hễ khi nào đói vào buồng lấy bánh mà ăn.

Con đừng đòi mẹ con ơi

Mẹ còn có cả bầu trời tự do

Thôi con, con chớ khóc to

Bao công việc cha sẽ lo liệu giùm.

Nàng tiên để lại chiếc vòng tay và dặn:

- Con nhớ giữ lấy cho cha.

Cắt đoạn, nàng vỗ cánh bay bổng lên trời.

Khi chàng trai trở về nhà, không thấy nàng tiên, chỉ thấy chiếc vòng tay thì đoán ra nông nỗi: con chim trời đã bay về tổ cũ của mình. Từ đấy hai cha con cô cút, bơ vơ.

Một lần, nhớ nàng tiên, chàng trai bế con trở lại giếng Tiên. Rất may, họ gặp một bà già trên trời xách thùng xuống giếng múc nước. Chàng vội cầu khẩn:

- Hỡi bà tiên! Bà hãy thương tôi. Hãy giúp cho tôi gặp được vợ tôi.

Chàng trai kể chuyện cho bà tiên nghe. Chàng lấy ra chiếc vòng tay làm tin. Bà tiên bảo:

- Ta biết rồi. Nàng tiên ấy nay ở trên trời. Nàng cũng nhớ chồng con da diết. Ta sẽ mang chiếc vòng tay này về báo cho nàng.

Hai cha con chờ đến hôm sau thì thấy có hai người từ trên trời xuống. Họ mang theo các thứ dây túi để đưa hai cha con lên trời. Họ dặn phải nhắm mắt lại và giữ im lặng. Đến giữa canh khuya, cả bọn bước vào cõi trời. Nàng tiên ra đón, mừng mừng tủi tủi.

Hai cha con ở lại hai ngày. Lệnh của Ngọc Hoàng không cho người trần ở lại. Nàng tiên thương chồng thương con vô hạn nhưng cũng đành phải chia tay.

Hôm sau, nàng tiên gạt nước mắt trao cho hai cha con một cái trống, một mo com. Nàng dặn: "Hễ chân chạm đất thì cứ đánh ba tiếng trống để trên này biết mà cắt dây thừng".

Hai cha con xuống được nửa đường thì đã quá trưa. Thấy thằng bé đói, chàng trai dừng lại giở mo com đặt lên mặt trống. Đứa con bóc com ăn làm vãi com trên mặt trống. Bấy giờ có một đàn quạ bay qua bèn sà xuống mổ lấy mổ để những hạt com rơi trên mặt trống. Trên trời, nghe thấy tiếng trống, nàng tiên lại tưởng hai cha con đã xuống đến nơi, bèn cứ thế cắt dây thừng. Dây đứt, hai cha con rơi xuống đất chết tươi. Đàn quạ sợ hãi bay vọt lên trời kêu la ầm ĩ.

Sự việc không ngờ xảy ra đốn đau như vậy.

Sau này, Ngọc Hoàng cho đón chàng trai lên trời. Chàng trai được làm công việc chăn trâu, gọi là Ngưu Lang, hay Ngâu Lang. Nàng tiên gọi là Chức Nữ. Mỗi năm, Ngọc Hoàng cho hai người gặp nhau một ngày vào ngày mùng Bảy tháng Bảy. Đàn quạ có lỗi hôm ấy phải bắc cầu cho hai người gặp gỡ, gọi là chiếc cầu Ô thước.

Từ đấy, cứ đến ngày mùng Bảy tháng Bảy, trời thường có mưa, người ta gọi là mưa Ngâu.

*Đồn rằng đó là những giọt nước mắt của hai người. Họ gặp nhau rồi lại ly biệt chờ đến năm sau.*

\*\*\*

\*

Cô nói:

- Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau còn có định kỳ. Còn em chẳng có định kỳ nào cả.

Cô thở dài. Tiếng thở dài nào nuốt làm anh tê tái. Tình yêu là gặp gỡ, là chia tay. Vẫn biết thế mà sao đau lòng vậy?

*Tình yêu đối với quê hương... Anh à... anh ơi... là thứ tình cảm lạ lùng, không biết diễn đạt thế nào. Thoáng xót xa, trù mến. Cả cảm giận, tự hào: cả khinh bỉ, vui buồn... Tất cả một núi cảm xúc, một bể cảm xúc trào dâng... bóp nghẹt tim, làm run rẩy... muốn làm khuỵu ngã ngay khi ở trên mây bay bước xuống...*

Anh im lặng. Anh cảm động nhìn cô hít thở rất sâu không khí ở trên cánh đồng. Cô kêu to khi nhận ra mùi đất ải nồng nặc và mùi rơm rạ ẩm ướt.

- Anh...

Cô đưa tay níu lấy vai anh. Anh hoảng hốt. Anh nhận ra một tia ánh sáng tựa như lửa than nơi khóe mắt cô. Anh sợ. Anh sợ đến toát mồ hôi. Anh nói lắp bắp và nhảm nhí:

- Tôi... tôi không đại diện cho ai... Không phải đất nước... Không phải quê hương... Không phải chính quyền...

Cô cười. Anh hiểu ra nụ cười ấy: bây giờ dù anh có bước cổ, có sâu răng, có bọm bãi, lạm phát, rượu chè, suy thoái, buồn hêrôin hay chậm phát triển... cô đều tha thứ cho anh. Anh có tởm lợm cũng không sao hết. Miễn là...

- Được rồi. - Anh đỏ mặt nói. - Tôi sẽ không như thế nữa.

- Anh hứa chứ?

- Không trộm cướp và tham những thì khó. - Anh cau có nói. - Thôi được, sẽ không còn đề tiện và lêu lổng nữa.

Họ cười phá lên làm những con chim sẽ bay vụt lên trời.

Anh ngồi đây. Bây giờ anh đang ngồi đây một mình. Anh thấy bơ vơ quá. Bây giờ thì cô đã ở cách xa anh nửa vòng trái đất. Xa quá. Xa lắc xa lơ...

Anh nhắm mắt lại. Anh nghĩ đến cô. Cô có thân hình mảnh dẻ. Mắt đen lầy, thoáng vẻ mệt mỏi. Cờm chỉ bên lên. Sự dịu dàng và mùi hương xa xăm. Cô mặc chiếc váy liền áo may bằng vải lụa tơ tằm, khoác thêm chiếc áo “giắc két” bên ngoài. Cô thích nói chuyện và cười nhưng vẫn giữ gìn sự mập mờ của tình bạn và hiện thực. Anh bị những hiểu biết văn hóa và những cử chỉ của cô quyến rũ. Cả tiếng thở dốc sau những câu nói dài rất đặc biệt lạ lùng, chỉ cô mới có. Chưa bao giờ trong anh có một cảm giác rõ rệt đến thế: chắc chắn sẽ có sự mất mát tức khắc khi thổ lộ những lời si mê điên cuồng. Yêu mà không hiến thân, hiến thân mà không sa sút và tàn tạ, điều ấy có thể được chăng? Còn gì nữa? Cả hai đều sợ hãi, đều ghê tởm nếu sự tâm thường xám xịt thường nhật xúc phạm. Một sự gặp gỡ mà không biến chất, không rạn nứt. Anh lo lắng nhìn cô: những đau đớn, sự nhạy cảm về mất mát và nhiều điều khác không biết gọi tên là gì làm cô trở nên rất khó an ủi. Anh thấy đắng ngắt trong lòng và cảm thương đến ứa nước mắt. Trước mắt anh là người đàn bà khó an

ui nhất hành tinh. Cô sẽ khóc. Sẽ khóc mất. Sẽ khóc về cảnh tha hương ở nơi đất khách quê người... Sẽ khóc về Anh ngữ và Việt ngữ... Sẽ khóc vì những lo toan trong cảnh gia đình... Sẽ khóc vì chồng con, bạn bè... Sẽ khóc vì những phù du, bội phản... Sẽ khóc cho kiếp làm người...

- Mạnh mẽ lên. - Anh nói. - Không khóc ở California.

*Không khóc ở California.*

*Không khóc.*

*Không khóc ở Louisiana.*

*Không khóc ở quận 13 Paris.*

*Không khóc*

*Không khóc ở Beclin, ở Xitny, ở Tôkyô*

*Những người Việt không khóc ở California*

*Em không khóc*

*Em không khóc ở California*

*Em không khóc*

*Kìa mưa rơi, mưa rơi và lá bay*

*Em lái xe đi*

*Con đường hun hút và mưa bay bay*

*Kính xe mờ*

*Ai huýt sáo một bài hát bên đường*

*Nhớ anh, nhớ quê hương*

*Em không khóc*

*Em không khóc ở California*

*Em không khóc*

*ở chốn xa xăm cuối nơi chân trời*

*Nơi mẹ sinh ra gọi là quê hương*

*Em gọi tên là nhớ thương*

*Người ta gọi là cội nguồn*

*Sao em lấm bầm như một bà già*

Em sẽ không khóc  
Không khóc ở California  
Anh ạ,  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng  
Em mặc một chiếc áo rộng  
Em sẽ mua hoa  
Xếp đặt đồ vật trong nhà  
Em yêu mọi người  
Mọi người không khóc  
Không khóc ở California  
Anh ạ, hôm nay tiệm cà phê vui hơn  
Có ai gật đầu chào em  
Có phải anh gật đầu chào em rồi mỉm cười  
Em đưa tay ra  
Biết rằng anh vừa nắm tay em  
Em thấy hơi ấm  
Em thấy ổn rồi, rất ổn  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng  
Em soi trong gương  
Giữ gìn nhan sắc, giữ gìn thói quen  
Có người vừa đi xa về  
Mang cho em một chút gió, một chút nắng  
Em sưởi mình trong kỷ niệm  
Và cười trong mơ  
Anh hôn vào nụ cười ấy  
Nụ cười xa xăm  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng

*Em ra siêu thị*

*Em xuống trung tâm*

*Em mua một gói kẹo nhỏ*

*Và liếm chiếc kẹo như liếm vết thương*

*Anh tan biến trong miệng em*

*Em cười một mình*

*Và soi trong gương*

*Không khóc*

*Không khóc ở California*

*Cho dù cách xa...*

Anh biết rằng anh sẽ không an ủi được gì. Không ai an ủi được ai. Anh biết. Anh biết chắc chắn thế mà! Vì sao ư? Vì chính anh cũng là người cần an ủi.

*Hôm qua ời, em đi rồi*

*Hôm nay ời, ta nhớ người*

*Một làn mây xanh trôi qua đời anh*

*Thương thì thương*

*Chốn tha hương*

*Muôn dặm trường*

*Em ghé lại*

*Nụ cười vắn vường*

*Em đi rồi*

*Như trong màn sương*

*Tái tê vô chừng*

*Tái tê không cùng...*

Anh à... Anh ời... Hôm qua ở đây có mưa. Nhưng hôm nay thì nắng. Nắng ấm. Có lẽ California là nơi đẹp nhất trên đời...

Anh đi... Anh nhớ cô. Cô có những tật xấu nhưng anh không để ý đến điều ấy. Cô luôn nhắc anh phải nhớ đến cô.

- Em. - Anh nói. - Những bất hạnh trong số phận em cũng là những bất hạnh trong số phận anh. Có hiểu không? Em có hiểu không? Em có hiểu được như thế không?



Kìa có ngọn gió bay qua... Và nắng ấm. Rồi em lại về... Phải không em?

**1997**

# BÀI HỌC TIẾNG VIỆT

Để tưởng nhớ V.T.P.

“Ta như chim, tiếng Việt như rừng”

(Lưu Quang Vũ)

Vũ lên xe điện ở ga Cầu Mới. Chàng vào thành phố để dự bữa tiệc mừng nhà mới của người bạn quen tên là Hoàng. Chàng rất ít khi đi dự những buổi tiếp tân thế này. Đây là trường hợp đặc biệt.

Vũ là nhà văn, nhà tiểu thuyết danh tiếng. Chàng mới hai mươi năm tuổi. Khi người ta còn trẻ, lại danh tiếng chắc hẳn cuộc đời đẹp lắm?

- Cũng đẹp... cũng đẹp - Vũ mỉm cười và lẩm bầm như thế. Không có lý do gì người ta lại đi phi báng cuộc đời, coi nó là xấu cả. Mà em... Vũ xua đuổi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc mình. Chàng nghĩ đến những cuốn sách sắp viết... Khéo không mà lao lực...

Công việc của nhà văn là gì? Vũ nhiều lần tự hỏi? Chàng không bao giờ có thì giờ nghĩ về điều đó cho thấu đáo. Phải hai mươi năm nữa, phải năm mươi tuổi. Chàng biết thế... Nhưng chàng không biết rằng trước mắt chàng chỉ còn có hai năm nữa mà thôi. Đây là định mệnh của chàng! Đây là số phận của chàng! Chàng đã hứa với Thượng đế hãy dành cho chàng hai năm để chàng viết ra một cuốn sách thật ra trò. Sống lâu cũng chẳng để làm gì!

Vũ cảm thấy chàng là một “nhà ngôn ngữ” hơn là một nhà văn. Chàng yêu tiếng Việt. Không! Không phải tình yêu. Chàng thích sự chính xác của từ ngữ: chính xác về tình cảm, về cấu trúc, tóm lại là nghệ thuật. Chàng sung sướng nếu người ta gọi chàng là người viết ra được những quyển sách tiếng Việt hay nhất. Cũng không để làm gì... nhưng mà như thế sẽ lý thú chứ? Mà em...

- Cố gắng đi tìm bản chất - Vũ lẩm bầm - Cũng không để làm gì? Để xác định một trạng thái ư? Một tình cảm ư? Một cách ứng xử ư? Quá ư tầm thường! Mà vô nghĩa...

Hay là nhịp điệu? - Vũ lại bần khoản tự hỏi. Chàng biết rằng vũ trụ kia hỗn độn vô minh, trái đất chúng ta quá bé nhỏ, con người quá bé nhỏ... Văn học không phải là tất cả. Không nên quá coi trọng văn học. Văn học chỉ là từ ngữ. Như những ngọn gió... Thế còn lương tâm? Nhưng sao lại đi bần khoản điều đó làm gì? Hai trong vô số những của ải, những ván nạn mà nhà văn phải đối đầu là đạo đức và chính trị... Nghĩa là lương tâm. Rồi đến gì nữa? Rồi đến tiền... Cũng không phải thế. Sống thôi! Vũ mới hai mươi năm tuổi mà! Chàng còn trẻ tuổi.

Vũ biết chàng là một trong những nhà văn tiên phong ở Việt Nam. ở Việt Nam người ta mới viết tiểu thuyết, làm thơ, làm báo chừng mười năm nay. ở đây gần như chưa có văn học. Một vùng đất trống. Không sao cả. Văn học còn trẻ tuổi, chàng còn trẻ tuổi. Nghĩa là chàng còn vô vàn những khám phá, những ngạc nhiên và cơ hội. Chàng sẽ viết ra những phát kiến của chàng về tâm hồn người dân Việt, giống như nhà thám hiểm địa lý đi lên Bắc cực viết về loài gấu trắng hay chim cánh cụt.

Vũ đưa mắt nhìn ra cửa sổ xe điện, Hà Nội đang vào xuân. Mưa nhỏ. Hà Nội nhor nhóp và nghèo xác. Không phải cái nghèo thông thường: nó là cái nghèo vô lối, dị mọ, không đâu có. Tất cả đòi hỏi phải khai hóa, phải học hỏi từ đâu. Ôi cái đất nước Việt Nam, cái cộng đồng người Việt Nam khốn khó của chàng! Sao ánh mắt người Việt nó nhanh thế kia? Nó u ám thế kia? Bọn gian dối và dâm dăng! Bọn con hoang! Điều cần nhất là sự lương thiện và lòng nhân ái thì các người coi khinh! Không ai dạy dỗ, chỉ bảo, khai hóa cho các người cả. Các người đi nhạo báng các bậc thầy! Vật dụng ư? Đáng lẽ là tôn giáo thì là vật dụng. Rồi các người sẽ phải trả giá cho sự ngu dốt của mình.

- Thưa ông, ông cho tôi hỏi, hôm nay là ngày thứ mấy hả ông?

Một người khách đi xe điện hốt hoảng hỏi Vũ. Chàng giật mình, chàng trả lời:

- Hôm nay là ngày thứ bảy, ông ạ.

- Chết! Đã thứ bảy rồi ư?

Vũ gật đầu. Tất cả sẽ rồi rít cả lên, sẽ ân hận, sẽ cuồng quýt khi những cái mốc tận thế theo nhau lũ lượt kéo đến: ngày cuối tuần, tháng cuối năm, cuối tuổi xuân, cuối đời, cuối thế kỷ. Khi Thượng Đế hào phóng ban cho chúng ta sự sống thì chúng ta đã coi thường nó thế nào, đã phí phạm nó thế nào! Rất nhiều người Việt đã sống mà như chết vậy...

Khi Vũ coi văn học là một phương tiện để chàng khám phá cuộc sống, khám phá mình, khám phá xã hội... chàng bỗng chợt nhận ra bản thân mình, mọi người, cả xã hội xung quanh đều có vẻ yếu đuối và không thành thật. Mạnh mẽ và thành thật... Rất khó đấy, các bố ạ, các vị... Điều ấy văn học không làm được, nó chỉ phát hiện ra thôi. Văn học Việt Nam, ngay buổi sơ khai của nó, giống như một đứa trẻ nhỏ phải làm những việc quá sức, những việc không ra gì, thậm chí phải làm việc chính trị là thứ việc cần nhiều phương pháp ứng đối khuynh hoạt. Người ta chú ý đến bộ mặt bên ngoài hơn nội dung bên trong. Người ta soi gương, ngắm nghía, trau chuốt cho bộ mặt mình: nào cạo râu, nặn trứng cá, tia lông mày; các cô gái bôi son... Người ta chú ý thái quá đến bộ mặt bên ngoài, nói nhiều đến con người xã hội hơn con người tự nhiên. Người ta đã “lịch sự” đã “chính trị”, đã đạo đức giả, đã cố ý lờ đi cái ấy: con người tự nhiên, kẻ thành thật nhất, trung hậu nhất, ngang bướng và ương ngạnh. Vũ trân trọng gọi con người tự nhiên ấy là “ông lớn”. “Ông lớn” còn có ông nhỏ gọi là “ông b...”. Hãy lắng nghe ông ta! Đây là bậc thầy của trực giác. Ông ta có luật chơi riêng chi phối tính cách con người, thậm chí số phận con người. Ông ta mới là trung tâm thần kinh, mới là trí tuệ. Hoàn toàn không phải đầu óc mà là đầu b... Người ta đã tôn vinh một vị ngụy quân tử đẹp mã mà quên đi vị quân tử thực: báỉ vật tổ đại phu, nhà chiến lược...

Xe điện đi từ Cầu Mới, qua áp Thái Hà, đỗ ở Giám (Quốc Tử Giám) hơi lâu để tránh tàu đi Cầu Giấy. Vũ tì tay lên thành cửa sổ. Hà Nội lướt qua dưới mắt chàng. Chàng sợ thành phố này rồi sẽ mất đi những kỷ niệm, sẽ mất đi những vẻ đẹp nên thơ êm đềm của nó. Có thể cả tuyến xe điện này cũng sẽ mất đi. Cũng không hề gì... Bởi cuộc sống vốn là như thế. Mùa nước chảy dưới cầu. Mùa sông trôi ra biển. Bao nhiêu giá trị đều là vô nghĩa. Ôi ôi, sao chàng lại đi nghĩ ngợi như một người bạc nhược, sớm chán nản mọi sự thế này? Mà em... Bao nhiêu kỷ niệm trong đời...

Nỗi chán chường âm i... Sự bất lực đương nhiên... Những cái ấy tấn công chàng, từng tí một, từng ngày một, dai dẳng. Chúng ta đang suy đồi. Vũ bực mình vì chàng chỉ có một cuộc sống mà xung quanh chàng toàn người ích kỷ lắm le muốn ăn thịt chàng, muốn chia máu, chia thịt của chàng. Chàng không thể chia máu chia thịt của chàng cho ai, có muốn cũng không làm được. Chàng cũng ích kỷ. Chàng cũng chỉ có một cuộc sống thôi, một dấu vết thôi. Chàng tìm cách nhân nó lên nhiều lần. Đây là văn học. Một phép nhân ảo thuật. Văn học cũng là sự cùng quẫn, cũng đầy dối trá và ngụy tạo. Tóm lại, văn học cũng chẳng ra gì.

Khi quan sát con người, Vũ đau đớn khi chàng chỉ toàn nhận ra những nét súc vật ở con người. ở đám người trẻ, đây là bộ móng, cặp đùi, ánh mắt ráo hoảnh. Nhục thể, toàn là nhục thể. ở đám người già, đây là sự hư hoại tinh thần, những mảng tóc rụng, những hàm răng giả, những “tư tưởng”... Vũ sợ đám người già, do sự bất lực của chúng, sự yếu đuối của chúng, nỗi sợ hãi cái chết, những mong muốn “yên ổn” đã ngấm khùng bộ toàn xã hội bằng các đạo pháp, gia pháp, các quy định luật lệ và nghĩa vụ. Những quy định giới luật cũng là sự bất lực của giáo dục đối với tính chất súc vật của con người tự nhiên. Con người tự nhiên vốn dĩ vô luân, nó tự do.

Xe điện đi ngang qua Cửa Nam, qua phố Hàng Bông, phố Hàng Gai. Vũ xuống xe điện ở đầu Bờ Hồ. Một cô gái mặc váy rất ngắn đứng che khuất tầm mắt nhìn Tháp Rùa. Cặp đùi rất khỏe. Vũ rung mình, cặp đùi rất khỏe và đáng thương như ở một lực điền. Trong văn học, sự phô diễn “đạo đức nhà văn” đôi khi cũng giống ở cô gái mặc váy rất ngắn kia... Chỉ có tôn giáo, bởi sự nghiêm ngặt của hệ thống nghi lễ và sự mực thước kinh điển, là được phép bàn về đạo đức mà không lố

bịch, không gọn hoài nghi. Còn ở mỗi chúng ta, chúng ta chỉ nên cầu nguyện.

Vũ chậm rãi đi qua phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường... Đây rồi, bên trái, nhà số chẵn.

Bữa tiệc mừng nhà mới của Hoàng có khá đông khách. Thấy có các vị tri huyện, tri phủ, nghị viên... Giới văn chương nghệ thuật cũng đều là những tay có tên tuổi, có máu mặt. Hoàng lấy con gái một vị quan to. Hoàng đã đi du học ở Pháp. Hồi nhỏ, Hoàng và Vũ đều học một trường. Nghe nói, Hoàng có dính líu đến những vụ buôn lậu mờ ám, dính líu đến cả buôn lậu ma túy và vũ khí.

Vũ được vợ chồng Hoàng đón tiếp nồng nhiệt. Hoàng giới thiệu Vũ với những người quen:

- Thưa các ông, thưa các bà... Đây là nhà văn danh tiếng, một người trẻ tuổi, một Vít-to Huy-gô ở Việt Nam? Vâng! Đã được cụ Tản Đà khen ngợi... Ông Vũ mới hai mươi nhăm tuổi, bằng tuổi tôi, nhưng ông Vũ dí dỏm hơn nhiều...

Hoàng mỉm cười. Hoàng rất tự chủ ở chốn quan trường và nơi đô hội. Vũ biết Hoàng giàu tiền của, nhiều thế lực, bản thân Hoàng cũng có học vấn khá cao.

- Hẳn đang chia máu, chia thịt của ta cho các bạn mình - Vũ thấy vui vui khi đi theo Hoàng. Ngay từ nhỏ, Hoàng đã lịch lãm hơn chàng. Hẳn không bao giờ cô đơn... Điều quan trọng nhất là hẳn không bao giờ cô đơn. Vậy thì hẳn mạnh hơn ta hay hẳn đã bản thiêu hơn ta? Không biết!

Hoàng có vẻ biết rõ và tự chủ ở trong trò chơi. Hoàng ghé vào tai Vũ nói nhỏ:

- Hãy cười lên, thẳng chó! Mi không dung được người ta thì người ta dung mi sao được? Hãy để ta giới thiệu mi với em vợ ta... Con ngốc đó vốn hâm mộ mi...

Hoàng dẫn Vũ đến chỗ vợ Hoàng ngồi giữa đám các cô, các bà. Vợ Hoàng tên là Yến.

- Chào anh - Yến đưa tay ra - Anh dạo này thế nào?

- Tâm trạng tôi không được tốt lắm - Vũ lúng túng trả lời.

- Anh thì bao giờ có tâm trạng tốt đâu - Yến mỉm cười ý nhị.

- Đúng đúng... - Vũ đỏ mặt lên. Mọi người cùng cười.

- Đây là em gái tôi, - Yến giới thiệu với Vũ. - Cô ấy tên là Hồng, cô ấy vốn có đọc anh, rất khâm phục cách kể chuyện của anh. Cô ấy khen anh thông minh sắc sảo.

- Chao ôi, sao không ai đi khen ta lương thiện mà chỉ đi khen ta thông minh sắc sảo mà thôi? - Vũ tê tái nghĩ. Bản tính Vũ lương thiện, chàng luôn luôn giữ mình lương thiện, mọi suy nghĩ của chàng đều hướng về sự lương thiện. Chàng đã đại dốt bày tỏ lên trang giấy những nhân vật thông minh sắc sảo mất rồi. Chàng đã bị người đời đánh đồng chàng với các nhân vật của mình. Chắc chắn, dưới mắt người đời, chàng hẳn là một quái vật ghê gớm.

- Thưa ông... em hình dung ông là một người khác thế này. Ông cô đơn... có phải không ạ? Ông lại kiêu ngạo nữa... có phải không ạ?

Vũ nhìn kỹ đôi tay để trần của cô gái. Đôi tay rất đẹp, chắc hẳn ngày xưa Kinh Kha khi nhìn đôi cánh tay vũ nữ cũng thờ dài y hệt Vũ đây.

- Tráng sĩ... Hề...

- Ông ấy vẫn y như cô hình dung đấy chứ! - Hoàng cười. - Vậy cô có muốn làm thành món đồ hiến tế cho nền văn học Việt Nam hay không?

- Không... em chẳng đại. Tương lai em sẽ là một bà tri huyện...

- Chúc mừng cô... Vậy cô là người đứng đắn lương thiện...

Tiếng cười lại ran lên vui vẻ. Vũ quay mặt về phía cửa sổ. Chàng chẳng lạ gì lối đối thoại sắc sảo hóm hỉnh kiểu phòng khách thế này. Người Việt Nam bắt chước lối sống phù hoa ở bên ngoài rất nhanh, rất khéo.

Hoàng bỏ Vũ ở lại để ra chào khách. Bây giờ Vũ mới có dịp nhìn kỹ hai chị em Yên, Hồng.

- Cũng đẹp... cô chị đẹp hơn cô em. - Đây là ý nghĩ đầu tiên của chàng. "Nơi người đàn bà tất cả đều là ân nghĩa", Vũ chợt nhớ đến nhận xét của một triết gia. Thực ra, toàn bộ những bí mật của thế giới này loanh quanh cũng chỉ ở một vài dạng thức cơ bản mà thôi: âm dương, thiện ác, trước sau, phải trái, đúng sai, xấu tốt, trẻ già, trên dưới... Con người mãi mãi vướng vào các sợi dây của những mối quan hệ không cân bằng, tất yếu sẽ nhảm lẫn và rối bòng bong. Sự nhảm lẫn chồng chéo lên nhau, khiến con người mãi mãi bất khả tri, mãi mãi vô minh.

- Thưa ông, khi ông viết truyện, ông nghĩ đến ai trước nhất... Độc giả ư? Hay là ông? Hay là một người phụ nữ nào kia?

- Nếu là một người phụ nữ được thì tốt quá... Vũ trả lời - nhưng không phải lúc nào cũng như thế cả. ở tác phẩm đầu tay thì tôi nghĩ đến mẹ tôi.

Mọi người ồ lên ngạc nhiên như vừa phát hiện ra một điều gì có ý nghĩa lắm, cao cả và lương thiện lắm.

Vũ đỏ mặt, chàng đã nói dối. Không phải là mẹ. Chàng đã diễn đạt không đúng với tư tưởng của chàng. Đây là chàng muốn được như thế mà thôi. Hình ảnh mẹ với chàng thật xa vời. Chàng chỉ thương mẹ thôi. Mẹ chàng không biết chữ. Chàng nhớ rằng khi viết tác phẩm đầu tay, chàng chỉ nghĩ đến tiếng Việt, chàng cũng chỉ a dua học đòi các nhà văn trước chàng, không phải cụ thể một ai nhưng có lẽ là một tay cùng hội cùng thuyền nhỏ nhăng có tài dẫn lối đưa đường. Thường thường, đây chỉ là một tay nhà văn hạng xoàng. Chúng ta biết rằng những tay cảnh sát chỉ đường phần lớn chỉ là những tay đeo lon hạ sĩ. Khi chàng bước lên con đường danh vọng, chàng nhớ đã không có bóng dáng một người phụ nữ nào nâng đỡ hoặc cản đường chàng. Lúc ấy chàng là một gã trai trong trắng và ngốc nghếch. Lúc ấy chàng nghĩ rằng trong văn học hẳn chứa ẩn sự lương thiện hoặc một cái gì đó cao nhã, không phạm tục, có khả năng nâng đỡ con người. Chàng hân hoan vì vẻ đẹp của ngôn từ, của tiếng Việt, những âm thanh trong lòng chàng cứ thế ngân lên, hoặc là minh triết hoặc là ngông nghịu, nhưng tất cả những ngôn từ ấy đều lương thiện và trong trắng. Chắc chắn là thế, dĩ nhiên là thế. Chàng thấy con người thật đẹp mà đời thật đáng sống. Chàng thấy yêu mình vô cùng, chàng như một con chim non vừa phát hiện ra đôi cánh của mình: nó bay lên trời xanh, nó ngã xuống, nó cười khúc khích, nó lại bay lên, cứ như thế. Con chim non cứ bay lên cao, cao mãi...

- Thưa ông... Điều gì quan trọng nhất đối với nhà văn?

- Không có điều gì quan trọng cả. Điều cần nhất là phải bảo vệ mạng sống của mình giống như một tay buôn lậu hay tù sống. Ta phải chăm sóc bản thân ta như chăm sóc cái cây... Phải bắt sâu, nhổ cỏ... phải tía cành... Rồi kiên trì sống, từng ngày một. Nuôi dưỡng một ý chí nào đó hướng về phía ánh sáng và sự lương thiện... Hình như đó là tôn giáo - Vũ lúng túng, chàng không thể nói to ra những ý nghĩ của mình như thế. Có nói cũng không ai hiểu cả. Bất khả tri... Chàng cũng chỉ lờ mờ hiểu rằng chàng đang đi trên một con đường chông gai gian khó nhưng chàng đang đi đúng đường. Chàng mò mẫm, dò từng bước chân nhưng cơ bản là khá chính xác trong cái đầm lầy đó, trong cái cõi hỗn độn, trong đêm tối vĩnh cửu, vừa chông chênh, vừa phù du hư ảo lại vừa nguy

hiếm chết người. Ôi ôi, có lẽ chỉ có tình yêu thôi, thứ rượu mạnh ghê gớm, liều ma túy say sưa túy lúy mới có thể kích thích được chàng lúc này, khiến cho chàng lãng quên bao nhiêu hệ lụy ở đời để sống với cá nhân mình ở trong chốc lát. Nghệ thuật nói chung, trong đó có văn học, giống như rượu mạnh hay ma túy (nhiều khi nó có khả năng thay thế rượu mạnh hay ma túy) là một trong những thứ hiếm hoi ở đời may ra còn tạo được đôi chút khoảng trống cho cá nhân con người - cái góc u tối và khuất nẻo, nơi giấu một ít của cải có thực tên là... Vũ không muốn nói ra tên của bí mật đó. Mà em... Chàng sẽ nói ra điều bí mật đó vào giây khắc cuối cùng...

Bữa tiệc đã được dọn ra và rượu sâm-banh nổ bom bốp. Hoàng cảm ly rượu đi chạm ly với từng người một, Vũ lại được Hoàng giới thiệu một lần nữa với đám quan khách, trong đó có cả mấy vị quân nhân và công chức ngành thuế vụ.

- Thưa ông Vũ, so với chúng tôi, công việc của ông cao nhấ hơn nhiều....

- Thưa ông, tôi không dám...

Vũ cảm thấy chàng như đang bị si nhục, chọc ghẹo hoặc nhạo cợt. Việc đi tìm ý nghĩa cuộc sống và những băn khoăn của chàng về hạnh phúc giữa đám người này có vẻ tầm phào, quá ư lãng lố, ngược đời. Giá vàng lên xuống ở đây quan trọng hơn, ông nọ ông kia mất chức quan trọng hơn... Vâng... Các món hời... Bà chị có một vạn quan... Bác Tham vừa mới xây nhà... Cậu Tú vừa đi du học...

- Tất cả bọn người này đều sinh động, say sưa hăng hái, thậm chí cuồng cuồng... họ ngộ ngộ không mệt mỏi... Đời là chiến đấu... Đời là sân khấu... hoặc anh là đê hoặc anh là búa... Đô đi... Nhào đô... Xả lạng. Hay là họ đúng? Hay là ta sai? Mà tiền bạc ở đâu ra lắm thế?

- Thưa ông Vũ, xin ông đừng nghĩ ngợi nhiều. - Hai chị em Yên, Hồng kéo Vũ đi ra một góc. - Chỗ này không hợp với tạng của ông đâu! Đám người phàm tục chúng tôi chỉ đuổi theo sự hào nhoáng... Xã hội kim tiền mà! Ông là thi sĩ, nhà tiểu thuyết... Mối quan tâm của ông là tâm hồn con người... Có phải không ạ? Vậy thưa ông, tâm hồn người ta là cái gì vậy?

Vũ phì cười. Giống như một công án Thiền tông. Chàng nhớ có nhà văn từng nói rằng tâm hồn không thể sống thiếu những trò phù phiếm và trò chơi vui, tâm hồn giống như con thú, nó lúc nào cũng đói, khi thiếu thức ăn là nó xé xác các tâm hồn khác, cuối cùng thì nó tự xé xác mình.

Vũ diễn đạt điều đó cho hai người đàn bà nhưng họ không hiểu. Vũ bực mình vì trong tiếng Việt không có cách chỉ, không có từ ngữ nào có thể biểu đạt được trạng thái và ý nghĩa của thứ mà Vũ gọi là "tâm hồn" Lần đầu tiên, Vũ nhận ra tiếng Việt có phần nghèo nàn khi biểu lộ những nội dung, khái niệm trừu tượng.

- Tâm hồn là một trạng thái khởi động hoặc ngơi nghỉ - Vũ lúng túng giải thích và chàng cũng không tin lắm với lối giải thích của chàng. Như ở phương Tây, trên đường giao thông có những đèn báo hiệu chỉ đường... Đèn xanh, đèn đỏ ứng với sự thuận nghịch. ở đây không có tâm hồn vì nó đương nhiên là thế, nó là sự khẳng định đã rồi. Trạng thái trung gian của đèn vàng mới đáng kể: nó mờ ám, vừa khẩn trương, lại vừa quyết liệt. Hoặc là thế nọ hoặc là thế kia, ở đây sẽ có trạng thái mà ta gọi là "tâm hồn"... nó lựa chọn, khởi động và ngơi nghỉ... và theo tôi, bao giờ nó cũng lựa chọn sự bảo thủ, vì con người vốn bảo thủ... con người nào có tâm hồn đều rất yếu và bảo thủ... Họ luôn hoài nghi, ngờ vực lòng mình.

Vũ thở dài. Chàng có vẻ loanh quanh và thiếu lương thiện.

- Thưa ông, chúng tôi chẳng hiểu ra sao nữa cả... có thể ông muốn nói đến sự ân ái hay ngoại tình chẳng? Ông có bị sốt hay không? Ông có bị mê sảng hay không? Sao mặt ông tái đi như thế? Ông cho phép tôi xem nhiệt độ ở trán ông thế nào?

Vũ phì cười. Chàng cũng không hiểu tại sao người ta lại đi liên tưởng đến trò ân ái hoặc vụng

trộm. Chẳng lẽ sự đời oái oăm đến thế kia cơ? Tiếng Việt quả thực là thứ ngôn ngữ dễ gây nhầm lẫn.

Yến đặt tay lên trán Vũ và chàng bỗng nhiên như bị kích động. Cũng không phải hoàn toàn kích động mà có phần nào giống với tâm trạng của kẻ chán đời, của người nhận được ra lẽ hư vô ở trong sự sống, sự vô nghĩa vô vắn của các trò đời, cũng như sự bất lực của chính mình. Vũ cầm lấy bàn tay Yến đặt trên trán chàng bóp nhẹ, Vũ kéo nó để vào hạ bộ của mình. Chàng nói:

- Thưa bà, nó ở đây!

Chàng muốn nói đến thứ mà người đời vẫn gọi là lý tưởng sống hay giá trị sống, một cái gì đại loại như thể tương đương với những từ “cao thượng” hay “hạnh phúc”.

Tất cả khách khứa nhìn dồn về phía hai người. Yến sợ hãi rút phắt tay lại, ngã vào lòng cô em gái. Hoàng tiến đến trước mặt Vũ, Hoàng cố kiềm chế nhưng giọng nói vẫn cứ run lên:

- Thưa ông, may mà sự việc xảy ra trong nhà tôi và tôi không muốn động thủ, tôi không muốn phiền phức! Chắc ông biết rõ ở ta mạng người rất rẻ, cho dù ông có là nhà văn danh tiếng bậc nhất thì cũng không khác gì con chó! Xin mời ông xéo khỏi đây ngay lập tức!

Vũ ngạc nhiên, chàng thấy Hoàng “trở mặt”, giống như tục ngữ nói - như “trở bàn tay”. Một phút trước đây họ đã cư xử với nhau như hai người bạn thân thiết nỗi khổ cơ mà! Hơn nữa, trong thâm tâm, Vũ không hề có ý xúc phạm Hoàng hay vợ Hoàng, Chàng chỉ muốn bày tỏ một thứ tình cảm rất thật, rất gần gũi, rất con người mà cũng tự nhiên thôi như người nguyên thủy vẫn làm. Yến đẹp như thế. Còn Vũ chẳng lạ gì Hoàng. Hắn đều như thế, hắn phản bội và ăn cắp... Những vụ buôn lậu ma túy và vũ khí... Hàng chục triệu đồng bào của chàng đang sống như súc vật... Chàng muốn Yến biết rằng chàng không ồm, tinh thần và tâm hồn chàng đều khỏe mạnh.

Vũ nói: .

- Thưa các vị... lỗi không phải của bà ấy... Tôi xin lỗi... Tôi muốn nói rằng tự nhiên có những lý lẽ khác với chúng ta...

Vũ không nói được hết câu thì chàng đã bị người ta tổng ra khỏi cửa. Chàng chỉ loáng thoáng nghe thấy tiếng Hoàng mắng vợ:

- Cô đáng xấu hổ... chính cô cũng thích... cô đã không tự bảo vệ danh tiết cho cô...

Yến khóc nức nở và tiếng khóc ấy khiến Vũ thất tim lại.

Vũ đi như chạy. Trời Hà Nội ngập trong mưa xuân. Mưa xuân mà sao những giọt mưa xuân lại nặng như chì... Mưa như roi quất vào mặt. Hà Nội nghèo xác và dị mọ. ở đây không có ai còn khả năng nghĩ ngợi hoặc phát sáng những tư tưởng khiến cho tinh thần con người mạnh mẽ lên thêm nữa ư? Tất cả đều loang quanh, luẩn quẩn như đám bọt gậy hay cung quăng. Nhục thể và vật dụng... Toàn những cô hồn, chẳng ra người, chẳng ra ngợm... Đây là tất cả Hà Nội của chàng.

Vũ thấy lạnh, chàng rung mình và thấy đau nhói trong tim. Chàng lên xe điện trở về nhà. Chàng cũng chẳng biết rằng màn đêm đang buông dần lên thành phố. “Đêm kinh thành xa như giấc mơ...” Vũ lơ mơ ngủ gật, chàng cũng chẳng biết đến xe điện đã bị “pan” ở Giám bao lâu nữa.

Mất điện. Tất cả hành khách đi trên xe điện đều bị dồn xuống đường đi bộ. Vũ kéo cao cổ áo, chàng lui thủ đi ra ngoại ô, về phía nhà mình. Đến Ngã Tư Sở, chẳng biết chàng nghĩ thế nào, chàng rẽ vào một ổ hút thuốc phiện và nằm ở đấy cho đến nửa đêm.

Vũ về đến nhà thì đã gần sáng, người lão bộc già loay hoay mở cửa cho chàng. Người chàng ướt như chuột lột.

- Thưa ông, ông vào nhà đi kéo lạnh... Nửa đêm có hai bà sang trọng đi xe tay đến tìm ông... Họ không xưng tên. Họ bảo rằng ông là nguyên do nỗi bi kịch trong cuộc sống của họ nhưng họ tha lỗi cho ông. Chẳng nào cuộc sống của họ cũng đã bi kịch rồi, có thêm một bi kịch nữa cũng chẳng mùi gì... Ông không có khả năng gì đáng để họ quan tâm, vì ở ta nhà văn là hạng vút đi! Ông bị cấm cửa không được đến nhà ông Hoàng... Bà lớn tuổi hơn nói rằng tâm hồn của ông có thể to hơn người thường thật...

Vũ ngồi vào bàn viết. Chàng cố xua đuổi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc chàng. Mà em... “Bài học tiếng Việt”. Chàng bắt đầu câu chuyện của chàng như thế đúng vào lúc những tia nắng mùa xuân chiếu vào cửa sổ nhà chàng...

Ghi chú cuối truyện:

*Trong buổi bình minh của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX có những tài năng văn học trẻ. Có những nhà tiểu thuyết sớm nổi tiếng ngay ở tuổi 20. Có người 27 tuổi đã chết, để lại bao nỗi tiếc thương cho người đời. Câu chuyện trên được viết dựa trên cảm hứng về cuộc đời một nhà văn như thế, lấy bối cảnh ở Hà Nội khoảng trước những năm xảy ra Đại chiến Thế giới thứ II (1939 - 1945). Nhà văn trẻ với thiên tài của mình, nổi lên rực rỡ trên văn đàn khoảng từ 4 đến 6 năm. Những thiên tài thường không dùng được nhiều với những hệ lụy mà người đời cứ tưởng bỏ rằng ở đấy có nhiều giá trị hoặc ý nghĩa gì. Ngôi nhà được kể trong truyện, tiếc thay nay không còn nữa, đại để nằm ở chỗ Viện Goethe Hà Nội bây giờ. Tiếng Việt là thứ ngôn ngữ mới hình thành, đòi hỏi sự tìm tòi và làm phong phú thêm bởi nhà văn và những người có thiện chí. Bài học tiếng Việt đôi khi cũng là những bài học buồn cười, tầm phào hoặc nhầm lẫn. Mong rằng độc giả rộng lòng, hiểu cho ý muốn của người viết truyện này. Cầu chúc sự may mắn và bằng an đến cho tất cả mọi người.*



# SỐNG DỄ LẮM

Trường sư phạm tỉnh miền núi mở lớp tập huấn cho giáo viên vùng cao vào cuối tháng Bảy. Có 11 người và họ đều là những giáo sinh trẻ lần đầu đi dạy học. Bạn đọc ở đô thị chắc hiểu ít về các trường học vùng cao cách đây ba, bốn mươi năm. Tôi chỉ có thể nói với bạn rằng không ở đâu buồn tẻ hơn và ít vụ lợi hơn ở đây; còn việc hình dung và dành tình cảm cho nó ra sao tùy bạn.

Cuối tháng Bảy, ở Tây Bắc mưa nhiều và những đợt lũ quét bất ngờ có thể gây nên những tai họa không lường trước được. Người ta cứ ông giáo Chi mang những tài liệu sách vở đến giảng cho lớp tập huấn nhưng trên đường từ tỉnh lỵ về trường, khi qua suối, ông giáo Chi bị nước cuốn sạch đồ đạc. 11 giáo sinh ra đón ngài thanh tra giáo dục, họ nửa khóc nửa cười khi thấy một ông già gầy gò, mình trần thân trụi ướt như chuột lột đang ngồi rét run cầm cập.

Tất cả những nghi lễ và dự định cho lớp tập huấn giáo dục bỗng vút đi hết vì lý do bất ngờ, những quy định ứng xử giữa ông giáo Chi và đám trẻ bỗng xoay ra hướng khác hẳn. Ông giáo Chi được các cô con gái thân mật gọi là “bố” mặc dầu, ông nửa đùa nửa thật nói rằng mình thích được coi là “bạn thân” hoặc “anh giai” hơn. Các cô con gái trở tài may vá và ông giáo Chi lập tức có ngay hai bộ quần áo được “cải tạo” từ đám quần áo cũ của họ. Hai cậu con trai không tỏ ý thân thiện gì với “bố”, dưới mắt họ ngài thanh tra giáo dục “xuống cấp”, trở thành một tay dấm dớ chẳng ra gì.

Tuy nhiên, đúng ngày đúng giờ, lớp tập huấn giáo dục vẫn được bắt đầu như thường lệ, y như quy định của Bộ Giáo dục tận mãi Thủ đô. Ông giáo Chi vốn xuất thân là lính, ông coi nhiệm vụ trên hết và không có gì ngăn cản việc ông làm nhiệm vụ được giao.

Không có giấy bút gì, ông giáo Chi đứng đặc bước lên bục giảng có các cô con gái vây quanh, hai cậu con trai bắt đầu dĩ phải ngồi cùng, không phải vì nể ông giáo mà vì nể các cô con gái.

- Dạy học là nghề sống dễ lắm! - Ông giáo Chi bắt đầu bài giảng của mình.

- Nếu lương ít, lại không có thực phẩm thì làm sao? ở các vùng cao lấy đâu ra chợ? - Các cô giáo trẻ lần đầu sống xa nhà lo lắng hỏi ông.

- Phải trồng rau chứ! - Ông giáo Chi trả lời. Nuôi lấy vài con gà... Ngày xưa, tớ (ông giáo Chi xưng “tớ” chứ không xưng “bố”)... tớ nuôi cả lợn. Chiều 30 Tết thịt lợn, đánh tiết canh... thật không có gì vui như thế... vui như Tết!

- Tất cả là do tự nhiên điều chỉnh hết! - Ông giáo Chi nói - Mình cứ sống thôi! Sống dễ lắm! - Cứ nhìn vào mắt bọn trẻ con mà sống... Cũng cần phải biết một ít kỹ năng, như cách thiến gà... Phải biết một số cây thuốc cầm máu, biết phân biệt các thứ nấm độc... Tớ có kinh nghiệm không nên tin cái gì đẹp đẽ quá...

Ông giáo Chi đưa bọn trẻ vào rừng, ông chỉ cho họ cách tìm các cây rau ăn được, các cây thuốc, cách tìm phương hướng khi lạc rừng nhờ vào việc xác định rễ ở các gốc cây. Buổi tối, họ ngồi tập hát, ông giáo Chi dạy họ bài hát về nghề dạy học:

*“Tôi không quên những giờ lên lớp đầu tiên*

*Khi bước về ngôi trường xa*

*Trang sách trắng tinh*

*Với nét phấn đơn sơ vụng về*

*Những đôi mắt đen to tròn xoe*

*Đừng hỏi vì sao tôi yêu dấu...”*

- Dạy học không có gì khó cả! Sống dễ lắm! - Ông giáo Chi lại nói - Mình cứ hình dung mình là đứa bé, đứa bé cần gì thì dạy thứ ấy... đừng dạy nó thứ không cần...

- Sống dễ lắm! - Ông giáo Chi lại nói - Giáo dục... nghĩa là tha bổng... Hễ có tội là tha... trẻ con không có tội gì... Sống nghĩa là sai lầm, là mắc tội... Mình phải yêu mạng sống của chúng như yêu mạng sống của mình...

- Thế còn tình yêu? - Những cô gái trẻ háo hức hỏi ông.

- Tôi không biết... - Ông giáo Chi lúng túng trả lời - Nhưng có sự hy sinh... nghĩa là cay đắng... Tình yêu là mang cho nhau lời nguyện cầu tốt đẹp, những cử chỉ thân tình âu yếm, dục vọng, lòng ham sống... tóm lại là cảm giác...

- Nói dối! - Một trong hai cậu con trai sầm mặt lại, chửi thề rồi nói khế qua kẻ rằng. Đây là Dân, tay thanh niên sinh ra ở thành phố - Nó hơn thế nhiều...

- Cậu thì bao giờ cũng coi cậu đúng còn mọi người là dối trá hết! - Ông giáo Chi buồn bã nói - Cậu không dạy học được. Cậu chỉ đi chiếm đoạt và áp chế người... Cậu giống “sếp” của tôi...

- Để xem... - Anh chàng Dân trả lời - Nhưng dạy học đâu có phải là nghề tốt nhất trên đời phải không?

- Tôi không biết! - Ông giáo Chi thừa nhận - Có lẽ thế thật!

- Nhưng chúng ta đang nói chuyện về tình yêu cơ mà? - Các cô giáo trẻ vẫn không bằng lòng với cách giải thích của ông giáo Chi.

- Hỏi làm gì? Rồi trước sau ai cũng biết hết... - Cậu con trai tên là Hiếu bèn lên chen vào. Khác với Dân, anh chàng Hiếu là một thanh niên nông thôn rụt rè.

- Đúng đấy! Trước sau gì ai cũng biết hết... Rồi sẽ được ăn đòn cả thôi! Đừng có vội! Đừng có sốt ruột! - Anh chàng Dân nói xong thì cười nửa miệng.

Các cô gái trẻ đòi ông giáo Chi kể về tình yêu. Ông giáo Chi từ chối mãi không được, cuối cùng ông đành nói:

- Có lẽ tôi đã yêu rất sớm... - Ông giáo Chi đỏ mặt thú nhận - Từ khi tôi còn là học trò... Mà người tôi yêu lại là cô giáo. Cô giáo đi vào lớp, tôi ngẩn ngía như muốn nuốt chửng cô ta. Sau này tôi rất xấu hổ, rất ân hận...

Hai cậu con trai tỏ vẻ khinh bỉ đứng lên bỏ ra khỏi lớp. Ông giáo Chi ngồi im. Ông biết ông đã đại dốt nói ra điều không nên nói. Ông là một nhà giáo dục thất bại. Các cô con gái an ủi ông:

- Bỏ lại bìa, phải không? Sao bỏ lại đi bìa như thế để cho người ta coi thường bố? Chúng con biết bố có một tình yêu cao thượng, có phải không?

- Ừ, ừ - Ông giáo Chi trả lời - Cao thượng... riêng tư... nhưng tôi có lỗi... tôi ích kỷ... mà lại hèn... Cô ấy là người rất kiên nhẫn mà cuối cùng cũng phải chán tôi.

- Cũng tại bọn đàn bà hay đòi hỏi cơ! - Các cô con gái than thở - Người ta vẫn nói đàn bà với tiểu nhân là một...

- Không phải thế đâu... - Ông giáo Chi cười đau đớn - Đây là Khổng Tử. Tay ấy là tay say mê

chính trị, hần không có tình yêu, hần yêu lẽ hơn cả tình yêu... mà tình yêu là thứ vô lẽ nhất. Tình yêu rớt rảo thậm chí còn là vô luân...

- Thế cũng phải dạy cho bọn trẻ con những điều như thế phải không? - Các cô gái lại hỏi.

- Phải dạy chứ! - Ông giáo Chi nói - Nhưng tốt nhất cứ để tự nhiên điều chỉnh là hơn... Sống dễ lắm! Cứ nhìn vào mặt bọn trẻ con mà sống. Có điều phải trung thành với công việc... Đừng có như hai thằng trời đánh kia! Tớ thề rằng chúng nó sẽ phản bội nghề dạy học. Cô nào yêu chúng rồi sẽ đau khổ... Chúng nó thì có dạy ai? Bọn đàn ông, tớ biết rất rõ... Một phần cũng bởi tại giới nữ các cô kích động nữa cơ, chúng nó là bọn lão khoét, không có phúc đức gì đâu... “Phúc đức tại mẫu”, đã hiểu chưa? Không hiểu thì rồi sẽ hiểu...

Trong lớp học có Mạ là cô gái mà ông giáo Chi yêu mến nhất. Cô gái nhà nghèo, bỏ quê lên vùng cao dạy học, lúc nào cũng nhường nhịn mọi người, lúc nào cũng tranh làm những việc nặng. Mạ ít tuổi nhất lớp nhưng cô lại có vẻ đàn chị nhất lớp. Sớm mồ côi, phải nuôi hai em nhỏ nên Mạ sớm tháo vát hơn người.

- Con ạ... Sao mà cứ đi làm tranh việc của người khác như thế... - Ông giáo Chi hỏi cô.

- Con không biết... tại số con nó thế...

- Thôi cũng được... - Ông giáo Chi ngậm ngùi thở dài. Nhưng cũng phải thương lấy thân mình. Thương người là rồi rước họa vào thân...

Cứ như thế, từng ngày một, trong nửa tháng trời ông giáo Chi truyền cho đám giáo sinh trẻ những kinh nghiệm, những nguyên tắc sơ khai về giáo dục theo cách của ông. Ông đã từng sống một mình trong gian khó, phải đấu tranh với cái đói, sự hiểm nguy. Ông là giáo viên tiểu học, một viên chức thấp nhất trong ngành giáo dục, ông rất dễ bị tổn thương, rất dễ bị người khác si nhục hoặc coi thường, ông nói ra những kinh nghiệm của ông để bảo vệ thân phận, bảo vệ miếng ăn cũng như nhân cách của ông. Đơn giản mà kiên quyết, không có chút gì khoa trương và khoan nhượng hết.

- Không nên tin ai! Sống dễ lắm! Trong gian khó mà tin người là chết! Tất cả mọi người đều có khả năng phản bội, kể cả phản bội những đức tin cao quý nhất, vì thế mới có cái chết chứ... Chi có một sự bất tử duy nhất là huyền thoại... trong huyền thoại thì tình yêu là thứ huyền thoại vĩ đại và cay đắng nhất...

Khi lớp học tan thì mọi người đã thân thiết với nhau lắm, thậm chí anh chàng Dân còn khoe rằng đã hôn được tất cả các cô gái ở trong lớp học. Họ ghi vào sổ tay của nhau những lời chúc tụng tốt đẹp, những bài thơ... Các cô con gái chép cho nhau cả những bài hát để khi về trường dạy lũ trẻ con... Rồi khóc lóc... Rồi chia tay... Rồi tiễn nhau ra bờ suối. Những cánh chim bay đi. Vùng cao xa mờ trong mây núi. Các thầy cô giáo trẻ tuổi bịn rịn lên đường, vừa háo hức, vừa sợ hãi, cả vui với buồn lẫn lộn. Ông giáo Chi lợi suối trở lại tỉnh lý báo cáo với trên về việc mở lớp “tập huấn” của mình.

- Không có tài liệu! Không có sách vở! Không có chương trình! Mình trần thân trụ! Thế ông làm những trò gì cho những giáo sinh ở vùng cao ấy? - Người ta hỏi ông.

- Tôi nhen lửa... nghĩa là thổi vào lòng họ vài ngọn gió... Tôi bảo họ sống dễ lắm! Chi có thể thôi.

Người ta cười phá lên:

- Ngọn gió! Thật là đồ ngu! Đồ dối trá! Sống dễ lắm! Ông đã làm hỏng toàn bộ phương pháp. Rồi ông sẽ biết thế nào là sống dễ lắm!

Ông giáo Chi bị cách chức, bị chuyển đi làm việc khác. Người ta bảo ông:

- Mất xích giáo dục, ông già ạ, trong chuỗi mất xích giáo dục thì ông đã làm cho mất xích vùng cao mất toi, chẳng ra cái gì...

Ông giáo Chi ngậm ngùi xếp đồ đạc vào chiếc ba lô bạc màu ngày trước của ông. Người lính già cảm thấy lòng mình tan nát. Ông đành thôi việc về quê. Sống dễ lắm chẳng phải là một câu nói đùa của miệng cho vui sao? Vùng cao xa xôi trong ông chỉ còn mơ hồ là những đám mây trắng trong dãy núi xa xôi, tiếng cười vô tư lự của đám giáo sinh trẻ tuổi, hình ảnh cô bé Mạ năm nào, cái cô giáo cấp một chịu thương chịu khó có thân hình gầy gò bé nhỏ trông chẳng khác gì một đứa trẻ chăn trâu ở trong xóm núi...

Ba mươi năm sau, ông giáo Chi khi ấy đã thành một ông lão quá tuổi “thất thập cổ lai hy” chỉ loanh quanh nơi vườn nhà. Một hôm ông có khách, khách là hai mẹ con nhà kia từ nơi xa xôi đến chơi. Chưa bao giờ ông vui như thế: cô giáo Mạ ngày nào đưa con gái về thành phố đi thi đại học ghé lại thăm thầy giáo cũ.

Ông giáo Chi cười không thành tiếng:

- Thế nào? Vẫn còn nhớ ta ư con? Sống dễ hay khó hả con?

Cô giáo Mạ vừa lôi trong túi xách ra những gói quà đặt lên mặt bàn vừa cười:

- Kể cũng thất điên bát đảo nhưng xét cho cùng thì sống dễ lắm! Bố có nhớ không? Lớp học ngày ấy có 11 người... chết mất một nửa cả rồi... Ông Dân bây giờ lên chức to lắm nhưng không còn làm trong ngành giáo dục. Ông Hiếu nghiện nặng, nghiện thuốc phiện, bị đuổi khỏi ngành vì đi sàm sỡ với cả học trò...

- Tớ biết ngay mà! - Ông giáo Chi than thở - Thăng Dân tham vọng quá, nghề dạy học là quá bé nhỏ với nó. Những tên lưu manh bao giờ cũng phải khua khoảng ở nơi đất rộng có người chen chúc. Thăng Hiếu thì tình cảm quá, không thắng được bản năng... Chà! Lũ đàn ông! Thầy bậy thầy bạ! Phúc đức gì lũ chúng mày!

Ông giáo Chi khổ sở, bận rộn với những ý nghĩ trong đầu y như trước mặt ông đang có 11 đứa con giống như ở trên lớp học vùng cao ngày nào. Ông mỉm cười với người học trò mà ông yêu mến nhất, đứa con gái trung thành của ông:

- Hãy kể chuyện đi, con gái... Sống dễ là như thế nào?

- Cũng đói... Cũng rét... Cũng khổ đủ đường nhưng rồi cứ nhìn vào mắt bọn trẻ con mà sống...

- Thế những đứa khác thế nào?

- Cũng thế... Bố còn nhớ con bé Thảo không?

- Cái con bé trắng trẻo, vẫn hay nói lắp chứ gì?

- Đúng rồi! Nó yêu ông Dân... tình yêu đơn phương... Nó bỏ vào rừng, nó cứ đi mãi, nó sa vào tổ ong đất rồi chết. Chỗ ấy mặt đất rất sạch, lại rất phẳng phiu, bên trên không có một ngọn cỏ nào... Cái hồ toàn ong là ong sâu hơn bốn mét...

- Khô! Đã bảo không được tin vào cái gì sạch sẽ cơ mà! - Ông giáo Chi rên rỉ, nước mắt rùng rùng - Cái con bé xinh thế! Thật tội nghiệp! Thế bây giờ mộ nó ở đâu?

- Vẫn ở trên ấy, bố ạ... Bố còn nhớ dãy núi Đầu Hồ không? Nó nằm ở đấy 30 năm rồi...

- Thế những đứa khác thế nào?

Cô giáo Mạ ngồi im một lát như muốn nhớ lại từng người bạn cũ ngày xưa, cô nói:

- Được cái không ai bỏ nghề dạy học... Nhưng hề đứa nào dính đến yêu đương là chết... Khổ thế đấy! Đứa nào an phận thủ thường thì cũng vung vinh hơn người...

- Ta đã bảo mà! - Ông giáo Chi gật đầu - Cứ để cho tự nhiên điều chỉnh là hơn! Cứ mơ mộng hão huyền là chết... Đừng có lãng mạn viễn vông gì cả... Thế còn con? Con gái của con năm nay thi vào đại học? Thế bố nó đâu? Bố nó làm gì?

Cô giáo Mạ đưa mắt nhìn cô con gái. Cô con gái biết ý bèn lên đi ra ngoài sân.

- Bố nó ngày xưa cũng là thanh tra giáo dục - Cô giáo Mạ thì thào - Anh ấy đi về trường con có mỗi một lần... cũng y như bố, buồn cười, mình trần thân trụ...

Ông giáo Chi cảm thấy nghẹt thở, nước mắt chảy ra giàn giụa.

Ông cười không thành tiếng:

- ừ... Vậy nó là thanh tra giáo dục... Thế nó nói gì?

- Không nói gì cả...

- Thằng ông mãnh! Thế là nó khôn...

- Được cái thật thà... Mà khỏe lắm! Cứ như lực điền...

- Đúng rồi... Tất cả là ở cảm giác...

- Hồi ấy mùa thu... Hoa cúc nở vàng như mê như man ở trong thung lũng. Mật ong thì nhiều vô kể... Lũ học trò mang đến cho con bao nhiêu là hoa với mật ong...

- ừ ừ... ta hiểu... Thế cũng xơi chứ?

- Vâng... Ăn tham không tương tượng được. Toàn mật ong rùng vào loại ác chiến...

- Có phải nó đặc sánh mà lại vàng như ánh nắng ở dưới mặt trời phải không?

- Vâng... vàng như màu hồ phách... Mà trong suốt.

Cô giáo Mạ ngồi lặng im một lát không nói năng gì. Mỗi lúc sau ông giáo Chi mới húng hắng ho. Ông nói nhỏ nhỏ:

- ở vùng cao ấy, con ạ, không khí rất sạch, rất tốt cho trẻ con đấy!

Cô giáo Mạ như bừng chợt tỉnh, mỉm cười:

- Vâng... được cái không khí thì sạch lắm. Hồi đẻ con bé, con tự làm lấy hết... tự cắt rốn cho nó, tự may vá lấy...

- Thế lúc ấy không có ai à?

- Không có ai... May mà cũng không nhiễm trùng... Hôm ấy trời mưa rất to...

Ông giáo Chi đỡ lấy chén nước mà cô giáo Mạ vừa rót cho ông, ông nói:

- Con bé của con xinh lắm! Thế nó ngoan chứ? Có hiếu chứ?

- Vâng... Được cái cháu nó cũng ngoan, cũng biết thương mẹ. Con nghĩ thi được Đại học thì thi, không được thì thôi...

- ừ... phải nói với nó là sống dễ lắm... Đừng làm nó sợ...

- Con hiếu... - Cô giáo Mạ tần ngần nhìn ông giáo Chi, tự dưng nước mắt ứa ra - Bố già rồi... Thế bố có còn nhớ gì về những nơi ở ngày xưa của bố hay không?

Ông giáo Chi gật đầu, ông nói rất khẽ cứ như là ông tự nói để cho mình nghe:

- Có... nhớ chứ! Toàn núi là núi nhĩ? Mà toàn núi xanh mây trắng...

Một lúc sau, hai mẹ con cô giáo Mạ từ biệt ông giáo Chi để trở về nhà, trở về trường học cũ của họ. Giống như ngày xưa: lại nước mắt, những lời ly biệt...

Ông giáo Chi tiễn người học trò đi rồi mà cứ thần thờ tần ngần đến suốt mấy tiếng đồng hồ. Hôm sau, hôm sau nữa ông cứ lơ lửng như người mất hồn. Nhiều lúc, ông giáo Chi bỗng thấy người mình tựa như nhẹ bỗng, nhẹ đến nỗi tưởng như có thể bay lên được kia! Chao ôi! Ước gì ông có thể bay lên trời được! Như những ngọn gió! Như những ngọn gió! Nếu bay lên được thì ông sẽ bay đến những dãy núi xanh xa xôi tít tắp kia, nơi ấy lẫn khuất trong mây trắng và sương mù, nơi ấy không khí rất sạch và khoáng đạt, nơi mà hoa cúc đại nỏ vàng rực rỡ như mê như man đầy trong những thung lũng hoang vắng không có một bóng người nào.

Phải rồi! Điều cốt nhất là phải không có một bóng người nào! Như thế thì sống dễ lắm! Nhất định rồi ông sẽ về đấy mà! Ông sẽ về đấy. Ông nghĩ như thế? Cho ngày mai... Mai...

## ĐƯA SÁO SANG SÔNG

Bà Hai Thoan ngồi bán nước, lại thêm cả nghề chứa trọ ở cổng sau chợ Niệm. Chợ Niệm đây là chợ Niệm Nghĩa, nằm ở bên sông Lạch Tray. Chợ Niệm Nghĩa trước chỉ họp mỗi tháng bốn phiên, nhưng gần đây hàng buôn lậu Trung Quốc sang nhiều nên họp cũng lung tung thất thường. Giáp Tết, chợ ngày nào cũng họp. Phiên sáng, phiên chiều... nếu có tàu chở hàng lậu về đêm thì thêm cả phiên tối. Không có điện thì có máy nổ phát điện, điện giăng như sao sa... Trên bến, dưới thuyền, mua mua, bán bán, này anh, này chị, này chú, này cô, “háo ló”... hàng Đài Loan, hàng Hồng Công, hàng Trung Hoa lục địa, hàng Nhật Bản, hàng Sài Gòn... “thượng vàng hạ cám” chẳng thiếu thứ gì.

Bà Hai Thoan mắt kém, hơi lãnh tai nhưng được cái mạnh khỏe. Bà ngồi một chỗ bán nước nhưng dưới “trướng” của bà có hai con bé giúp việc lúc nào cũng nhanh thoăn thoắt, làm đủ mọi việc trên đời, đâu ra đấy, không chê vào đâu được.

Giáp Tết, trời chuyển gió bắc, mưa phùn, rét như cắt ruột. Mưa suốt từ đầu tháng Chạp đến 27 Tết. Sáng 27 Tết nắng ấm dần lên. Hàng về nhiều. Chưa bao giờ chợ Niệm đông như phiên hôm 27 Tết năm ấy.

Bà Hai Thoan ngủ dậy, vừa mở hàng thì nghe thấy tiếng rầm rì, xôn xao, ở ngoài cổng chợ. Tiếng la hét. Tiếng người chạy đuổi nhau rầm rầm.

- Thăng Bột! Thăng Bột điên!

Hai con bé giúp việc cho bà Hai Thoan chạy vụt ra ngoài.

Một gã đàn ông to lớn, đầu trọc lóc, mặt đỏ phùng phùng đang cầm một cái đòn gánh quay tít trên đầu.

- Chết thật! Thăng Bột rồ! Thăng Bột điên! Thăng Bột rồ! Thăng Bột điên! ở chợ Niệm này không ai lại không biết thăng Bột?

Thăng Bột ở dưới vạn đồ. Năm bảy tuổi thăng Bột bị mẹ mìn bắt bán cho người ở trên mạn ngược. Nghe nói thăng Bột bị “chải”, trí óc nó phát triển chậm, nó không biết đếm, không biết tiền bạc, nó chỉ thích làm những việc nặng: cày bừa, bở củi, mang vác... Nó ăn rất khỏe, có bữa tới mười bát cơm... Sau có người ở vạn đồ đi buôn, nhìn thấy nó về mách cho người nhà mang tiền lên chuộc. Bình thường nếu không điên thì thăng Bột trông rất hiền lành, nó ngồi ở cổng chợ bắt chấy, chờ người ta thuê nó làm việc để ăn cơm hay lấy tiền đi cắt tóc. Thịnh thoảng thăng Bột lại còn ê a hát nữa, bài hát cũng rất buồn cười.

*Ngày mai ông sẽ là đời... Đô hò dô!*

*Các con ở lại buồn vui thế nào... Đô hò dô!*

*Chuồn chuồn với lại cào cào... Đô hò dô... Đô hò dô!*

*Bay cao bay thấp cũng vào áo quan! Đô hò dô!*

Trông thăng Bột làm việc ai cũng lắc đầu lè lưỡi: hai bao xi măng cấp ở hai nách, hai bàn chân to bè bước huỳnh huých trên tấm ván cầu. Thăng Bột đi nghênh ngang giữa chợ, cái vai trần lực lưỡng của nó lờ huých phải người nào, người ấy loạng choạng có khi xây xẩm mặt mày.

Thường thường, mỗi năm thăng Bột hay lên con điên vào dịp tháng Bảy là tháng nóng nhất trong năm. Khi ấy, người nhà thăng Bột lại phải đưa nó về nhốt ở trong nhà. Cũng có khi người ta phải dùng dây xích xích nó. Được cái mỗi con điên cũng chỉ vài ngày... ấy thế mà sao năm nay giáp

Tết thăng Bọt lại lên cơn điên là có thể nào?

Hai con bé giúp việc cho bà Hai Thoan chạy về. Đưa bé gái mắt một mí, môi đỏ cứ như thoa son có vẻ rất thạo tin tức:

- Tại người ta cho nó uống bia “Vạn lực”. Bia “Vạn lực” có pha thuốc sâu, trong văn văt mà say chết người...

Bà Hai Thoan giận dữ:

- Quân dã man! Đồ chết đâm chết chém! Sao có thứ hàng hoá dã man như thế... Nó định giết hết người ta hay sao?

Hai con bé giúp việc cho bà Hai Thoan lại định chạy vụt đi nhưng bà giữ lại:

- Đồ ranh con! Chạy ra nó vụt vỡ đầu bây giờ! Đi vào trong nhà!

ở giữa chợ thăng Bọt đã vứt cái đòn gánh đi. Cái vũ khí này quá nhẹ với nó. Nó đang xô đổ sập vại của bà Cả Phụng. Nó giật lấy cái ghế băng bằng gỗ nghiêng vùn dùng để ngồi. Có lẽ cái này mới là vũ khí nó cần, cái này mới đầm tay nó! Nó cười khanh khách, nó vung cái ghế vù vù trên đầu. Đây là gậy bọc thép của Tôn Hành Giả. Đây là thanh long đao của Quan Vân Trường. Đây là bát xà mâu của Trương Dực Đức!

Người đi chợ cứ xô nhau chạy, ngã dúi ngã dụi vào nhau. Mỗi khi cái ghế băng nện xuống đầu lại nghe thấy tiếng rầm rầm, răng rắc. Tiếng la hét, tiếng kêu cứu, tiếng chửi rủa tưởng như vỡ chợ.

Có một cô đang đẩy một chiếc xe nôi. Trông thấy thăng Bọt, cô ta cuống lên. Kìa thăng Bọt đang xông đến! Cái ghế băng quay tít trên đầu. Có ai rú lên. Bỗng lúc ấy xuất hiện một người đàn ông lịch sự, đầu chải mượt, mặc bộ comlê đúng một, tay xách một cái cặp số.

- Mẹ mày chứ!

Không biết thăng Bọt chửi thế hay người đàn ông kia chửi thế.

Cái ghế băng nện xuống. Người đàn ông giơ cái cặp số lên đỡ. “Bép” một cái, mắt thăng Bọt nhìn thấy mắt người đàn ông. Có lẽ cả hai ánh mắt đều điên như nhau! Thăng Bọt như bị hóa giải, bị điện giật! Nó quăng cái ghế băng đi, người rũ xuống. Người ta xông vào trời nó, nó cũng mặc kệ. Hai trật tự viên vội dẫn nó đi.

Bà Hai Thoan với hai đứa bé con giúp việc chạy lại đỡ người đàn ông. Ông ta bị ngã, chiếc áo vét rách toạc, máu chảy đầm đìa ở một bên vai. Cái cặp số bẹp rúm, vỡ một miếng tương.

Người đàn ông nhăn nhó, lẩm bẩm:

- Mẹ cha nó! Cái thăng điên quá!

Bà Hai Thoan bảo:

- Thì nó điên mà! Nó rò đấy! Rõ may cho ông không bị nó đánh vỡ đầu.

Người đàn ông gượng dậy, nhìn quanh quất:

- Thế có ai bị thương không nhỉ?

Bà Hai Thoan cười:



- Chỉ có ông thôi, ông trẻ ạ! Ông cứu cả chợ Niệm hôm nay đây! Đúng là Triệu Tử Long, đúng là anh hùng xạ điêu...

Người đàn ông cười ngượng ngáp:

- Anh hùng cái gì... Cũng là liều thôi! Trông thấy đứa bé nằm ở trong nôi là tôi không kịp nghĩ nữa... Cũng may là chỉ bị thương nhẹ nhẹ...

Bà Hai Thoan đỡ người đàn ông vào nhà. Bà bảo con bé con giúp việc mát một mí, môi đỏ cứ như thoa son:

- Con nỡm! Đỡ cho ông ấy cái cặp...

Người đàn ông bối rối:

- Không được! Trong cặp này toàn là của quý! Mày chạy đi mất thì tao đuổi thế nào được?

Hai đứa bé cười rũ rượi, xô đẩy nhau. Thật đúng là đồ đa nghi! Có tiền rút ra đường chúng cũng chẳng thèm nhặt nữa là!

Người đàn ông vừa bước vào nhà bà Hai Thoan thì mọi đồ vật trong nhà như rú cả lên: cái chổi để ở góc nhà tự dưng ngã vật ra, chiếc đồng hồ báo thức hồng đã nửa năm nay bỗng dưng đổ chuông âm ỉ, chiếc đèn dầu hờ ổng muống bỗng cháy bùng bùng... Ông ta thờ dài. Ông ta nói:

- *Nhà ta nắng đột vào trưa...*

Bà Hai Thoan bỗng dưng cảm động. Từ đây bà cứ như người lên đồng, ông khách lạ như hợp mắt hồn của bà. Bà chẳng còn “tinh táo, lạnh lùng, dút điếm” giống như ngày thường, giống như cách bình luận viên bình luận bóng đá trên tivi, giống như cách nói của hai con bé giúp việc cho bà.

Ông khách rửa ráy chân tay, băng bó vết thương xong rồi hỏi bà Hai Thoan:

- Này bà, tôi muốn thuê phòng trọ. Có được không?

Bà Hai Thoan cười:

- Ông chỉ nói đùa! Nhà chỉ có một phòng, một giường. Hiện có hai chú “cửu vạn” người Thái Bình trợ. Ông thuê ban ngày thì được, chứ ban đêm các chú ấy về đây ngủ... Nhưng nói đại, ông đi thuê phòng làm gì?

Ông ta bảo:

- Làm gì mặc tôi. Thế này nhé! Tôi chỉ ở đây đến tầm giờ chiều. Tôi trả tiền trọ 100 nghìn, tiền ăn trưa 100 nghìn. Tôi có hai người. Hai hai là bốn. Bốn trăm nghìn. Xong chưa?

Bà Hai Thoan cười, gật gật đầu. Bà nghĩ bụng:

- Chắc lái buôn! Chắc mới “trúng quả”! “Sộp” ra “sộp”! Anh hùng chơi nông thì phải thế chứ!

Bà Hai Thoan ngồi tựa lưng vào vách bán hàng. Chỗ vách thủng, bà đã kín đáo “ngụy trang” bằng một tấm lịch vẽ hình “Vạn lý trường thành”, vì thế dù có ngồi bán hàng nhìn ra đường bà vẫn quan sát được trong nhà và ngoài phòng trọ.

Người đàn ông loay hoay ở trong phòng trọ một mình. Ông ta có vẻ đau đớn. Chắc cái chùy

của thằng Bọt rồ nó giáng cũng mạnh.

Bà Hai Thoan thấy ông khách nằm nghỉ một lúc, rồi ngồi dậy mở khoá chiếc cặp số vợ, lục lọi trong đó. Ông khách ngần ngừ một lát rồi lại khóa lại, lại mở ra, cười một mình, cứ thế mấy lần.

- Năm nay Tết nhất có vẻ “xôm”, phải không bà?

Bà Hai Thoan giật mình. Ông khách đã thay bộ đồ khác, ngồi ở trước mặt bà từ lúc nào, miệng hỏi, mắt lơ đãng trông ra ngoài đường.

- Vâng, Tết nhất năm nay đông vui hơn mọi năm... Bà Hai Thoan trả lời - Ông làm cốc rượu “cuốc lủi” cho nó thơm râu, ông nhá!

- Được, bà cứ rót đi... quang cảnh ở đây vẫn như xưa... *Cây thì vẫn đứng thế thôi. Hàng thì bán đứng bán ngồi chen nhau...*

- Thì nhà quê mà! - Bà Hai Thoan chép miệng - Sống già cả đời mà chẳng thấy văn minh gì cả... Ông nên xoi thêm quả trứng luộc ông ạ...

- Vì người ta đã dìm thuyền...

- Ai dìm thuyền? Ông xoi thêm quả trứng luộc nữa, ông nhá...

- Được! *Chốc nữa thế nào cũng giông. Sang đò tôi đến giữa đồng là mưa...*

- Chẳng mưa được, ông ạ... mưa suốt từ đầu tháng Chạp đến nay còn gì... Thế ông chờ hàng về hay ông đợi ai?

- *Gọi em một tiếng tương xong. Không ngờ ai nấp trong lòng trộm nghe...*

- Chết! Có trộm à? - Bà Hai Thoan ngơ ngác hỏi. Hai con bé giúp việc cho bà Hai Thoan ôm nhau cười ngặt nghẽo. Một đứa vừa cười vừa giải thích cho bà Hai Thoan hiểu:

- Đây là bác ấy đọc thơ... Bà chẳng hiểu gì... cứ tưởng bác ấy nói chuyện...

Bà Hai Thoan cũng cười:

- Không hiểu con mẹ mày! Cái gì mà tao không hiểu... Bà cũng thơ văn chứ! Ông ạ... thế ông bảo ai dìm thuyền? Thế ông bảo ai ăn trộm?

Ông khách lạ nháy mắt với hai con bé con:

- Đòi! Rồi thời gian! Bà lão ạ... Đòi bạc lắm... Người bạc lắm... Dìm đi hết! Trộm đi hết! *Cánh hoa sắc một lưỡi dao. Vì yêu tôi cứ cầm vào như không.*

Đứa bé gái giúp việc cho bà Hai Thoan mát một mí, môi đỏ cứ như thoa son, hỏi ông khách:

- Sao bác cứ lúc lắc đầu, cứ ngoáy tai mãi thế?

Ông khách khỏ sở:

- Nó cứ kêu... ở trong tai...

- Cái gì kêu?

- Thờ... khổ thế... Nó cứ kêu trong tai...

Hai con bé con lại cười ngặt nghẽo. Ông khách lạ cũng cười. Bà Hai Thoan cũng cười... Cái lão rồ này! Sao lại có thờ bay ở trong lỗ tai như thế?

- Này ông... Hay là ông bị bệnh xay lúa? ở Quán Toan có ông Ngọng, lúc nào trong tai cũng ù ù như xay lúa...

- Không... không phải ù ù... Cứ một câu sáu, một câu tám... *Đến khổ... Bên nhau sà sã suốt ngày. Vừa đi vừa bước đã đầy nhớ thương. Cầm lòng bán cái vàng đi. Để mua những thứ nhiều khi không vàng...*

- Vẫn thế thôi ông ạ... Vàng đâu mà nhiều thế? Có mà mạ vàng! Nói đại, trông thấy ông đánh nhau với thằng Bột rồ mà tôi chết khiếp. Thế ông đợi hàng về hay ông đợi ai mà cứ ngong ngóng từ sáng đến giờ... có lẽ cũng quá Ngộ mất rồi còn gì...

- Quá rồi! Quá rồi... Sắp chiều rồi! Sắp tối rồi!- Ông khách rên rĩ - Tôi già rồi, sắp hết đời rồi! Bà lão đoán tôi năm nay bao nhiêu tuổi nào? Đến tuổi tôi là tuổi phải mạ vàng tất cả... ấy thế mà vẫn phải đi đánh nhau có khổ tôi không?

- Chịu, ông ạ... Dễ thường ông phải đầu năm?

- Còn các cô bé? Các cô đầu mấy?

Hai con bé lại ôm nhau cười ngặt nghẽo.

- Đầu một! Chúng cháu đầu một!

- *Đầu một là đầu một ơi, Có chung giọt nước mắt rơi xuống lòng. Đừng buồn giọt mắt xuống sông. Anh về đâu chỉ đồ không cũng chìm... Các cháu ạ, chúng mày chẳng biết gì về thời gian! Cứ cười đi! Đồ nỡm! Đồ giặc cái! Bao giờ cho đến đầu năm rồi mới biết nhau... Thôi đành bầu rượu nắm nem. Nghiêng trời uống cạn để xem chiều tà. Vẫn còn ngòn ngọt tiếng gà. Chưa chi tóc đã tà tà sương phơi... Chỉ mong người sống có tình. Cho sông hết lũ cho mình vẫn ta...*

Có bóng ai mặc áo hoa đỏ thấp thoáng chen giữa chợ. Ông khách nhón nhác đứng dậy. Hai con bé dọn đám vỏ trứng luộc cho vào thùng rác. Bà Hai Thoan hỏi:

- Chúng mày đếm xem mấy quả?

Hai con bé lại cười ngặt nghẽo:

- Những sáu quả bà ạ!

Bà Hai Thoan lắc đầu:

- Có tuổi mà lại tham như mõ! Đúng là phi phàm! Tao bán hàng bao nhiêu năm nay, chưa thấy ai ăn sáu quả trứng vịt luộc một lúc bao giờ...

Xế trưa, khách vào hàng của bà Hai Thoan tấp nập. Uống nước, ăn quà... chuyện tâm phào. Giá vàng lên từ 580 nghìn đồng một chỉ lên so với ngày hôm trước 2 nghìn đồng. Bà Hai Thoan mãi bán hàng nên cũng chẳng để ý ông khách lạ đi đâu. Mãi, nghe tiếng thì thào ở trong phòng trọ, bà mới vén tấm lịch “Vạn lý trường thành” để ngó mắt xem. Trong phòng trọ, ông khách lạ đang ngồi với một cô gái mặc áo hoa đỏ, dáng vẻ nhà quê. Góm, cái lão ma bùn này, cũng giai gái ra trò! Để xem họ nói những gì!

- Chờ từ sáng... mỏi cả mắt. Đã bảo ở cổng sau mà lị! Tớ đã định bỏ về... *Bao nhiêu là thứ bừa bệ. Vẫn không bằng được nhà quê nơi mình...*

- Khổ! Ai biết đâu... cứ tưởng người nào thơ văn thì phải “quang minh chính đại” chứ, nếu có chờ thì chờ ở cổng trước chứ sao lại ở cổng sau? Em cứ loay hoay ở cổng trước đến mấy tiếng đồng hồ...

- Đây là thời thế, giờ ạ. “Quang minh chính đại” có mà mắt xoi... Thế chồng con rồi đăng ấy thế nào?

- Cũng bình thường... như người ta thôi... Còn anh, anh vẫn làm thơ đấy chứ...

- Khổ... vẫn không bỏ được cái nghề đề tiện ấy... Vẫn nhì nhằng, một câu sáu, một câu tám... *Đưa em qua trận bão người/ Bằng câu lục bát của trời cho anh...*

- Buồn cười... Hồi nào có anh gì trên Hà Nội bảo anh vốn liếng có 600 từ...

- Làm gì được 600... chỉ có ngót nghét 500. Bí lắm! Hồi nhỏ có được học hành gì đâu... ít chữ nên phải vát vạ hơn người, cứ xào xáo từng ấy từ, nhiều khi cũng ngượng... thiếu lương thiện...

- Làm thơ cũng giống như đi buôn nhì? “Buôn tài không bằng dài vốn”...

- Thôi! Không nói chuyện ấy nữa... Thế là mấy năm mới gặp lại nhau. Hồi đưa sang sông bảo về quê đi lấy chồng cũng giáp Tết như thế này đây... *Chiều nay Hồ Tây có giông. Tôi ngồi trên sóng mà không thấy chìm...*

- Buồn cười! Cứ như thông báo thời tiết...

- Không phải là thông báo thời tiết mà là thông báo thơ... thông báo hoàn cảnh và tâm trạng thơ... Thơ là cảm xúc cá nhân trong một hoàn cảnh, là kinh nghiệm cộng đồng trong một tình huống. *Tôi ngồi trên sóng mà không thấy chìm...* “*Ngồi trên sóng*” đấy là thơ! Đấy là xúc cảm... là sự tê tái tao nhã, là kinh nghiệm xót xa của một cộng đồng đàn ông đa tình đa cảm. Đại thể thế... Cũng “nhảm” lắm! Phiền lắm!

- Ôi dào... chẳng hiểu gì...

- Thì hiểu làm gì. Thế đăng ấy hàng ngày làm những việc gì?

- Nhì nhằng... toàn việc không tên. Làm ruộng. Nuôi lợn... Thả tôm giống... Đầu tắt mặt tối... Chẳng như ngày xưa... Lại thằng bé con... gấu lắm... Cũng khổ... Nhưng mà là khổ một bề... Hồi trẻ chưa lấy chồng thì khổ nhiều bề.

- Hồi ấy đăng ấy cứ như con chim sáo ấy... Bây giờ chim sáo sang sông mất rồi...

- Bây giờ thành mẹ mướp rồi...

- Chưa... vẫn còn giòn lắm! Này! Lên giường đi! Cứ ngồi thế này khó chịu quá...

- Tay anh sao thế? Sao lại có máu thế này? Xin anh... em xin anh... Đừng làm như thế... Em có chồng rồi, con sáo đã sang sông rồi...

- Mẹ khi! Có chồng càng dễ chơi ngang...

- Không được... Anh là con người thơ văn, anh phải biết chứ... Con sáo đã sang sông rồi!

- Hay là tôi già?

- Chết thật! Đừng nói thế... Em kính trọng anh, em kính trọng ông cơ mà...

- Vứt cái kính trọng của cô đi... *Nhưng em đã bỏ đi rồi. Cái mệnh mong ấy vừa rơi vừa chìm...*

- Không phải bỏ đi... là chuyện phải thế... Không xuống âm phủ giới bắt tội cho, khổ lắm... Kia! Sao máu chảy ra cả người thế này?

- Thôi! Không nói nữa! *Em bỏ chồng về ở với tôi không?*

- Đây là thơ... làm thế sao được...

- Vứt thơ đi! *Em bỏ chồng về ở với tôi không?*

- Em lạy anh... Em lạy ông... cho em về nhà. Chiều rồi, tối nay nhà em còn luộc bánh chưng...

- Thế nhất định không lên giường à? Đẳng ấy nhất quyết thế à?

- Không... không được! Không làm thế được! Nhất quyết là như thế đấy!

Bà Hai Thoan cười thầm. Con mẹ dĩ này! Gan quá! Có khí tiết đây! Phải! Mà làm thế là phải con ạ. Không có sợ gì... Thế mới là bậc tiết phụ, nghĩa phụ chứ!

- Hôm nay tôi chết ở chợ Niệm Nghĩa... Có ai đi chôn tôi không... *Chỉ mong ngày ấy mưa to. Bước chân ai có ngại dò đường trơn.... Bây giờ em đi lấy chồng. Bỏ tôi về lại bên sông tìm mình... Giã từ câu hát người ơi. Thế là tôi thấy đất trời rộng không...*

- Sao cứ ác khẩu mãi thế... Anh ơi, anh buông ra đi. Anh phải nhắm mắt lại, phải buông xuôi tay dần đi...

- Thế là phải bạc tình đấy chứ gì? Cô khuyên tôi phải chết chứ gì? Mẹ khi! *Mười năm tình giấc Dương Châu. Nói tiếng làng chơi khách bạc đầu...* Thôi! Bại bại! Cầu chúc cho em mọi sự tốt lành... Đây cầm lấy ít tiền. *"Khi mê tiền chỉ là tiền. Ngộ rồi mới biết trong tiền có tâm."*

- Thôi... sao nhiều thế?

- Cứ cầm lấy... Thế là đưa sáo sang sông... Đi đi... cút đi... xéo đi... Xéo đi! Xéo về với trật tự đạo lý của các người đi! Rồi cô sẽ phải khóc trong sung sướng cho mà xem! *Đã yêu thì nói một lời. Kéo không thắng chín tháng mười lại mưa...*

- Em xin anh... xin ông...

- Xéo đi! Xéo đi ra khỏi mắt ta... Về với tổ ấm của mi đi. Thừa các ông, thừa các bà... Chúng ta trần trọc trên cái giường bốn phận của chúng ta. Chúng ta ca hát, làm thơ trên ấy... Những con vật người! Các người cao thượng cái nỗi gì... Ta đã tóm được mi rồi, hôm nay, trong căn phòng trọ tồi tàn ở một nơi chốn heo hắt, như nhuốc này... Em ơi, may mà em thiếu chữ và ngu dốt... Ta cũng ít chữ và ngu dốt chẳng kém gì em... Nếu không hôm nay ở đây sẽ phải xảy ra một án mạng... Chúng ta là loài sâu bọ làm thơ, yêu thứ tình yêu sâu bọ... Nào! Ông bạn! Ta phải uống cho say để thưởng ngoạn sự lãng mạn sâu bọ trong ta, tình yêu sâu bọ và những giá trị đạo đức sâu bọ của con người chúng ta...

Ông khách nằm vật xuống giường, sùi cả bọt mép như thể động kinh. Người con gái mặc áo hoa ngồi nép một chỗ sợ hãi, tay cầm món tiền rúm rút khóc.

- Những giọt nước mắt ấy sẽ làm cho con già đi trước tuổi mất thôi, con ơi- Bà Hai Thoan nghĩ  
- Con ạ, con cứ khóc đi... Đàn bà chúng ta làm gì an ủi được bọn đàn ông mông muội này?

Ông khách đã ngồi nhòm dậy:

- Nào! Về đi chứ! Về với tổ ấm của cô đi chứ... *Con sáo sang sông, con sáo sổ lồng, con sáo bay xa... Tền tò con sáo sang sông. Bờ bên này tường cũng không có gì. Tền tò con sáo bay đi. Lại bờ bên ấy có gì cũng không...*

- Em xin ông... Hay là để em lên giường bây giờ một lúc... Để em cởi áo ra vậy...

- Không... Em đừng làm thế... Em hiểu sai tôi mất rồi... Thi nhân... Người thơ... Một thi nhân sa đà ngày tháng... Em đi đi, nếu không tôi sẽ đập đầu vào cột cho xem...

Ông khách đẩy cô gái ra khỏi cửa một cách khá thô bạo. Bà Hai Thoan nhìn người phụ nữ mới có một con mà tóc đã bở phờ, hông và chân đã lệch cả đi vì phải làm quá nhiều việc nặng. Tội nghiệp! Bông áo hoa phấp phới trong chiều mưa rét. Cô gái đi về phía bên sông, bước thấp bước cao, vừa đi vừa ngoái đầu lại mà mắt ướt nhoe.

Bà Hai Thoan gọi hai con bé giúp việc lại bảo:

- Chúng mày cầm hộp mứt Tết đuổi theo cái cô mặc áo hoa kia đưa cho cô ta tận tay cho bà.

Đứa bé con mắt một mí, môi đỏ cứ như thoa son, hỏi xỏ bà lão:

- Đưa cho hộp mứt rồi lấy tiền một cách “tinh táo, lạnh lùng, dứt điểm” phải không bà?

Bà Hai Thoan cười:

- Mẹ cha mày! Ranh con! Đây là của bà cho khách phong lưu đa tình đấy, con ạ... Chúng mày có hiểu gì đâu!

Bà Hai Thoan quay vào trong phòng. Ông khách lạ đã bỏ đi từ lâu rồi, có mỗi cái cặp số vút lại. Bà Hai Thoan mở cặp, thấy trong ấy có một đôi quần lót phụ nữ để trong hộp giấy bóng kính loại 30 nghìn đồng một đôi, hàng chợ của Thái Lan mới nhập vào trước Tết ít ngày.

Bà Hai Thoan cười:

- Chẳng lẽ hành trang của các thi nhân chỉ thế này sao? Thôi cũng được, ít nhất nó cũng không tầm thường như bọn phàm phu tục tử chỉ biết có tiền.

Bà Hai Thoan nâng cái cặp số hồng trên tay.

- Chắc cái lão ma bùn này định làm quà nhưng quên mất - Bà Hai Thoan cười độ lượng - Thôi thế là hai đứa bé con giúp việc cho bà cũng có quà Tết rồi đây...

Bà Hai Thoan quay ra dọn nhà. Bà đã ở độc thân trên bến sông này, ở chỗ chợ quê này bao nhiêu năm rồi. Bao nhiêu nước sông đã chảy, bao nhiêu người đã qua đây?

Phải! Bao nhiêu nước sông đã chảy, bao nhiêu người đã qua đây! Đã bao nhiêu xuân về! Mà Tết nào cũng vui như Tết... *Lẻ loi ấy một cánh chim. Viết câu thơ để sống nghìn năm sau. Mãi mê tính chuyện không đâu. Gió thương tình đội lên đầu vầng trăng.*

Ngoài sông gió xuân thổi. Kia gió xuân thổi bở phờ trên mặt sông xanh ơi là xanh!



# LÒNG MẸ

Thằng bé con 11 tuổi. Nó chạy dọc bờ đê. Mưa bụi giăng giăng. Bây giờ là mùa Xuân. Những cánh buồm nâu đang ngược gió.

Thằng bé con nước mắt ướt nhòe. Nó ảm ức khóc. Nó khóc như một kẻ oan uổng. Nó khóc vì bất bình, vì thất vọng. Nó khóc vì đau đớn, tủi nhục. Nó khóc vì nó là đứa bé con.

Thằng bé khóc như chưa bao giờ nó khóc thế. Nó khóc vì sự mất mát lớn lao. Nó khóc vì thời gian trôi đi sẽ chẳng bao giờ trở lại. Nó khóc vì lòng người đen bạc. Nó khóc vì sự vô nghĩa của toàn bộ đời sống. Đúng rồi! Của toàn bộ đời sống! Không sót tí gì. Không sót một mảy may gì!

Thằng bé rẽ xuống vệ đê. Nó chạy dọc theo con đường trồng đầy cây nếp xoan. Hoa xoan rụng trắng trên đường. Đường này rẽ vào thôn Vân. Bên kia là làng Đặng. Hai bên đường là cánh đồng ngô. Qua cánh đồng ngô là đến cầu Đen. Gần cầu Đen có vườn cải nhà Uyên. Xế chút nữa là đến vườn hồng, vườn chanh nhà bà Thư Ký. Qua nhà bà Thư Ký là đến nhà chị Nhi, đằng sau nhà chị trồng chè, đằng trước trồng đỗ ván, trồng rau dền đỏ, rau đay với rau mồng tơi.

Thằng bé ngồi nấp giữa những luống chè. Nó rất mệt. Người nó hâm hấp sốt. Tiếng ồn ào trong nhà vọng ra nghe rõ mồn một. Bây giờ đã qua giờ Ngọ. Người ta đã ăn uống xong, đã dọn dẹp bát đĩa nồi niêu. Mấy người đàn bà đang quét ngõ. Chỉ một lát nữa thôi nhà giai sẽ đến rước dâu.

Thằng bé thở hắt hắt. Mắt nó đỏ ngầu. Mắt nó ràn rụa nước mắt. Đôi môi nó run rẩy. Đôi môi nó hồng như một cánh hoa hồng đỏ hồng. Chao ôi là ảm ức! Chao ôi là oan uổng! Chao ôi là vô tình!

Thằng bé là người. Nó gục đầu vào hai đầu gối. Nó nghe chập chờn như có tiếng đàn tiếng sáo. Đúng rồi! Rõ ràng là có tiếng trống chèo ở đình làng Đặng. Trắng non chênh chếch trên đỉnh bụi tre. Ngõ nhỏ hai bên trồng rất những cây cúc tần. Đám dây tơ hồng giăng mắc. Cô gái nhỏ tát tươi chạy theo bà, vừa chạy vừa đưa tay sờ lên đôi khuyên tai bạc. Đây là lần đầu mà cô “trang điểm” Nhưng đây là chuyện từ mười năm trước, khi ấy chị Nhi mới còn bé tí, chỉ bằng tuổi nó bây giờ...

Thằng bé giơng tai nghe. Rõ ràng là có tiếng chị Nhi đang khóc thút thít. Mấy chị, mấy cô phù dâu đang gỡ tóc, chải đầu cho chị. Tiếng bà cụ Xoan đang dỗ dành con gái khi khoan khi nhặt.

- Nín đi con! Gái lớn ai chẳng phải lấy chồng. Can gì mà khóc... Nín đi không...

Tiếng khóc nghẹn ngào nén ứ trong ngực bỗng vỡ òa ra nức nở. Bà cụ Xoan nửa khóc nửa cười nín tay mấy bà mấy cô bên hàng xóm:

- Nào, nào! Nín đi, mặc áo ra chào họ...

Bà cụ Xoan gỡ tay con gái ra khỏi tay mình. Bà cụ lùi sát ra ngoài cửa buồng không để con gái có thể chạm vào được người mình. Chừng như hiểu ý, mấy chị mấy cô phù dâu vội chen lên, đứng chắn ở ngay trước mặt hai người.

- Nào, nào! Rõ quý con tôi! Các chị trông...

Chị Nhi giơ hai tay về phía mẹ, gấp người lại, nước mắt đầm đìa. Bà cụ Xoan sợ hãi nhìn quanh như muốn phân trần, như muốn cầu cứu nhưng không có ánh mắt nào, không có cử chỉ nào có thể chia sẻ hoặc nâng đỡ cho hai mẹ con bà lúc này. Ai ai cũng là người khác. Điều cay đắng đương nhiên bởi ai ai cũng là người khác. Bà cụ bỗng trở nên cứng cỏi khác thường:



- Ương ương dờ dờ quá đi thôi... Cô có còn thương đến chúng tôi... Thì đứng lên nào, lau nước mắt... Mình cô làm khổ mấy mươi người!

Mấy cô phù dâu, mấy người hàng xóm xúm xúm vào khuyên dỗ chị Nhi. Bà cụ Xoan lần giờ đám tư trang, áo quần xếp vào tay nải cho cô con gái.

- Đây áo đồng lắm, quần lĩnh tía... Đây gương, này lược, này hoa tai... Muốn gì tôi sắm cho cô đủ... Nào đã thua ai, đã kém ai?

Chị Nhi ghen ngào:

- U ơi! Con đi về nhà người! Ai ra đồng cày cấy giúp u? Ai nuôi dạy các em con? Ai trông nhà trông cửa! Lại còn món nợ ở nhà...

Bà cụ Xoan đã gói ghém xong tay nải, cười hờn hậu, nói như hát:

- Ruộng tôi cày cấy... Dâu tôi hái! Nuôi dạy em cô, tôi đảm đương! Nhà cửa tôi coi! Nợ tôi trả! Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!

Tiếng pháo nổ ran nơi đầu ngõ. Nhà giai đã đến rước dâu. Người ta đỡ cô dâu đứng dậy. Tất cả ồn lên, háo hức. Không biết ai vô ý chen lên, xô bà cụ Xoan ngã giúi vào tường.

Thằng bé đứng lên giữa khóm chè để nhìn vào sân. Đám rước dâu bên nhà giai có đến hơn ba chục người. Mấy cụ ông đi trước, bồm bẻm nhai trầu. Chú rể lác lác nhìn quanh. Hắn có khuôn mặt ngựa đực thẳng, đầy mụn trứng cá... Nước mắt thằng bé trào ra ướt đầm hai bên vạt áo. Cô dâu mới bước ra khỏi buồng.

Thế đấy! *Bắt đầu là cái thất vọng xanh...*

Đám cưới người con gái hàng xóm ấy khắc sâu vào tâm hồn cậu bé đa cảm. Bảy năm sau, khi ấy đã trở thành thi sĩ, chàng đã chép nguyên ký ức ấy vào một bài thơ như sau:

Lòng mẹ

*Gái lớn ai không phải lấy chồng*

*Can gì mà khóc, nín đi không?*

*Nín đi, mặc áo, ra chào họ*

*Rõ quý con tôi, các chị trông!*

*Ương ương dờ dờ quá đi thôi!*

*Cô có còn thương đến chúng tôi*

*Thì đứng lên nào, lau nước mắt*

*Mình cô làm khổ mấy mươi người.*

*Này áo đồng lắm, quần lĩnh tía*

*Này gương, này lược, này hoa tai*

*Muốn gì tôi sắm cho cô đủ*

Nào đã thua ai, đã kém ai!  
Ruộng tôi cày cấy, dâu tôi hái  
Nuôi dạy em cô, tôi đảm đương  
Nhà cửa tôi coi, nợ tôi trả  
Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!  
Đưa con ra đến cửa buồng thôi  
Mẹ phải xa con, khổ mấy mươi!  
Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc  
Đêm đêm mình mẹ lại đưa thôi.  
(Nguyễn Bính-1936)

# NHỮNG NGƯỜI MUÔN NĂM CŨ

“Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ...”

(Thơ Vũ Đình Liên)

Cách đây hơn 30 năm, tôi dạy học ở Bâm là một xóm núi khi ho cò gáy ở tỉnh N. cách xa Thủ đô vài trăm cây số. Hồi ấy, tôi 20 tuổi, vừa mới tốt nghiệp ra trường, tâm hồn còn rất ngây thơ.

Bạn đồng nghiệp cùng phòng với tôi là Doanh, giáo viên dạy toán. Doanh lớn gấp đôi tuổi tôi, anh từng có vợ và con.

Doanh nói:

- Tôi là một giáo viên bị kỷ luật nên mới bị đày đọa lên đây. Còn cậu, nghiệp chương gì mà cậu cũng phải rúc vào xó này?

Tôi nói với Doanh rằng tôi tình nguyện lên miền núi dạy học, rằng đó là nhiệt tình tuổi trẻ, rằng...

- Hiểu rồi! - Doanh cười - Cậu đã nuốt trọn gói thuốc đắng của nền giáo dục nhà trường. Thanh niên là vậy! Rằng các cậu rất khỏe, các cậu có thể nhai vỡ cả sỏi.

Tôi hỏi Doanh xem anh bị kỷ luật gì. Doanh nói:

- Chẳng qua là chuyện “sướng con cu, mù con mắt”. Tôi không nghĩ rằng tôi sai lầm.

Tôi không hỏi gì thêm chuyện đó, nhưng về sau chính Doanh đã bô bô kể lại. Đây là một chuyện cũng khá nực cười (nhìn chung, tất cả những chuyện trai gái đều nực cười).

Trường tôi và Doanh dạy học là một trường Bổ túc văn hóa được tổ chức có phần lỏng lẻo và lộn xộn. Hiệu trưởng là một sĩ quan quân đội chuyển ngành tên là An, tính tình nghiêm khắc và cô độc, rất thích vào rừng săn bắn. Bà vợ của ông An nấu cơm cho “hội đồng giáo viên” gồm có 4 người: ngoài tôi và Doanh còn có hai giáo viên người Thái đều có vợ con trong bản, thường mỗi tuần họ chỉ ăn cơm ở trường có ba bữa trưa là những hôm họ có những giờ dạy học buổi chiều. Học viên đến học ở trường là những người ở lâm trường và nông trường trông chè. Họ có hơn ba chục người chia làm hai lớp. Chúng tôi phải làm sao trong hai năm trời nhồi nhét cho họ có những kiến thức cơ bản của chương trình phổ thông trung học, sau đó cấp cho họ một văn bằng tốt nghiệp.

- Tất cả nền giáo dục của chúng ta - Doanh nói - là nhằm làm sao chứng tỏ mọi sự có lý. Các chứng minh hình học, các quy tắc vật lý, các bài học lịch sử... tất cả đều nhằm mục đích khiến cho người ta tưởng bở rằng mọi người đang sống trong một thế giới có trật tự tổ chức hoàn hảo. Tất cả đều láo khoét, vô lý! Thực ra toàn bộ thế giới được xây dựng trên sự ngẫu nhiên lộn xộn không có quy tắc nào cả. Con người vốn dĩ yếu đuối, họ tự phỉnh mình bằng những lập luận có lý để có ảo tưởng tự tin hồng sống qua kiếp người gian khó trầm luân.

Bà Hình, vợ ông An nói:

- Dào ôi, cậu Thiềm (Thiềm là tên tôi) xin cậu bịt tai lại! Cậu đừng nghe cái tên lang sói ấy, nó chẳng có lương tâm gì đâu! Cậu cứ dạy tốt vào cho tôi!

Doanh bảo:

- Dạy tốt! Cậu có nghe con mẹ mù chữ này nói gì không? Dạy tốt cho ai cơ? Cái lũ ngốc đến đây học, cứ tưởng thứ họ học là văn hóa, là ánh sáng, có nó thì mọi việc sẽ tốt đẹp hơn... Họ học những thứ chẳng để làm gì. Cậu hãy hình dung là vợ ông An đây, bà ta sẽ lương thiện và nấu ăn ngon khi còn mù chữ... Còn nếu được học hành, tôi xin thề với cậu là đừng hòng bà ta chịu làm như thế, bà ta sẽ để mặc chúng ta chết đói.

Bà Hình bảo:

- Không có chuyện ấy đâu nhé! Tôi chỉ biết phục vụ chồng con và nấu cơm với chăm sóc cho các cậu thôi! Nghề của tôi mà!

Doanh bảo:

- Thật là ngu hết chỗ nói! Con mẹ này hạnh phúc trong sự tăm tối. Bà ta lương thiện trong đêm đen.

Do thiếu giáo viên, tôi gần như phải dạy tất cả các môn. Tôi phải tự học và việc soạn các bài giảng đã chiếm khá nhiều thời giờ của tôi. Còn Doanh, anh chẳng bao giờ soạn các bài giảng của mình. Tuy nhiên, tôi để ý thấy học viên đều rất sợ anh và họ cũng thích khi anh lên lớp.

Doanh bảo:

- Tôi nói với họ rằng các anh chẳng cần đại số với hình học làm gì. Có dạy các anh cũng không hiểu nổi. Bản thân tôi, tôi cũng chẳng hiểu quái gì. Nhưng tôi luôn kể chuyện người ta đã làm ra đại số và hình học thế nào. Tôi kể về Pi-ta-go và O-clít. Tất cả lũ ngốc ấy đều nghĩ rằng nếu có cơ hội thì chúng sẽ biến thành Pi-ta-go hay O-clít hết.

Doanh bảo:

- Học văn có điều nguy là khiến người ta có ảo tưởng thay đổi bản thân và hoàn cảnh là điều vốn dĩ không bao giờ làm được. Trên thực tế, người ta chỉ chuyển dịch từ một hoàn cảnh thối tha này sang một hoàn cảnh thối tha khác mà thôi... ở yên một nơi thì ít bị kịch đau khổ.

Ông An hiệu trưởng gần như không tham gia vào chuyện của chúng tôi. Bà vợ ông nói:

- Dào ôi... cái lão ấy nào có biết gì... Nghề của lão ấy là giết người, bây giờ chuyển ngành rồi thì đi săn chim bắt thú... Cũng may là lão ấy không bao giờ bắn trúng được một con gì...

Tuy nhiên có một lần ông An bắn chết được một con khi nặng chừng tám cân, ông bắn được vì nó đã què sắn. Bà Hình xót xa:

- Trời ơi... Nó hệt như đứa bé con hai tuổi. Đồ bất nhân! Sao lại đi bắn nó kia chứ... Trông hai cái mắt của nó đang mở thô lỗ ra kia!

Bà Hình nhất định không cho làm thịt mà phải mang chôn con khi. Ông An không biết phải làm thế nào.

- Phải làm thế nào? - Doanh bảo - chúng ta mang nó vào rừng. Tôi sẽ cử hai đứa học trò nghi học nấu nướng cho chúng ta ăn.

Bà Hình bảo chồng:

- Nếu ông ăn thịt nó thì ông cút ngay đi! Ăn thịt nó có khác gì ăn thịt người. Chỉ có loài cầm

thú mới ăn như thế...

Doanh bảo:

- Các bậc vua chúa và thủ trưởng như Tề Hoàn Công hay Tấn Văn Công ngày xưa cũng ăn thịt người... Chẳng hề gì! Còn ông An, ông không ăn thì cũng chẳng đáng là người đi săn, cũng chẳng đáng là thủ trưởng nữa...

Món thịt khi được nấu như món thịt chó nhựa mặn. Thịt khi rất ngọt nhưng vị khá tanh. Chúng tôi phải ăn bốc trong rừng vì bà Hình nhất định không cho mượn bát đũa... Ông An uống rượu, trở nên vui vẻ, kể chuyện bắn con khi như bắn một tên thổ phi:

- Nó rất cáo già - Ông An nhắc đi nhắc lại - Nó là khi nhưng rất cáo già!

Doanh bảo:

- Thế thì gọi nó là đồ khi cáo già!

Ông An cười ngất gật đầu. Nụ cười của người say rượu thật sáng khoái vô tư!

Thường dịp mùa xuân, bà Hình hay bắt chúng tôi đi đào măng về để trữ thức ăn. Măng tươi luộc lên trắng ngần, nấu thành món canh với nước luộc gà, cho vào một ít hành hoa, mỡ gà nổi lên nhấp nháy như những ngôi sao nhỏ nhiều cánh màu vàng chanh. Bà Hình còn tích măng khô để dịp nghỉ phép cho bọn chúng tôi mang về làm quà.

Doanh bảo:

- Cái thứ quà măng khô với mấy cái lông nhím, lông gà rừng nó gây ảo tưởng cho gia đình tôi tưởng rằng tôi đang sống ở trong xứ sở thần tiên chứ không phải ở trong địa ngục.

Bà Hình bảo:

- Nếu thế thì cậu đừng mang về nữa.

Tuy nói thế nhưng khi Doanh về phép bà Hình vẫn cho măng và Doanh cũng vẫn nhận.

- Chúng ta phải luôn luôn đầu hàng hoàn cảnh và phong tục - Doanh bảo - Như thế để chúng tôi ta có giáo dục, có văn hóa, có tâm. Khốn nạn thật! Sao mà tôi ước ao có được sức mạnh của con đười ươi sống đơn độc trong hang núi kia!

Trên hang núi gần trường có một con đười ươi đực, nặng phải tới gần 100 cân. Những hôm nắng, nó ra ngoài cửa hang phơi nắng. Chiều tới đến, nó hú lên những tiếng hú âm thầm man rợ y hệt như tiếng người. Chúng tôi đã nhiều lần trông thấy nó đứng trên mỏm núi nhìn xuống sân trường và làm những cử chỉ rất tục tĩu.

- Đây là một cách nó bình luận về nền giáo dục của chúng ta - Doanh bảo - Tôi thấy nó có lý.

Ông An bực mình:

- Cậu Doanh! Sao cậu lại nói thế? Người ta vẫn nhốt vào tù những thằng nói nhăng như cậu.

Doanh bảo:

- Thì chúng ta vẫn sống cùng nhau đấy thôi!

Ông An bảo tôi:

- Cậu Thiềm! Cậu phải biết cách tự bảo vệ mình. Còn thằng Doanh, tôi thấy nó nham hiểm thế nào... cái câu “chúng ta vẫn sống cùng nhau” là có ý gì?

Bà Hình bảo:

- Còn ý gì nữa? Tức là nó bảo chúng ta cũng đang ở tù, thế là “sống cùng nhau” chứ gì?

Vợ chồng ông An có cô con gái tên là Xuân đang học đại học ở tận dưới xuôi, mùa hè thường ghé về nhà. Khi cô về, không khí ở chỗ chúng tôi như thay đổi hẳn. Khi cô đi, tất cả trở nên thẫn thờ, sự hiu quạnh buồn tẻ trước đây không ai nhận thấy bây giờ bỗng nhiên hiển hiện ra rõ ràng quá, cay đắng quá!

- Cái ghế này con bé Xuân nhà tôi hôm trước vẫn ngồi - Bà Hình nói với chúng tôi - Xin các cậu đừng để dây nhợ nòi vào đấy! Cậu Thiềm, cậu có thấy mỗi lần con bé nó về nó lại xinh hơn ra không?

Doanh bảo:

- Nó ngày càng có vẻ khiêu dâm hơn thì có! Đây là kết quả của việc tiếp thu văn minh đô thị. Bà mẹ tội nghiệp à, bà đang mất dần con gái bà đấy! Học văn và tiện nghi sẽ làm móng vuốt của nó sắc nhọn ra, nước bọt của nó biến thành thuốc độc, tâm hồn của nó giăng như lưới nhện... Tôi thích cái bàn tay hái chè của nó ngày xưa, móng tay trụi thui lụi, các ngón tay mòn đi, dưới lớp da “trần bì” khá dày của nó có rất nhiều lương tâm với lòng chằng nỡ, còn bây giờ không cẩn thận là toàn vì trũng...

Bà Hình tức điên lên:

- Đồ đều! Tại sao miệng lưỡi mày độc ác như thế hả Doanh?

Doanh bảo:

- Thôi thôi! Tôi không nói nữa. Chân lý bao giờ cũng trắng trợn nên rất khó nghe... ừ thì con bà xinh, ừ thì con bà đẹp...

Bà Hình bảo:

- Chứ không à? Cứ trông dáng đi của nó xem có kiêu sa không nào... Nó học ở thành phố là tốn kém lắm, tôi cho nó bao nhiêu tiền tôi cũng chẳng tiếc...

Bà Hình nhớ con đến ngơ ngẩn người, như mất cả hồn, không để ý nên bữa ấy nấu cơm sống. Ông An bỏ cơm, xách súng vào rừng đi săn.

Bà Hình hỏi tôi:

- Cậu Thiềm! Cậu có thấy con bé nhà tôi thông minh không?

Doanh bảo:

- Đàn bà mà thông minh sẽ khó lấy chồng mà lấy chồng thì khó hạnh phúc...

Bà Hình bảo:

- Chỉ mong nó được yên ổn...

Doanh bảo:

- Đấy đấy! Cái đấy mới cần! Yên ổn thì chẳng cần thông minh làm gì... Thế lần này nó đi, ông bà cho nó được bao nhiêu tiền?

Bà Hình bảo:

- Có bao nhiêu tiền đưa cho nó hết nhưng chị chàng có vẻ không được bằng lòng... Bố mẹ nghèo thì con cái cũng bị thiệt thòi có phải không nào?

Doanh bảo riêng tôi:

- Tội nghiệp bà mẹ thực thà! Cậu có để ý đôi mắt trắng dã của con bé ấy không? Cô công chúa Lọ Lem này là người quyết liệt lắm đây! Cứ chờ đấy rồi nó báo hiếu!

Cuộc sống ở xóm núi heo lánh trôi đi đơn điệu, buồn tẻ. Khi chiều về, tiếng mõ trâu lóc cóc khua vang ở dưới chân núi xa xôi, lẫn lộn với khói lam chiều, rồi chìm lịm đi ở cuối vực sâu cùng với bóng tối lúc đầu còn rón rén ở những bụi cây lúp xúp với màu tím nhạt, rồi lảng vảng chuyển sang màu xám tro viền trên các ngọn cây cao, rồi cuối cùng phủ phàng đen kịt trùm lên toàn bộ núi rừng. Tiếng chim xao xác gọi đàn. Con đười ươi lại hú lên thê thảm, cứ ba tiếng một, ba tiếng một cho đến lúc chẳng có tiếng nào.

Tôi và Doanh ngồi ăn cơm âm thầm trong bóng tối. Cả hai chả nói năng gì. Bà Hình ngồi bên bếp lửa khe khẽ hát bài hát ru con:

*“À ơi... cầu tre lắt léo khó đi...”*

*Ví dầu...*

*Mẹ đưa con đi trường học... ầu ơ...*

*Mẹ đi trường đời...”*

Doanh nói:

- Này Thiêm! Cậu thử nghĩ câu “mẹ đi trường đời” nó có vẻ khuất tất tái tê thế nào đấy không? Cái “trường đời” của người đàn bà nó ồm ờ mù mịt vô cùng... Bà mẹ trẻ hát ru ở đây có vẻ học nhiều ở nơi chợ búa, bến xe, nhà hàng... ở giảng đường này, các bậc giáo sư dạy dỗ cho bà mẹ trẻ những chân lý gì không biết?

Cơm xong, tôi và Doanh lăm lũi đi về phòng nghỉ. Căn phòng rộng 12 mét vuông, cửa ở giữa, hai bên kê hai cái giường nhỏ, đầu giường mỗi người có một cái tủ đựng sách vở, quần áo. Những hôm rét quá, giữa nhà chúng tôi đốt một đồng lửa, ấm thì ấm thật nhưng khói không sao ngủ được, thế là đến nửa đêm lại phải thức dậy để rút củi đi. Khoảng tháng 11 là mùa sương muối, khí hậu ban ngày khô hanh rất khó chịu nhưng ban đêm buốt giá vô cùng. Sáng ngủ dậy, sương muối đọng li ti trắng xóa ở trên mặt cỏ xác xơ. Sương muối làm chết nhiều cây, đến ngay cả những cây chuối xum xuê cũng khô hết lá. Những thứ rau trồng trong vườn cũng chết lụi cả, chỉ trừ có loại rau cải Mèo là thứ rau đặc biệt của người Mông trồng là còn sống sót nhưng phải tưới nước liên tục và phải che chắn suốt cả đêm ngày. Nhiều đêm, chúng tôi bỗng choàng tỉnh dậy vì nghe thấy tiếng nổ lép lép râm râm như trời đang sụp. Chạy bỏ ra ngoài, nhìn lên lưng núi thấy một vệt lửa chạy dài đang cháy rừng rực. Ánh lửa trên núi hắt xuống khuôn mặt của mấy giáo viên chúng tôi, trông ai cũng thấy hốc hác đăm chiêu. Không nói ra, chúng tôi đều biết khi đã cháy rừng ở đây nghĩa là vô phương cứu chữa. Sợ nhất khi những tàn lửa trên rừng gặp gió bốc cao rơi xuống trường học. Như thế nghĩa là mất hết, ngày mai sẽ chẳng còn gì! Tất cả sẽ trần trụi lụi.

Mùa mưa trong năm thường vào hai dịp. “Mưa chiêm” là khoảng tháng Tư khi trời bắt đầu vào

hạ. Mây đen kéo đến từ cuối chân trời, sấm sét rền vang đến suốt mấy tiếng đồng hồ, gió thổi cuộn cuộn biến thành những cơn lốc, cuốn đầy bụi rác. Thế là mưa! Mưa rào ào ào trút xuống, thoát cái vừa đến rồi lại đi ngay! Rồi nắng lên, rồi nắng chói chang, rồi nắng cứ liên miên đến vài ba tháng. Những cơn lốc thả rong uể oải đi tìm chỗ râm mát nằm thờ phì phò. Sang tháng Bảy, tháng Tám mới là “mưa mùa”, mới vào mùa mưa chính thức. Mưa như đập như vùi, dai dẳng, mưa như điên như cuồng, như tra tấn. Nước lũ đổ về cuộn cuộn, cuốn trôi đất cát, trôi cả nhà cửa. Những cơn rần, cơn trăn đi tìm chỗ tránh mưa, nhiều khi rúc cả vào chần màn, vào tủ đựng quần áo. Mùa mưa kéo dài đến khoảng tháng Chín. Rồi mãi sang Xuân mới lại có mưa...

Có một năm cũng vào mùa mưa thì xảy ra một chuyện thế này:

Hôm ấy khoảng 5 giờ chiều, anh Thanh là một trong hai giáo viên người Thái hót hải chạy đến, người ướt như chuột lột. Anh Thanh nhờ chúng tôi giúp anh đưa người vợ đang đau đẻ đến ngay bệnh viện.

Chúng tôi hỏi ra mới biết dân ở đây có tục vẫn để cho người phụ nữ đẻ một mình. Sắp đến ngày đẻ, người ta dựng một cái lán nhỏ ở một góc vườn hay ở trong rừng rồi để người phụ nữ chui vào đấy, tự mình làm lấy mọi việc. Phụ nữ vẫn thường để đứng chứ không để nằm, người nào sức yếu có khi bằng huyết dẫn đến chết người.

Chúng tôi nghe nói mà rùng cả mình, lạnh toát cả người. Bệnh viện cách chỗ chúng tôi tới hơn 40 cây số. Vợ anh Thanh vào lán đẻ đã hơn 5 tiếng đồng hồ. Chúng tôi bàn nhau sẽ đưa chị đến lâm trường gần đó nhờ họ giúp đỡ.

Khi chúng tôi tới nơi thì mưa rất to. Nước lênh láng xung quanh cái lán đồ ngầu. Chị vợ anh Thanh đã lịm đi bất tỉnh. Chúng tôi khênh chị đi nhưng những người nhà anh Thanh giữ lại không nghe. Ông An vác súng ra chia vào họ, ông bắn nhưng như thường lệ đạn vọt lên trời... ấy thế mà chị vợ anh Thanh cũng sống, sinh con ra “mẹ tròn con vuông”... Thắng bé về sau được đặt tên là May để kỷ niệm lần sinh nở man rợ đó.

- Trong hoàn cảnh tự nhiên - Doanh nói - mọi sự vẫn được tự nhiên chọn lọc kỹ càng, sức đề kháng trong tự nhiên rất lớn. Sống trong tăm tối và hiểm nguy, chúng ta vẫn sống như vậy nhưng có người ý thức được, có người không ý thức được mà thôi. Nhưng kiểu gì kết cục vẫn như nhau cả: tức là cái chết sẽ đến sớm hay muộn với mỗi một người. Vẫn là cái chết trắng trợn, phũ phàng không ai tránh được!

Tôi cũng không nhớ với sức mạnh nào, với thói quen và sự chịu đựng nào khiến chúng tôi đã sống, đã vượt qua mà chẳng hề phàn nàn trong những điều kiện gian khổ, khó khăn như thế.

Năm tháng qua đi, không biết bao nhiêu niềm vui, bao nhiêu nỗi buồn đã đến với tôi trong mấy năm trời tôi sống ở Băm. Có lẽ hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi rất hay quên, tôi còn vô tư nhẹ dạ, niềm vui đến với tôi không lớn, nỗi buồn chạm đến tôi không đau, tôi không có những kỷ niệm gì thật sâu sắc nên những trang đời ấy đã bị xếp xó vào một góc sâu ở trong ký ức từ lâu, tưởng như không bao giờ sẽ còn nhớ lại.

Sau này, tôi đã đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, nghề dạy học tôi cũng chỉ theo đuổi được một thời gian rồi thôi. Tôi luôn luôn cảm thấy bất an trong lòng, cũng có thể bởi những khát vọng trong tôi thúc giục hoặc bởi số phận đã bắt buộc tôi làm thế. Tôi chỉ ở Băm hơn hai năm trời rồi lặng lẽ bỏ đi. Tôi không biết những gì sẽ chờ đợi tôi phía trước nhưng tôi không thể chôn vùi cuộc đời của tôi ở nơi ấy được... Hôm tôi rời Băm, mọi người mọi việc cũng giống như mọi ngày thường. Không ai biết (cả tôi cũng không biết được) rằng tôi sẽ đi một mạch đến hơn 30 năm sau mới quay trở lại. Hôm ấy tôi đi bộ vào rừng giống như mọi bận vẫn đi lấy củi hoặc đi dạo chơi một mình. Qua khỏi thung lũng, tôi trèo lên đỉnh núi Đuôi ươi trông ra đàng xa. Núi tiếp như những vò mít ken dày, vò mít xếp lại. Cuối chân trời có một ngôi sao lấp lánh đang dần bị ánh sáng ngày lấn lướt muốn xóa chìm đi. Thế là tôi đi về phía ấy... Tôi không muốn trông thấy ngôi sao kia lui tàn...



\*\*

\*

Tháng Chín năm ngoái tôi có dịp quay trở lại Bâm. Khi đến ngã ba rẽ vào trường học, nhắc trông thấy ngọn núi Đuôi uoi, lòng tôi run lên vì cảm động. Bây giờ là đầu mùa Thu, mùa hoa cúc đại nỏ vàng. Bướm trắng bay phấp phới từng đàn dọc hai bên đường. Mùi hoa cúc đại ngải ngải vương vấn tưởng như vừa quen vừa lạ. Ngày xưa tôi đã ở đây, đi trên đường này và từng mơ ước, tôi đã định ra bao nhiêu kế hoạch cho cuộc đời tôi.

Ngôi trường cũ không còn nữa. Cảnh vật giờ đã khác xưa. Một dãy phố mới mọc lên với chũm gàn chục ngôi nhà bê-tông. Tôi hỏi thăm mãi mới tìm thấy được một người quen. Cậu bé May ngày nào nay đã trở thành một chủ tiệm cơm bình dân.

- Gần như không còn ai ở trường cũ nữa. Bố cháu mất năm ngoái - May nói với tôi - Ông An với bà Hình thì mất lâu rồi, mộ ở trên núi Đuôi uoi. Nếu chú muốn viếng mộ họ thì chú cho thằng bé chốt mắt kia hai nghìn, bảo nó dẫn đường cho chú lên núi.

May bảo:

- Cháu có đọc báo, nghe nói chú đã trở thành nhà văn, đi Mỹ đi Pháp, lại giàu có nữa. Ngày xưa ở đây, nghe nói chú chẳng hề nói một câu nào!

May lại bảo:

- Thế nghề nhà văn là nghề gì mà giàu nhanh thế? Ông Doanh (à, chú còn nhớ ông Doanh không?), ông Doanh vẫn còn sống đấy! Ông ta bỏ vợ dưới xuôi, lấy một bà góa người Thái, bây giờ sống ở trong núi nhưng nghiện thuốc phiện. Nếu chú muốn thăm thì chú cũng cho thằng bé chốt mắt kia hai nghìn bảo nó dẫn đường cho chú vào thăm.

Tôi cảm ơn May, tặng anh một món quà nhỏ rồi theo thằng bé chốt mắt nhờ nó dẫn đường vào thăm nhà Doanh và đi lên núi viếng mộ những người quen cũ.

Doanh ở trong một ngôi nhà lụp xụp tận cuối bản Hèo. Tôi đến gần, không thể nhận ra ông già gầy gò, râu bạc, tóc bạc, da dẻ trắng bạch như suốt đời chỉ sống trong một xó tối là Doanh hồi nào.

- Không nhớ, tôi không nhớ... - Doanh nói thều thào - Nếu có tiền thì cho... Để mua thuốc phiện chứ để làm gì... Tôi không biết Thiêm... không biết ai cả... Buồn lắm... Dạy học cho ai... có ai hiểu gì mà học...

Ông già tội nghiệp quay mặt vào tường, rầm rứt khóc. Tôi để lại cho vợ Doanh một món tiền rồi đi. Thằng bé chốt mắt dẫn tôi lên núi Đuôi uoi.

- Khoảng vài năm trước cũng có một bà sang trọng đến thăm những ngôi mộ này - Thằng bé chốt mắt bảo tôi - Bà ấy khóc một lúc lâu rồi cho cháu năm nghìn.

Tôi đứng tần ngần nhìn hai ngôi mộ xếp đá, xung quanh cỏ mọc um tùm. Ngày xưa ông An thích nhất nơi này.

Tôi thắp hương cho ông An, bà Hình, cầu mong cho linh hồn những người giản dị trung hậu ấy an nghỉ thanh thản.

Tôi xuống núi, trả tiền thuê thằng bé chốt mắt. Giống như cái bà sang trọng mà tôi thăm đoán là Xuân, tôi cũng cho thằng bé năm nghìn.

## NHU SƯƠNG NHƯ KHÓI BAY

Mười năm trước khi chưa có công trình thủy điện Hoà Bình, ở Mường Lưm có một trạm thủy văn nhỏ nằm bên sông Đà, cách bến phà phía tả ngạn sang huyện lỵ Phổ Yên độ vài trăm mét. Trạm thủy văn này chuyên ghi mực nước lên xuống của con sông Đà. Giữ trạm thủy văn này là ông Trữ vốn là một nhân viên kế toán của Ty thủy lợi đang chờ thủ tục nghỉ hưu.

Ông Trữ tính nét hiền lành, trước có học hàm thụ cao đẳng nhưng thi trượt không đỗ. Vợ con ông ở dưới Hưng Yên, ông một mình lên Tây Bắc làm việc thế mà đã ba mươi năm. Chỉ mỗi một mình ở trạm thủy văn, ông Trữ lúc đầu cũng chán nhưng rồi quen đi, ở được một năm thì ông không còn chán nữa. Đến tuổi sáu mươi, người ta dễ lặp lại những thói quen vô thức kỳ quặc. Chó già, ngựa già cũng thế: chó già chỉ nằm một chỗ, ngựa già quen đi một đường.

Hàng ngày ông Trữ phải ghi mực nước sông lên xuống đều đặn bốn tiếng một lần. Cứ nửa tháng, ông lại ra bưu điện Phổ Yên để gửi kết quả về tỉnh, nhân tiện đi lấy thư báo và mua thực phẩm về dùng. Thực ra, gần như ông Trữ chẳng phải mua gì ngoài dăm ba cân gạo vì thường ông ăn rất ít, ông lại nuôi gà và tự trồng lấy rau ăn.

Ông Trữ chẳng có một thú vui gì ngoài việc thỉnh thoảng làm dăm ba câu thơ để rung đùi ngâm ngợi một mình. Trước kia ông Trữ có một tủ sách nhỏ nhưng rồi mất kém nên ông cũng chẳng đọc nữa, hễ ai mượn sách là ông cũng biếu họ luôn bởi ông nghĩ sách thì nên truyền bá cho nhiều người đọc.

Ông Trữ gần như không có bạn bè. Ở trong xóm núi ra chơi với ông thường chỉ có con bé San bây giờ mới độ mười tuổi. Con bé San có mẹ là người Xá, bố là người Kinh quê dưới Thái Bình lên đây khai hoang. Con bé San sớm mồ côi bố. Bố nó chết vì đi vớt củi ở trên sông Đà vào mùa mưa lũ bị nước cuốn trôi.

Vào mùa mưa lũ, con sông Đà hung dữ khác thường nhưng những ngày thường trong năm nó nhu mì, hiền lành, lại như tẻ nhạt. Sáng sáng, chiều chiều con sông lơ lửng trôi đi bình thản êm đềm. Sang mùa lạnh, con sông cũng có đôi thay mỗi khi có đợt gió mùa đông bắc thổi về, đây là lúc bầu trời xám xịt, hơi nước ở trên mặt sông phả lên ngàn ngút quện với những đám mây trắng ở trên đỉnh núi là là vờn bay xuống thấp. Khói mây lẫn lộn vào nhau. Hè về, trời xanh ngắt trên cao, bóng núi đổ xuống mặt sông như có một bàn tay nào sắp đặt những mảng bóng râm ngay ngắn cho từng chỗ một. Có luồng hơi lạnh ở đâu đột nhiên lướt qua sống lưng của ta như một cú liềm ướm át chết chốc đột ngột của con rắn lục nấp trong hang đá. Sợ hãi khiến ta run bắn cả người. Làn sương khói lảng vảng lướt trên mặt sông chờn vờn như ma quỷ nhập làm hoa cả mắt. Đây là thứ sương khói mà trong thơ Đường Bạch Cư Dị gọi là “yên ba sâu sát nhân”. Tĩnh lặng. Hoang vắng. Tự nhiên ào lên là một con chim đen ngòm bản thiu ướm rượt từ dưới lòng sông lao vút vào trong bụi rậm. Con chim vừa bay vừa kêu hót hoảng.

Ông Trữ loay hoay ở trong căn phòng hẹp có một chiếc giường gỗ tạp với cái tủ con. Đôi khi ông nấu ăn ngay trong phòng cho tiện. Bếp nấu là mấy viên gạch xếp chồng lên nhau. Thường ông chỉ nấu ăn một bữa trong ngày. Hôm nào có con bé San thì hai ông cháu cũng lục đục bày vẽ làm món nọ món kia. Con bé San biết cách nấu nướng. Mẹ nó đã dạy cho nó. Những khi nó loay hoay nấu ăn thì ông Trữ nằm dài trên giường, ông bảo ban, quát lác hoặc trêu chọc nó. Thỉnh thoảng ông đọc ê a một vài câu thơ kiểu như:

“Làm sao cũng chẳng làm sao,

Nếu có thể nào cũng chẳng làm chi.

Làm chi cũng chẳng làm chi,

Nếu có cái gì cũng chẳng làm sao...”

Mỗi khi con bé San đến chơi, nó hay đứng tha thẩn ở bên ngoài chỗ gốc cây hoa ban một lát để chờ ông Trạ gọi nó mới vào.

Ông Trạ gọi:

- San ơi, mày đang làm gì ở đấy?

Con bé đáp:

- Thầy gọi con à?

Ông Trạ bảo:

- Ừ thầy gọi con. Thế mày làm gì ở đấy?

- Con chẳng làm gì!

Ông Trạ ở trong phòng không nhìn thấy con bé San nhưng đoán nó đang thỏn thẹn cười một mình. Hồi ở Ty thủy lợi trên tỉnh, ông Trạ vẫn hay đứng hồi lâu bên ngoài hiên nhà để lén trộm nghe những tiếng cười của đám con gái trong lớp học bồ túc văn hoá ban đêm. Chẳng con có gì mà chúng cũng cười. Cười như nắc nẻ. Cười sặc cười sụa. Cười ngằn ngặt. Cười nức nở. Ôi những tiếng cười đến là vô tư! Ông Trạ đã nghe nói rằng thường thì trẻ con sinh ra nó cười đến sáu trăm lần một ngày. Càng lớn nó càng cười ít đi. Ở người đàn bà thì họ cười nhiều nhất là khi họ chưa lấy chồng.

Ông Trạ bảo:

- San ơi, mày lấy cho thầy con dao để gọt bút chì.

Con bé hỏi:

- Thầy gọt bút chì làm gì?

Ông Trạ bảo:

- Để thầy ghi những con số vào sổ của thầy.

Con bé nhìn ông Trạ nắn nót ghi những con số khó hiểu vào một cuốn sổ dày cộp có đóng bìa cứng.

Một hôm ông Trạ bảo nó:

- San ơi, mày lấy cho thầy con dao để gọt bút chì.

Con bé hỏi:

- Thầy gọt bút chì làm gì?

Ông Trạ bảo:

- Thầy phải dạy con học chữ mới được.

Ông Trạ dạy con bé San học thuộc lòng hai mươi bốn chữ cái. Con bé sáng dạ, nó học rất

nhanh. Thời gian sau, con bé San đã biết ghép các chữ cái lại với nhau rồi nó biết viết chính tả những bài ca dao kiểu như:

“Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra...

Dạy con, con chẳng nghe lời,

Con nghe ông Kềnh đi đòi nhà con!”

Ông Trụ và con bé San cũng hay nói chuyện linh tinh. Thường ông hay hỏi con bé San về mẹ nó. Mẹ nó làm gì? Mẹ nó có hay khóc không? Mẹ nó có biết bài hát “chiều tối cô em xuống núi” với bài “đời ta khổ lắm noong ơi” không? Ông Trụ cũng hay nói chuyện với con bé San về những người ở trong nhà ông: về bà vợ già đảm đang và lắm mưu mẹo, về hai đứa con nông cuồng bất trị của ông. Dần dà lâu ngày thành quen, câu chuyện cứ được kể đi kể lại nhiều đến nỗi con bé San tưởng như nó đang sống với những người ở trong nhà ông Trụ.

Đêm khuya, khi trăng sắp lặn thì con bé hỏi:

- Bây giờ chắc hai anh nhà mình vẫn còn đang lang thang ở ngoài đường cái thày nhi?

Ông Trụ thở dài:

- Ủ... hai thằng ấy thì phải còn lâu mới về! Cứ phải đến ba giờ sáng chúng nó mới về!

Con bé San bảo:

- Thế bà lại mất ngủ hết cả đêm hôm nay!

Bà đây là vợ ông Trụ. Ông Trụ ở xa lâu ngày nên cũng chẳng còn nhớ tới mặt vợ mình. Trong giấc mơ, ông Trụ thường mơ thấy bà hết như mẹ ông. Bà có mớ tóc bạc ngay đỉnh đầu. Bà lại hụi một mình ở tận góc vườn trồng rau, trồng đỗ. Nhiều khi tỉnh giấc, ông cứ bần thần cả người, ông không làm sao có thể ngủ lại được nữa.

Ba năm trôi qua, dường như ở Ty thủy lợi người ta đã quên việc quyết định để cho ông Trụ đi về nghỉ hưu. Ông Trụ cũng chẳng buồn hỏi. Cây hoa ban đầu nhà hỏi nào ông Trụ mới trồng nay đã trở hoa. Con bé San lớn dần lên, nó không còn trông như trước, bây giờ nó đã có vẻ gian manh lắm lét của một cô gái mới lớn đến tuổi dậy thì. Mùa mưa năm ấy, nước con sông Đà đổ về ngập đến lưng nhà. Ông Trụ phải kê dọn đồ đạc dầm mưa rất khổ sở. Mấy hôm sau nước rút, con bé San mới dám lội nước để ra thăm ông.

Con bé San gọi:

- Thày ơi thày!

Trong nhà không thấy có tiếng ông Trụ trả lời. Con bé San đẩy cửa bước vào. Trong nhà tối om, nó hốt hoảng thấy ông Trụ nằm ôm đang run lập cập trên giường.

Ông Trụ thều thào. Miệng ông đắng khô cả lại. Con bé San đặt bàn tay bé nhỏ mát rượi của nó lên trán ông già và ngay lập tức, kẻ tha hương khốn khổ ấy như được nhắc ra khỏi chốn địa ngục nước sôi lửa bỏng, như được vớt lên từ nỗi tuyệt vọng mệnh mông sâu muợn quanh quẽ. Nước mắt ông Trụ trào ra. Ông không còn thấy tủ thân và bất hạnh nữa. Ông thấy cuộc sống có ý nghĩa. Ông thấy như mình khỏe lại.

Con bé San thấy hai hốc mắt ông Trạ lõm sâu, còn người gầy tọp hẳn đi thì rất sợ. Nó không còn là một con bé con bé bông nữa. Nó lập tức bước lên cương vị một bà mẹ, một Bồ tát. Nó chạy vào xóm gọi người, nó chạy đến trạm y tế để gọi thầy thuốc. Người ta khênh ông Trạ vào trạm y tế sưởi ấm, cho ông uống thuốc ký ninh. Con bé San bón cháo cho ông. Nó săn sóc ông cả ngày lẫn đêm suốt mấy hôm liền. Nó làm công việc của một hộ lý, nó bắt ông thay quần áo rồi mang ra sông giặt, nó nấu cơm nấu cháo cho ông, nó giục ông uống thuốc đúng giờ. Cứ thỉnh thoảng nó lại chạy vào hỏi ông:

- Thầy ơi thầy, thầy đỡ chưa thầy?

Mấy người trong trạm y tế phì cười, ai cũng khen ông Trạ có đứa cháu gái ngoan ngoãn.

Ông Trạ hấp háy đôi mắt cười cười:

- Nó là cháu gái rượu nếp mừng của tôi đấy các bá ạ!

Ông Trạ nằm ở trạm y tế sang ngày thứ sáu thì lại trở về ngôi nhà cũ. Sau cơn mưa lũ, căn nhà trông rất tang thương, đồ đạc cái còn cái mất. Sổ sách ghi chép về các số liệu thủy văn đã bị nước cuốn trôi đi cả. Ông Trạ không biết tính sao. Ông rất buồn. Ông cảm thấy có lỗi vì đã không hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Con bé San giúp ông Trạ dọn lại căn nhà vì nó thấy ông rất yếu. Nó mặc chiếc váy xắn đến lưng chừng đùi. Nó thấy viên ngói vỡ nên nó bắc chiếc ghế rồi trèo lên lợp lại. Cái áo ngắn cũn của nó co lên để lộ một khoảng khoang bụng. Ông Trạ trong nhà nhìn ra. Ánh nắng buổi sáng trong suốt làm lộ rõ những đường cong trên thân hình mảnh dẻ của con bé con đang độ lớn. Ông Trạ nhận thấy hai bắp đùi của con bé con rất khỏe. Ông Trạ đỡ cả người ra.

- Đi xuống! – ông gắt to – Ngã chết bây giờ!

Con bé San giật mình làm viên ngói vỡ. Ông Trạ lại quát:

- Đẻ đấy... Xuống đi!

Con bé San tụt vội xuống ghế, nó sợ hãi đi ra sau nhà. Nó không hiểu vì sao ông Trạ mắng nó.

Con bé San ngồi nhỏ cò trong vườn. Nó nấp sau gốc cây ban. Ông Trạ lão đảo đi vào giường nằm. Ông nhắm mắt lại. Hình ảnh hai bắp đùi rất khỏe của con bé con lại hiện lên trong tâm trí.

- Thật tệ hại! – ông Trạ xấu hổ - nhất định không ở đây nữa! Nhất định không còn ở đây thêm ngày nào nữa... – ông Trạ rên rỉ một mình như thế.

Sáng hôm sau, ông Trạ ngồi dậy viết đơn để xin thôi việc gửi về Ty thủy lợi trên tỉnh. Không biết ông viết những gì mà cứ xé đi xé lại nhiều lần. Cuối cùng, ông chỉ viết vền vẹn có vài dòng chữ rồi dán thư lại mang ra Bưu điện bỏ vào hòm thư.

Thời gian trôi đi, con bé San vẫn đến chơi nấu cơm cho ông Trạ. Ông Trạ vẫn dạy cho con bé San học chữ hàng ngày. Ông còn cho nó thêm những bài tập về nhà. Con bé rất sợ ông buồn nên ra sức học. Nó lo nhất nếu ông bất chợt kiểm tra mà nó lại đọc ngắc ngư hoặc làm không đúng những con toán cộng toán trừ.

Ông Trạ ngày một ngày hai cũng dần khỏe lại. Con bé San không còn phải chăm sóc cho ông Trạ nữa nên ngoài giờ học thì nó chỉ loay hoay ở bên ngoài để nhổ cỏ rau chứ không vào nhà. Thỉnh thoảng, ngó qua cửa sổ, con bé San thấy ông Trạ ngồi hoặc nằm ở trên giường, đôi mắt cứ lơ đãng thất thần nhìn vào khoảng không như chờ đợi một cái gì đó rất đáng sợ và trọng đại. Nó không biết đấy là cái gì nên không dám hỏi. Nó chỉ cảm thấy điều ấy chắc có liên quan đến nó...

Ít lâu sau, ông Trạ nhận được một bức thư trên Ty thủy lợi gửi về. Đọc xong bức thư, ông Trạ quay ra gọi con bé San:

- San ơi! Mày đang làm gì ngoài ấy hả con?

Con bé San đang ở ngoài vườn trồng rau. Nghe ông Trạ gọi, lòng nó ngập tràn vui sướng. Đã lâu lắm rồi ông không còn gọi nó như thế. Nó hớn hờ chạy vào trong nhà. Nó hỏi ông Trạ:

- Thầy gọi con à?

Ông Trạ cầm bức thư trên tay tần ngần. Ông bảo nó:

- San ạ, ngày mai thầy đi rồi đấy!

- Thầy đi đâu?

- Thầy về nhà thầy.

- Thầy đi có quay lại không?

Ông Trạ lặng im, ông quay mặt đi chỗ khác rồi nói:

- Không, thầy không trở lại nữa đâu!

Con bé San không hỏi gì thêm. Nó chưa biết đến sự xa cách. Ngọn đèn dầu le lói góc nhà. Chỗ viên ngói dột, nước cứ tí tách đều đặn rơi xuống cái chậu tôn để dưới sàn nhà.

Chiều tối, con bé San đi nhóm lửa nấu cơm, tuy vậy nó không còn làm nhanh nhẹn như trước. Nhiều điều mới mẻ để suy nghĩ đã len vào khối óc bé nhỏ của nó. Ăn cơm xong, nó hỏi ông Trạ:

- Thầy ơi thầy, thầy đi thầy có mang con theo không?

Ông Trạ giật mình, ông không hiểu sao con bé có thể nghĩ thế, ông lắc đầu:

- Không, không mang theo được con ạ!

Ông Trạ không biết giải thích ra sao cho con bé hiểu. Ông đành im lặng không nói gì. Còn con bé con thì suốt cả đêm hôm đó, cả lúc thức lẫn lúc ngủ, nó cứ nghĩ mãi vì sao ông Trạ không mang nó đi. Hình như ông sợ điều gì đấy. Điều ấy là điều gì?

Sáng sớm hôm sau, ông Trạ sắp xếp quần áo vào chiếc ba lô cũ kỹ rồi cứ đi đi lại lại một mình suy nghĩ rất lung. Con bé San quanh quẩn bên ông lo lắng. Nó hỏi:

- Có sao không thầy?

Ông Trạ nói với con bé:

- Con đừng lo lắng cho thầy! Còn con, cuộc sống của con nếu không có thầy cũng không ảnh hưởng gì đâu. Đừng sợ!

Con bé San không để ý đến lời ông Trạ. Tâm tư phụ nữ của nó ông Trạ không sao hiểu được. Trước kia, ông Trạ có mắng mỏ nó, trêu chọc nó, làm nó bực mình nhưng nó chịu đựng được hết, nó không buồn giận oán thán gì ông, nhưng đến bây giờ, nghe những lời đầy thiện ý của ông, nó không thể nào chịu được. Nó oà lên khóc nức nở. Nó nói:

- Không, không... Thầy mặc kệ con! Thầy đừng để tâm đến con làm gì...Con không thiết sống nữa đâu...

Ông Trụ sững người lại sợ hãi. Từ trước đến nay ông chưa bao giờ thấy con bé San như thế. Ông luống cuống và cảm thấy khó xử vô cùng.

Đến trưa thì chiếc thuyền độc mộc từ ở dưới làng ghé vào bến để đón ông Trụ. Ông Trụ gọi con bé San đến gần, ông lấy trong túi áo ra tất cả số tiền dành dụm trong nhiều tháng trời, chỉ để lại một ít đi đường rồi đưa hết cả cho nó. Ông bảo:

- Thầy có chút ít tiền này cho con. Con hãy cầm lấy mà mua sách bút...

Con bé San đẩy ông Trụ ra, nó ôm mặt khóc nức nở. Nó nói:

- Không! Không...Thầy đi đi, thầy mặc kệ con, thầy đừng bận tâm gì đến con nữa...

Con bé nói rồi chạy biến ra phía sau nhà, nó vạch cỏ chạy tuốt vào rừng, chân nó xéo bừa lên những cây gai và đá nhọn hoắt. Ông Trụ thở dài nhìn theo rồi bước lên con thuyền độc mộc. Chiếc thuyền lặng lẽ rời bến. Cũng chẳng có ai ở trong xóm ra tiễn ông Trụ.

Người lái thuyền chèo con thuyền độc mộc ra giữa ngực dòng sông. Nước sông Đà sau trận mưa rào từ đêm hôm trước dâng cao như một dòng nước mắt trào lên giữa hai dãy núi đá cao vồ vọi. Nước rẽ ra hai bên ở đầu mũi thuyền xoáy lộn như nước nức nở than khóc. Ông Trụ buồn tẻ tái tận đáy lòng. Khuôn mặt cô bé San ở trong xóm núi hoang vắng hiện ra trong ông thật đớn đau khổ sở. Nó như thể sự tuyệt vọng của con người ta mà ông Trụ không biết gọi tên nó là gì, bởi sao lại thế? Ông thấy ông ích kỉ và hèn hạ. Sương khói ngùn ngụt từ trên mặt sông bay lên. Nỗi buồn như sương như khói bay... Chiếc thuyền thuận theo dòng nước cứ trôi vùn vụt. Thoắt cái, cái trạm thủy văn bé nhỏ bên bờ sông Đà đã khuất sau rặng cây rậm rạp hoà vào màn sương mù mịt dày đặc. Bây giờ, nếu như ông Trụ phóng như có ý định muốn quay lại đón con bé San bỏ vợ tội nghiệp cũng không thể nào được nữa. Thế là như một lữ khách, như một tha nhân, như thể một kẻ bạc tình, ông Trụ ở trên con thuyền độc mộc giữa dòng sông cuộn cuộn kia dù có ba đầu sáu tay đến mấy cũng đành phải ngậm ngùi thở dài, chẳng thể làm gì. Vị du khách đơn độc của chúng ta giống như mọi người đành phải tự an ủi chính mình bằng mấy câu triết lý suông về sự hợp tan, tan hợp nhiều không kể xiết ở trên cõi đời này. Hẳn triết lý về cái chết, về sự chia ly, về những kết cục đau buồn của cuộc đời con người ta. Hẳn cho rằng cuộc vui nào cũng có lúc tàn, rằng không ai lại uống nước hai lần trên một dòng sông, rằng đời là những chuyến đi dài... đại để như thế, toàn là những lời lẽ trống rỗng và khuôn sáo...

Nhưng San, cô bé con trong xóm núi của chúng ta không biết triết lý. Con bé con nước mắt lưng tròng cứ tha thân, quần quanh bên ngôi nhà hoang vắng ở cạnh bờ sông đến hàng tuần lễ. Trong góc trái tim bé bỏng của nó, nó cứ giữ mãi hình ảnh người thầy đầu tiên ở trong cuộc đời của nó. Nó cứ hi vọng hão huyền rằng một ngày kia có thể ông ta sẽ quay trở lại để đón nó đi...Hỡi ơi, hỡi ơi, thật là ngu dại thứ tình cảm yếu mềm của con người ta! Thực khôn khổ, khôn nạn cho cái bản chất tình cảm con người! Nó cứ một mực trước sau tự mê hoặc nó, nó cứ mê thích những lầm lạc hiểm nguy. Nó háo hức đắm chìm trong những bản năng đại dột điên rồ. Lý trí sáng suốt hoài công một mực khuyên răn ngăn cản nhưng nào có được? Lý trí đưa ra những bằng chứng quả quyết và xác thực nhất nhưng tình cảm dứt khoát phớt lờ mặc kệ cứ quay mặt đi! Ôi con người, con người! Kiểu gì thì kiểu, con người bao giờ cũng cứ bám riết lấy bản năng tình cảm sôi sục và điên rồ của nó, nó ôm ấp những hi vọng hão huyền ở phía trước không bao giờ có thực, nó không run sợ gì hết trước những lỗi lầm. Chỉ cho đến khi nào vỡ mộng, nó nhục nhã thảm hại, cho đến lúc nó tự vất đến cạn kiệt trái tim bất hạnh của nó thì may ra mới hồng có thể buộc nó quay đầu dừng lại. Nhưng rồi, sau nỗi ê chề của sự thức tỉnh lý trí ngăn ngui kia (như một que diêm le lỏi trong đêm tối), một lần nữa, hơn một lần nữa, bản năng tình cảm lại thức dậy với những khát khao mới, nó lại tiếp tục đắm chìm vào những cơn khát dục vọng, nó lại cuốn mình vào trong cõi vô minh hỗn độn, vào những ma trận của sự lầm lạc, đại dột... Cứ như thế, cứ như thế, nó dần bước dần dần đến cái chết đang chờ đợi nó ở trước mặt.





# THỎ CẨM

Bản Hoan có mười bảy ngôi nhà sàn đều làm theo lối cổ của người Mường. Cả bản nhà nào cũng có khung dệt thổ cẩm. Thổ cẩm ở đây dùng để may váy áo, may chăn đệm, cũng để mang bán ở chợ Bờ và chợ thị xã Hòa Bình.

Mất bao nhiêu lâu để dệt được tấm thổ cẩm như ý? Không biết được! Các cô gái Mường đã mất rất nhiều thời giờ để làm việc ấy! Ngoài việc làm nương, làm việc trong nhà, hẳn rồi là họ lại ngồi ngay vào khung dệt.

Ôi thổ cẩm! Mi là nỗi lòng khắc khoải của bao nhiêu thiếu nữ đang xuân! Mi cũng giấu trong từng sợi vải của mi biết bao nhiêu mơ ước đắm say! Ôi thổ cẩm! Mi đã cứu được bao nhiêu chị em ta khỏi bị sa ngã bất hạnh trong tuổi thanh xuân trong trắng vô tư...! Những đêm trăng, nếu không có những khung dệt thổ cẩm, các thiếu nữ sẽ ra khỏi bản, ai biết rồi ma quỷ sẽ dẫn họ đi đến những đâu, làm những việc gì, rồi sau đó chuốc vào những tai họa nào?

Khoảng năm..., hồi ấy tôi vừa tròn 25 tuổi, tôi là một bác sĩ vừa mới ra trường. Tôi mạnh khỏe, vạm vỡ và trong tôi chắc chắn có nhiều lòng hăm hở cũng như dục vọng. Tôi thích đọc những tiểu thuyết ái tình, thích sưu tầm những bức ảnh người mẫu cắt ra từ các tạp chí “Mốt” và “Thế giới phụ nữ”, tôi cũng thích những câu danh ngôn kiểu “hoặc anh là đê, hoặc anh là búa” hay “ái tình là một bạo chúa không nương tay cho ai cả” hay “lật mặt nạ của ái tình đi, bạn may ra sẽ có được đôi chút yên tĩnh trong lòng”. Bấy giờ tôi khá nông nổi, phù phiếm. Tôi hiếu danh và rất ngông cuồng. Tôi giống với nhiều cậu ấm thành phố thuộc các gia đình trung lưu vẫn sống nhàn nhàn ở các khu tập thể Trung Tự, Kim Liên, Nghĩa Tân hay Láng Hạ ở trong thành phố chúng ta bây giờ. Phụ huynh đám thanh niên này thường là những “cán bộ” có chút công lao được Nhà nước cấp cho một căn hộ tập thể, một khoản lương hưu và rất nhiều tham vọng cùng sĩ diện. Đám con cái của họ được ăn học tử tế nhưng vô tích sự, vẫn luôn khinh rẻ người bình dân “hạ lưu” nhưng lại không biết cách xoay trở để gia nhập vào tầng lớp “thượng lưu” nhiều tiền của và thế lực ở trong xã hội thế nào. Rất nhiều người cứ loay hoay như thế cho đến hết cả đời người.

Bấy giờ tôi được đưa về Sở Y tế tỉnh... và tôi cùng một số người nữa trong khi chờ đợi sắp xếp công việc thì được cử đi khảo sát về tình hình sức khỏe dân chúng và vệ sinh dịch bệnh ở các địa phương. Gần một tháng rông, chúng tôi loanh quanh ở các bản của người Mường vùng tả ngạn sông Đà. Từ trước đến nay tôi ở thành phố, sống trong các “chuồng chim” và “chuồng cọp” của nhà tập thể chung cư, đây là lần đầu tôi được “sở lồng”. Tôi ngỡ ngàng nhận ra vẻ đẹp của tự nhiên hoang dã và tôi vừa thích thú, vừa sợ hãi trước vẻ đẹp ấy. Trong khi khám bệnh cho người miền núi, tôi ngạc nhiên nhận thấy họ gần như chẳng có bệnh tật gì cả, thậm chí cả ở những người cao tuổi cũng vậy. ở khoảng độ tuổi từ 50 trở ra, nếu là người dân thành phố vẫn sống trong các khu tập thể chung cư như bố mẹ tôi thì chắc chắn mỗi người là một ổ bệnh, mỗi năm họ đều phải nhét vào bụng mình hàng vốc thuốc đủ loại. Thần kinh luôn căng thẳng, họ rất dễ xúc động hoặc dao động, tình trạng nhân rồi làm cho các cơ bắp nhão ra, máu chảy chậm lại, ánh mắt nhìn của họ trở nên lơ đãng hoặc khuất tắt. ở những người “dân tộc”, lao động và sự điều chỉnh tự nhiên khiến họ có được tình trạng sức khỏe tương đối thăng bằng. Đa số những người mà tôi khám bệnh, tôi nhận thấy tình trạng thần kinh của họ gần như “tuyệt hảo”, họ không nghĩ ngợi, không lý sự phân tích, họ chẳng cần đến triết học và lô-gic làm gì. Ngoài một số bệnh thông thường do vệ sinh kém và do thiếu ăn, trên thực tế tôi nhận thấy họ sống lành mạnh, lương thiện hơn người thành phố.

Cuối chuyến đi, chúng tôi tới bản Hoan và nghỉ đêm ở đó. Tôi và một bác sĩ trong đoàn được đưa đến nghỉ ở nhà bà Lanh, một bà mẹ người Mường. Tôi nhớ hôm ấy trăng rất sáng, ánh trăng rực rỡ huyền ảo đẹp lạ lùng. Trưởng bản dẫn chúng tôi leo lên nhà sàn, giới thiệu chúng tôi với bà mẹ, nói rằng chúng tôi sẽ nghỉ nhờ đêm ở đó để sáng mai đi tiếp sang bản khác.

Tôi và người bạn cùng đi được xếp ngủ ở gần cửa sổ. Vừa ngã mình xuống đệm, lập tức anh ta ngủ ngay. Trăng rất sáng, ánh trăng hắt qua khung cửa sổ tựa như dát vàng trên tấm chăn dệt thổ cẩm. Tôi lay anh bạn cùng đi để nói cho anh ta hay về vẻ đẹp của ánh trăng nhưng anh ta khó chịu

cầu nhậu: “Thôi đi bố, đã từ rất lâu tôi biết trên đời không có cái gì đẹp cả ngoài tiền!” Nói xong, anh ta lại tiếp tục ngủ vùi, cho dù ngoài trời có sáng trắng hay mưa giông cũng như nhau hết.

Tôi nằm thao thức ngắm trăng, bỗng nhiên ngờ ngợ nhận ra giá trị sự sống. Sự sống chính là ân sủng mà Thượng đế tối cao ban cho con người. Ta được sống, được hít thở, được đi lại, làm việc, yêu đương... có gì tuyệt vời hơn thế? Bởi lẽ gì, vì lẽ gì mà con người thù hận, dối lừa, xâu xé, hủy hoại nó đi? Con đẻ mền ở ngoài vườn kia rì rì ca hát, nó sung sướng với sự sống bé nhỏ mà Thượng đế ban cho nó. Nó chẳng hề ghen tị với ai. Với nó, trong giây phút này, dưới ánh trăng này, ngọn cỏ và giọt sương đêm, thế là quá đủ để nó cất lên tiếng hát ngợi ca sự sống mà Thượng đế hào hiệp ban cho nó rồi. Nếu có đứt hơi thì cũng chẳng sao! (ồ, điều ấy có nghĩa lý gì?) Bây giờ nó cứ sống đã khi nó vẫn còn đang hít thở đây, khi nó vẫn còn đang hùng hực tràn đầy cảm giác ở trong cơ thể - những cảm giác đang rung lên bần bật ở cổ họng nó, ở đôi chân, đôi cánh nó kia!

Tôi nằm một lúc lâu, chợt nghe thấy tiếng lách cách của khung dệt thổ cẩm ngoài sân nhà. Tôi lén trở dậy đi ra ngoài cửa. Trên tấm sàn gỗ đầu nhà, dưới ánh trăng, một cô gái Mường đang chăm chú dệt tấm vải thổ cẩm với những màu sắc vô cùng đẹp mắt. Tôi lặng người, gần như nghẹt thở vì vẻ đẹp trong trẻo huyền ảo của hình ảnh ấy. Tôi áp úng chào cô gái. Cô mỉm cười gật đầu chào tôi. Dưới ánh trăng, khuôn mặt cô thật xinh đẹp, tươi tắn. Tôi lại gần, tôi hỏi cô có biết tiếng Kinh hay không nhưng cô mỉm cười lắc đầu. Hỏi gì cô cũng chỉ mỉm cười lắc đầu. Đêm đã khuya, hơi lạnh như ngày càng dày đặc thêm, thậm chí còn hơi buốt giá. Ánh trăng như được làm lạnh đi, trở nên trong suốt ngời ngời. Những bóng thẫm của cây lá, của cảnh vật như đậm đặc hơn, âm thẫm sâu sắc và đầy bí ẩn. Tôi đứng gần cô gái lắm nhằm nói cho cô biết những cảm giác của tôi trước vẻ đẹp của dãy núi đá trước mặt, của cây cối trong vườn, của cả màu sắc tươi đẹp ở tấm vải thổ cẩm mà cô đang dệt. Cô gái nghe tôi nói, lặng lẽ mỉm cười, có thể cô không hiểu tiếng nhưng cô hiểu được tâm trạng xúc động phần khích chân thành của tôi. Ánh mắt và nụ cười của cô đầy sự cảm thông, nó vui vẻ ân cần như muốn chia sẻ tình cảm với tôi. Tự dưng tôi thấy mình đang trở nên cao thượng và lương thiện, cảm giác rõ rệt đến nỗi khiến tôi ngây ngất tưởng như đang bay lên. Bạn trẻ! Nếu có thể thì bạn hãy gắng trở nên cao thượng và lương thiện tức khắc chứ đừng chần chừ do dự! Đây chính là điều đẹp nhất mà bạn có thể làm được khi bạn vẫn còn trẻ trung, nó sẽ nâng đỡ cho bạn suốt cả cuộc đời để bạn có thể tự tin mà yên tâm sống. Tin tôi đi, khi bây giờ tôi đã trở thành một lão già vô tích sự, tôi biết chắc điều đó vì tôi đã phải trả giá đau đớn cho rất nhiều sự lựa chọn chần chừ do dự của mình. Đương nhiên, để có thể hành động cao thượng và lương thiện, bao giờ bạn cũng phải chịu những mất mát, thiệt thòi... Trời vốn sinh ra thế đấy!

Như vậy, đêm hôm ấy tôi đã trải qua một tâm trạng hứng khởi tuyệt vời dưới ánh trăng thơ mộng bên cạnh cô gái vừa xa lạ vừa gần gũi kia. Cho đến khi ánh trăng khuất nơi đầu núi, bắt đầu có tiếng gà rừng gáy ran cô gái mới thôi dệt đứng lên đi nghỉ. Cô bèn lên chào tôi rồi nghiêng người tránh tôi để bước vào nhà. Khi cô bước qua bên tôi, không hiểu tại sao tôi bỗng trở nên mạnh dạn khác thường, tôi đưa tay ôm lấy bà vai, xoay người cô lại và hôn lên đôi môi cô. Trong đời, đây là lần đầu tiên tôi hôn một người con gái. Cô gái luống cuống nhưng đã tiếp nhận cái hôn của tôi rất tự nhiên, cô hơi mỉm cười và nhè vào miệng tôi một miếng đào đang ăn dở đầy nước bọt, sau đó vội vã gỡ người lẫn nhanh vào nhà. Vị ngọt ngào của miếng đào khiến tôi chẳng bao giờ quên. Sau này, tất cả những cao lương mỹ vị mà tôi có dịp thưởng thức cũng chẳng thể nào sánh với cảm giác mà tôi có được trong đêm trăng ấy.

Tôi đứng yên một lúc rồi lặng lẽ chui vào giường nằm. Người tôi lạnh toát sương đêm. Tôi ôm lấy anh bạn đồng nghiệp một cách thân ái. Anh ta nằm lui ra xa cầu nhậu: “Thôi đi bố, ở nhà vợ con đã hành hạ tôi, ra ngoài xã hội tôi cũng không yên, vậy hỏi tôi sống để làm gì?”. Nói xong anh lại ngủ vùi, như để quên đi mọi nỗi bất hạnh giáng lên số phận của mình.

Sớm hôm sau, đoàn trưởng đoàn công tác lôi chúng tôi dậy nhưng tôi cáo ốm. Tôi giả vờ như sốt rất cao. Vốn là bác sĩ, tôi thừa biết cách nói ra các triệu chứng của trăm thứ bệnh trên đời. Người ta quyết định để tôi ở lại bản Hoan. Sau ít ngày, hy vọng lúc đó tôi đã hết ốm, đoàn công tác sẽ cử người quay lại để đón tôi đi.

Anh bạn đồng nghiệp đêm qua ngủ cùng với tôi hết sức áy náy. Anh ta xin lỗi vì “cái giấc ngủ chết tiệt” đã khiến anh chẳng biết gì về việc tôi lên cơn sốt suốt cả đêm qua. Anh nói:

- Hy vọng cậu không bị sốt rét ác tính hay thương hàn, tức là những bệnh dễ lây sang người khác. Cuối năm nay tôi sẽ về hưu, tôi đau dạ dày kinh niên, bây giờ nếu nhiễm thêm một bệnh gì nữa thì cuộc sống của tôi vốn chẳng ra gì coi như đi đứt!

Chúng tôi chia tay nhau. Tôi lập tức chui vào tấm chăn thổ cẩm, vô cùng khoái trá vì đã thực hiện được mưu mẹo của mình dễ dàng như vậy.

Sáng hôm đó, tôi ngủ một giấc say sưa. Khi tỉnh dậy, tôi đã thấy cạnh chỗ nằm có bát xôi ngô để sẵn chờ tôi ăn sáng. Căn nhà vắng tanh chẳng có ai cả. Tôi ăn sáng, sau đó đi dạo loanh quanh. Có lẽ cả nhà đã đi làm hết. Tôi đi xuống gầm sàn nhà và thấy cô gái đêm qua đang loay hoay nhuộm sợi và phơi nó lên hàng rào. Đàn ngỗng sư tử đang ăn cỏ gần đó thấy tôi bèn chạy lại kêu la ầm ĩ.

Cô gái trông thấy tôi vừa ngạc nhiên lại vừa thẹn thò, đôi má đỏ ửng như vừa chui ở bếp ra. Cô gái chẳng biết xoay trở ra sao, cứ luống cuống đứng yên một chỗ, hai tay mân mê vào hai vạt áo. Tôi đến gần, bị kích động vì thân hình gợi cảm và làn da trắng ngần ở cổ và vai cô gái, thế là tôi ôm choàng lấy cô một cách liều lĩnh. Cô gái chống trả lại tôi quyết liệt. Dục vọng trong tôi bùng lên như lửa. Tôi đè cô gái ngã xuống nền đất, ngay cạnh những đồng củi và những bao tải đựng đầy sản lát khô. Tôi chiếm đoạt cô một cách tàn bạo điên cuồng. Những con ngỗng sư tử xông vào tôi kêu la ầm ĩ và mổ lia lịa vào chân, vào đầu nhưng tôi mặc kệ. Chỗ sủa ran lên. Những tấm vải thổ cẩm rũ tung nhàu nát dính đầy bụi đất. Những miếng sản lát trắng xóa vung vãi tung tóe khắp nơi. Cô gái vô cùng kinh hãi, gần như ngất đi. Vừa xong việc là cô gấp người vùng dậy, ôm váy áo lẩn ngay vào rừng. Còn tôi, tôi không ý thức được ngay tình cảnh của mình. Tôi không hề có cảm giác thỏa mãn hay sung sướng chút nào. Tôi hoảng sợ như vừa rơi xuống vực thẳm. Tôi như bị mất phương hướng và mọi cảm giác. Một lúc rất lâu tôi mới định thần lại được.

Tôi lên nhà, lúc này lý trí đã trở lại với tôi, tôi vô cùng hoảng sợ vì hành động mà tôi vừa làm cũng như hậu quả tai hại sẽ đến. Tôi quyết định bỏ trốn về Hà Nội. Tôi viết một bức thư để lại cho đoàn công tác, trí trá nói dối rất vô liêm sỉ để biện minh cho việc tôi vội vã bỏ đi, sau đó tôi để bức thư ở lại trên bàn rồi khoác ba lô chuẩn thẳng.

Tôi bỏ chạy về phía sông Đà. Qua bến đò, đi bộ hơn chục cây số là tôi sẽ đến được bến ô tô. Tôi chạy theo lối mòn trong rừng, luôn luôn linh cảm thấy như đang có người đuổi theo đằng sau. Tới bãi đá mọc cửa rừng, tôi ngoái đầu nhìn lại. Quả nhiên tôi thấy cô gái lúc nãy đang vừa chạy vừa vấp ngã, hai tay vươn lên phía tôi như muốn níu lại, như muốn cầu cứu hoặc như muốn giải bày một điều gì đó. Do không biết tiếng Mường, tôi không biết xử trí ra sao. Cuối cùng, tôi tháo sợi dây chuyền có hình mẹ tôi mà tôi vẫn đeo ở ngực ra để trên một phiến đá bên đường. Tôi ra hiệu cho cô gái biết rồi cầm đầu cầm cổ chạy thẳng mà không ngoái đầu nhìn lại.

Về tới Hà Nội, nhờ thế lực của một người quen can thiệp với Sở Y tế nên cuối cùng cũng không có ai hỏi han gì tới. Sau này khi gặp lại anh bạn đồng nghiệp, anh ta nói:

- Hóa ra việc cậu bỏ đi là đúng! Quả là tuổi trẻ tài cao mưu lược hơn người. Còn bọn tớ, lũ sông Đà đã giam bọn tớ suốt một tháng ròng ở trên Tu Lý. Đã đói khát, lại bệnh tật... Đúng là số kiếp đã chẳng ra gì thì ở chỗ nào cũng chẳng ra gì.

Sự việc thế là bằng đi hơn 30 năm. Sau lần ấy, tôi chưa bao giờ có dịp quay lại bản Hoan. Suốt thời gian ấy, cũng chỉ có một hai lần tôi có nhớ lại sự việc xảy ra nhưng không phải là để ân hận mà chỉ là để ghi nhớ “sự mất trai tân” trong cuộc đời mình mà thôi. Với bản tính trung thành và nhậm nhục, từ một công chức ở Sở, sau nhiều năm trời tôi đã trở thành một quan chức cao cấp ở Bộ Y tế. Trước Tết Nguyên đán năm kia, tôi tham gia vào một đoàn công tác của Chính phủ để đi khảo sát về chương trình xóa đói giảm nghèo ở vùng nông thôn, vô tình thế nào tôi lại có dịp đi đến bản Hoan.

Lần ấy, khi về huyện X, người ta báo cho tôi hay ở đây dân chúng đang chặt phá rừng bừa bãi. Họ mới bắt được một tên “lâm tặc” khét tiếng, tên này vô cùng liều lĩnh, hần chẳng biết gì về pháp luật, hần tăn công lại tất cả những người thi hành công vụ. Người ta cũng nói với tôi rằng cách giải

quyết tốt nhất đối với hạng người như thế là “cho xoi một phát kẹo đồng”.

Tôi quyết định xuống tận nơi xem xét sự việc. Đi cùng với tôi là một quan chức địa phương người Mường tên là Đinh Công Hùng, ở hạt kiểm lâm, tên “lâm tặc” được nhốt vào một cũi sắt, chiếc cũi này trước đây vẫn dùng nhốt gấu. Tên này trạc 30 tuổi, chột mắt, thọt chân, người ngòm dị hợm.

Tôi đề nghị người ta thả hấn ra để tôi nói chuyện với hấn nhưng họ không nghe:

- Thưa ông, không được đâu! Thằng chó chết này nó sẽ xoi tái ông ngay! Còn nếu ông dút khoát muốn thả nó ra thì để chúng tôi phải làm què chân nó đã!

Tuy nhiên, cuối cùng thì tôi cũng đã nói chuyện được với “tên giặc” mà không đến nỗi phải bẻ chân hấn. Chẳng khó khăn gì tôi đã biết nguyên nhân thực của việc hấn đi phá rừng: hấn có tới bảy đứa con, gia đình quanh năm nghèo đói, hấn phải làm đủ mọi việc lương thiện cũng như không lương thiện để cứu cả nhà.

- Thế dân chúng ở đây không có nghề nghiệp gì khác cả sao?

Ông Đinh Công Hùng nói cho tôi biết:

- Có đấy! Trước đây có nghề dệt thổ cẩm. Mẹ của tên này thậm chí còn là người dệt giỏi nhất vùng này. Nhưng về sau nghề này mất dần, không thể cạnh tranh với vài công nghiệp ngoài thị trường được. Đây là một nghề để rèn luyện nhân cách cho người phụ nữ Mường chứ không phải là một nghề để kiếm sống.

“Tên giặc” có vẻ chán cuộc trò chuyện với tôi. Hấn muốn đứng lên đi lại cho khỏi tê chân. Khi hấn đi lại, cái chân thọt của hấn trông thật tội nghiệp.

- Anh ta bị tật bẩm sinh hay sao? - Tôi hỏi.

Ông Đinh Công Hùng trả lời:

- Câu chuyện dài lắm! Mẹ hấn trước kia vốn là một cô gái Mường nét na. Không hiểu tại sao cô ta mang thai. Thật tai hại! Chắc vì muốn hủy cái thai đi nên cô ta đã uống đủ mọi thứ lá lầu vào người. Kết quả thằng bé sinh ra đã bị tật nguyên. Mẹ nó ít lâu sau đó thì chết. Thằng bé không được học hành gì cả. Tuy lác mắt, thọt chân, lại gù lưng nữa nhưng nó lại có sức khỏe phi thường. Chắc thằng bố nó phải là một tên rất nguy hiểm!

“Tên giặc” nhìn hai chúng tôi với vẻ mặt gườm gườm và đôi mắt lác kính người.

Khi hấn quay lại, tôi nhận thấy hấn đeo một vật kỳ lạ ở ngực: đây là một cái túi thổ cẩm bé xíu, cáu ghét. Khi tôi ngó ý muốn xem thì hấn giữ chặt lấy, vẻ hung dữ. Ông Hùng nói:

- Chắc đây là thứ bùa ngải gì đó mà mẹ hấn đã để lại cho hấn. Nếu ông muốn xem thì cũng không khó...

Ông Hùng vẫy tay cho mấy người canh vệ đi theo. Người ta giữ hấn lại, đá vào giữa hai khoeo chân, thậm chí phải vịn cổ hấn mới tước được cái vật bản thiêu ấy.

Khi mở túi ra, người ta thấy ở trong đó có một sợi dây chuyền. Tôi suýt ngất đi vì nhận ra đó là vật kỷ niệm mà mẹ tôi để lại cho tôi. Cậy nắp chiếc hộp bé xíu có hình quả tim, trong đó còn nguyên tấm ảnh mẹ tôi chụp hồi còn trẻ.

- Thế anh tên gì? Người ở đâu? Tại sao lại có vật này?

Hắn trả lời, còn tôi nghe thấy tiếng hắn trả lời mà chẳng khác nào nghe thấy tiếng súng từ hình!

Không còn ngờ vực gì nữa, thằng khốn nạn và ghê gớm ấy chính là thằng con trai tôi!

Đêm hôm đó và suốt mấy đêm hôm sau tôi không thể nào ngủ được. Không ngờ hành động tội lỗi ngày xưa của tôi lại có hậu quả khôn lường như vậy. Tôi nhìn tấm hình mẹ tôi cầu khẩn. Nếu như còn sống, chắc chắn mẹ tôi sẽ đặt danh dự và sĩ diện của tôi lên trên hết thảy. Mẹ tôi sẽ không cho tôi thừa nhận thằng giặc khốn nạn và ghê tởm kia là con tôi đâu. “Còn cái con ranh con yêu tinh người Mường - Mẹ tôi sẽ bảo như thế - Đáng ra nó phải biết giữ thân của nó thì đâu đến nỗi làm khổ mọi người!”. Có thể mẹ tôi còn cho rằng số phận của tôi vất vả, rằng kiếp trước của tôi tu chẳng ra gì, rằng bây giờ đạo đức suy đồi nên tôi đã bị ảnh hưởng của những ai đó v.v...

Đương nhiên, tôi không thể hành động theo cách thức suy diễn của mẹ tôi được (người mẹ kính yêu trên đời mà tôi vô cùng biết ơn), mặt khác, tôi cũng không có khả năng hành động với tinh thần nhân văn “fair-play” được. Thật là “tiền thoái lương nan”. Sau khi suy nghĩ rất kỹ, tôi đã quyết định không chính thức công nhận “tên giặc ở bản Hoan” là con trai tôi, nhưng tôi đứng ra bảo lãnh cho hắn, tôi còn cho hắn tiền làm nhà và thỉnh thoảng còn chu cấp vốn cho hắn làm ăn. Bây giờ hắn đã có một cơ ngơi khá khá. Thằng khốn nạn tuy hung bạo nhưng lại có đầu óc (hắn đúng là con tôi thật!), hắn bắt những đứa con trai của hắn đào ao nuôi cá sấu và rắn rết, nuôi gấu và toàn những con chim kỳ lạ để bán lấy tiền, còn con gái thì hắn bắt dẹt thỏ cảm... Nhờ giờ, bây giờ hắn không còn đi ăn cướp và phá rừng nữa. Cứ khoảng độ vài ba tháng tôi lại lên thăm xem xét một lần. Tóm lại, cái lũ con cháu vô thừa nhận của tôi cũng có hạnh phúc theo một ý nghĩa nào đấy!

ừ, lại nói đến hạnh phúc. Hạnh phúc là gì nhỉ? Thế hạnh phúc là gì nếu không phải là “sự tịnh tâm?”. Chúng ta sống ở trên đời, vô tình hay hữu ý, chúng ta đều đã phạm phải rất nhiều điều ác, thậm chí chúng ta còn từng là những kẻ sát nhân nữa mà không hay biết gì cả. Có thể những thằng bé đánh giầy kia, những ả “ca-ve”, những người nghèo khó hay những tên lưu manh trộm cướp đã từng là những đứa con cái vô thừa nhận của chúng ta (mà biết đâu chúng ta lại chẳng là con cái của chúng nữa!). Thôi thì xú xí, “chín bỏ làm mười”, chúng ta hãy yêu thương nhau, tha thứ cho nhau. Cầu mong ai cũng có được sự tịnh tâm để sống trọn ở trong cuộc đời tươi đẹp!

\*\*

\*

Câu chuyện trên đây do một quan chức ở Bộ Y tế mà tôi muốn giấu tên kể lại cho nghe. Tôi không tán thành với nhiều ý kiến nhận xét của ông, nhưng tôi đồng ý với ông rằng cuộc đời quả là tươi đẹp, tuổi trẻ quả là tươi đẹp. Đương nhiên, kể cả với cách sinh con kiểu ấy.

Thi sĩ người Nga Lermontov từ trong vô thức hiểu rằng cuộc đời là ngắn ngủi đã viết câu thơ sau đây khi chàng 25 tuổi: “*Bởi trần thế tối tăm như hầm mộ. Tôi vẫn yêu sự khủng khiếp này...*”.

# CHUYỆN ÔNG MÓNG

Mấy năm trước nghe nói ở ngoại thành có một chợ bán phân nổi tiếng, “độc nhất vô nhị” nên tôi tò mò đến xem.

Chợ phân họp chừng một giờ đồng hồ từ 3 giờ sáng đến 4 giờ sáng ở ngay bên đường đi Sơn Tây. Đây là vùng trồng rau, trồng cà nổi tiếng. Giống cà pháo, cà bát rất hợp với việc bón phân tươi, nhất là phân người. Người ta cũng dùng phân để bón cho lúa, nhưng phân bón cho lúa phải được ủ cho mục ra, cho chín phân. Thế nào là ủ phân? Phân tươi có nhiều loại: phân trâu bò, phân lợn, phân gà (gọi chung là phân chuồng), phân người (còn gọi là phân bắc) nhưng được ưa quý hơn cả là phân lợn, phân gà. Phân lợn quý vì nó mát, có thể dùng ngay, bón được ngay cho cây, mà cây nào cũng hợp. Phân gà cũng quý nhưng phân gà nóng, chỉ hợp bón cho cây ớt mà thôi. Riêng phân người (phân bắc) có lẽ bởi có nhiều đạm, nhiều chất khó phân hủy nên bón trực tiếp thì cây xót, chết ngay. Riêng chỉ cây cà là chịu đựng được, lại hợp với việc bón loại phân này. Nhìn chung, tất cả các loại phân đều phải được ủ thì mới nên dùng. Người ta đào một cái hố ở ruộng, chắt phân vào cùng với tro, trấu, rồi trát bùn non trộn với rơm bên ngoài, trông như một cái mả, để đấy chừng dăm bữa nửa tháng cho ngấu dần. Phân được ủ chín, cứ thế mục ra, oái ra. Những con dòi ăn hết phân cũng chết đi, bản thân nó cũng hóa thành phân.

Khi tôi đến thăm chợ phân thì chợ đang họp. Đây là chợ phân tươi, hoàn toàn không có phân ủ (phân chín) không có phân xanh (phân làm từ các loại lá cây) hay phân hóa học. Cũng rất ít có phân chuồng, tức là phân lợn, phân gà hay phân trâu bò. Tất cả đều là phân người.

Phân người được cho vào những thùng gò bằng tôn như thùng gánh nước. Cũng có một số người dùng thùng gỗ hoặc cho phân vào sọt (sọt được lót bằng bao ni-lông). Có lẽ phân lớn phân ở đây đều được lấy từ các nhà xí công cộng trong thành phố ra, nhiều thùng phân còn thấy lẫn cả giấy vớ học sinh hay giấy báo.

Chợ phân không đông, chỉ có chừng hơn ba chục người vừa mua vừa bán. Hình như họ vốn đã quen biết nhau và khá thuộc “mặt hàng” của nhau nên việc mua bán thỏa thuận cũng nhanh. Dưới ánh đèn cao áp tựa như ánh trắng và không khí hơi lạnh buổi sáng, chợ phân cũng có phần nào giấu đi được sự bẩn thiu, sự nghèo hèn, lam lũ và cần lao.

Những người bán phân đều bịt mặt hay đeo khẩu trang. Tất cả đều bán mua, mua bán một cách âm thầm chịu đựng, ít nhất đấy cũng là cảm giác ban đầu của tôi. Không có ai nói năng to tiếng hoặc mặc cả ráo riết như ở các chợ khác, chỉ trừ có mỗi một người, người này có vẻ như “ông chủ chợ”. Ông ta khoảng 60 tuổi, dáng người thấp đậm, đầu húi cua, mắt trố, quai hàm bạnh, ngực nở nang, chân tay rắn chắc. Ông ta không đeo khẩu trang hay bịt mặt, hoàn toàn chẳng có vẻ gì sợ hãi hay ghê tởm khi phải tiếp xúc, đụng chạm với các thùng phân bẩn thiu và các dụng cụ dơ dáy ở đây. Tôi để ý thấy ông ta không mua, cũng không bán nhưng ông ta đi đi lại lại, nhắc nhở mọi người, xem xét, đánh giá từng thùng phân, bông đùa, góp ý cho những ai còn đang bán khoản hay lưỡng lự. Ông ta khá linh hoạt, lanh lẹ. Sự linh hoạt của ông ta khiến cho phiên chợ sôi nổi hẳn lên nhưng cũng có vẻ gì khá bất nhẫn. Ông ta như một vị nhạc trưởng, như người giữ nhịp điệu cho cả phiên chợ quái đản này.

Có mấy người đôi co về hai sọt phân của một phụ nữ. Người phụ nữ này ăn mặc quần áo như một nhân viên Công ty vệ sinh. Người phụ nữ cầu cứu “ông chủ chợ”:

- Bác Móng! Phân này của cháu mà chê là chua thì có ứ không?

Ông Móng (tức “ông chủ chợ”) đến gần xem xét. Ông ta dùng một cái gắp phân bằng cật tre, trông hơi giống một cái thìa cả sục sâu vào đáy sọt phân rồi rút ra, đưa lên mũi ngửi. Một con nhặng xanh bay nhao ở ngay trước mặt ông ta. Ông ta lùi một bước, quắc mắt, chuyển cái gắp phân từ tay trái sang tay phải rồi ước lượng đón đầu đường bay của con nhặng xanh, đập vào một

cái vào không trung. Ông ta hô lớn:

- Chết này!

Sau tiếng hô người ta thấy con nhặng xanh ngã vật ngay xuống ở giữa sọt phân. Ông ta bình thân bảo người mua hàng:

- Phân tốt đấy, không chua đâu! Chắc hỏ xí nhà này gần chỗ làm đậu phụ nên có nước đổ tương lẫn vào!

Người phụ nữ bảo:

- Vâng đúng! Trong phân vẫn còn vỏ đỗ đây này!

Ông Móng bảo:

- Phân của mày hôm nay không đậm như phân hôm qua! Nát nhèo nát nhèo... Thôi thì giảm đi một giá...

Người phụ nữ bảo:

- Cháu gánh kéo kẹt suốt từ ngoài cửa ô đến đây, nặng ời là nặng...

Ông Móng bảo:

- Cho chết! Ai bảo tham mức nhiều nước vào... Mày phải chắt cho kiệt nước đi thì phân mới ngon!

ở cuối chợ có ai trút hai thùng phân sang hai cái thúng sơn bị đổ ra đường. Ông Móng quát:

- Vét ngay! Vét cho thật sạch! Ban ngày người ta mà thấy phân dầy ra đường là không còn để cho họp chợ nữa đâu!

Người bán hàng vét phân bằng một dụng cụ làm bằng tôn hơi giống như một cái thìa súp to, có cán dài, cái này cũng gọi là móng. Tuy đã vét sạch nhưng trên mặt đường nhựa vẫn lầy nhầy một lớp váng nước bu đầy ruồi nhặng. Ông Móng đi đến, bắt người kia phải đi múc nước từ một con mương gần đấy lên để rửa đường.

Một thanh niên trẻ, người gầy nhẳng đẩy một xe phân đi đến. Đây là chiếc xe vẫn dùng để gom rác nhưng được sửa đi để đựng phân. Những người không bán được hàng (ế hàng) hoặc hàng xấu (tức là phân lỏng bông toàn nước là nước hay nhiều dòi quá) đều trút cả vào xe cho anh ta. Anh ta mua hết nhưng đều với giá rẻ, mọi người gọi là giá bèo, giá vớt đi, giá hết chợ. Ông Móng và anh này có vẻ thân nhau. Ông Móng khen:

- Làm được nhà, lấy được vợ chỉ nhờ vào phân! Thế là nhất!

Anh ta cười, vẻ mãn nguyện, lấy thuốc lá ra mời ông Móng. Hai người đứng hút thuốc lá, bàn tán những chuyện gì đó không rõ nhưng nghe loáng thoáng có câu “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” với “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”...

Phía cánh đồng ngoại thành bóng tối lênh loãng dần, bắt đầu mờ mờ nhìn rõ mặt người. Những tia mặt trời đầu tiên hân hoan báo hiệu một ngày mới đang đến dần. Những tiếng rung động đầu tiên rất khẽ rồi cứ thế lan tỏa ra, lớn dần lên, liên hoàn, âm ào như có muôn ngàn tiếng sóng vỗ, như có muôn ngàn tiếng chim đập cánh, như rùng rùng tiếng dặm chân của cả đoàn người. Tiếng còi xe lửa, tiếng còi ô-tô lạnh lót vang lên. Thành phố bắt đầu cựa mình thức dậy như

một con mãnh thú to lớn, như một tên khổng lồ vĩ đại có rất nhiều tham vọng phàm tục, có rất nhiều ước mơ táo bạo cùng với năng lực ẩn tàng. Hắn vừa chậm rãi, lại nhanh nhẹn, vừa ngáp ngủ, lại tỉnh thức. Người ta không thể lường được một ngày của hắn rồi sẽ thế nào, hắn sẽ làm gì, hắn sẽ bắt đầu bữa tiệc thịt người ngay tức khắc hay sẽ hào hiệp vung tay hào hiệp vung tay tri ân rải bạc vàng lên khắp chốn cùng nơi như một đế vương. Thành phố! Đây là bao nhiêu nỗi kinh hoàng, bao nhiêu niềm vui hoan lạc! Thành phố! ở đây có cả biết bao cảnh giới thiên đường và sự đọa đày trong tầng tầng địa ngục!

Những người họp chợ phân tán đi rất nhanh, loáng cái chẳng thấy còn một người nào, cứ như là chui xuống đất. Ông Móng đi dọc cái chợ không còn một ai xem xét. Không biết ông ta lấy đâu ra một cái chổi nan dài, chỗ nào còn rớt lại ít phân thì ông ta dùng chổi rắp ngay vào bên rệ đường như để phi tang. Xong xuôi, ông ta bước xuống con đường gần đây rửa tay rồi lững thững đi vào quán phở vừa mới mở cửa bên đường. ở đây ông được đón tiếp như một khách hàng quen biết thường xuyên đặc biệt. Chủ quán biết rõ ông thích ăn gì và ăn thế nào.

Sau lần tôi đến chợ phân, tôi đã làm quen với ông Móng, tìm cách trò chuyện với ông ta nhưng ông ta kín như bưng. Tôi cũng đã nghe thiên hạ kể về ông ta nhiều chuyện nhưng đều “bán tín bán nghi”, chẳng biết thực hư thế nào.

Bốn chục năm trước, Móng là một thanh niên nông thôn chất phác. Anh ta sống ở một làng quê ven thành. Lớn lên Móng đi lính, đã từng phiêu bạt sang cả Lào và Campuchia. Cũng có người nói hồi trẻ Móng khá tài hoa, cầm, kỳ, thi, họa đủ mùi.

Một dạo, đóng quân ở một vùng xa, Móng có làm quen và yêu một cô gái Chăm. Cô gái tóc xoăn, da nâu, nồng nàn như lửa. Anh lính nhà quê chất phác si tình như bị hấp hồn. Họ kéo nhau vào rừng trước một pho tượng đá cổ tạc những hình thù kỳ dị mà mãi về sau Móng được nghe giải thích là tượng “lin-ga”. Móng đòi cô gái trao thân. Cô gái bắt Móng phải thề chung thủy với cô. Nửa đùa nửa thật, Móng thề:

- Nếu tôi không chung thủy với em thì suốt đời tôi đi hót cú!

Cô gái vui vẻ, tự nguyện trao thân. Sau đó Móng đã chuyển đi nơi khác. Anh ta quên ngay cô gái người Chăm. Cuộc đời chinh chiến giang hồ bôn ba khắp nẻo, sau này Móng cũng đã nhiều lần gặp gỡ không ít những cô gái khác. Hết chiến tranh, trở về quê quán, giống như nhiều người đàn ông có giáo dục và lương thiện khác đã qua thử thách, Móng lấy một cô gái làng, lập gia đình và sống cần cù, gương mẫu.

Tôi nghe kể nhưng không tin lắm vào câu chuyện trên. Tôi hỏi ông Móng và biết ông làm việc ở chợ phân này mấy chục năm nay tình nguyện và không vụ lợi. Nhiều người cũng đã xác nhận việc ấy với tôi. Không có lẽ ông ta lại có tình yêu và lòng say mê với phân như khối người dờ hơi chúng ta vẫn say mê văn chương nghệ thuật, toán học, chính trị hay đồ cổ? Tôi có mang chuyện này trao đổi với một nhà sư. Ông bảo:

- Sám hối vẫn thường là một nhu cầu tâm linh của người ta khi đã về già. Thế nào gọi là Sám? Thế nào gọi là Hối? Sám có nghĩa là ăn năn về những lỗi lầm mình đã phạm từ trước. Các nghiệp ác, các tội ngu si mê chấp, kiêu ngạo khinh mạn... hoàn toàn xin ăn năn hối lỗi, từ nay về sau không còn gây ra nữa. Thế gọi là Sám. Hối có nghĩa là hối cải những điều lỗi có thể phạm phải sau này. Các nghiệp ác, các tội ngu mê, kiêu ngạo, ngông cuồng, ghen ghét... đã được giác ngộ sẽ phải dứt bỏ hẳn, không gây ra nữa. Thế gọi là Hối, gọi chung là Sám hối. Kẻ phạm phụ mê chấp chỉ biết ăn năn những tội lỗi đã phạm phải từ trước mà không biết hối cải những tội lỗi về sau của mình thế là tội trước chưa diệt, lỗi sau lại sinh, vậy chưa thể gọi là Sám hối được. Mỗi một thiện trí thức phải nung nấu lắm!

Tôi ngồi nghe, không hoàn toàn bằng lòng với cách giải thích như trên vì thấy ông Móng không có vẻ gì đang là người ăn năn sám hối. Tôi cũng đã dò hỏi về “lin-ga” và các quan niệm quá báo của người xưa. Trong bái vật tổ - tôn giáo nguyên thủy (nhiều người coi là tà giáo) hình tượng âm vật, dương vật giao cấu cũng khá phổ biến, chưa nghe nói vì báng bổ mà đến nỗi phải rước tai



họa gì. Chắc chắn không hề có chuyện mê tín ở đây. Tiếp xúc với ông Móng, tôi thấy ông là người vô thần, cũng khá hồn nhiên chất phác yêu đời. Tôi băn khoăn quá, giải thích chuyện này cho thật thấu đáo kể cũng đau đầu.

- Không tôn giáo, không chính trị, không vụ lợi, không “sếch xy” - Ông Móng bảo tôi - Nghề hát phân trên đời là nhất!

**2001**

# CHUYỆN BÀ MÓNG

Bà Móng tên thật là Dương Thị Hợp, hồi nhỏ ở với bố mẹ ở xóm núi Bò, sau đường Đội Cấn Hà Nội bây giờ.

Bốn chục năm trước, xóm núi Bò phong cảnh vẫn còn tiêu tao giống như ở vùng sơn cước chứ không hề bề bộn nhà cửa khang trang như bây giờ. Trên núi là những cây mít mật mọc hoang chũu chịt quả. Dưới chân núi là những ruộng rau muống, mưa xuống là ềnh ương, chảo chuộc găm gào suốt thâu đêm. Gia đình cô Hợp làm nghề bán chim. Họ có cửa hàng ở chợ Giảng Võ. Cô Hợp cất chim ở các tỉnh về: nào cu gáy, sáo sậu, chích choè than, chích choè lửa, hoạ mi, yến phụng, nhồng, bạc má, chiến chiền, gà nước, cuốc lúi, đa đa, cuồng, vàng anh, khướu, yêng, vẹt, quạ, thậm chí có cả đại bàng.

Cô Hợp có tài dạy chim, tài bẫy chim. Nghề dạy chim là nghề khó nhất trần đời, ông Móng chồng cô Hợp sau này có ví nghề đó “khó như nghề đào tạo gián điệp”. Nếu ai hiểu biết về nghề nuôi chim sẽ thấy ông Móng ví von có lý.

Cô Hợp thừa hưởng ở ông cụ thân sinh tài nghệ bắt chước đủ loại tiếng chim. ở trong xiếc người ta gọi đây là trò khẩu thuật. Bạn đã bao giờ xem biểu diễn trò khẩu thuật chưa? Diễn viên chúm miệng lại bắt chước tiếng chim, tiếng chó sủa, tiếng dê kêu, tiếng còi tàu, tiếng máy bay gầm rú, thậm chí cả tiếng của lãnh tụ đang đọc diễn văn vô cùng ngoạn mục. Từ nhỏ, tôi đã hết sức khâm phục những người có tài bắt chước, tôi nghiệm thấy ở trong cuộc sống họ vẫn thường thành công hơn những người tự phụ lúc nào cũng khẳng khẳng giữ lập trường độc đáo cho riêng mình.

Phải nhìn cô Hợp dạy chim, bẫy chim mới thấy công phu của nghề nghiệp này. Trong tay cô Hợp có chừng hơn chục con chim mỗi. Đây là những con chim cốt cán, nó vừa khôn, lại vừa dữ. Đào tạo được nó là cả một quá trình công phu không sao tả xiết. Thỉnh thoảng cô Hợp lại mang lũ chim mỗi đi về các tỉnh giăng lưới bắt chim hoang dã. Con chim mỗi được đặt vào ở trong *lục*, tức là một cái bẫy có lưới rập. Cô Hợp nấp ở trong bụi cây kín đáo gần đó ngồi chén bánh mì và uống nước lọc cảm hơi. Xong xuôi, cô chúm miệng lại bắt chước tiếng chim hót để *thúc* chim mỗi. Chủ và tớ rất hiểu ý nhau. Nghe cô Hợp và con chim mỗi riu rít, bọn chim rừng lêu lổng quen thói giang hồ tưởng bỏ có món nhắm tốt hoặc có kẻ lân la gây sự bèn sà xuống xem xét. Chim chóc là loài có thói sân si, ích kỷ và hay đồ kỵ ghen tuông kinh khủng. Chim mỗi khôn ngoan ra sức hót *thúc*, hót *căng* để dụ địch quân vào bẫy. Không thể ngờ được sự hóc hiểm của trường đời, bọn chim rừng thật thà chất phác, quen thói cư xử nghĩa khí giang hồ mười con thì tới chín con sập bẫy. Chim “tù binh” gọi là chim *bối*. Cô Hợp cho chim vào lồng, trùm ra bên ngoài một tấm vải gọi là áo lồng, chuyển về trại núi Bò huấn luyện.

Chim bối bị bắt, cũng giống như khi chúng ta bị công an mời vào đồn *làm việc*, ta sẽ hết sức hoang mang, hoảng sợ. Luyện cho chim *bối* quen dần là cả một nghệ thuật tâm lý. Cô Hợp cho chúng vào lồng, hé áo lồng dần dần từng tí một để cho chúng quen dần, đến một lúc nào đấy mới gọi là “séch-xy” cả lồng hoàn toàn để chim *bối* làm quen với môi trường. Có con chim *bối* tuyệt thực không chịu ăn gì, thậm chí lao thẳng lên nóc lồng tự tử hết sức thương tâm. Khi ấy, cô Hợp lại khéo léo “gài” vào lồng chim *bối* một con chim đã được huấn luyện, ta có thể gọi đó là chim *chân gổ*. Bọn *chân gổ* có nhiệm vụ lung lạc ý chí phản kháng của con chim *bối*, dạy cho chúng biết thế nào là “*ngộ biến phải tùng quyền*”. Ta biết rằng để bắt được một con châu chấu, cào cào, bọn chim giang hồ thường vẫn phải âm mưu, rượt đuổi đứt hơi; nay bỗng dưng lại được người ta mời ăn cao lương mỹ vị tử tế thì vô lý quá, chúng bỗng sinh nghi và không phải một sớm một chiều quen được. Mỗi loại chim lại có thức ăn riêng, nhiều khê, phức tạp vô cùng. Nhồng (yêng), sáo, cuồng thích gạo trộn trứng gà và chuối. Chích choè thích bột đậu trộn trứng gà với cào cào, sâu tươi, trứng kiến. Cu gáy (một loài chim lúc nào cũng tỏ ra ngớ ngẩn, bộp chộp, thật thà nhưng thật ra lại rất bạc bẽo, bất nghĩa) lại chỉ thích ăn thóc mà thôi... Chim chóc cũng hết như người, “thực bất tri kỳ vị”, phải ở trong nghề mới tường tận được.

Cô Hợp biết tất cả kỹ thuật dạy chim hót, chim nói và chim chọi. Các giống chim biết nói tiếng

người thì đứng đầu bảng là nhông (yêng), sau đó là đến kết (vết), cà cường, sáo, quạ. Mỗi tình của ông Móng với cô Hợp thực ra lúc đầu cũng do một con nhông biết nói đứng ra làm mối.

Lần ấy, ông Móng mới ở quân đội phục viên về. Thất nghiệp, không có việc làm, gã lính cựu thất thủ bèn đi xin việc. Qua chợ Giảng Võ, Móng sững sờ trước một khu vực dày đặc lồng chim. Một con vết xoè đôi cánh sắc sỡ ra làm lễ triều kiến khiến hấn vừa giật mình vừa vô cùng thích thú. Ngay sau đó, con nhông cất giọng ồm ồm hỏi hấn:

- Khoẻ không ông bạn?

Móng giật lùi, há miệng ra, hết sức ngạc nhiên. Hấn đến gần lồng chim xem xét. Con nhông liếc mắt nhìn hấn với vẻ khinh bỉ, lại cất cái giọng ồm ồm lúc này bình luận:

- Đòi cũng chó nhì?

Móng phá lên cười. Đến nước này thì không tài nào chịu nổi. Con nhông từ bỏ lồng nhảy lên càn lồng lại cất tiếng bình luận tiếp:

- Cười hờ mười cái răng!

Ngay lúc ấy cô Hợp xuất hiện trước Móng. Nụ cười của cô gái thấp lùn, da bánh mật, có hai cái răng cửa trông như răng chó trông rất hiền lành đôn hậu. Móng hỏi:

- Nó biết nói à?

- “Vườn”!

- Thế đằng ấy dạy nó nói à?

- Thì cũng “vườn”!

Móng phì cười. Thiện cảm của hấn với lũ chim, với con nhông chuyển hết sang cả cô gái. Ai tình – theo các nhà tâm lý học, nó là tác động tức thì của những thiện cảm vô hình, có sức mạnh bùng nổ, bột phát, ghi dấu ấn trực tiếp lên vỏ đại não, nó khiến cho người ta nảy sinh tình cảm triu mến và phát lộ dục vọng. Tình yêu sét đánh từ một cái nhìn đầu tiên chính là như thế, thiện cảm là vị tiên tri, là vị đại sứ đặc mệnh toàn quyền, là tên lính kèn báo hiệu cho hôn nhân giường chiếu, cho những đứa con, cho nợ nần và những cuộc cãi vã bất phân thắng bại, cho cái mà ta gọi là “hạnh phúc trần gian”.

Hôm ấy, cô Hợp chỉ dẫn cho Móng về các loại chim. Trước đây, Móng gần như mù tịt về nó. Đối với hấn, tất cả những con chim biết bay đều là “con quéc”. Cô Hợp, với bản tính hiền lành, nhẫn nại và kiên trì của một nhà huấn luyện tài ba đã khai mở cho Móng những kiến thức sơ đẳng về chim và hấn hân hoan thu nhận những kiến thức ấy.

Ngày nào Móng cũng lân la đến chỗ cô Hợp bán hàng. Dưới mắt cô Hợp, Móng đúng là một con chim *bối* man rợ lì lợm. Mũi tên của thần ái tình không phải một sớm một chiều khoan thủng được lớp da dày dặn sương gió kia. Để cho hấn tự nguyện chui vào lục, tức là dẫn thân vào cuộc hôn nhân mà cô Hợp mong ước là chuyện hết sức công phu. Nhưng rồi “những gì phải đến cũng đến”, đám cưới của cặp tình nhân chất phác ấy đã được tổ chức đơn sơ nhưng không kém phần trang trọng vào đúng một năm sau cái ngày mà con nhông khôn ngoan kia tiên tri:

- Đòi cũng chó nhì!

Đêm tân hôn, Móng và cô Hợp gác chân lên nhau trò chuyện. Cô Hợp bảo:

- Hôm đầu, em cứ tưởng mình là ông khách đến để mua chim.

Ông Móng cười:

- Rốt cuộc, tớ lại là thằng bán chim cho mình!

Cô Hợp mắng yêu:

- Đồ phải gió!

Rồi cô mỉm cười ở trong bóng tối:

- Mình là con chim lớn nhất mà em bắt được!

Ông Móng và cô Hợp sống hạnh phúc bên nhau. Cửa hàng bán chim của họ khá phát đạt. Trước kia, ở Hà Nội người ta phần lớn chỉ nuôi chim hót, chim làm cảnh, người ta muốn đưa một phần nhỏ của thiên nhiên tươi mát vào trong phố thị chật hẹp vốn dĩ có nhiều sức ép; nhưng về sau này không hiểu vì sao người ta chỉ thích nuôi chim chọi mà thôi. Những con chim họa mi vốn có tiếng hót thánh thót mê ly lại được huấn luyện thành các chiến binh, chúng có thể đánh nhau đến chết. Người ta bỏ tiền ra cá cược cho các trận chiến. Nghề nuôi chim không còn tuân theo các phương pháp cổ truyền tao nhã ngày xưa, người ta ép nó ăn những thức ăn công nghiệp, họ cho chim dùng cả tân dược, cả doping. Gần đây, dịch cúm gà và dịch cúm gia cầm xuất hiện nên cũng ít người dám nuôi chim làm cảnh.

Ông Móng và bà Hợp vẫn cố gắng cầm cự với nghề nuôi chim cổ truyền của họ. Những khi rỗi rãi, ông ngồi chép lại những kinh nghiệm nuôi chim mà bà Hợp kể ra. Cuốn sách của ông thiên về kỹ thuật nên có phần rắc rối, khó hiểu. Ông có cho tôi xem cuốn sách này, nhưng quả thật về kỹ thuật nuôi chim thì tôi mù tịt. Tôi có nói với ông về một bài kệ của thiền sư Ngoạ Luân ở Trung Quốc ngày xưa, vị thiền sư này rất chú trọng đến các kỹ năng ứng xử cũng như trong học thuật. Bài kệ như sau:

*Ngoạ Luân có kỹ năng*

*Dừng ngắt trăm tư tưởng*

*Đối cảnh tâm chẳng vương*

*Bỏ để ngày tháng trường.*

Khi nghe thấy bài kệ này, Lục Tổ Huệ Năng (sinh năm 638 mất năm 713) có nói:

- Bài kệ ấy tỏ ra chưa thấy bản tâm tự tính, chưa rõ thế nào là tâm địa, nếu theo đó mà thực hành thì chỉ tăng thêm trôi buột.

Nhân đó, Lục Tổ đọc bài kệ này:

*Huệ Năng chẳng kỹ năng*

*Chẳng dứt trăm tư tưởng*

*Đối cảnh tâm nhiều vương*

*Bỏ - để nào đoạn trường!*

Sau này, những đệ tử của Lục Tổ giải thích bài kệ như sau: “Nói Huệ Năng không có bất cứ kỹ năng màu nhiệm nào cũng như nói ý thức tư tưởng vốn không có, cho nên dù có trăm nghìn ý nghĩ cũng chẳng cần phải đoạn tuyệt, dụng tâm không tạp nhiễm, không có tâm phân biệt “người – ta”,

hãy như tấm gương phản chiếu vạn vật. Vì vậy, đối với mọi tình huống ngoại cảnh tựa hồ như tâm ý khơi lên rất nhiều nhưng thực ra đều ứng theo tâm, đã đạt tới trình độ vô lượng tri kiến. Người học Phật không cần phải dứt bỏ ý nghĩ vì như thế là mê chấp vào ý nghĩ phải “dứt bỏ ý nghĩ” rồi. Phải như hang núi dội lại tiếng vang, tự nhiên như nước chảy thành dòng. Đạo lớn Bồ - đề có gì đáng gọi là lâu dài mà nói”.

Ông Móng và bà Hợp ngồi nghe, bèn bảo tôi:

- Nghề nuôi chim của chúng tôi, giống như nghề viết văn của anh – cũng có lẽ chẳng gì gọi là lâu dài mà nói!

Có lẽ thế chẳng? Có lẽ vậy chẳng? Nghề nào mà chẳng bạc với người... Người nào mà chẳng bạc với ta? Chỉ có lòng ta không bạc với nghề, với người vậy.

**2004**

# CHÚ HOẠT TÔI

Quê tôi ở một xóm nghèo vùng đồi trung du, đi quá một chút nữa là đến Chũ. Vâng, ở đấy người ta gọi là đất “chó ăn đá, gà ăn sỏi”. Thế ông hỏi người ta ăn gì cơ? Thôi thì ăn gì thì ăn miễn là no bụng. Món ăn sở trường ở nhà chúng tôi là món sắn già. Sắn tươi trên đồi rửa sạch, luộc lên, cho vào cối gỗ giã cho nát như ra, chiên thêm tí mỡ lợn cho nó dễ nuốt. Vâng, nếu ông xơi một lần thì cũng thấy ngon bởi vì lạ miệng, nhưng ông thử xơi một tuần, rồi một tháng, rồi hàng năm trời như thế thì ông phát khiếp, phát sốt, phát rét lên chứ! Sau này lớn lên, nói thật với ông, tôi không dám ăn, thậm chí không bao giờ dám nhìn củ sắn. Không biết ai nghĩ ra câu “sống mà ăn sắn”, câu ấy nói ra ở hoàn cảnh nào với ý nghĩa gì không biết nhưng người nghĩ ra câu ấy hẳn là người có những kỷ niệm chẳng thiện cảm gì với sắn cũng giống như tôi.

Vâng, bố tôi là một giáo viên cấp Một. Còn mẹ tôi, khi khai lý lịch trong mục nghề nghiệp thì thường ghi là “nội trợ” nhưng nhà tôi có gì mà phải “nội trợ”? Mẹ tôi làm ruộng, trồng rau, đi chợ, kiếm củi... thôi thì làm tất cả mọi việc để có chút tiền nuôi mấy chị em tôi.

Trên tôi có hai chị đều chỉ học đến hết cấp Một rồi thôi, cũng ở nhà để giúp mẹ tôi “nội trợ”. Em trai bố tôi là chú Hoạt, chú bị thọt chân, cái chân thọt chỉ bé như một thân cây sắn nhỏ. Hàng ngày chú đi chặn bò. Chú Hoạt có tài khoét sáo, thổi sáo hay tuyệt vời. Mẹ tôi bảo chú Hoạt trước đây khi còn ông nội tôi cũng được học hành, chú đã từng đọc khá nhiều sách báo. Sau đó do ông nội tôi sa cơ lỡ vận, do thời thế, do chú Hoạt đau chân, thế là không còn được đi học nữa.

Bố tôi dạy học trong xóm, học trò bữa đực, bữa cái. Ông cũng chẳng có vẻ gì là một giáo viên giỏi. Ông vừa đọc chính tả vừa ho sù sù: “*Trong đầm a... gì đẹp a... bằng sen a...*” Lũ học trò vẫn gọi ông là con Quay. Ông có một tay thước dài một mét bằng gỗ gụ, lúc nào cũng lăm lăm trong tay. Vô phúc đứa nào nghịch ngợm mà bị ông gõ thước lên đầu thì nhớ đến già.

Nhà tôi luôn luôn thiếu tiền. Tôi nhớ có lần nhà nước đòi tiền, nhà tôi chỉ có đâu mỗi đồng bạc, tương đương với một nghìn đồng bây giờ. Khi đòi tiền, lại phải xuống tận huyện tức là phải đi hơn năm cây số chứ có ít đâu! Nói thật với ông, với số tiền ấy bây giờ thì tôi vứt mẹ nó đi, đòi với chác quái gì! Nói thế không phải vì bây giờ tôi khinh tiền (nói đại, ai mà khinh tiền được) nhưng một nghìn thì ông bảo mua được cái quái gì đây? ấy thế mà bây giờ mẹ tôi cũng lặn lội đi đòi bằng được đồng tiền còm cõi ấy. Mang đồng tiền mới về, cả nhà chúng tôi chuyền tay nhau xem, ai cũng trầm trồ khen ngợi đồng tiền vẽ khéo mà tinh vi quá... Chú Hoạt nhận xét hình người trên đồng tiền trông hơi béo tốt khác thường thì bị mẹ tôi giật phắt lấy, lườm cho một cái hết hồn khiến chú nín bặt.

Trong nhà tôi, vì là người cầm chịch chi tiêu nên mẹ tôi luôn đau khổ cau có vì thiếu tiền. Mẹ tôi luôn luôn ca thán, rồi trách Trời, trách số phận hẩm hiu, trách bố tôi bất tài, mẹ tôi coi chú Hoạt và mấy chị em chúng tôi là những “cái tàu há mõm”. Mẹ tôi chắc hẳn chẳng biết “cái tàu há mõm” là cái tàu gì, nhưng nghe người ta nói vậy thì bà nói thế, chắc mẹ tôi hình dung “há mõm” nghĩa là phải ăn uống nhiều kinh khủng! Bố tôi khi nghe mẹ tôi ca thán thì rất đau lòng. Ông ngồi im lặng một chỗ thờ dài, loay hoay với cái ống điều thuốc lão trong tay. “*Tọa thực sơn băng, tọa thực sơn băng... ngồi ăn thì núi cũng lở*”. Ông cứ thế nhắc đi nhắc lại. Tôi thấy ông bất lực, hoàn toàn bất lực. A! Nếu như bây giờ nhà tôi đào được một cái hũ vàng! Tôi nhớ trong truyện cổ tích có những phép lạ và nhiều vận may vẫn đến với những người nghèo lương thiện thấp cổ bé họng giống như chúng tôi.

Khi mấy chị em tôi lớn lên nhu cầu về tiền ngày càng khẩn thiết! Tôi thì không sao nhưng hai chị tôi rất khôn khổ vì không có đủ áo quần. Mùa rét đến thường rất đáng sợ với những người nghèo. Mẹ tôi thường chì chiết và nói bóng gió về sự vô tích sự của chú Hoạt, rõ ràng chú là một của nợ, một đồ thừa bám vào một con thuyền nát là gia đình chúng tôi đây. Đương nhiên mẹ tôi chẳng bao giờ chì chiết chú Hoạt trước mặt bố tôi. Thường nghe được những câu mẹ tôi nói bóng gió xa xôi, mặt chú Hoạt bỗng dưng tái nhợt, chú quay phắt bỏ đi lên đồi. Mẹ tôi bảo tôi: “Này Vương, mày đi theo xem sao không nó nhảy xuống sông, xuống vực tự tử từ nhà mình lại mang tiếng

ác... nhưng ngữ ấy lại ham sống lắm kia, mà sống làm gì, sống mà ăn sán! Thật là tiền oan nghiệp chướng cho cái nhà này...”.

Một lần có đoàn chèo đến lưu diễn ở huyện, bố tôi cho mấy chú cháu chị em chúng tôi đi xem. Trời buốt giá. Chị Nhu, chị Nhã hai chị em chỉ có chung mỗi cái áo len cộc tay màu xanh lá cây đã sờn rách, cứ nhùng nhằng chẳng ai dám mặc, thế là mong manh mỗi người một cái áo cánh mỏng tang hò nhau chạy thoăn thoắt để cho ấm người. Chú Hoạt khắp khiêng đuổi theo... Ông bảo cảm động à? Thừa ông, cảm động cái con mẹ gì khi người ta nghèo. Cách nghĩ của ông là cách nghĩ của người no nê nhìn xuống dưới đáy xã hội. Hôm ấy, đoàn chèo diễn tích “Quan Âm Thị Kính”, người xem đông như hội. Đây là lần đầu tiên mấy chú cháu chị em chúng tôi được xem “văn nghệ”. Chúng tôi say mê như điên như cuồng, từ lời ca tiếng hát, từ ánh đèn rực rỡ, từ cả không khí hào hứng của đám đông người. Ông đã bao giờ nghe thấy tiếng thở dài của cả vạn người cùng một lúc chưa? Chưa à? Ồ, hay tuyệt vời, thật đấy! Tôi không biết tả thế nào mà chỉ thấy rằng nó hay một cách rùng rợn mà thôi! Thế đấy, hôm ấy chúng tôi xem chèo. Đây là một thế giới khác với thế giới hàng ngày của chúng tôi. Về sau, những câu hát cứ bám theo mãi ở trong tâm trí không dứt ra được. Ông hỏi bây giờ tôi còn nhớ được câu nào không ư? Nhớ chứ: “*Nữ tử Thị Kính thủ bút: Ôn sơn hải chút gì báo đáp. ở sao đành đi cũng sao đành. Phận liễu bỏ mười có cũng là không (tức là ý nói “thập nữ viết vô”, mười người nữ cũng là không). Sống cũng tui, dẫu thác thời cũng tui... Cực lòng kẻ ở, đau lòng người đi. Ngộ phải con gia biến bất kỳ!*”.

Tôi nhớ câu hát ấy vì nó vện vào cảnh nhà chúng tôi. Sau đêm xem hát chèo ấy, chị Nhã tôi bỏ nhà đi. Chị Nhã thông minh nhất nhà, chị đã nhận ra một thế giới khác ở chân trời khác dưới tấm áo xanh đỏ tím vàng của đám diễn viên sân khấu kia. Bố mẹ tôi điếng người vì không ngờ tới. Sau lần ấy bố tôi già sọm hẳn đi. Mẹ tôi mắng bố tôi vô dụng, lại không sốt sắng đi tìm con gái... Chắc bố tôi cũng hiểu nếu chị Nhã tôi ở lại thì còn khốn khó hơn nhiều. Năm ấy, chị Nhã tôi vừa tròn 18 tuổi, chị bỏ nhà đi nhường lại cái áo len cộc tay màu xanh lá cây cho người chị cả. Xin ông cho tôi một cốc nước lọc... Mẹ khi, sao bây giờ tự dưng tôi lại trở nên đa cảm thế này, thế là hơn 30 năm qua rồi mà tôi chẳng biết chị Nhã tôi bây giờ ở đâu, đúng là “sống cũng tui, dẫu thác thời cũng tui”.

Tất cả những nỗi phiền muộn ở nhà tôi từ đấy bắt đầu trút cả lên đầu chú Hoạt. Mẹ tôi cũng chẳng nề nang gì nữa, mẹ tôi riết mồm, mắng chửi chú Hoạt ngay cả trước mặt bố tôi. Nói của đáng tội, chú Hoạt cũng là người vô tích sự và vụng về thật, chú thường xuyên lóng ngóng làm đổ bát đĩa, chai lọ là những thứ thường ở nhà khác thì người ta vứt cho hàng đồng nát từ lâu nhưng ở nhà tôi lại là gia bảo.

Sau lần đi xem hát chèo, thỉnh thoảng chú Hoạt lại xin tôi giấy bút loay hoay làm cái gì đó. Độ mấy tháng sau, một hôm tôi thấy chú Hoạt cầm tập giấy ghi kín đặc chữ gặp riêng bố tôi rụt rề: “Anh ạ, em muốn nhờ anh xem thử cái này...” Chú Hoạt đọc cho bố tôi nghe những câu thơ vắn vè gì đó về bầu trời và sông núi. Bố tôi tím mặt lại, tôi chưa bao giờ thấy ông lại mất tự chủ đến thế. Ông văng tục: “A... hóa ra mày làm thơ viết văn! Giời ạ! Thật là đồ chó... Hóa ra nhà tôi lại có một văn nghệ sĩ nữa kia! Rõ phúc nhà tôi to quá... Mày định viết văn làm thơ dạy ai kia chứ?”. Chú Hoạt vịn vẹo hai bàn tay khô sớ, nước mắt trào ra: “Anh ơi, anh hiểu nhầm rồi! Em đâu có định dạy ai mà em bợc bạch!”. “Lại còn bợc bạch nữa kia - Bố tôi cười nhạt - mày định ca thán, oán trách chúng tao chứ gì? Mày định chê bai chúng tao chứ gì. Giời ơi, thật là nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà... Vô phúc! Thật là vô phúc cho cái nhà này!”. Bố tôi xé tập giấy, di xuống đất, rồi lại nhặt ném vào mặt chú Hoạt. Từ bé đến giờ, chưa bao giờ tôi thấy bố tôi nổi giận điên cuồng như vậy! Hình như việc làm đại dột của chú Hoạt động đến một cái gì sâu thẳm từ trong lòng bố tôi, ta vẫn gọi là từ sâu trong “thâm căn cố đế”, ở đấy có cả lòng căm hờn sâu sắc của đêm với ngày, của nước với lửa, có cả sự xúc phạm đồ kỵ, có cả nỗi buồn tủi chán chường, có cả sự ê chề đau đớn, trên hết là nỗi sợ hãi - vâng, chính xác là nỗi sợ hãi ghê gớm, với một thế giới khác thường, một đối thủ khác thường mà mấy dòng chữ vớ vẩn kia chỉ là một bức thông điệp giao chiến chết chóc đầu tiên gửi tới. Bố tôi dạy học, suốt đời ề a những con chữ như người tụng kinh gõ mõ, ông cũng chưa bao giờ đặt ra câu hỏi về cuộc sống này... Nay chú Hoạt, cái thằng thọt chân, một gã chăn bò, một đồ thừa lại đi vắn vè về bầu trời và sông núi, đặt ra câu hỏi cho toàn bộ cuộc sống của ông, của cả gia đình! Như người ta nói, thế là “cốc nước đã tràn”, bố tôi thẳng thừng đuổi chú Hoạt đi. Mẹ tôi sợ hãi, ngày thường mẹ tôi vẫn ca thán về chú Hoạt, nhưng lần này mẹ tôi lại đứng ra bênh vực chú, mẹ tôi cầu xin bố tôi xem lại, mẹ tôi xin bố tôi rằng chó có nhân tâm như thế, rằng tình anh em

máu mù ruột già... Bố tôi dứt khoát không chịu. Thế là chú Hoạt quay đi, chú quỳ trước sân vái vọng vào nhà. Bố tôi ném cả cái điều cày vào chú... Mẹ tôi nức nở chạy theo: “Hoạt ơi, em ơi... Chị dâu có lỗi với em! Chú đừng giận chị, chú đừng bỏ đi như thế...” Chú Hoạt gỡ tay mẹ tôi ra, nước mắt lưng tròng rồi khập khiễng chạy vào trong đêm tối... Hôm ấy cũng vào một ngày đầu tháng giống như hôm nay, trăng lưỡi liềm lơ lửng lạnh lùng ở trên không trung như một nét vẽ buồn thảm... Ông bảo đẹp ư? Sao ông lại chỉ chú ý đến những cái đẹp vớ vẩn, cảnh giả như thế? Ông là một người ở đẳng cấp trên, ăn sung mặc sướng quen rồi nên mới có những thứ tình cảm kiêu này. Với người nghèo, cái đẹp phải là cái gì tựa như sự phồn thực, trăng phải tròn, cây đầy trái, túi đầy tiền, nghĩa là cái gì cũng phải đầy đặn như cốc bia này, một trăm phần trăm ông a...

Sau khi chị Nhã và chú Hoạt đi, nhà tôi như thể có tang. Mọi người còn lại đều cảm thấy như mình có lỗi, ai cũng tránh nói to, tránh cả nhìn mặt nhau. Chị Nhu tôi héo quắt người đi, lưng bố tôi còng xuống. Mẹ tôi từ xưa đến nay không bao giờ ốm, không bao giờ dám ốm thì nay suốt ngày lừ khừ lừ khừ. Bố tôi bàn với mẹ tôi chuyển nhà về một nơi nào “gần gũi với văn minh hơn, có nhiều khuôn mặt người hơn” như vậy mới có điều kiện cho tôi ăn học, mở mang sự nghiệp sau này. Thế là chúng tôi chuyển về thị trấn X... nơi mà tôi đang ngồi tiếp chuyện ông đây. Chúng tôi bán cơm, bán rau, đi chợ, rồi loay hoay dựng được ngôi nhà cạnh chợ... Tôi được đi học, chị Nhu tôi lấy một ông già góa vợ. Ông anh rể tôi tuy có tuổi nhưng là một tay cóc vàng giàu có và cũng hào hiệp, thôi thế cũng là xong việc. Chị Nhu tôi cũng xây được một tổ ấm, có được chỗ dựa về già. Cuộc sống đô thị thay đổi con người, thú thực với ông là tôi vẫn thích vùng đồi núi trung du nghèo khổ ngày xưa nhiều hơn, bố mẹ tôi đã thật sai lầm khi chuyển đến nơi ở mới này. Đây đâu phải là “nơi văn minh với có nhiều khuôn mặt người” như bố tôi nghĩ. Nhưng thôi, đây lại là chuyện khác không can hệ gì đến chuyện mà tôi kể đây. ở đây tôi đang kể chuyện cho ông nghe về chú Hoạt tôi cơ mà...

Cũng chẳng ai biết chú Hoạt tôi đi đâu và làm việc gì. Bỗng có một lần bố tôi nhặt ở đâu được một tờ báo có in hình và một bài thơ của chú Hoạt kèm theo cả lời bình luận. Bài thơ nói gì đó về phân bón ruộng và sâu bọ, tôi thì tôi thấy nhảm nhí, buồn cười mà vô bổ nữa, nhưng bố tôi lại reo lên như bắt được vàng: “Trời ơi, chú Hoạt đã thành nhà văn - nhà thơ đây này! Cả lời bình luận hẳn hoi in bằng kiểu chữ i-ta-líc nữa”. Bố mẹ tôi rối rít vui mừng. Mẹ tôi xuýt xoa nói: “Đấy! Ngày xưa ông cứ bảo chú ấy là vô tích sự nữa đi! Bây giờ thì chú ấy giàu to rồi! Tiền tiêu chắc là không hết!”. Bố tôi đọc đi đọc lại bài thơ rồi ngẩn người ra ngạc nhiên: “Giỏi! Giỏi quá! Thật tôi không ngờ kia đây. Hóa ra chú ấy là người vốn có tài ngầm, văn chương là thứ khó nhất trần đời mà chú ấy thành thì tôi phục quá!”. Bố tôi vuốt ve tờ báo, bố tôi sai gọi anh Phúc tức là ông anh rể cóc vàng của tôi đến để uống rượu khoe bài thơ. Anh Phúc đầu hói, lơ thơ có vài sợi tóc trên đầu, cứ thế gục đầu xuống gật gù: “Cũng được! Cũng hay! Kể ra chữ tái mà đổi thành chữ chín thì thâm thúy hơn”. Bố tôi có vẻ coi thường anh Phúc chỉ là một tay trọc phú phạm phu tục tử tầm thường. Bố tôi bảo: “Chữ tái nó hay vì chưa chín, nó chỉ gọi cho người ta nghĩ đến chữ chín mà thôi. Nếu không có chữ tái thì tôi hỏi anh, anh có nghĩ được chữ chín hay không?” Anh Phúc thừa nhận: “Đúng là không có chữ tái thì trình độ con không thể nghĩ đến chữ chín kia được”. Bố tôi cười: “Đấy! Cái ảo diệu của văn chương là đấy! Thế người ta mới coi văn chương là đệ nhất ở trong các môn nghệ thuật!”.

Quả thật, tôi không tin gì lắm về chuyện văn chương với những hư vinh tầm phào của nó. Ngày xưa ngày xưa, ở nước mình người học văn chương gắn với thi cử đỗ đạt và bổ dụng quan lại. Đỗ đạt nhỏ thì làm quan nhỏ, đỗ đạt lớn thì làm quan lớn. Văn chương thời đó gắn với quan trường nên ghê gớm lắm. Về sau, khi chữ quốc ngữ thay thế chữ Nôm, chữ Hán, người ta làm văn làm thơ theo lối Tây phương, nói thật với ông, tôi lại thấy toàn bọn ăn không ngồi rồi dị dạng với bọn lưu manh đi theo nghề này. Cũng có nổi lên dăm ba khuôn mặt trí thức đại gia có tư tưởng nhưng đầy đều là những nhà cách mạng xã hội còn thì toàn vớt đi cả. ở thời nay, nhiều người vẫn coi văn chương như một phương tiện, như cái cần câu để mà câu danh kiếm lợi. ừ thì danh lợi cũng hay, cũng cần nhưng phải là thứ danh lợi thế nào mới đáng. Nhưng thôi, tôi cũng không bàn chuyện ấy nữa. Đây là tôi đang nói đến chú Hoạt với những bài thơ phân gio và sâu bọ của chú ấy cơ. Bố tôi đã nhảm vì ông chẳng hiểu biết gì về văn chương cả, xin ông đừng cười, văn chương là thứ chẳng ai hiểu gì có phải không nào? Nói như Homère: “Chắc chắn có một Thượng đế ở đó”.

Cứ thế thỉnh thoảng, độ dăm ba tháng, bố tôi lại lục đầu ra được một bài thơ, bài về gì đó của chú Hoạt ở trên một tờ báo lẻ. Bố tôi theo dõi rất kỹ các báo. Tiền mua báo ở nhà tôi cũng thành



một khoản chi tiêu khá nhưng được cái ông anh rề cóc vàng của tôi bao tất. Anh Phục bảo tôi: “Cứ để ông cụ ham chuyện ấy vì nó vô bổ, chứ nếu ông già lại ham chuyện khác thì chết con cháu chúng mình”. Tôi không thích lắm cách nghĩ của ông anh rề thực dụng nhưng vì anh lớn xuyết soát bằng tuổi bố tôi mà lại cũng hay cho tôi tiền nữa nên tôi cũng nể.

Dần dần, không hiểu tại sao bố tôi dứt khoát tin rằng chú Hoạt là người thành đạt lắm ở trong xã hội, còn mẹ tôi thì chắc chắn chú Hoạt nay đã rất giàu. Bố mẹ tôi suốt ngày nhắc đến chú Hoạt. Mẹ tôi nói với bố tôi: “Này ông! Hay là ông đi Hà Nội một chuyến thăm chú ấy xem! Vợ chồng mình có lỗi đối với chú ấy. Bây giờ chú ấy là người đã có tên tuổi địa vị hẳn hoi. Thật tình tôi áy náy quá! Mà còn cả tương lai thằng Vương nhà mình, biết đâu chú ấy chỉ nói một tiếng là nó nên người? Chú ấy thiếu gì những nơi nhờ vả... Thế chẳng nhẽ cứ để thằng Vương ăn chơi lêu lổng như thế này sao?”. Bố tôi gật đầu: “Bà nói cũng phải... Tôi phải xin lỗi chú ấy thì tôi có chết mới yên, mới nhắm mắt được! Rồi phải nhờ chú ấy xem chuyện tương lai thằng Vương nhà mình thế nào”.

Bố mẹ tôi tính toán xong lại mời anh Phục đến để bàn tiếp. Anh Phục bảo: “Tùy bố thôi! Theo con thì bố nên đi... Nhưng con đã từng đi Hà Nội con biết, đấy là một nơi ăn thịt người nghèo, nó nhẫn tâm lắm, chẳng có thương xót ai đâu”. Bố tôi bảo: “Tôi định bán con lợn 20 cân giết lưng ít tiền cho nó chắc chắn. Tôi sẽ cho thằng Vương đi cùng với tôi”. Anh Phục bảo: “Cũng được! Nhưng đi Hà Nội thì món tiền bán lợn của bố chỉ đủ để ăn một bữa tráng miệng sơ sài chẳng thấm tháy gì. Thôi được! Con sẽ cho cậu Vương mượn con dao nhíp Mỹ của con mang đi cho nó chắc dạ. Ngày xưa khi mới làm giàu bằng tuổi cậu ấy, con cũng chỉ có mỗi một cái phi tiêu mà thôi”. Anh Phục đưa cho tôi một con dao nhíp nặng chịch. Anh Phục bảo: “Con dao này có chín chức năng, lưỡi dao lại có lò xo đẩy tự động, nếu có phải đâm ai thì cậu cứ ấn vào cái nút này một cái, lưỡi dao tự động phụt ra với sức đẩy chừng 5 cân đủ giết chết một người lực lưỡng. Cậu xoay ngang cổ tay như thế này là máu sẽ ộc ra liền. Mẹ tôi thở dài: “Thôi thôi, anh nói ghê quá, nếu đi Hà Nội mà phải đánh nhau giết người thì đi làm gì?”. Bố tôi bảo: “Nói thế là để phòng xa. Con nó có ý dè chừng bảo bố con tôi đi Hà Nội đừng để bị nhục đấy thôi”.

Hai bố con tôi ra ga mua vé xe lửa để đi Hà Nội. Chúng tôi tìm đến tòa báo đăng bài chú Hoạt để hỏi thăm xem chú Hoạt ở đâu nhưng người ta chẳng biết gì nhiều: “Có! Có một ông để râu tóc dài, chân đi khập khiễng thỉnh thoảng có đến đưa bài nói tên là Hoạt, thỉnh thoảng lại ký bút danh là Độc Cước nữa. Ông ấy vẫn hay uống bia khoảng tầm giờ chiều ở mấy quán bia quanh hồ Hoàn Kiếm”. Bố tôi thở dài, lời chỉ dẫn có vẻ hơi phóng túng quá làm ông ngần ngại. Bố tôi là một nhà giáo quê mùa, đối với ông những gì liên quan đến chữ nghĩa là thiêng liêng lắm không phải trò đùa. Hai bố con tôi đi quanh hồ Gươm ba vòng chăm chú nhìn từng người một khiến cho mấy nhân viên bảo vệ ở đây tỏ ý nghi ngờ, họ gọi bố con tôi lại để hỏi giấy tờ tùy thân. Bố tôi phân bua về việc đi tìm chú Hoạt. Họ nói: “Nếu như người nhà của bác vẫn thường xuyên uống bia ở xung quanh đây thì phải hỏi bọn du thủ du thực với đánh giày bán báo thì mới biết được”. Anh đội trưởng bảo vệ đeo băng đỏ chặn một người đeo kính, mặc áo ca-rô đi ngang qua hỏi: “Này Sói, mày có biết một người tên là Hoạt thọt chân vẫn hay uống bia tầm giờ chiều ở quanh đây không?”. Người kia giật nảy mình, cúi đầu chào, sợ hãi nói: “Dạ thưa, tên ấy đã đi khỏi đây chừng một tháng rồi, bị vỡ vòm, nghe nói dạt xuống Nam Định”. Anh đội trưởng bảo vệ bật tay cho người kia đi chỗ khác rồi bảo bố tôi: “Người nhà của bác không còn ở đây nữa đâu. Chắc nó sợ công an nên bỏ chạy xuống Nam Định cả tháng nay rồi”. Bố tôi trợn tròn mắt, rất hoang mang, ông nói với anh đội trưởng bảo vệ: “Chắc các anh nhầm! Chú em tôi là người đảng hoàng mà hiền lành lắm cơ mà. Chú ấy lại còn viết văn, viết báo hẳn hoi”. Anh đội trưởng bảo vệ mỉm cười: “Thế mới chết! ở Hà Nội cái gì cũng có thể cả! Thằng Sói nó đã nói là không hề sai bao giờ! Thôi bác nên đi về nhà mà nghỉ!”.

Chúng tôi chào mấy người bảo vệ rồi đi chỗ khác. Loanh quanh một lúc, hai bố con tôi suýt bị lạc đường. Bỗng có một đoàn xe loang loáng chạy qua, bố tôi reo lên khi thấy một người ngồi trên ô-tô thò đầu ra ngoài vẫy tay. Bố tôi bảo: “Chú Hoạt! Đúng là chú Hoạt kia rồi!” Tôi cũng cảm thấy người trên xe ô-tô đúng là chú Hoạt, hình như trông chú cũng không khác lắm so với khi còn hàn vi. Bố tôi cứ đứng nhìn theo và ngơ ngẩn mãi.

Cuối giờ chiều, bố con tôi rẽ vào một ngôi chùa nhỏ. Lúc ấy đang có một hòa thượng ngồi thuyết pháp, có khoảng hơn ba, bốn chục người nghe, thấy có cả một số sinh viên cầm bút ghi chép, có cả người nước ngoài xem nữa. Hòa thượng đang nói gì đó về văn chương và đạo. Ông nói:

- Văn chương thật gần gũi với đạo vậy. Có mà không. Không mà có. “Hữu” và “không” là hai phạm trù của ý thức. Nếu người ta bên ngoài mê chấp vào tướng thì tà kiến phát sinh: “Người này mà làm văn chương ư? Người kia mà có đạo ư?” Nếu người ta bên trong mê chấp vào “không” thường hay chê bai văn chương kinh văn, cho rằng Phật pháp chỉ dùng lời nói thẳng chứ không lập văn tự rườm rà, không cần đến văn chương văn tự làm gì. Đã nói không cần đến văn chương văn tự thì hóa ra con người ta cũng không cần dùng đến cả lời nói nữa ư? Chúng ta biết rằng lời nói chính là tướng của văn tự. Tạo hóa đã sinh ra thế. Tự mình mê chấp thì không kể gì nhưng chê bai kinh văn cũng là tội chướng. Cũng cần phân biệt văn chương của phàm phu và của thánh nhân. Đừng chê mắng vội mà nên phân biệt để xem nên phải đọc gì, học gì. Nhiều kẻ mê chấp hình tướng bên ngoài, dùng cách này hay cách khác truy cầu chân lý, cứ biện luận suông về “hữu” và “vô”, coi thường tác kinh văn thì cũng không thể sáng tâm thấy tính. Nếu coi văn chương cũng là hình thức tu luyện, cũng là một trong muôn pháp thì người ta cũng không phải quá rối lòng...

Ngồi nghe một lúc, bố tôi bảo tôi: “Hóa ra chú Hoat theo nghiệp văn chương cũng là một kiểu tu hành mà thôi, mà đã tu hành thì việc dứt bỏ trần tục là thường, ta cũng không nên truy tìm rốt ráo... Thôi thôi, cầu mong sao để cho chú ấy an lạc sáng tâm thấy tính, đi theo chân lý lựa chọn của mình.” Ra khỏi chùa, hai bố con tôi đi mua vài thứ lặt vặt sau đó về nhà. Từ đấy, ở nhà tôi cũng không ai nhắc gì đến chú Hoat nữa... Chuyện ấy xảy ra cách đây hơn chục năm rồi.

- Ông uống bia đi! Đây! Ông hỏi về cái chân dung mờ mờ treo trên tường kia là ai thì đây chính là chú Hoat... Nào! Một trăm phần trăm! Xin ông uống cạn hết cốc bia này!

\*\*

\*

Tôi đã nghe câu chuyện trên trong một lần đi qua Bắc Giang. Hôm ấy trời mưa, tôi rẽ vào một quán ăn ven đường, chủ quán là một người niềm nở và khá hay chuyện. Trên vách quán ăn có treo một vài bức ảnh gia đình. Tôi chỉ hù họa vào một bức ảnh chụp hình một người mắt sáng, có cái nhìn khá chăm chú, có phần căng thẳng và đau đớn. Cái nhìn cứ ám ảnh tôi không dứt. Tôi hỏi chủ quán người ấy là ai. Anh ta nói:

- A... Đây là chú Hoat tôi. Ông có muốn nghe chuyện hay không? Vậy xin ông gọi mấy chai bia và món nhắm rồi tôi sẽ kể ông nghe. Với thời tiết này cũng chẳng thể đi đâu được.

Tôi đã ghi lại nguyên văn lời kể của người chủ quán. Trong bản ghi chép, tôi có sửa tên vài ba nhân vật và có thêm bớt ít dấu chấm phẩy để cho dễ đọc.

Nhân dịp ngày Xuân, vậy xin hiến tặng bạn đọc thân mến gọi là món quà mừng năm mới.

**2002**

# NHỮNG TIẾNG LÒNG LÍU LA LÍU LO

Mặc dầu bị coi là người có nhiều “tật xấu xã hội” nhưng giáo sư Lê vẫn là thầy giáo giỏi nhất trong trường đại học. Những giờ giảng của ông làm cho tất cả sinh viên đều thích. Ông có cách nói hóm hỉnh, khúc triết. Đặc biệt khi ông dẫn ra những câu danh ngôn cổ kim Đông Tây thì thôi rồi, bạn sẽ có một khoái cảm trí tuệ không gì sánh được...

Nhưng thôi, bây giờ tôi chưa muốn chia sẻ những khoái cảm trí tuệ mà tôi muốn nói đến thứ khoái cảm khác giống như thứ khoái cảm mà bạn đang chén một hộp sữa chua hay một que kem. Vâng! Bạn mới ở nông thôn ra ngoài thành phố phải không? Cái gì quyến rũ bạn? Những ngôi nhà cao tầng? Nhảm to rồi, không phải! Những bộ váy áo đủ màu và bộ đồ jeans bó sát lấy đôi mông mảnh dẻ? Cũng không phải nốt! Tôi muốn tiết lộ cho bạn cái bí mật này. Đối với bọn con gái chúng tôi thì thành phố chính là tuổi xuân, là danh vọng, là thiên đường, là một ông chồng, là những hy vọng, cảm dỗ và cám dỗ. Tôi phải nói toẹt ra là tôi chẳng sợ gì. “Cám dỗ, ồ, cám dỗ! Tôi có thể chống lại tất cả trừ cám dỗ!”... Tôi nhớ lại một câu thoại, trong vở kịch của Sếchxpia và tôi cảm thấy khoái ti vô cùng.

Lại nói đến kịch. Chúng tôi có một ban kịch. Đạo diễn là một anh đang học năm thứ tư đại học Sân khấu Điện ảnh. Anh này để tóc dài, bị sút môi, bởi vậy nói năng không ai nghe thấy gì. Anh đặc biệt tốt bụng. Anh hay cho chúng tôi ăn những món ăn mang ở quê ra (gọi là “quà quê”): mùa đông thì chè lam với hạt dẻ, mùa hè thì bánh khoai sọ, nhiều khi có cả chuối khô, có cả những con cua rạm mặn tẻ cả lưỡi.

Chúng tôi tập những vở kịch phỏng theo tác phẩm của các nhà cổ điển phương Tây để có thể tránh bị kiểm duyệt và để mặc những bộ quần áo tuyệt đẹp tự chế ra: những bộ váy có khung sắt bên trong, tóc giả và rất nhiều những dải lụa nhỏ xanh đỏ. “Ái tình, ôi ái tình! Người là làn khói sinh ra bởi hơi thở nghẹn ngào!”. Anh đạo diễn sút môi vò đầu bứt tai: “Ái tình ái á á (phải trả giá)!”. Chúng tôi ôm bụng cười lăn lộn. Buổi chiều mùa đông chập choạng đi qua với những chiếc lá bàng vàng khô quần queo, cả những chiếc lá bàng vàng tươi có những vệt đốm màu đỏ tía rơi đầy ở trên sân trường, mùi băng phiến rẻ tiền, chiếc cặp quần trẻ hờ rón, ai đó ép người tôi vào dưới chân cầu thang và thúc đầu gối vào giữa khe đùi.

Giáo sư Lê đi đi lại lại trên bục giảng. Trông ông rất giống với một nhân vật của J.M.Coetzee. Giáo sư Lê có khuôn mặt của một hiền triết thông minh và buồn rầu.

- Những tiếng lòng líu la líu lo...

Giáo sư Lê húng hắng ho. Ông nói cho chúng tôi nghe sự bế tắc của nghệ thuật. Ông đã từng viết sách về đề tài này. “Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng bế tắc. Suốt đời nó loay hoay. Có lẽ giống như tình dục, không ăn thì đói nhưng không phải là cơm hay ăn chóng lớn”.

Ông ta đang tự nói về mình. Rõ ràng là thế. Những tiếng lòng líu la líu lo...

- Cuộc sống có vẻ như ngày càng tàn bạo, thực dụng. Giá xăng dầu lên, dịch cúm gà, giá gạo lên... Môi trường ô nhiễm. Phụ nữ ra đường tất cả trông như ninja: mũ sụp xuống tận mang tai, kính đen, khăn bịt mặt... Chỉ có tình dục giải quyết tất cả. Nó là tiếng thở dài an ủi dễ chịu vô cùng. Nào! Thôi đừng cau kính. Đứng lên gân về trách nhiệm đạo đức của anh hay chị...

Khu tôi ở có tới trên dưới một nghìn cô gái khoảng độ tuổi hai mươi. Sinh viên, nữ công nhân xưởng may, xưởng đóng giày, cave, tất cả đều diện như nhau và đều hiền lành tử tế. Khoảng cuối giờ chiều, bọn nghiện hút lảng vảng đi ra ngoài đường để mua ma túy. Xoẹt một cái, một cặp trai gái ăn mặc như những công chức đi làm ở Sở vụt xe máy tạt qua. Đây là một trong vài chục “cửa hàng” bán lẻ ma túy di động, tất cả dân cư sống trong vùng này đều biết tỏng. Máy người bán hàng rong đi qua rao khăn cả giọng. Một chiếc xe đạp chở bột lửa ga, băng cát-xét với các móc chìa khóa

xanh đỏ... Anh bán hàng ghé vào tai tôi thì thảo:

- Cô em, có hàng mới đây. Đĩa VCD... Sex.... Có mười đồng bạc.

Tháng Sáu nắng kinh khủng. Đang là mùa bóng đá. Tất cả các quý ông sành điệu đều biết rõ về Totti hay Beckham hơn cả những người ruột thịt ở trong nhà mình. Đây là sĩ diện của họ, là hiểu biết, là trí tuệ. Đó là phong cách S-tyle.

- Sự quá tải của tham vọng. Còn gì nữa? Sự vô cảm tràn lan khắp nơi. Con cái ích kỷ và ỷ lại. Hoang tưởng thiên tài... Còn gì nữa? Không có gì sinh lợi, tất cả đều nhằm nhe để móc túi nhau. Điều đáng sợ nhất là khả năng kháng sinh của chúng ta suy giảm, chúng ta nhìn thấy cái chết đến gần mà bất lực. Còn gì nữa? Những tiếng lòng lú la lú lo...

Tôi bất đắc dĩ chứng kiến việc giáo sư Lê đến thăm khu nhà trọ của học trò mình. Có lẽ vì bồn phận phải làm chủ tâm ông hẳn chẳng muốn đến nơi này làm gì. Đây là xóm Liều, là lò luyện ngục. Lúc ấy khoảng 6 giờ chiều. Trời nóng oi ả, thứ nóng đặc biệt khó chịu ở thành phố, ở nơi đông người. Mùi mồ hôi, mùi da thịt con gái (lạy giời, may mà có thứ mùi này) át đi mùi xú ối. Một sinh viên quê ở Thái Nguyên chết vì sốc ma túy, thằng này học ở lớp giáo sư Lê làm chủ nhiệm. Gia đình đến nhận xác con mang về. Xác chết nằm đắp chiếu ở giữa sân gạch. Ông chủ cho thuê nhà cầu kinh, chỉ muốn tống khứ cái xác đi ngay sớm phút nào hay phút ấy, càng nhanh càng tốt. Bọn sinh viên mang đến không biết bao nhiêu là vòng hoa trắng. Điều ấy gây nên một cảm giác vừa chua xót, vừa kịch cỡm rớm đời. Bọn nữ sinh viên lớp tôi mặc quần bò cạp trễ hờ rón. Đi đưa tang mà vẫn làm điệu. Phúng viếng xong lại cười như nắc nẻ:

- Hôm nay là nó, ngày mai là mình. Ma túy: khi mất tất cả, không còn hi vọng, sống là ô nhục, cái chết sẽ là bồn phận.

- Chi tiếc thằng này mới 20 tuổi... Tuổi 20 yêu dấu...

Giáo sư Lê ngồi đối diện với bà mẹ nhà quê khốn khổ. Ông có vẻ lúng túng. Bà mẹ mắt ráo hoảnh, môi mím lại, kiềm chế, hai bàn tay để dưới gầm bàn. Tôi lặng lẽ quay đi, nước mắt tự dưng ứa ra: toàn thân bà ấy đang than khóc, hai bàn tay vịn vào nhau, bà ta cựa vào mép bàn, móng tay xước cả ra, những vụn gỗ rơi là tã trên nền sân gạch. Giáo sư Lê tỏ rõ sự bất lực. Ông nói lấy lệ gì đó về lòng tiếc thương và tiền bảo hiểm sinh viên. ánh mắt ông ta gặp mắt tôi và tôi nhận ra ở đây một nỗi sợ hãi như của một người vừa bị đánh rất đau. Tôi rịn mồ hôi ở ngực, giữa hai khe vú. Tôi sợ. Tôi vội vã bỏ đi.

Ngày chủ nhật, tôi và bốn đứa con gái cùng lớp có ý định sau khi tốt nghiệp đại học sẽ ghi tên học lên để lấy bằng thạc sĩ – cả bọn chúng tôi phải đến nhà cô giáo Hoàng làm cỗ giúp cô. Cô giáo Hoàng là giáo sư, chuyên gia hàng đầu về “những vấn đề Bắc Á và Nam Mỹ”(?). Cô giáo người gày đét, hơi giống một “bộ thánh cốt sống” nhưng mắt thì sáng vô cùng. Cô giáo sống độc thân – bởi (theo lời cô nói) “bọn đàn ông đi qua đời tôi đều là những kẻ tầm thường, dung tục *“Độc thân không vợ đã buồn. Độc thân có vợ lại càng buồn hơn”*. Tôi sống với những quyển sách vì tôi muốn giữ cho mình sạch sẽ. Tôi dâng trọn mình cho tri thức”...

Cô giáo Hoàng hôm nay tiếp tân ở nhà, một việc có lẽ hi hữu. Khách là một nhà văn nữ người Pháp, bà này đã từng được giải thưởng Gông-cua. Có khoảng chừng mười nhà văn và giáo sư bạn của cô giáo Hoàng đến dự.

Bà nhà văn đi cùng với một ông tùy viên văn hóa sứ quán. Ông này rất lịch sự, luôn đề mắt chăm sóc bà nhà văn. Vị khách trứ danh này mệnh hệ thế nào thì hẳn ông ta mất chức.

Năm đứa con gái chúng tôi trở tài nấu nướng. Cô giáo Hoàng rất kỹ tính, các món ăn đều ngon lành, tao nhã. Trong bữa tiệc, giáo sư Lê hỏi bà nhà văn:

- Thưa bà, làm thế nào mà bà vợ được một giải thưởng đáng giá như thế?

Bà nhà vẫn cười:

- Có lẽ vì gặp may thôi, ông ạ. Người ta đã chọn hai ông nhà văn khác. Đã có hai phe ở trong hội đồng xét giải, mỗi phe ủng hộ một ông, chẳng bên nào chịu bên nào. Cuối cùng, để tôn trọng nhau, sau khi đã cãi vã với nhau hết nước hết cái, người ta chọn tôi là một nhà văn dự bị. Tôi ngẫu nhiên trúng! Thật đúng như người Việt Nam vẫn nói: ở hiền thì lại gặp lành!

Mọi người đều cười. Câu chuyện lổm bổm lọt vào tai “bọn ô-sin” chúng tôi đang ngồi ăn vụng dưới bếp. Chiều xuống dần. Tôi rất thích những ánh nắng còn sót lại cuối giờ chiều, thứ ánh nắng rất loãng, có pha chút uể oải và hơi hiu quạnh. Nó gây ra cảm giác bồn chồn kinh khủng. Tôi đứng ở cửa sổ trông ra ngoài vườn, chợt nhận ra cô giáo Hoàng đáng thương không biết chừng nào: cô ấy không có lấy một người đàn ông nào “của mình”, không có ai chăm sóc, chiều chuộng, không có ai chia sẻ với cô vẻ đẹp của thứ ánh sáng man dại đáng sợ kia...

- Rất đẹp, có phải không?

Tôi giật mình. Giáo sư Lê đứng sau lưng tôi, thậm chí tôi còn cảm thấy những ngón tay ở bàn tay ông lướt đầu đố ở eo lưng mình, mùi của ông, một thứ mùi đàn ông đậm đặc và ngậy ngát khiến tôi không thể không hít nhẹ. Cử chỉ gian manh ấy khiến tôi lúng túng, thậm chí như người bị ngạt thở.

- Thầy...

- Em đừng sợ... Tôi không làm gì em đâu. Có phải em đang tìm gì ở ngoài vườn kia phải không?

- Dạ không...

- Nếu tôi là em thì tôi chẳng thi lấy bằng thạc sĩ làm gì. Trường đại học là một cỗ máy chuyên chế, nó sẽ nghiền nát tuổi thanh xuân của em thành cám...

- Em muốn được như cô giáo Hoàng.

Giáo sư Lê cười khẽ.

- Một mẫu người hi sinh... Đúng không?

- Dạ không!

- Tôi đã để ý đến em từ bốn năm nay, ngay khi em vào năm thứ nhất, hồi ấy em còn đeo kính, đúng không nào?

Không, tôi chẳng bao giờ đeo kính. Mắt tôi rất tốt. Có lẽ giáo sư Lê đã nhầm tôi với ai đó. Tuy thế, tôi không cãi lại ông.

- Em có bao giờ nghĩ rằng tuổi thanh xuân là một báu vật nhưng rất mong manh hay không?

Ông ta đang hỏi gì, tại sao ông lại hỏi thế? Tôi cảm thấy giáo sư Lê đang tán tỉnh tôi, điều ấy khiến tôi đỏ bừng cả mặt. Tôi đã 22 tuổi, tôi đã là một thiếu nữ. Ở tuổi tôi, tất cả những câu chuyện của đàn ông dù đúng đắn kiểu gì cuối cùng cũng hay quay trở về trò quấy rối tình dục. Đây là sự thật, là sự trớ trêu của thói đời.

Trên đường về, giáo sư Lê đi cùng mấy đứa con gái chúng tôi. Ông có vẻ bịn rịn khác thường. Ông mời chúng tôi mỗi người một ly kem. Chúng tôi nói chuyện linh tinh. Giáo sư Lê nói:

- Chúng ta tìm tòi, hiểu biết, để cố gắng thoát ra khỏi vô minh. Trong khi đó, vô minh là trường cửu, là vĩnh viễn. Học vấn, tri thức hoá ra nực cười. Chúng ta đều sống không lâu trên mặt đất này, hà tất phải đau khổ như vậy, đắn đo như vậy? Tôi chỉ mong mỗi ngày sống là một ngày hoan lạc. Không ai cũng dễ làm được như thế. Đầu tiên là phải gạt bỏ ý thức, đừng có nghĩ ngợi gì nhiều... Rồi gì nữa... Rồi phải có tiền...

Giáo sư Lê nhìn ra phía xa xa, ông chìm đi trong những ý nghĩ nội tâm. Tôi bỗng thấy thương ông như thương một người sa cơ lỡ vận. Sống thôi! Chớ có băn khoăn gì về đời sống. Tại sao những người lớn tuổi cứ hay lo sợ thái quá về tương lai trong khi thực tế chẳng hề có tương lai nào? Đã chắc gì ngày mai đã tốt hơn bây giờ, hiện hữu này, khoảnh khắc này và cảm giác này?

Tôi về nhà trọ, vào trong buồng tắm. Đầu óc tôi nhẹ tênh. Nước mát lạnh. Tôi tắm rửa rất lâu, rất kỹ. Thân thể tôi như một ngôi chùa thanh khiết, tất cả đều sạch sẽ, thơm tho, ngay ngắn, không gợn một chút bụi trần phàm tục nào. Tôi biết, tôi đang sở hữu một báu vật. Sao lại mong manh? ừ, tại sao lại mong manh? Tôi nhớ đến lời giáo sư Lê. Tôi không hiểu. Tôi nhớ đến ánh mắt ông, ánh mắt ấy lướt qua cánh tay, eo lưng, lướt qua đùi tôi và dừng lại ở chỗ kín. Không! Không đời nào? Tôi điên rồi chăng? Tại sao tôi lại đi hoài nghi ông ấy? Ông ấy là một bậc thầy, một người uyên bác và sâu sắc.

Tôi lấy một chiếc váy ngủ bằng vải lanh mặc vào người. Một câu thơ của một nhà thơ nữ trẻ đang nổi danh: *"Tôi khoả thân trong chật hẹp sự đời. Ngoài kia cuộc sống đang trôi..."*. Tôi đứng ở cửa sổ ngôi nhà trọ nhìn ra con hẻm. Giờ này là giờ đi bộ của những người đàn bà có tuổi sống ở trong xóm. Một nỗi sợ hãi ríu chân họ lại. Mười, hai mươi năm nữa tôi cũng như họ, tôi sẽ trở nên béo phì, nặng nề và ngu xuẩn, vừa đi vừa đếm bước chân mình. Tôi rùng mình, tôi muốn chạy ra ngoài đường, chạy trốn cái hiện thực này, đi đâu cũng được, chạy về phía trước. Rõ ràng có một sự vô nghĩa mệnh mông đang trùm lấy tôi, giống như hơi nóng của buổi chiều hè, giống như bầu không khí rất khó thở và ngột ngạt. Rất may rồi đêm cũng xuống. Bóng đêm xoa nhòa tất cả. Một giấc ngủ dài nhẹ nhàng sắp xếp lại những lộn xộn trong vũ trụ.

Còn hơn một tháng nữa kết thúc năm học, tôi sẽ ra trường. Tôi đã làm xong luận văn tốt nghiệp, một bản luận văn mà chính tôi cũng thấy nhảm nhí, vô bổ. Tất cả bọn sinh viên trong lớp đều làm như thế. Chúng tôi vào thư viện, chép lại những luận văn cũ, đạo ngữ, sắp xếp những câu văn lằng nhằng rắc rối dài lê thê để sao cho phù hợp với chủ đề. Hôm chấm luận văn, chúng tôi mất nhiều thời giờ vào việc đi thuê áo dài, đánh môi son, mời thợ chụp ảnh. Tôi mặc một chiếc áo dài màu trắng và đeo một chiếc dây chuyền giả ngọc trai tuyệt hảo. Tất cả đều là đồ đi thuê. Chiếc dây chuyền hơi già so với tuổi tôi nhưng tôi thích thế. Tôi thích là vì nó có vẻ giống với sợi dây chuyền trong truyện "Món đồ trang sức" của Guy-đơ Mông-pát-xăng. Đại để đó là một chuyện viết về sự nhảm lẫn tai hại, nó làm phí toí cuộc đời của một gia đình.

Chúng tôi kết thúc năm học đại học cuối cùng vào một ngày hè rực rỡ những hoa phượng vĩ. Cả lớp thuê một du thuyền để đi lại loanh quanh xung quanh Hồ Tây. Rất nhiều bè lũ bình nở hoa tím tím. Chúng tôi hát những bài hát ưa thích. Cả lớp đã ở bên nhau bốn năm, vui, buồn, yêu thương, thù hận. Bọn con trai đến xin chữ ký. Chúng tôi ký tên vào những chiếc áo sơ-mi đang mặc. Tôi ngạc nhiên vì có đến mấy đứa tôi không biết tên là gì. Chẳng lẽ nào tôi lại vô tâm đến thế? Tôi thấy ân hận. Tôi bỗng chợt nhận ra bốn năm đại học trôi nhanh đúng là như "bóng câu qua cửa sổ". Tôi đã lướt qua nó. Tôi đã đi học mà giống như đi trên một chuyến tàu hoá tốc hành, tôi ngồi ở cửa sổ và đưa mắt nhìn ra những cột mốc vùn vụt trôi nhanh...

Giáo sư Lê và cô giáo Hoàng tần ngần xúc động. Cuối giờ chiều khi sắp chia tay mấy đứa con gái ngồi ôm nhau khóc. Chúng tôi ý thức rằng từ nay chúng tôi sẽ bị "bỏ rơi", chúng tôi sẽ bị đẩy ra khỏi vòng tay bố mẹ, thầy cô, từ nay chúng tôi sẽ rơi vào vòng tay "xã hội": chúng tôi vào đời, sẽ bơ vơ, đói khát và có khả năng bị làm nhục. "Xã hội" là thứ vô tình, nó chẳng thương ai. Nó cũng không có thời giờ đùa rôn hay tập kích.

Chúng tôi ăn tối xong thì chia tay mỗi người một ngả. Cô giáo Hoàng gọi đùa rằng đây là "bữa ăn cuối cùng của Chúa". Theo Kinh Thánh, sau bữa ăn này Giêsu bị Giuđa bán với giá 40 đồng bạc.

- Ngay Chúa cũng bị bán với giá rẻ – Giáo sư Lê nói – Chúng ta buộc phải chấp nhận sự dung tục ở trong cuộc sống như không khí, như nước rửa hàng ngày. Các em ra trường, đi làm, lấy vợ, lấy chồng, rồi sẽ sinh con đẻ cái. Kiểu gì chúng ta cũng phải bán rẻ mình đi. Vợ chồng cãi nhau, phản bội, oán thù! Con cái bỏ đi hoang, bạc bẽo với cha mẹ đẻ. Những người bạn tưởng là tri âm sẽ lấy cắp tiền của chúng ta. Dù cho thế nào đi nữa các em cũng phải tin rằng cuộc sống tươi đẹp. Nhớ chưa nào? Hiểu rằng cuộc sống thực ra vốn dĩ là thế và ta hãy chịu đựng nó, cố gắng làm cho nó tươi đẹp hơn lên. Nếu không chịu đựng được nữa, không làm được gì cho nó bớt xấu xa đi thì lúc ấy hãy tìm đến những người bạn cũ và nhớ đến tuổi thanh xuân trong trắng của mình. Hãy nhớ đến giờ phút này.

Giáo sư Lê bỏ kính ra lau mắt. Thực ra lúc ấy cũng chẳng còn ai để ý đến việc ông đang nói gì. Tôi chỉ cảm thấy rằng ông đang nói với chúng tôi một điều rất tốt hậu, phải lâu lâu nữa chúng tôi mới hiểu ra được ý nghĩa những điều ông nói.

Khi lên bờ, giáo sư Lê đi tách riêng ra. Dòng người và xe nườm nượp trôi ở trên đường như mê sương. Tôi lững thững đi về nhà trọ một mình, cảm thấy cô đơn khôn tả. Tuy nhiên, càng đi tôi càng thấy dễ chịu hơn. Tôi đi một lúc lâu, qua vài con phố. Trong thành phố năm triệu dân này, tôi là một hạt cát vô danh, nhỏ nhoi, vớ vẩn. Bỗng nhiên tôi cảm thấy như mình đang rơi tự do từ trên cao xuống một nơi rất xa lạ. Tuy thế, tôi rất yên tâm, cảm thấy như được một sức mạnh nào đang bảo hộ.

Linh tính mách tôi cảm thấy như có điều gì. Tôi quay đầu lại, ngạc nhiên thấy giáo sư Lê đi sau lưng tôi một đoạn.

Tôi dừng bước. Giáo sư Lê đi đến. Ông lúng túng nói:

- Tôi thấy em khóc và đi như người mê sương...

Tôi ngạc nhiên đưa tay lên mặt. Nước mắt tôi trào ra ràn rụa. Tôi cảm thấy buồn cười. Thật trẻ con và ngu ngốc.

Tôi và giáo sư Lê đi bên nhau im lặng. Một cảm giác triu mến và biết ơn đối với ông tràn đầy lòng tôi.

- Nếu ông ấy ôm và hôn mình lúc này – tôi nghĩ – mình sẽ để mặc ông ấy làm thế.

Giáo sư Lê lấy thuốc lá ra hút. Thường ngày ông không hút thuốc bao giờ. Có lẽ bây giờ ông đang bối rối.

- Nếu như bây giờ chúng ta vào Hôtel kia, thuê một căn phòng, gọi một bữa ăn tối nhẹ rồi ngồi tán phét thì có nên không? – Giáo sư Lê hỏi tôi, tôi cảm thấy ông đang run bắn người lên, điều ấy khiến tôi buồn cười.

Tôi im lặng bước đi. Tôi hình dung chúng tôi vào trong khách sạn. Chắc chắn lúc ấy tôi sẽ như kẻ đã bị thôi miên. Trên chiếc giường nệm trắng tinh, tôi nằm ngửa nhìn lên trần nhà nơi có treo một bóng đèn chùm sáng rực. Tôi cảm thấy bàn tay ấm áp của giáo sư Lê lần lần cời dần từng chiếc cúc áo trên người. Ông nín thở. Rồi một sức nén như của bàn năng nguyên sơ trào dâng. Ông kéo chiếc quần jeans của tôi xuống thấp. Tôi hơi ưỡn người lên để cho ông làm việc ấy dễ dàng. Chắc là ông sẽ hiểu hành động của tôi chẳng khác nào một hành động đồng lõa.

Ông đi sâu vào người tôi dần dần từng tí một. Tôi tưởng như mình ngất đi.

- Những tiếng lòng lú la lú lo...

Giáo sư Lê nói. Tôi hốt hoảng vấp ngã khiến ông phải đưa tay đỡ vội lấy tôi. Con đường phía trước điện giăng như sao sa...

- Đây là chỗ rẽ, tôi phải về rồi – Giáo sư Lê bảo tôi – Chào em, chúc em may mắn!

Giáo sư Lê quay đi, ông sai những bước dài như chạy trốn. Hay là ông ngượng vì vừa rồi tôi không đáp lại lời mời của ông đi vào khách sạn? Tôi không biết nữa.

Gánh nặng của bốn năm đại học trĩu trên vai tôi. Tôi cự mình và cảm thấy nó như vừa được trút khỏi vai tôi. Tôi thấy mình như được giải thoát. Tôi thấy người nhẹ bồng và cảm tưởng có thể bay lên.

- Phía trước là bầu trời – Tôi nghĩ – Và những tiếng lòng lú la lú lo...

**2004**



# CÁNH BUỒM NÂU THUỞ ẤY

“Hôm qua dưới bến xuôi đò

Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau

Anh đi đây, anh về đâu?

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...”

(Nguyễn Bính)

## I

Cứ chừng dăm ngày một bận là chiếc thuyền chở hàng của ông Cả Giao lại ngược sông. Được gió là thuyền căng buồm lướt sóng. Bọn trẻ xóm chài chạy ủa ra hò reo. Dù bận thế nào, Nhi cũng chạy theo chúng đến đứng ở gốc cây gạo trên đê ngóng nhìn. Cánh buồm nâu lừ lừ trôi ngược. Đến chỗ ngoặt sang làng Cổ Am thì nó mất dạng vào sau lũy tre, rặng nhãn. Nhi ngơ ngẩn quay về. Bà Hân nhìn con gái, thương, bảo con:

- Nhi này, đàn ông bạc lắm, con ơi...

Ông Hân mắng:

- Cái bà này! Đàn ông có dăm bảy loại chứ!

Nhi chạy vào buồng, úp mặt vào đồng mền chần, nước mắt ứa ra ràn rụa.

Thuyền chở mắm của ông Cả Giao cất từ những lò nấu cốt ở tận Cát Hải. Khi nào gió bắc về, cánh buồm nâu no gió, mùi mắm cốt sực nức bay là là ở trên mặt sông, len vào ngõ. Nhi đứng ở bên cửa tò vò trông ra, thấy tấm lưng trần của Bểng quẩy ở trước mặt. Bểng gác sào, giơ tay lên vẫy. Nhi chạy dọc triền đê. Bểng nhảy tùm xuống nước bơi vào.

- Đại giai thì khổ con ơi... - Bà Hân ngồi bên cạnh vỗ về con gái – Nó đi, nó lại về. Dăm bữa nửa tháng chứ lâu la gì...

- Nó bao lần này nó đi Thỏ Hà chở hàng cho ông Tị phải không?

Ông Hân thập thò ở cửa, vọng vào.

- Tị nào? Làm gì có Tị nào? – Bà Hân quát.

- Thì ông Tị Ngoám chứ còn Tị nào?

Ông Tị vẫn bán hàng nước ở chợ Cổ Am. Trẻ con gọi đùa Tị Ngoám tức là “ngoạm tí”(!)

- Nhà Tị Ngoám làm gì có tiền mà hàng với họ! – Bà Hân mắng chồng - Đã không biết gì lại còn hay nói!

Ông Hân lụi cùi quay lưng ra ngồi ở hè đan sọt.

- ừ... Mà thuyền của ông Cả Giao từ xưa chở tuyền mắm cốt chứ chở gì đâu?

Ông Hân nghĩ bụng. Ông Hân chỉ nghe tiếng ông Cả Giao chứ chưa gặp mặt bao giờ. Ông ấy ở bên Hải Thịnh, có tiếng là người nghĩa khí. Bằng là con út, chẳng hiểu thế nào đi lại với Nhi.

- Số con khổ lắm u ơi...

- Phi phui! – Bà Hân mắng con – Cô thử xem thầy u nuôi cô thế nào? Có đói không? Có rét không? Chị em trong xóm có ai bằng cô không nào?

Nhi nức nở:

- Con lạy u...

Bà Hân dỗ dành:

- Mới tí tuổi đầu đã than khổ người ta cười cho... Nghe lời u, dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyên ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần.

Ông Hân nghe thấy tiếng được tiếng mất căn nhần:

- Dào ôi... già rồi còn đại, bói với toán gì!

- Thì mặc u con chúng tôi! – Bà Hân làm ra vẻ giận - Ông thì biết gì, cái đồ gàn dở kia!

- ừ thì tôi gàn! Tiền mất tật mang. Không khéo mua lo vào mình.

- Thì ai lấy tiền của ông! Đồ keo kiệt... Mà cái ngữ ấy làm gì có nỗi được đồng các nào trong người.

- Thì có đồng nào bà đều lột sạch lại còn già mồm gì nữa.

Bà Hân cười chảy nước mắt. Nhi nghe hai thầy u cãi nhau cũng thấy buồn cười. Ông Hân nổi tiếng thật thà, hiền lành, lúc nào cũng bị bà vợ bắt nạt. Nhi biết, cả hai thầy u tuy thế rất hợp tính nhau.

- U bảo thầy dọn cơm rồi hai u con mình ra ăn cơm... Nghe u đi nào!

- Thôi, con không ăn đâu, con không đói...

- Cha bố cô! – Bà Hân kéo con gái dậy - Định nhịn à? Tương tư thì cũng phải ăn phải uống... Lão già kia! Bỏ đấy rồi đi dọn cơm đi chứ! Cứ dỏng tai ra nghe trộm cái gì?

- Ai nghe? Ai nghe? - Ông Hân vội bỏ cái sọt đan dở, vội vội vàng vàng lồm cồm xuống bếp, vừa đi vừa lẩm bẩm – Nóng như lửa! Đúng là cái đồ giặc cái!

## II

Bà Hân với Nhi vừa ra khỏi nhà một lúc thì gió bắc về. Tiếng gió thổi sáo ở đầu cột hiên thảo thảo. Ông Hân sốt ruột đi ra đi vào:

- Bảo mặc thêm cái áo bông thì cứ đẩy ra... Lại còn mưa phùn nữa chứ! Con bé tong teo chỉ thổi một cái là bay... Đêm hôm thế này mà đi đường đề thì có rõ không?

Ông Hân đẩy cửa ra ngoài để đóng chuồng gà thì con chó mực sủa nặng cả lên. Ông Hân xô phải một bóng đen lù lù trước mặt. Sợ hãi, ông định kêu lên thì người kia xua tay, đẩy lùi ông lại.

Trước mặt ông Hân là một người cao lớn, mặc bộ đồ chàm như ở mạn ngược, ông ta đội chiếc nón dẫu rộng vành sụp mặt, chéo lưng là cái tay nải với chiếc đao ngắn bên trong, chỉ thò ra cái chuôi đao bịt đồng xin bóng.

- Xin ông đừng sợ! – Người kia thì thảo – Tôi là Cà Giao ở bên Hải Thịnh! Tôi đến vì chuyện cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi...

Ông Hân thở phào, khêu ngọn đèn dầu cho sáng. Ông Cà Giao cời tay nải, cời đao đặt lên chõng, hai tay ôm ngực. Ông cời cúc áo để lộ ra một vết chém máu đã đông lại. Nằm vật xuống, ông Cà Giao bảo:

- Phiên ông lấy cho cái gì băng giùm vết thương, mỗ xin đa tạ...

Ông Hân cuống quýt lấy nước nóng, lấy muối để rửa vết thương rồi băng bó lại. Vị khách thều thào:

- Tôi đi suốt ngày suốt đêm đã mấy hôm rồi, không có một hột cơm nào vào bụng. Tôi ở tận trên Móng Cái...

Vị khách nói xong thì cứ thế ngủ thiếp đi, có lẽ không làm sao chế ngự được mình. Ông Hân thương hại, lấy tấm dạ mỏng đắp cho ông khách rồi kéo cái tay nải kê đầu, để thanh đoản đao bên cạnh. Xong xuôi, ông đi xuống bếp bắt gà làm thịt, nấu cho ông khách nôi cháo để chờ khi dậy thì ăn.

Khoảng sang giờ Hợi thì bà Hân về. Cả hai mẹ con rét run cầm cập. Ông Hân ra tận ngoài ngõ đón vào.

- Khô! - Ông Hân rên rầm – Bối toán có được gì không?

Bà Hân xuyết xoa vì lạnh, răng đánh vào nhau lập cập:

- Hay quá ông ơi, con Nhi nhà này phúc lộc như giời như biển... Vào nhà rồi tôi kể cho mà nghe...

- Nhà đang có khách - Ông Hân kéo hai mẹ con xuống bếp, sung sướng, đặc ý – Có biết ai không? Ông Cà Giao đấy!

- Cà Giao nào? – Bà Hân ngẩn ra ngơ vực.

- Cà Giao chứ Cà Giao nào! Cà Giao ở bên Hải Thịnh!

Nhi giật mình, mắt long lanh sáng. Ông Cà Giao là thầy anh Bằng, chắc là có chuyện...

Ba người xuống bếp. Ông Hân chất rơm để lửa bùng lên cho hai mẹ con sưởi ấm. Ông Hân kể chuyện, chẳng câu nào vào với câu nào:

- Cái con chó mực cứ sủa nhặng lên, nó đi giật lùi ra ngõ... nó biết nó gặp anh hùng nó phải biết thân...

- Nào, nào! – Bà Hân điên tiết - Đầu đuôi xuôi ngược làm sao? Ông ấy nói gì?

- Chẳng nói gì! Tí nữa bà cứ lên cầm cái đao ông ấy mà xem, nặng ời là nặng... Sức tôi mà cũng phải cử bằng cả hai tay... Như đao Quan Công...

Mùi cháo gà thơm sực. Bà Hân nhìn quanh nhìn quất:

- Thôi chết! Cái lão già này mất nét! U con tôi vừa đi vắng là bắt trộm gà làm thịt đánh chén tí... Con cái Nhi! Mày thử mở vung xem còn cái xương nào không?

Ông Hân khỏ sở, giấu hai bàn tay to tướng sau lưng:

- Con mẹ này! Chỉ tuyền vu oan giá hoạ... Ông ấy bị thương, đã mấy ngày rồi không ăn uống gì...

- Sao lại bị thương? Con mực nhà này có cán người bao giờ đâu? Thế ông ở đâu mà để nó cán người ta hở giờ?

- Không phải chó cán! - Ông Hân đổi vợ, bỏ đi ra ngoài – Cứ sồn sồn lên! Đã thế tôi chẳng nói nữa cho xong!

Bà Hân lấy thìa ném thử nôi cháo, cười:

- Cái lão già này! Nấu ngon ra phết! Chỉ được mỗi cái ăn chơi là giỏi! Con cái Nhi! Mày ra ngoài vườn mày nhổ ít hành vào đây cho u!

- Hành đây! - Ông Hân cầm nắm hành đi vào, người ướt lướt thướt – Chỉ được cái hay sai vật! Càng già tính khí càng ác!

### III

Ông Cả Giao đã ngồi dậy. Bà Hân bưng nôi cháo gà thơm phức lên mời khách. Nhi múc cháo ra bát, hai tay bưng lên. Ông Cả Giao chẳng khách khí gì, húp một lúc hết ba bát cháo nóng hổi rồi khà một tiếng. Dọn dẹp xong xuôi, ông Hân định đốt thêm ngọn đèn dầu nữa cho sáng thì ông Cả Giao gạt đi:

- Đa tạ ông, mỗ đang rất vội. Xin mời ông bà ngồi đây mỗ xin thưa chuyện.

Ông Cả Giao mở tay nải, lấy ra một vuông vải điều đặt lên bàn, trong đó đựng đầy vàng bạc. Xong xuôi, ông quỳ xuống đất trước mặt hai ông bà Hân, tay chấp vào nhau cung kính:

- Xin nhị vị nhận của mỗ đây một lay!

Ông Hân luống cuống, đỡ khách:

- Không dám! Không dám! Sao ngài làm thế?

Ông Cả Giao đứng lên, đứng đặc ngồi xuống rồi nói:

- Thưa ông bà, chẳng là cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi hai đứa vốn có duyên phận với nhau. Nhẽ ra nhà tôi phải sang hầu chuyện với hai ông bà đã từ lâu rồi. Chẳng may nhà tôi gặp hạn, bọn cướp đốt nhà, cướp của, người còn người mất. Cháu Bằng bị thương, bây giờ vẫn đang lưu lạc ở xa. Cháu chỉ tâm niệm một điều làm sao có được cháu Nhi bên cạnh... Tôi phải phá vây về đây, cũng là thương con, đường đột dâng lễ, muốn đón cháu Nhi nhà ta đi ngay bây giờ. Nhà tôi có hơn mấy chục mạng người, kể cả người làm người ở, tất cả đều bị giặc kia chém sạch, nay còn có mỗi giọt máu này thôi! Xin hai ông bà với con cháu Nhi cứu nó! Cứu một mạng người phúc đáng hà sa...

Nói xong, ông Cả Giao lại sụp xuống lạy. Ông Hân, bà Hân không biết nói sao cứ lặng người đi. Ông Cả Giao phủ phục dưới đất, không hề nhúc nhích. Tiếng gà trong xóm bắt đầu gáy dạo canh tư.

Tiếng gà gáy! Thế nào là tiếng gà gáy ở một xóm nhỏ ven sông hà giới? Này nhé:

Canh một là gà lên chuông. Một ngày bận bịu đã qua. Những con gà trống nhảy lên trên cao ngó xuống những con gà mái đang lục cục dọn chỗ ngủ đêm. Nó đứng trông chừng mắt nhắm mắt mở. Con chó mực đi qua. Con gà trống cảnh giác đập cánh ào ào, gáy lên một tiếng lầy lẹ, báo hiệu bình yên. Canh hai thì cô chủ nhà lên ra ngoài ngõ đi chơi với bạn. Những con gà mái đã thiêm thiếp ngủ bỗng rộ cả lên, đảo chỗ cho nhau phành phạch. Con gà trống gáy một tiếng cộc cần thiết lập kỷ luật trong chuông. Nó đi đi lại lại trên cái giống tre gù gù cho đến khi nào tất cả trở lại yên bình. Sang đến canh ba, con gà trống choàng tỉnh giấc vì nghe thấy ở bên sông bỗng có tiếng gáy hỗn hào của một chú gà trống choai mới lớn. Mặt trăng khuyết toả ra trên sông ánh sáng lặn tẩn như thể dát bạc. Có lẽ chú gà trống choai tưởng sáng? Giống như một sự ngộ nhận thiên tài, các chú gà trống choai khác cứ thế hoà theo gáy vang inh ỏi. Đến cả mấy con gà trống cụ lắm cầm cũng bắt giọng cùng cục gáy theo. Bực mình, chú gà trống nhà ta, chú gà có bộ lông sặc sỡ với vẻ kiêu hãnh hiên thấy, phành phạch vỗ cánh rồi cất lên tiếng gáy dữ dội, nao lòng, mê sảng, khinh bạc và buồn rầu, tiếng gáy sâu thẳm như thể ánh trăng sâu thẳm, như dòng sông kia sâu thẳm, như lòng người và cả bóng đêm kia nữa... Những con gà trống khác trong xóm then thùng, gáy thêm vài tiếng dãi bồi lầy lẹ rồi im thin thít. Thôn xóm chìm vào giấc ngủ mê man, nặng nhọc. Tiếng khóc của một đứa trẻ khát sữa ngần ngật cất lên. Bà mẹ trẻ vụng về vừa dỗ vừa mắng con. Tiếng chó sủa dòn dập ở mấy bụi tre cuối xóm. Những con đom đóm bay vụt trong ánh lân tinh. Sang đến canh tư, đã thấy thấp thoáng nhà ai nổi lửa làm hàng. Tiếng dội nước, tiếng cối xay bột ở lò đậu phụ nghe xa xăm như ở tận đâu. Chú gà trống cất lên tiếng gáy đỉnh đặc bắt đầu cho dàn hợp xướng đón chào ngày mới. Vài ba bóng trắng của các cô hồn ở ngoài nghĩa địa vội vàng biến mất. Hơi sương xuống nặng, trĩu trên lá cây, ngọn cỏ. Tiếng gà gáy vang náo nức, giục giã. Dưới sông, oàm oap những tiếng chèo thuyền của vài cái mùng đi đánh cá mòi. Những chiếc đèn chai thấp thoáng lập loè rồi lịm dần bắc, tắt phụt lúc nào chẳng hay. Phía chân trời đằng đông, bắt đầu hừng hừng một vầng ánh sáng gắt gao. Sang đến canh năm, chú gà trống đứng ở cửa chuông, ngó nghiêng, lựa thể bay vọt một cái ra tận hàng rào, đứng đấy gân cổ gáy vang một hồi lạnh lạnh. Những con gà mái cũng bắt đầu lục tục đi ra khỏi chuông rất là thứ tự. Chú gà trống dõi theo một ả mái tơ của nhà láng giềng rồi sà xuống ve vãn giống như một tên trai điếm. Những con gà mái khác liếc mắt, khinh bỉ đàm tiếu với nhau: mới bánh mắt ra đã thế, dù hấn gáy hay đến mấy cũng phải tìm ra một kẻ thay thế, không thể để cho phong hoá ngày một suy đồi... “Ồ ó ó! Đòi là thế!”. Chú gà trống trừng mắt xua đám gà mái rồi gian manh dụ ả mái tơ ra góc đồng rom vàng óng cuối vườn.

#### IV

Đến canh tư, khoảng đầu giờ Dần thì ông Cà Giao với ông bà Hân cũng đã bàn định xong xuôi mọi việc. Trong buồng, Nhi vừa sụt sịt khóc vừa xếp áo quần vào trong tay nải. Bà Hân khóc ròng, vừa dỗ dành con vừa than thở:

- Con mẹ đồng Xuyên nói cái có sai! “Vội vàng như chẳng kịp”. Nó bảo về nhà là có “hắc long tiếp dẫn” thì đúng còn gì! Ông ấy mặc áo quần đen... Thế là “hắc long” chứ còn gì nữa...

Bà Hân cởi chiếc áo bông trần đang mặc trên người giúi vào tay Nhi:

- Mang cả đi! ở nhà u sắm cái khác! Trên ấy rét lắm con ơi...

Nhi lắc đầu, ôm cái tay nải vào lòng:

- Không! Con có rồi. U cứ để nhà mà mặc!

Bà Hân meo máo:

- Phải! Cha bố cô! Cô chê chứ gì! Có chồng, chồng lo cho hết... thiết gì đến u...

Nhi nức nở, sà vào lòng mẹ:

- U ơi! Con đi rồi, chỉ còn thầy u ở lại... con biết lấy gì báo đáp thầy u?

Bà Hân khuyên nhủ:

- Đừng lo cho thầy u! Thầy con tuy thể nhưng còn mạnh chán... Con cứ đi đi, phụng sự nhà chồng. U thấy cốt cách bên ấy khác người u cũng mừng thầm, chỉ hiềm cái hạn người ta lớn quá, chẳng biết thế nào... Con đi đi, dăm bữa nửa tháng phải đánh tin về cho thầy u biết...

Bên ngoài, ông Cả Giao đã nai nịt xong xuôi gọn gàng, bồn chồn gióng tai lắng nghe động tĩnh. Có tiếng cú rúc ba lần giục già. Ông Cả Giao đứng lên, cầm chắc đoản đao trong tay. Ông Hân vội vội vàng vàng ngó vào cửa buồng:

- U con mày đã xong chưa? Làm gì lâu thế?

Bà Hân khép hờ cửa buồng, quát khê:

- Đi ra! Đi ra! Tôi còn cho nó cái này!

Bà Hân đi vào góc buồng, chỗ để mấy cái nôi đất chông chơ, với tay lên xà nhà lấy ra một cái gói nhỏ gói cho con gái:

- Đây là đôi hoa tai bạc của bà ngoại cho u hồi u mới đi lấy chồng – Bà Hân cười – U giấu ở ngay dưới mũi lão già mà lão ấy chẳng biết gì. Con cầm lấy, nó là hồi môn của u cho con. Nhớ nhé! Lên đây thế nào con phải đánh tin về ngay cho thầy u biết.

Bà Hân đưa con gái ra khỏi cửa buồng. Nhi đội khăn vuông, mặc áo bông, khoác tay nải, rực rỡ như một đoá quỳnh trong đêm. Bà Hân gói cả gói vàng bạc sính lễ mà ông Cả Giao mang đến gói vào tay nải cho cô con gái. Nhi oà khóc, quỳ xuống trước mặt hai ông bà Hân:

- Con lạy thầy u... con bất hiếu... Thầy u ở lại giữ gìn... tha lỗi cho con...

Ông Hân bỗng khóc tu tu. Tiếng khóc vỡ ra đột ngột khiến con chó mực ngoài sân cũng giật thót mình, sủa lên mấy tiếng ai oán. Ông Cả Giao xóc Nhi dậy, gỡ tay bà Hân. Mấy người dắt díu nhau ra bến sông. Ông Cả Giao bắt chước tiếng cú rúc. Một chiếc thuyền nhỏ neo ở giữa sông sắp vào đón họ. Ông Cả Giao đỡ Nhi lên thuyền rồi quay lại chấp tay chào ông bà Hân. Mặt sông lạnh. Gió bắc cứ hun hút thổi. Tiếng chèo khua mạnh lạnh lùng. Vàng trắng khuyết cuối trời nhòe đi trong dòng nước mắt.

*Thuyền ai trôi, thuyền ai trôi rồi?*

*Kìa con thuyền trôi, con ơi, nước trôi*

*Kìa con sông đời, lạnh toát, xa vời*

*Mênh mông bể cá mưa nguồn xa xôi*

*Ngắm sự đời...*

*Tang thương ngắm những sự đời.*

*Phù hoa muôn nẻo phương trời*

*Ai lường ngậm ngùi*

*Thế gian ai lường ngậm ngùi tình si?*

Cái đêm hôm ấy đêm gì,  
Để cho ai nhớ khắc ghi trong lòng?  
Chân trời góc biển mệnh mông  
Hỏi ai, ai biết cho không  
Nào nuốt trong lòng  
Mẹ cha nào nuốt trong lòng năm canh  
Đêm năm canh, giấc ngủ chẳng thành  
Con lấy chồng gần, con lấy chồng xa  
Xót lòng nấu ruột mẹ cha  
Những muốn khóc oà  
Thương con những muốn khóc oà đêm nay  
Nơi xa con hơi có hay  
Thấu gan ruột này?  
Trăm đắng ngàn cay  
Sầu đông càng lác càng đầy  
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê  
Xứ người trăm nỗi tái tê  
Nào ai biết được đường về nông sâu?  
Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều...

## V

Nhi đi rồi, ngôi nhà tranh vách đất bên sông tiêu điều như thể không có hồn vía. Bà Hân ốm lử khử đến mấy tháng ròng. Lúc đầu, hai ông bà còn hay nói chuyện với nhau:

- Con mẹ đồng Xuyên nó bảo số của con Nhi phải lấy chồng xa. Tương nó ích phụ lợi tử, tiền của đầy nhà...

- ừ - Ông Hân ngậm ngùi - Tôi chỉ sợ nó dạt nước mà nhà người ta làm nghề sông nước...

Bà Hân lặng đi, bùi ngùi:

- Hồi nó ba tuổi, ông còn nhớ đàn di Thảo bị trâu húc chột mắt không, nó lên sới, chỉ bị tí nước té vào mà người đỏ rực như than hồng, nó sốt đến bốn năm ngày...

- Cũng chỉ tại bà để cái gáo nước theo đánh mới ra cơ sự thế chứ?

- Vâng! Tôi vụng, tôi ngu, tôi dại!

Hai ông bà già ngồi ôn lại ký ức về cô con gái. Họ cãi cộ nhau, hờn dỗi...

Ba tháng trôi qua, không hề có tin tức gì của Nhi.

- Thôi chết! – Một hôm bà Hân bảo chồng – Hóa ra mình cho không con gái người ta. Chẳng cưới cheo gì, có tui không? Bây giờ chẳng biết ở phương trời nào?

- Thì cứ bảo số nó tốt mãi đi! Cứ nghe con mụ đồng Xuyên rồi bán cả nhà...

- Hay là ông đi Hải Thịnh một chuyến xem sao – Bà Hân dụ chồng - đi ngóng tin tức nó xem thế nào?

- Nhưng bà đang ốm, tôi đi sao được?

- ốm đau gì? Ông cứ đi đi. Tôi mạng lớn, không chết được đâu...

Hai hôm sau, ông Hân tìm đường đi sang Hải Thịnh. Đây là lần đầu ông lão xa nhà. Bà Hân nằm trên ổ rơm, đắp chiếu, ngóng từng giờ một. Con chó mực nhin đói, nằm ở góc hè cứ rên ư ừ. Sang ngày thứ sáu thì ông Hân về, phờ phờ phạc phạc, hai con mắt lõm sâu vào ở trong hốc mắt, trông lạ hẳn đi.

Bà Hân hốt hoảng, chỉ thốt ra được một tiếng hỏi chồng:

- Sao?

Ông Hân ngồi im, thần thờ, không nói câu gì. Bà Hân đâm sợ, cũng không dám hỏi.

Ông Hân ngồi im một lúc, bỗng oà lên khóc:

- Bà nó ơi, mình mất con bé Nhi rồi...

Bà Hân cắn vụn một lúc, chấp nôi những câu nói rời rạc trong tiếng nấc nghẹn của chồng, cuối cùng cũng hiểu được ra đầu đuôi câu chuyện. Ông Hân đi khắp cả vùng Hải Thịnh hỏi han nhưng không ai biết về ông Cả Giao. Ông Hân đi sang Cát Hải, người ta cũng nói đến một ông Cả Giao nào đó chuyên cắt mắm cốt nhưng nửa năm nay bật không thấy đến.

Hai ông bà già bàn định, bán tín bán nghi. Ông Hân tính đi Móng Cái nhưng không đủ tiền, đủ sức.

Rồi một năm nữa trôi qua, cũng không có tin tức gì của Nhi. Ông Hân, bà Hân già sọm hẳn đi, mọi việc trong nhà bỏ hết. Cuối năm đó, con chó mực bỗng lặn ra chết ở trước hiên nhà. Tết năm đó là một cái tết hiu quạnh buồn thiu ở trong ngôi nhà trống vắng, nơi mà ngày xưa dù có nghèo túng đến mấy nhưng không hề dứt tiếng cười.

Bà Hân mắt đã mờ đi vì khóc. Ông Hân trở nên lẩn lộn, cứ hay ra ngồi bên sông một mình, lúc nhớ lúc quên.

Sang năm Dậu, nạn dịch tả tràn lan khắp nơi, có nhiều người chết. Nạn dịch lan đến làng Cổ Am, lan sang làng Hạ. Ông bà Hân cũng chết về dịch tả, ông đi trước, bà đi sau, chỉ trong một ngày. Khi còn sống, bà Hân vẫn hay đùa chồng:



- Thế nào lão cũng chết trước cho xem! Số lão vẫn sướng, chẳng là vẫn quen có người hầu hạ ngồi mát ăn bát vàng. Chỉ có tôi đây là khổ! Giời không có mắt, những người gần dờ thì giời lại cứ bênh vực là nghĩa lý gì?

Những khi ấy, ông Hân chỉ cười tủm tỉm. Chắc là ông nghĩ:

- Cái con mẹ này quái ác! Đã chết thì sướng nổi gì mà còn phân biệt trước sau. Đã gần dờ lại mắng người ta gần dờ!

## VI

Tôi sẽ là một người kể chuyện nhẩn tâm nếu tôi không thêm vào một cái kết ra trò cho câu chuyện ấy. “Đa tình kiếm khách, vô tình kiếm”. Nhiều khi ngồi bút vẫn cứ lạnh lùng không theo ý của chủ nhân, dầu rằng thực ra có hậu hay không có hậu với một kiếm khách hay một văn nhân đôi khi cũng không có ý nghĩa gì quan trọng. Khi lưỡi kiếm đã vung lên rồi cũng như khi ngồi bút đã vung lên thì ai đó trách rằng vô tình cũng đành chịu vậy. Nhưng mà thôi, đây là một câu chuyện gián dị và tôi cũng muốn có một nụ cười gián dị để dành cho bạn khi kết thúc câu chuyện này.

Khoảng 10 năm sau, sau khi hai ông bà Hân chết thì một hôm có một chiếc thuyền buồm nâu ghé vào bên sông giữa làng Cổ Am và làng Hạ. Hôm ấy đang có hội làng. Người ta rước kiệu từ đình làng Cổ Am xuống làng Hạ rồi lại quay về. Khách thập phương kéo đến xem hội đông như kiến cỏ.

Lúc đầu, cũng không có ai chú ý đến người thiếu phụ với sáu đứa con bụi bặm vừa trai vừa gái ở trên thuyền vừa bước lên bờ. Hai cô hầu gái loay hoay với lũ trẻ con nghịch như quỷ sứ. Thiếu phụ bẽn lẽn, chân như rú lại. Thiếu phụ hỏi thăm mấy người đi hội:

- Thưa các bác, ở đây có ai người làng Hạ không? Có ai biết nhà ông bà Hân không?

- Có tôi đây! – Một bà cụ già đang ngồi bán củ ấu cho bọn trẻ con vồn vã - Ai hỏi ông bà Hân đấy? Có đúng bà Hân tính hay đùa nhả nhả gần cây gạo phải không?

Thiếu phụ reo lên mừng rỡ:

- Phải! Cụ ơi, cụ biết ông bà Hân chứ? Cháu là Nhi đây, cháu là con gái ông bà Hân đây?

Bà cụ dùng tay gói nắm củ ấu cho một người đàn ông có vẻ như người mới ở tỉnh về, ngạc nhiên:

- Con cái Nhi! Con nỡm! Thế mày không nhận ra dì mày à? Dì Thảo mày đây!

Nhi như quy xuống trước mặt bà cụ. Người đàn ông mặc bộ vét-tông màu trắng đã ngả vàng đang mua củ ấu vội vã đỡ lấy cô.

Bà cụ Thảo kể cho cô cháu nghe chuyện cũ. Mọi người xúm xít lại nghe. Nhi oà lên khóc nức nở khi biết tin thầy u mình mất đã chục năm rồi. Cô xưa hai người hầu gái với mấy đứa con đi vào xem hội rồi một mình đi về nền ngôi nhà cũ. Người ta chỉ đường cho cô ra mộ hai ông bà Hân. Người đàn ông trên tỉnh lững thững đi phía sau cô, vừa đi vừa lơ đãng nhìn xuống dòng sông nơi có chiếc thuyền buồm nâu neo đợi.

Nhi loay hoay bên hai ngôi mộ, cô ngồi nhỏ cỏ rồi phủ phục ở đấy rất lâu. Người đàn ông lạ lùng kia lặng lẽ mang đến cho cô thê hương và đặt nắm củ ấu vừa mua lên mộ.

- Cám ơn ông! Nhi lau nước mắt – Thế ông cũng có người thân chôn ở nghĩa địa này à?

Người ấy gật đầu.

- Thưa ông, ông đã nghe câu chuyện của tôi, vậy ông có khinh tôi là đứa con bất hiếu, phụ bạc cha mẹ mình không?

- Sao cô nghĩ thế? – Người đàn ông tỏ vẻ không vui – Cô nghĩ sai rồi! Cô hạnh phúc, thế là thầy u cô dưới tuổi vàng mừng lắm còn gì!

- Cảm ơn ông... Được ông nói thế, thật tình tôi như trút được gánh nặng trong lòng.

Người đàn ông quay ra đứng ở ngoài đường. Nhi thấp hương, khăn vái một lúc rất lâu rồi về. Cô ngạc nhiên thấy người đàn ông kia đứng đó.

- Phong cảnh ở đây rất tuyệt – Người ấy nói – Những cánh buồm nâu là thứ mà tôi thích nhất.

- Tôi phải về thuyền – Nhi nói – Mẹ mẹ con tôi phải về Móng Cái. Chồng tôi là chủ hăng buôn ở đó. Khi nào ông lên Móng Cái mời ông đến chơi. Tôi tên là Nhi, chồng tên là Bằng, hỏi ai cũng biết.

- Có phải Bằng là chữ bằng trong câu “chim bằng bay rợp trời xanh không cùng” không?

- Thưa ông, tôi không biết, tôi dốt lắm. Thưa ông, tôi khó nghĩ quá, việc này tôi không muốn nhờ cậy ai, tôi muốn đường đột nhờ ông liệu có được không?

- Được!

- Thưa ông, ông còn ở đây, tôi muốn nhờ ông khắc giùm cái bia đặt lên trên mộ thầy u của tôi để mà đánh dấu, như thế liệu tôi có phiền ông quá hay không?

- Không sao! Tôi cũng muốn có bia ở vùng đất này.

- Đa tạ ông nhiều. Thầy tôi tên Hân, u tôi tên Lành, cả hai mất vào năm Dậu.

Nhi và người đàn ông kia trở về đám hội. Nhi vào đình làng gửi tiền công đức rồi mấy mẹ con ríu rít xuống thuyền. Cánh buồm nâu quay đầu, lặng lẽ xuôi dòng tìm đường ra biển.

Nhi không biết người đàn ông lạ lòng mà Nhi nhờ cậy hôm ấy là một nhà thơ nổi tiếng. Người ấy đã tìm được một tấm đá khắc bia. Chỉ có điều, người ấy đã không làm sao nhớ nổi tên hai ông bà già xấu số. Cuối cùng, người ấy đã khắc lên tấm bia đá hình một cánh buồm làm dấu. Bây giờ, nếu ai đến nghĩa địa của làng Cổ Am và làng Hạ, nhìn chéo phía bên phải cây gạo ven sông, vẫn thấy ở đấy có một ngôi mộ đôi trên gắn tấm bia đá sứt sẹo. Trên tấm bia ấy có một cánh buồm. Dưới cánh buồm sau này bọn trẻ chăn trâu nghịch ngợm có khắc thêm hình mấy cái mũi tên xuyên qua trái tim. Người ta gọi đó là mộ “trái tim tan nát”. Bài thơ về những cánh buồm vẫn được lưu truyền ở trong dân gian như một chuyện kể về tình yêu trai gái. Mà tình yêu, bạn biết không – cái món quà tuyệt vời mà Thượng đế hào phóng ban tặng cho người đời ấy, bao giờ cũng phải trả giá bằng những giọt nước mắt ghen ngào, dù muốn hay không cũng vậy.

# CÀ PHÊ HÀNG HÀNH

**“ Ngủ đi, hãy ngủ đi em,**

**Đời là như thế đây xem làm gì.**

**Dậy đi, em hãy dậy đi,**

**Đời là huyền mộng có gì mà mơ?”**

**( Nguyễn Bảo Sinh)**

Như một cánh cung, phố Hàng Hành bên hồ Hoàn Kiếm dài hơn trăm mét có đến mấy chục hàng ăn, hàng café, gallery, shop quần áo. Nghe nói ngày xưa đây là nơi bán hành tỏi, sau chuyển sang nghề tiện gỗ. Đền thờ tổ nghề tiện gỗ ở trong nhà số 11. Nghề tiện gỗ vốn là nghề truyền thống của làng Nhị Khê quê hương Nguyễn Trãi.

Ở phố Hàng Hành có mấy di tích cổ là đình và đền làng Tả Khánh Thuý ở trong nhà số 23. Ngoài ra ở nhà số 40 còn đền Trúc Lâm là đền thờ các ông tổ của nghề thuộc da giấy là các ông Phạm Đức Chính, Phạm Sĩ Bân và Phạm Thuần Chính. Trước cửa đền Trúc Lâm bây giờ là nơi rửa xe máy.

- Hà Nội đất Thánh!- Ông Vũ nhà ở phố Hàng Giấy trước đây vẫn ngồi ở góc hai nhà café Nhân thường nói- Hà Nội là đất Thánh nên đi đến đâu cũng là di tích!

Ông Vũ là khách đặc biệt của café Nhân. Ông biết rõ café Nhân từ khi mới lập, cách đây năm mươi năm, khi ấy chỉ là một gian nhà hẹp ở phố Cầu Gỗ. Một dạo, ông Vũ chuyển sang uống ở café Lâm phố Nguyễn Hữu Huân. Lâm nổi tiếng vì chơi với nhiều văn nhân nghệ sỹ, về già lại hay cúng tiền công đức lên cho các chùa. Lâm mất, ông Vũ chuyển về uống ở café Mai phố Lương Ngọc Quyến. Năm 2000, Mai bị bắt vì buôn ma túy, ông Vũ chuyển về uống ở café Nhân Hàng Hành. Ngày nào cũng vậy, cứ 9 giờ sáng và 5 giờ chiều, ông Vũ đều đặn hai lượt đến ngồi ở trên ban công gác hai nhìn xuống mặt đường, uống một ly café đen đá và hút thuốc lá Camel, đôi mắt xa xăm nhìn ngắm bóng chiều cứ xuống dần dần qua tán lá bàng. Thời gian trôi đi, tất cả rồi mất hút vào trong quên lãng, qua khói thuốc, qua ly café. Chớp mắt hốt nhiên đã hết veo một đời người : ông Vũ chết vì bệnh ung thư ác tính vào năm 2003 thọ sáu mươi tuổi.

Café Nhân là nơi bọn giai phò và đám thanh niên trẻ rất thích ngồi. Một nhóm họa sĩ thời thượng ở Hà Nội để râu xồm xoàm cũng hay ngồi đây, có một bàn đặt hẳn hai chiếc ghế trước. Bên cạnh bàn đặt của nhóm họa sĩ là bàn của họa hậu Mai Phương Thuý và đám thuộc hạ của cô thỉnh thoảng cũng hay đến tán phét. Khách thập phương và Tây ba –lô cũng thích đến đây ăn sáng với món bánh mì sốt vang và trứng ốp –lếp.

Café Nhân không phải là đệ nhất café Hà Nội. So với café Bằng ở chợ Hàng Da thì thâm niên của café Nhân chẳng ăn thua gì. Café Bằng có từ khi Hà Nội vừa mới Tây hoá. Con thạch sùng ghép bằng sứ ở chợ Hàng Da là biểu hiệu của café Bằng. Đây mới đích thị là đệ nhất đồ cổ café Hà Nội.

Ở phố Hàng Hành, café Nhân chưa hẳn đã là chỗ ngồi đẹp nhất. Vía hè ở mấy dãy nhà số 39 mới là chỗ ngồi đắc địa. Ở đây người ta có thể quan sát cả đoạn phố dài, có thể tha hồ ngắm nhìn thiên hạ đi qua đi lại. Bầu không khí bằng lăng thậm chí còn hơi hiu hắt ở đây quãng tầm giờ chiều gợi nhớ vô biên đến những phố huyện ở vùng Hà Nam Phú Lý hay ở vùng đồi trung du Phú Thọ. Ngồi trên gác hai café nhà số 20 trông xuống mặt đường, nhất là vào những đêm hè, người ta cũng có cảm giác như đang ngồi trên gác một quán cao lâu ở trong phố cổ Hội An cơ nữa...

Đối với nhiều người trong đám dân chơi Hà Nội, ly café Hàng Hành buổi sáng cũng là bắt đầu

một ngày. Ngày ấy sẽ dài hay ngắn, sẽ vui hay buồn? Tất cả đều là ẩn số sau ly café này đây.

- Nếu ta coi ly café buổi sáng là ranh giới xác định bắt đầu một ngày cũng hay!- Tay hoạ sĩ để râu xồm xoàm nói với người bạn café ngồi bên- Chào buổi sáng!

- Thế thì chết!- Người bạn café ngồi cạnh bật cười- Một ngày mới của ông bắt đầu vào lúc 9 giờ. Ông uống café đến khoảng 10 giờ. Thế là hết buổi sáng còn gì! Người khác ai cũng như ông thì chết!

Ừ! Vậy một ngày mới ở đây bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ lúc mấy giờ?

24 giờ đêm, cánh cửa kính Hotel nhà số 14 khép lại, ông khách Tây đi chơi khuya cuối cùng đã về, mấy ngọn đèn đường vụt tắt, căn phố nhỏ bắt đầu mơ màng vào giấc ngủ say. Cùng lúc ấy ở ngõ nhà số 20, một người phụ nữ mảnh khảnh đi ra, có một chiếc taxi vọt đến đón cô ra ga cho kịp chuyến tàu buôn lên Yên Bái. Một ngày mới, một cuộc phiêu lưu mới bắt đầu với người phụ nữ này ngay từ 0 giờ.

1 giờ sáng, có nhiều tiếng động lao xao ở trước cửa đền Trúc Lâm. Ông Dương- một tay cao bồi già, trước đây vốn là võ sỹ quyền Anh, mấy năm nay mắc bệnh mất ngủ quá quyết vẫn thường nhìn thấy các vị sơn thần thổ địa ở quanh hồ Hoàn Kiếm vẫn đến “giao ban” ở đây:

- Cũng giống hệt như đội dân phòng!- Ông Dương nói- Chi có điều các cụ đều mặc áo đỏ, áo vàng, ống tay áo rộng, cụ nào cũng để râu, để ria, chân đi hài, đi hia. Khi đi, cảm tưởng như chân các cụ đều không bén đất, tất cả đều nhấc là là cao hơn mặt đất khoảng chừng gang tay!

Chẳng ai tin lời ông Dương vì ông này suốt ngày uống rượu, lúc nào cũng trong trạng thái tây tây.

- Tây tây là thế nào? – Ông Dương cau- Tớ trông thấy cả cụ Rùa, đầu húi trọc, mặc quần áo trắng (đúng rồi, y hệt như trong phim Bao Công!). Cụ Rùa khật khà khật khờng cũng cùng đi nữa!

Ông Dương không phải là người dân chính gốc ở phố Hàng Hành. Ông Dương mới về ở phố Hàng Hành độ chục năm nay nhưng lại là nhân vật nổi tiếng nhất phố. Trước đây, ông Dương nhà ở dưới đề Tô Hoàng, sau vượt biên sang tận Hồng Kông, đã từng xưng bá trong trại tị nạn, nổi tiếng anh hùng nghĩa khí. Về già rửa tay gác kiếm, mấy đứa con lại kế nghiệp cha, đi ra ngoài không ai bắt nạt được họ. Có một thứ trật tự vô hình được thiết lập ở phố Hàng Hành hình như có vẻ như có bàn tay của cha con ông Dương cầm chịch.

2 giờ sáng, có tiếng reo hò ở phía đầu phố Lương Văn Can. Người ta đang bắt tỉ vi xem trận bóng đá ngoại hạng Anh giữa Arsenal và Manchester United. Sau trận cầu này sẽ có kẻ khóc người cười. Gần đây, dân chơi Hà Nội đã quen với những cuộc cá độ lên tới cả triệu đô.

3 giờ sáng, có tiếng gáy te te của con gà tre trong một nhà nào giữa phố. Đây là thời khắc của cô hồn ma quý hiện hình. Bà Phú có mẹt thuốc lá vẫn thường ngồi bán ở trước cửa nhà số 4 bảo rằng cứ vào đêm 30 cuối tháng bao giờ cũng thấy có bóng ma bà cô ông mãnh xuất hiện vào đúng giờ này. Đây là hồn ma của mấy thanh niên đua xe máy chết hồi năm ngoái ở trước cửa đền vua Lê Thái Tổ. Những cô hồn này vừa đi vừa khóc than ai oán. Bọn họ đều là con cái nhà giàu trên chợ Đồng Xuân đang độ tuổi teen.

4 giờ sáng, anh Quyền người vẫn chờ thịt bò từ trong Chuông Vác mang cho các cửa hàng bít –tết có tiếng ở Hà Nội phi xe máy từ phố Bảo Khánh đi vào. Cậu Quyết, đầu bếp của cửa hàng “Fast food- Snack bar- Restaurant” hé cửa nhận hàng. Anh Quyền người cao lớn, lưng gù trông như con gấu. Cậu Quyết em trai anh ta đứng cạnh trông chẳng khác gì một đứa bé con.

5 giờ sáng, khoảng trời phía trên Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm bắt đầu hưng hửng bừng lên một thứ ánh sáng thật huyền ảo và rực rỡ. Hàng xôi gà, bún thang ở nhà số 29 bắt đầu lục tục dọn hàng.

Mấy vị khách ở Sài Gòn đi công tác ra Hà Nội vẫn quen ngủ đêm trong mấy khách sạn dưới phố Cầu Gỗ thường đi bộ đến đây ăn sáng. Họ coi việc ăn sáng ở phố Hàng Hành là một trong những “nét đẹp văn hoá” của chuyến đi ra miền Bắc của mình. Khi về Nam, vị béo ngậy của xôi gà và thanh thanh của bát bún thang Hàng Hành sẽ làm cho các anh hai, chị hai ngơ ngẩn nhớ đời.

6 giờ sáng, các hàng café bắt đầu lục tục mở cửa dọn hàng. Từ lúc này tới khoảng nửa đêm, phố Hàng Hành bước vào phiên chợ đô hội thường ngày của nó. Phù hoa ư? Hay phù phiếm? Phù du ư? Hay phù thời...

Khuôn mặt tinh thần của phố Hàng Hành thường thường không có nét gì là sâu sắc cả. Nó không mơ ngủ. Không nồng nhiệt. Nó không gay gắt. Không sát phạt. Có sự điệu đà, có sự khinh mạn. Có phồn phơ cùng sĩ diện. Đôi khi có những ưu tư và vô nghĩa lý... Khuôn mặt tinh thần của phố Hàng Hành thường thường ít khi thay đổi ở trong một ngày, ở trong một tháng, ở trong một năm... Có thể nhận ra những định đề gì (định đề hay châm ngôn?) từ trong nhịp sống bề ngoài đều đều, vô cảm của con phố phù hoa vào loại bậc nhất của thành phố này?

#### VÀI ĐỊNH ĐỀ ĐẦU TIÊN:

*\* Ở đâu có trật tự thiết lập ở đấy hoặc có hiện nhân quân tử, nếu không ắt hẳn có những bàn tay tàn bạo dựa vào. Ừ, có hai trong một.*

- *Cái gì không giết anh sẽ khiến cho anh mạnh mẽ hơn- đương nhiên, nguy hiểm hơn.*
- *Bạn tìm kiếm gì? Đi xem gì?*  
*- Tìm kiếm cái chết! Đi xem người chết!*
- *Sự nhàn rỗi ở người này là sự bắt đầu, là sự khởi động. Ở người kia lại là đứt cước, lại là tẹt ga. May mà đứt cước, may mà tẹt ga!*
- *Sao đi trách tôi khiếm nhã mà chị loã lồ?*
- *Anh coi mở? Hay anh toan tính xâm phạm giá trị tiết hạnh người ta?*
- *Tiết hạnh ư? Chỉ là quan niệm.*
- *Muốn hạnh phúc thì im đi, đừng suy nghĩ.*
- *Tất cả đều là biểu hiện của Dục vọng. Ừ thôi vậy, gọi là cái Đẹp.*
- *Tôi không nói gì, tôi chối. Người ta không nói gì, người ta phục tùng. Anh hãy nghĩ xem vì sao tôi chối, vì sao người ta phục tùng?*

Khoảng 9 giờ trở ra, phố Hàng Hành bắt đầu cực kỳ sầm uất. Những khách hàng quen thuộc cứ đến lại đi. Một năm, rồi mười năm, hai mươi năm nữa có còn những khách hàng quen thuộc như thế này không?

Đội vợ chồng tỷ phú một gallery nổi tiếng trên phố Hàng Bông đèo nhau trên xe máy để đi ăn sáng. Ăn xong, họ ngồi ở vỉa hè nhà café Nhân với vẻ mãn nguyện hài lòng... Mãn nguyện hay thụ động?

Ông họa sĩ đi 40 cây số từ Xuân Mai về khoan khoái ngồi tựa cửa nhà số 39 mộng mơ... Mộng mơ hay ảo tưởng?

Ông giáo già ở phố Âu Triệu ăn mặc comple caravat trắng tinh như đi dự tiệc... Dự tiệc hay

hẹn hò?

Tay nhà văn ở phố Nhà Chung gác chân ngồi đọc báo cộp một mình...Một mình hay đa nhân cách?

Một đám công chức tụ đầu ngồi xem ảnh nuy ở trong điện thoại di động Nokia N81... Xả hơi hay suy đồi?

Mấy cô buôn bán chứng khoán đều là vợ con mấy vị cảnh sát bên đồn Tràng Thi cười như nắc nẻ...Cười người hôm trước hôm sau người cười...

Khoảng giữa trưa, khách uống café bắt đầu van vãn. Máy cô sinh viên kiêm làm gái gọi đi học về, da tái mét vì đói bụng hay vì ăn kiêng, bồn chồn ngồi đợi nhân tình đi xe ô-tô đến đón.

1 giờ chiều, mấy cậu nhân viên giữ xe máy, rửa xe máy với đánh giày ngủ gà ngủ gật.

3 giờ chiều, hàng bún cua ở cạnh café nhà số 38 mở hàng. Máy cô trên phố diện short và áo hai dây ngồi ăn khế chua trước cửa café nhà số 39. Một tay buôn bán ma túy lảng vảng lướt qua. Một ông nhà văn trông tầm thường như tay lái xe ôm ngoại tình đang ngồi đọc sách, đăm chiêu, bất động.

5 giờ chiều, một ông linh mục trong Nhà thờ Lớn đi uống cafe, ăn mặc như một ông giáo cấp Hai trường huyện nhà quê.

6 giờ tối, một bà thầy bói vận áo dài lụa màu nâu mon men đi đến bên cạnh các cặp tình nhân ở quán café ga găm. Phố xá đã lên đèn, bóng tối bắt đầu xoá dần đi những tia sáng ngày nhợt nhạt...

#### VÀI ĐỊNH ĐỀ TIẾP THEO:

*\* Điều ác thường vẫn khởi lên từ quan niệm thái quá về danh dự. Bởi vậy, “bọn đạo đức” vẫn là bọn đáng ngờ nhất về đạo đức.*

- *Không có vĩ nhân hẳn là đám đông đang tụt dốc, đang mòn mỏi... Sự tầm thường còn kinh hơn cả cái chết.*
- *Không có mỹ nhân không có vĩ nhân.*
- *“Tư tưởng chỉ đến khi người ta bước đi, khi người ta đang ở trên đường”. Đó là Nietzsche. Cần nói thêm: khi người ta không an toàn, khi người ta đang “xa rời tổ ấm”...*
- *Tiền ư? Tình ư? Tội ư? Đây là cuộc sống ư? Đây là cuộc sống.*
- *“Sự đơn giản là điều kiện thiết yếu của cái Đẹp đạo đức”. Lep Tonxtoi nói thế. Nhưng để đơn giản, người ta cứ phải phức tạp cái đã.*
- *“Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp”. Nhiều người nói thế. Chúng ta đang già đi, môi trường ô nhiễm, sức đề kháng yếu đi. Chẳng làm sao được.*
- *Bản chất con người phi luân luôn miện nói về đạo đức. Con người đạo đức cũng nói như thế. Vẫn là như thế, mãi là như thế.*
- *Anh dũng, can đảm, kiêu hùng: đây là cái Đẹp.*

*Rụt rè, loanh quanh, bạc nhược: đây là cái Xấu.*

- *Những kinh nghiệm riêng tư đích thực thường không nhiều lời. Nó nấp sau vẻ ngô nghê, ngờ nghệch, cù lần. Nó đau đớn buộc phải huyền đi...*

Một buổi chiều có một vị tôn sư đi cùng với một cô gái là học trò của ông ta đến phố Hàng Hành. Họ ngồi trên gác hai nhà café Nhân trông xuống mặt đường. Chỗ này trước đây khi còn sống, ông Vũ ở phố Hàng Giấy vẫn hay đến ngồi. Đây cũng là chỗ của nhóm hoạ sĩ thời thượng để râu xồm xoàm vẫn đặt bàn hàng ngày vào các buổi sáng.

Cô gái hỏi:

- Thưa Thầy, nhiều người hàng ngày vẫn đến uống café ở phố Hàng Hành. Đây thường là lúc bắt đầu một ngày của họ. Thưa Thầy, đây có phải là thời khắc để phân biệt ranh giới giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng ở trong lòng họ hay không?

Vị tôn sư đáp:

- Không phải con ạ! Ranh giới phân biệt giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng không phải ở ly café. Lòng nhân ái bao dung mới là ranh giới phân biệt giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng. Khi trong lòng ta đầy rẫy oán thù, đầy rẫy nhỏ nhen thì đây là đêm đen, là bóng tối. Còn khi ở trong lòng ta chan chứa tình người, chan chứa tình thương thì ta nhìn ai ta cũng thấy có bóng dáng Thượng đế ở trong lòng họ. Đây mới chính là ban ngày, chính là ánh sáng ở trong lòng ta. Có rất nhiều người đi giữa ban ngày mà lòng trĩu nặng như đi ở trong đêm đen phủ đầy bóng tối. Họ không biết rằng chỉ có lòng nhân ái, sự bao dung mới giúp cho họ phân biệt được ranh giới giữa đêm với ngày, mới thấy ánh sáng mặt trời rực rỡ ở đâu... Tình yêu giữa người với người chính là ánh sáng...

Cô học trò trùi mền nhìn vị tôn sư. Ông nhắm mắt trong sự im lặng, trong sự linh thiêng và trong bình an tuyệt đối.

Cô gái nói:

- Con cảm ơn Thầy. Con sẽ ghi nhớ điều Thầy vừa nói...

Ánh sáng hoàng hôn rực rỡ chiếu vào căn gác nhỏ trong nhà café Nhân. Đây là thứ ánh sáng đặc biệt làm cho ta có thể bàng hoàng sức tinh ra rất nhiều điều. Cho đến mãi về sau này, cả đến khi về già, cô gái kia vẫn không bao giờ quên được buổi trò chuyện với vị tôn sư, vẫn không bao giờ quên được cái ánh sáng kỳ diệu tuyệt vời ở trong buổi chiều hôm ấy.

Ấy thế mà đã sáu năm rồi đấy.

Ấy thế mà đã sáu mươi năm rồi đấy...

# QUAN ÂM CHỈ LỘ

Ngôi trường vùng cao ở lưng chừng đồi, đơn sơ một ngôi nhà gianh vách đất, một nửa là lớp học, một nửa là chỗ ở của hai cô giáo Thu và Kiềm. Lớp học thường xuyên xê dịch có từ bảy đến hai mươi học sinh của năm dân tộc là Mông, Thái, Nhắng, Dao và Lô Lô.

Hai cô giáo Thu và Kiềm đều quê ở Tiền Hải Thái Bình, bố mẹ là dân chài vùng biển. Hai cô học hết cấp hai phổ thông trung học thì đi học một lớp sư phạm nâng cao hai năm. Tốt nghiệp ra trường, Đoàn thanh niên có phong trào “thắp lửa ánh sáng vùng cao”, họ ghi tên tham gia và mười ngày sau họ có mặt ở ngôi trường này.

Ai lên Sa Pa, nếu đến nơi xa nhất thì phải đến bản Suối Thầu. Từ chợ Sa Pa đến đây tròn 70 cây số. Người Mông, người Dao giỏi đi bộ thì mỗi ngày đi được 20 cây. Thu và Kiềm vẫn thường xuyên đi lại trên tuyến đường này. Ngôi trường của họ ở nơi hẻo lánh nhất của vùng đất du lịch không thể nói là không phù hoa đó. Ôi Sa Pa, Sa Pa... Mảnh đất tình yêu! Mảnh đất giữ người!

Tết năm ngoái, tôi có dịp lên Sa Pa theo lời mời của gia đình một người bạn. Anh Lai, Vụ trưởng một Vụ, chuẩn bị đi làm đại sứ một nước ở châu Âu, quyết định không ăn Tết ở Thủ đô mà đưa cả nhà đi du lịch. Họ sẽ ăn Tết ở Sa Pa. Tôi được mời đi theo “tháp tùng”. Mấy năm gần đây, hội “tay to” ở Hà Nội có “mốt” không ăn Tết ở nhà mà đóng cửa đi dã ngoại để đôi không khí, cũng tránh cả việc người ta đến lễ lạt nhờ vả nhiều khê... Tiền nhiều chẳng làm gì. Chất lượng cuộc sống trên hết. Sống vẻ vang, chết nhẹ nhàng... Những triết lý như thế gần đây tôi được nghe nhiều ở các quan chức và giới doanh nhân thành đạt. Cũng là một “mốt”...

Chị Hỷ, vợ anh Lai (xuất thân thợ dệt) tính rất chu đáo đã mua vé tàu hoả, thuê nhà, chuẩn bị thức ăn chu đáo cho mười ngày nghỉ Tết, mọi người chẳng ai phải mó tay vào.

- Không thiếu thứ gì! – Chị Hỷ vui vẻ bảo tôi – Chú sẽ được ăn Tết như ở nhà mình.

Gia đình anh Lai có năm người: hai vợ chồng anh, cháu Quang đang du học ở Mỹ (đại học Duke) về nghỉ Tết, cháu Vân đang học lớp 12 trường Chu Văn An Hà Nội và Yên, cô “ô-sin” người vùng đạo gốc Bùi Chu.

- Chú là nhà văn danh tiếng nhưng nghèo – Anh Lai bảo tôi – Nghề của chú chẳng phải là nghề. Đó là nghiệp chương. Đọc, đi, viết là ba công đoạn mà tay nhà văn nào không làm được thì đừng nói gì đến có tác phẩm. Không đọc, không đi thì viết thế nào? Nhưng không có tiền thì chịu. Chuyến đi Sa Pa này vợ chồng tôi “bao” hết, chỉ mong chú viết được cái gì hay hay đóng góp cho đời. Vợ chồng tôi chọn Sa Pa cũng là vì chú! Ngày xưa, Không Tử du ngoạn Thái Sơn có nói được câu chí lý: “Người nhân từ yêu núi, người có chí yêu nước”. Nhà văn phải là người nhân từ, phải là người nhân nghĩa, nhân văn...

Tôi nghe. Tôi đi cũng là vì nể anh Lai. Nhân từ gì tôi không biết, ngày trẻ tôi đã ở miền núi Tây Bắc mười năm, miền núi tôi chẳng lạ gì. Nhưng thôi, một chuyến đi du lịch, một cái Tết xa nhà cũng tốt cho tôi: ở nhà toàn khuôn mặt cũ, những đứa con tôi đã lớn, chúng không cần tôi nữa, tôi và danh tiếng hão của tôi đã là gánh nặng cho cả gia đình...

Chúng tôi lên Sa Pa vào 25 Tết. Chị Hỷ thuê một biệt thự riêng. Mọi người ai nấy đều như chim sổ lồng: anh Lai đi thăm vùng trồng hoa với bạn học cũ là phó chủ tịch thị xã, cháu Quang và cháu Vân đi Thác Bạc – Cổng Trời, cô “ô-sin” đi lễ nhà thờ rồi đi chợ, chị Hỷ ở nhà “giữ gôn”. Còn tôi, số phận run rủi, ma xui quỷ khiến thế nào mà tôi lại đến ngôi trường của hai cô giáo Thu và Kiềm.

ở Sa Pa, có một cửa hàng bán đồ cổ nhỏ. Chủ ở đây nghe nói là một người Nhắng giàu có. Tôi rất thích vài thứ bày ở đây nhưng giá của nó khá đắt. Thấy tôi loay hoay mãi bên cửa hàng, một



anh chàng lái xe ôm gạ tôi:

- Nếu ông thích mấy thứ này, tôi đưa ông vào bản Tả Van hay vào Bản Hồ, ở đấy có thể có người còn có nhiều thứ hay.

Tôi lưỡng lự. Anh ta nói thêm:

- Càng đi xa càng nhiều thứ quý.

Tôi hỏi:

- ở Sa Pa, nơi xa nhất là đâu?

- Suối Thầu.

- Đi có khó không?

- Cũng không khó lắm.

Tôi xem đồng hồ, thấy còn sớm bèn quyết định đi chơi xa một chuyến. Anh lái xe bảo tôi:

- Chắc ông sẽ không thất vọng vì chuyến đi này.

Tôi ngồi lên xe. Chiếc xe “Min-kho” đã chiến phóng nhanh như gió. Rừng núi đại ngàn trùng điệp mở ra trước mắt. Tôi chưa bao giờ đi một cuộc xe kinh hoàng như thế. Một bên là vực sâu, một bên là núi cao. Thình thoảng, một trận mưa địa hình đột ngột trút xuống. Gió lồng lộng thổi. Tôi đã có thâm niên ở miền núi nhiều năm nhưng quang cảnh hùng tráng thế này thì không phải miền núi nào cũng có. Những viên sỏi bắn vào hai bên lốp xe rào rào. Anh lái xe ôm, chắc đã quen đưa khách đi du lịch phiêu lưu thế này, chỉ chăm chú nhìn về phía trước, tôi nghĩ nếu tôi ngã xe có khi anh ta cũng chẳng biết gì.

Đường vào Suối Thầu đi xe máy cũng hơn 5 tiếng đồng hồ. Anh lái xe ôm bảo tôi:

- Theo tôi, tốt nhất là ông nên nghỉ lại đây đêm nay. Tôi có thể chỉ cho ông vài nơi nghỉ trọ. Bọn Tây du lịch cũng hay làm thế. Dân “gai” (tour – guide: hướng dẫn viên du lịch) người Mông vẫn dẫn họ vào đây như cơm bữa. Giá nghỉ trọ ở đây cũng mềm, chỉ khoảng độ 10 đồng bạc là cùng.

Tôi nghe lời chỉ dẫn của người lái xe ôm. Anh ta dẫn tôi vào trong ngôi trường học mà tôi đã kể ở đầu câu chuyện. Hai cô giáo rút rề ra đón về rất khẩn khoản. Tôi tự giới thiệu về mình. Cô giáo thấp lùn, có khuôn mặt vuông vức tên là Kiểm mắt sáng lên:

- Em đã từng nghe đến tên ông. Nếu ông đúng là nhà văn thì em cho trọ.

Cô giáo người gầy gò, trắng trẻo tên là Thu hỏi anh lái xe ôm:

- Anh về Sa Pa hay cũng nghỉ lại?

Anh này trả lời:

- Tôi về thôi. Mai lại vào. Ông nhà văn này muốn tìm đồ cổ, có gì nhờ hai cô giáo tìm giúp.

Họ chia tay nhau. Hai cô giáo dẫn tôi vào lớp học, ở đấy đang có một cô bé người Mông ngồi tập viết chữ. Hai cô giáo loay hoay kê những chiếc ghế băng sát lại, sau đó họ mang đệm và chăn bông vào. Ngay lập tức, tôi đã có một chiếc giường ngủ hảo hạng. Tôi lấy điện thoại đi động gọi về Sa Pa, anh Lai và chị Hỷ trách tôi nhưng hai cháu Quang và Vân thì thích, hứa có thể sẽ vào Suối

Thầu với tôi.

Đêm hôm đó, bên bếp lửa, tôi được nghe hai cô giáo Thu và Kiểm kể về cuộc đời của họ.

- Thế hai cô ở đây được mấy năm rồi?

- Được sáu năm.

- Thế Tết này các cô có về quê ăn Tết hay không?

Cô Kiểm thở dài:

- Cái Thu thì 27 Tết mới về. Còn em... Tết này chưa chắc em về được.

- Thế có năm nào các cô ăn Tết ở đây hay không?

Cô Thu bảo:

- Tết năm nào em cũng về quê ăn Tết. Em đang định bỏ việc, ở đây chán lắm. Còn cái Kiểm, sáu năm rồi, năm nào nó cũng ở lại. Năm nào nó cũng bảo: “Tết này chưa chắc em về được”.

Cô Kiểm quay mặt về phía bóng tối, giấu ánh mắt buồn buồn. Tôi không tiện hỏi, bèn quay sang nói chuyện về phong cảnh với khí hậu Sa Pa. Tôi cũng hỏi về các món đồ cổ lưu lạc ở trong các gia đình người dân tộc ở vùng cao này. Thế kỷ XVIII, Hoàng Công Chất khởi nghĩa ở đồng bằng, bị triều đình đánh đuổi lưu lạc lên đây, có nhiều gia đình thổ hào đi theo. Đây cũng là vùng buôn bán hàng lậu từ Vân Nam Trung Quốc sang. Vì thế, rất có thể có nhiều đồ cổ lưu lạc ở đâu đây rất quý giá.

Sáng hôm sau, cô giáo Thu chuẩn bị về quê. Lớp học đã nghỉ, chỉ có vài ba đứa học sinh thỉnh thoảng đến xin bài về học trong dịp nghỉ Tết. Cô giáo Kiểm dặn dò chúng. Ngày xưa, khi còn đi dạy học ở vùng núi Tây Bắc, tôi đã hiểu tâm trạng của các thầy cô giáo miền xuôi lên dạy học ở miền núi vào những ngày này. Lòng dạ rối bời cứ như lửa đốt, sắm sửa quà Tết, gói ghém đồ đạc, mong chờ kỳ lương cuối cùng trong năm, bóng dáng của người thân cứ hiện rõ dần... Ôi tuổi trẻ phiêu lưu và ngốc nghếch! Người chẳng sợ gì gian khó, chẳng sợ gì cô đơn, dòng máu chảy trong huyết quản của người mới mạnh mẽ sao, những chân trời nào và ánh mắt nào vậy gọi? Giọng cười nào, tiếng hát nào, giấc mơ nào của người cũng đều nồng nàn và đẹp thuần khiết hiến tặng cho cuộc đời, cho con người... mà người thì thường là bạc như vôi, còn đời thì ngắn... Nhưng chẳng sao, chẳng sao cả, những lớp người kế tục nhau như những đợt sóng bên ngoài trùng khơi...

Cô giáo Kiểm cho một học sinh dẫn tôi đi vào trong bản. Cơ bản đều nghèo, cũng có người nghiện thuốc phiện. Tôi rẽ vào một ngôi nhà trên núi, thấy một người đàn ông người Mông trạc 50 tuổi đang vật vã vì đối thuốc. Chị vợ đang ngồi già mèn mèn. Thấy tôi vào, họ cũng mặc kệ. Tôi lần la hỏi chuyện người vợ. Tôi nhìn thấy trong chạn bát có một pho tượng Phật nhỏ bằng đồng đen thui. Pho tượng rất lạ, đó là hình hai mặt Quan Thế Âm Bồ Tát ngồi trên tòa sen đặt trên đồng tiền và trên đỉnh vàng, có mấy chữ Hán, tôi chỉ đọc được bốn chữ: “*Quan Âm chi lộ*”. Tượng Quan Thế Âm tôi đã thấy nhiều, nhưng tượng được đặt trên một đồng tiền và vàng thì chưa từng thấy. Tôi đoán đây là tượng của một thương gia nào đó, có thể được đúc riêng nhân kỷ niệm mừng sinh nhật hoặc mừng tân gia cho ai đó. Pho tượng trông rất có thần, đường nét tinh tế, không cồ lăm nhưng rõ ràng không phải tượng mới. Trong ruột bức tượng, có lẽ người ta có yếm bùa và cho vào đó những viên sỏi kỳ lạ, lắc lên nghe lạo xạo.

Tôi hỏi người đàn bà, cô ý muốn mua pho tượng. Người chồng trừng mắt:

- Không bán đâu. Nó là gia bảo đấy!

Tôi không gặng hỏi, tôi biết người Mông tính rất dứt khoát. Tôi rất ái ngại vì thấy tình cảnh

của gia đình này thật bí đất. Tôi lấy ra một món tiền nhỏ tặng chị vợ. Chị ta không nhận, nhìn về phía người chồng rồi nói:

- Không lấy tiền đâu! Nếu có tiền nó lại đi mua thuốc phiện.

Người chồng đứng lên, giật phắt lấy số tiền trên tay tôi, quát vợ:

- Nó cho mình thì mình lấy chứ!

Chị vợ bối rối, không biết làm sao cả. Chị ta nói với chồng:

- Hết gạo rồi! Cũng không có thịt mà ăn Tết nữa!

Người chồng không nói năng gì, khoác chiếc áo bông cũ đi ra. Chị vợ bảo tôi, về bực mình thực sự:

- Ông hại nó rồi. Nó sẽ đi đến mai mới về!

Tôi nhớ mãi ánh mắt chị. Tôi đã nhìn thấy nhiều ánh mắt của những người phụ nữ đau khổ, rất nhiều ánh mắt tê dại vô hồn, vô ảnh, ta soi vào mà chẳng thấy gì, nó không đủ sức lưu lại hình ảnh của bất cứ ai, bất cứ vật gì. Không biết những người chồng, người con, những người thân của họ đã làm những gì để làm cho nó khô kiệt, đã làm mất hết đi vẻ tinh anh trong ánh mắt kia? Cuộc đời con người nào nhiều nhận gì, ai trong số chúng ta đã được yêu thương, đã được vuốt ve bởi những ánh mắt chân tình tự nhiên không hề vương bận sân si vụ lợi?

Tôi quay trở về trường học, lòng thoáng buồn. Anh lái xe hôm qua đã quay trở lại, chuẩn bị chở cô giáo Thu ra Sa Pa để mua vé tàu hoả về quê ăn Tết. Cô giáo Kiêm và cô bé học trò người Mông ra tiễn họ.

Anh lái xe hỏi tôi:

- Ông có về không?

Tôi bảo:

- Tôi muốn ở lại. Nếu được, ngày mai anh vào đón tôi.

Anh lái xe cười:

- Tôi biết ngay mà... Sa Pa là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người...

Buổi chiều, cô giáo Kiêm và cô học trò người Mông (sau này tôi biết tên nó là Giàng Seo Mây) loay hoay dọn dẹp, quét dọn xung quanh ngôi trường đón Tết. Cô giáo Kiêm mang cò ra, treo lên cái cột ở giữa sân trường. Chập tối, lúc chúng tôi chuẩn bị ăn cơm thì có khách đến. Tôi đoán đây là chồng hoặc người nhà cô Kiêm. Người đàn ông này tên Công, trạc năm mươi tuổi, dáng điệu phong trần, như ở nơi rất xa xôi đến. Cô Kiêm mừng rỡ, đun nước nóng cho ông ta ngâm chân, sẵn sóc ông ta từng ly từng tí.

Trong bữa cơm ông ta bảo cô giáo Kiêm:

- Anh chỉ ở đây với em đến mùng 1 Tết. Sáng mùng 2 Tết anh phải đi rồi.

Cô Kiêm bảo:

- Tùy anh. Anh ở bao lâu cũng được.

- Nếu anh không lên, em có về quê ăn Tết hay không?

- Em không biết. Tết này chưa chắc em về được

Ăn cơm xong, người đàn ông rủ tôi ra ngoài ngồi hút thuốc. Ông ta hỏi:

- Có phải ông là nhà văn viết cái gì đó về hoa thủy tiên phải không?

Tôi bảo:

- Phải!

Ông ta bảo:

- Tôi có nghe loáng thoáng về ông. Ông là nhà văn nổi tiếng, đã đi ra nước ngoài nhiều lần.

Tôi bảo:

- Phải!

Ông ta nói:

- Tôi cũng đã đi ra nước ngoài nhiều lần. Càng đi, càng thấy thương nước Việt Nam mình. Đất nước mình thật đẹp, dân mình thật tốt, chỉ phải cái nghèo.

Tôi hỏi ông ta về quan hệ của ông ta với cô giáo Kiêm. Ông ta thờ dãi:

- Đây là người mà tôi yêu dấu vô cùng. Tôi có vợ rồi, nhà ở Lạng Sơn. Tôi biết Kiêm ba năm nay rồi. Năm nào tôi cũng về đây ăn Tết. Kiêm đối với tôi đúng là “hồng nhan tri kỷ”. Tôi được một người như thế yêu thương thì chết cũng chẳng oán hận gì.

Tôi hỏi:

- Ông biết cô ấy trong trường hợp nào?

Ông ta bảo:

- Cũng giống như ông. Tôi đi du lịch, đúng hơn là tôi đi tìm cái chết. Hồi ấy tôi làm ăn thất bại, gia đình tan nát, tôi rất chán đời. Tôi lên Sa Pa, định trèo lên đỉnh Phan-Xi-Păng tự vẫn. Nhảy vào xuống núi một cái là xong. Tôi gặp Kiêm, Kiêm mang tình yêu đến cho tôi. Kiêm đúng là Quan Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn “save from misfortune and danger”. Tôi biết ơn cô ấy. Tết nào cô ấy cũng đợi tôi.

Tôi bảo:

- Ông có vẻ như một người hạnh phúc.

Ông ta bảo:

- Cám ơn ông. Cũng còn tùy thuộc cách nhìn. Từ khi biết Kiêm, tôi sống tốt hơn lên. Tôi yêu mến tất cả mọi người, tôi làm nhiều việc có ích cho đời. Là nhà văn, ông nên viết về tình yêu của người phụ nữ. Họ yêu thương đàn ông chúng ta, làm cho thế giới này tốt đẹp lên nhiều.

Tôi hỏi về công việc của ông ta. Ông ta nói:

- Tôi là thương nhân. Tôi buôn bán ở Hồng Kông, ở Mỹ. Có lần tôi sang cả Thụy Điển. Kiểm như một vị Bồ tát chỉ đường. Tôi buôn bán không phải vì tiền mà vì điều thiện, vì quan hệ với con người.

Tôi chăm chú nhìn Công, thấy ông ta là người thành thực. Tôi rất ngạc nhiên, ngẫm nghĩ mãi về hình ảnh cô Đôn-xi-nê bé nhỏ, dạy học ở một nơi khi ho cò gáy, lại là nguồn cảm hứng cho gã Đôn Kihôtê giang hồ quốc tế, khiến ông ta làm được những việc động trời. Thế gian này thật diệu kỳ! Trong muôn thứ diệu kỳ thì tình yêu chính là điều diệu kỳ nhất.

Tôi ở Suối Thầu đến hết ngày hôm sau. Tôi được biết Giàng Seo Mây, cô học trò người Mông chính là con gái của hai vợ chồng người Mông mà tôi đã gặp. Mây ở với cô giáo Kiểm, cô bé giỏi tiếng Anh, nổi tiếng là một “gai nhí” ở khu du lịch Sa Pa.

Anh lái xe ôm vào Suối Thầu đón tôi. Ngôi biệt thự mà chị Hỷ thuê riêng đã được trang hoàng long lộng. Tối hôm đó, chị Hỷ làm tiệc tất niên. Sâm-banh được mở ra, ai nấy đều vui vẻ.

Rượu ngà ngà say, anh Lai hỏi tôi:

- Chú là nhà văn, chú có biết câu “nhà văn là tai mắt của nhân dân” không? Chú viết văn, điều gì hướng đạo ngòi bút của chú?

Cháu Quang học ở đại học Duke, bang Carolina ở Mỹ, ở đây có khoa viết văn, đào tạo các nhà văn tương lai. Rất nhiều người ở các nước khác đến đây học. Khi sang Mỹ, tôi đã từng có bài thuyết giảng ở đây. Hôm đó, tôi đã nói về sự vô minh của con người và thế giới, lòng khát khao của cá nhân tôi với cuộc sống mà Thượng đế ban cho. Hôm đó cháu Quang cũng dự. Đến hôm nay, khi nghe anh Lai hỏi, tôi bỗng nhớ lại những điều tôi nói hôm ấy thật xa xỉ và phù phiếm, thậm chí dối trá. Tôi nói với anh Lai rằng quả thực không phải lúc nào tôi cũng trả lời được những câu hỏi do công việc và cuộc sống đặt ra.

Anh Lai nói:

- Tôi nhớ trong Kinh thánh, Chúa đã từng mắng các văn sĩ rằng họ chỉ nhắm miếng ngon, khát khao thụ hưởng. Trong các hội đoàn, họ ngồi ghế hạng nhất... Chúa không mắng những người làm nghề nghiệp khác. Nghề của chú không phải là nghề, nó làm rối tinh trật tự.

Tôi thấy khó trả lời, miếng cơm ăn đắng ngắt. Anh Lai là nhà chính trị, anh không biết rằng tôi cũng đã từng làm nhiều nghề kiếm sống. Định mệnh của tôi không phải do tôi quyết định. Tuy nhiên, tôi không tranh cãi với anh. Hôm nay tôi là khách mời. Đầu óc tôi vẫn còn đang vẩn vơ hình ảnh những người sống rất giản dị ở bản Suối Thầu, họ không bao giờ đặt ra câu hỏi tại sao thế này, tại sao thế kia? Cô giáo Kiểm, một cô gái bé nhỏ sinh ra ở biên, sống sáu năm trời với các em bé người Mông, người Nhắng, đồng lương dạy học chẳng đáng là bao; ngồi giữ ngọn lửa tình yêu cho một tay giang hồ dọc ngang trời đất. Rồi hai vợ chồng người Mông nghiện hút, họ chẳng bao giờ đi xa khỏi bản của mình...

Cháu Quang và cháu Vân cho xem những bức ảnh chụp ở bãi đá cổ Hàu Thào. Trên các hòn đá có các hình khắc kỳ dị. Ai đã viết lên đấy? Liệu thời tiền sử có một tay văn sĩ rò dại nào đi làm chuyện ấy hay không?

Ăn xong, tôi về phòng, thấy cháu Yên, cô gái “ô-sin” đang ngồi ăn cơm thằm dưới gầm cầu thang. Tôi hỏi:

- Sao cháu không ăn cơm cùng với mọi người?

Yên nói:

- Cháu quen rồi!

Chị Hỷ đi ra bảo tôi:

- Lẽ ở nhà này là thế. Tôi vốn có “tay” nuôi “ô-sin”. Dân chủ thì dân chủ. Nhưng trật tự cần hơn dân chủ. Anh yên tâm đi, một mình nó một mâm, cũng đầy đủ sơn hào hải vị.

Sáng hôm sau tôi ra chợ Sa Pa. Anh lái xe ôm hôm trước gặp tôi. Tôi vào chợ, mua một bao gạo 50 ki lô và một đùi thịt lợn, nhờ anh ta chở vào Suối Thầu tặng gia đình của Giàng Seo Mây. Anh lái xe cười:

- Thế này thì nhà này năm nay ăn Tết to rồi!

Tôi thấy vui vui. Chừng mấy năm nay, tôi không còn nhiều lòng ham hố “kiếm chác” cho mình, nhiều khi cho được người khác cái gì thích hơn được nhận. Tôi không giàu có nhưng cũng chẳng nghèo. Tôi không có nhiều người thân, nhiều bạn bè. Tôi đã trót rào quanh tôi hàng rào danh tiếng, đây cũng không phải do ý thức của tôi chủ định, rất nhiều các thói đời xô đẩy khiến tôi lâm vào tình cảnh trở trêu như thế. Nhiều khi, tôi rất cô đơn ngay giữa nhà mình. Những bạn bè cũ cũng ngại gặp tôi, tôi cố gắng phá đi mặc cảm tự ti vì không thành đạt ở trong lòng họ mà không phá được. Nhiều lần, tôi nhớ lại những ngày gian khó thuở tôi còn đi dạy học ở trên miền núi Tây Bắc xa xôi, tôi chỉ là một thầy giáo tiêu học vô danh, tôi như viên sỏi vô danh ở trong lòng suối vô danh nhưng chẳng bao giờ tôi thấy cô đơn, trong lòng tôi lúc nào cũng như có một con chim chiến chiến lú lú lo ca hát những lời vô nghĩa bất tận. Đêm chẳng bao giờ là dài, ngày chẳng bao giờ là ngắn. Những ngôi sao xa xôi trên bầu trời giục giã vẫy gọi tôi. Tôi sống, tôi sống như cô giáo Kiêm, như Giàng Seo Mây, như người đàn bà Mông kia ở bản Suối Thầu, tôi chẳng bao giờ đặt ra câu hỏi tại sao thế này, tại sao thế kia... Lúc ấy, tôi chưa có ý thức đi tìm ý nghĩa cuộc sống cho mình.

Ngày 30 Tết, Sa Pa vắng tanh vắng ngắt. Tiết trời cuối năm lạnh giá, nhiệt độ xuống tới 5 độ. Xung quanh nhà thờ, không còn những người bán đồ lưu niệm. Đội quân lái xe ôm cũng đã về nhà. Tôi vào trong nhà thờ, thấy có một mình cháu Yên, cô gái “ô-sin” của nhà anh Lai đang quỳ gối, cầu kinh trước bàn thờ Chúa. Tôi quay ra, không muốn làm phiền cô bé ngoan đạo. Lá của những cây bàng sũng rơi lá tả ở trên mặt đường. Một vài ba khách du lịch nước ngoài lác đác đi bộ dọc trên hè phố. Sa Pa thật đẹp, vẻ đẹp dịu dàng. Phía xa xa, Phan-Xi-Păng, ngọn núi cao nhất được ví như nóc nhà của người Việt Nam thấp thoáng ở trong mây trắng.

Tôi đi lững thững về nhà. Trước cổng biệt thự, tôi ngạc nhiên nhìn thấy người đàn ông người Mông nghiện hút ở bản Suối Thầu mà tôi đã gặp đang ngồi ở đó. Chị Hỷ chạy ra bảo tôi:

- Người này chờ chú suốt cả buổi chiều. Tôi đuổi nhưng lão ấy không đi. Không biết là có chuyện gì.

Người đàn ông người Mông ngồi ừ ừ nhắm mắt lại như người ngủ gật. Trông thấy tôi, ông ta đứng dậy, mắt sáng hẳn lên. Ông ta hỏi tôi:

- Mày gửi cho tao gạo và thịt à?

Tôi gật đầu. Ông ta bảo tôi:

- Vợ tao rất thích. Nó cảm ơn mày!

Thấy chuyện lạ, anh Lai và hai cháu Quang, cháu Vân cũng chạy ra xem. Người đàn ông người Mông lấy ra trong túi một bọc vải nhỏ gửi vào tay tôi. Ông ta nói:

- Cái này của mày!

Nói xong ông ta quay đi, chẳng chào ai cả. Tôi nhìn theo người đàn ông người Mông bước đi loạng choạng, áy náy vì không hiểu làm sao ông ta lại có thể đi được về nhà.

Chị Hỷ đỡ lấy bọc vải ở trong tay tôi mở ra. Chúng tôi sững sờ vì đây chính là pho tượng “Quan Âm chỉ lộ”. Tôi không thể tin ở mắt mình, càng không ngờ lại có phúc có pho tượng ấy. Mọi người trong nhà anh Lai xuýt xoa, ai cũng sờ nắn, xem xét, không muốn rời tay.

Buổi tối, dưới ánh đèn pho tượng trông thật rạng rỡ. Xem xét kỹ, ai cũng thấy rõ ràng đây là một pho tượng quý. ở dưới đỉnh vàng, có hình Thái thượng lão quân đắp nổi và chữ “Bình an lo”. Ý nghĩa của pho tượng là hãy đi trên con đường bình an, lắng nghe âm thanh trong lòng, đây là con đường mà Quan Thế Âm Bồ tát chỉ lối đưa đường. Anh Lai và chị Hỷ áng chừng đây là pho tượng đồng có thể có từ thời nhà Thanh Trung Quốc. Tôi không nghĩ thế bởi xem xét kiểu chữ khắc trên đó thì có thể nó có muộn hơn. Sau phong trào Ngũ tứ và Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, người ta cải cách chữ Hán. Lúc này tinh thần dân tộc của người Trung Quốc lên cao, nhiều thương gia xuất hiện cố gắng vươn ra thế giới. Rất có thể đây là pho tượng của một thương gia thành đạt thời ấy. Song, đây cũng có thể là pho tượng của một người Việt Nam nào đó làm ra. Tôi đã từng đến xem các lò đúc đồng ở Huế, ở Hà Nam, ở Hà Nội và rất thán phục nhiều tác phẩm điêu khắc kỳ khu của họ. Muốn biết rõ lai lịch của nó phải chờ khi về Hà Nội hỏi các chuyên gia. Tôi không phải là người chơi đồ cổ, những thứ thế này tôi chẳng biết gì.

Đêm 30 Tết, chúng tôi ngồi đón giao thừa. Pho tượng đặt giữa bàn ăn thấp nền. Một bầu không khí thiêng liêng và bình an làm cho ai nấy đều xúc động, muốn xích lại gần nhau hơn.

Anh Lai chúc mừng tôi. Anh nói:

- Năm mới, “quý vật gặp quý nhân”. Chắc là con đường phía trước của chú sẽ bình an may mắn.

Tôi cười như mếu. Tôi không còn trẻ. Tôi không hy vọng gì nhiều ở phía trước. Với tôi từ lâu “cuộc chơi đã kết thúc rồi”. Tôi ngẫu nhiên có pho tượng này, thực sự thâm tâm tôi cũng chẳng cầu. Phúc họa thường vẫn đi kèm như hình với bóng. Ý nghĩa phù du của cuộc sống cho đến một lúc nào đó ai cũng hiểu ra. Thường thường, hiểu ra thì đã muộn rồi. Trời xanh kia vẫn trở trêu, được mắt ở đời có gì quan trọng?

Tôi nói điều ấy với anh Lai, chị Hỷ. Ai cũng cười tôi, cho tôi là người “bi quan chủ nghĩa”. ừ thôi cũng được, chúng ta hãy sống, chấp nhận nhau, yêu thương, làm sao mỗi ngày ta sống sẽ là một ngày hoan lạc, ở đây chỉ có nụ cười thân thiết và những lời nói chân tình với nhau.

Chị Hỷ lấy tiền ra mừng tuổi mọi người. Chị nói với tôi:

- Nếu chú bán pho tượng thì tôi mua đấy!

Tôi cười. Tôi thấy khó xử. Nếu anh chị thích thì tôi tặng lại, “quý vật gặp quý nhân”, cũng là một lẽ... Anh Lai trầm ngâm, lắc đầu:

- Định mệnh của chú... Chắc là nghiệp chướng gì đây! Chúng tôi không làm thế được!

Mọi người uống rượu sâm-banh, chúc tụng nhau rồi đi ngủ. Pho tượng vẫn đặt trên bàn.

Ngày mùng 1 Tết, cả nhà anh Lai với tôi đi dạo phố phường, chúc Tết bất cứ ai gặp trên đường. Nhìn thấy gia đình anh Lai ríu rít, tôi bỗng giật mình:

- Ngày Tết là ngày đoàn tụ gia đình. Tại sao tôi lại ở đây?

Lòng tôi cồn cào như có lửa đốt.

- Tết này chưa chắc em về được...

Câu nói băng quơ của cô giáo Kiểm vắng vắng bên tai. Tôi bật cười, nhớ lại mấy câu thơ cũ của

một nhà thơ mà tôi yêu mến:

*Giang hồ sót lại mình tôi*

*Quê người đắng khỏi quê người cay men...*

*Tết này chưa chắc em về được*

*Em gửi về đây một tấm lòng*

*Ai bảo mắc duyên vào bút mực*

*Sòng đời mang lấy số long đong*

*Người ta đi kiếm giàu sang cả*

*Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông*

*Khốn nạn, tưởng yêu thì khó chứ*

*Không yêu thì thực dễ như không!...*

Đời người cầm bút xưa nay mấy người thanh thân? Khúc đoạn trường, mấy ai hiểu rõ nỗi lòng của mỗi một người?

Chiều hôm ấy, sau bữa cơm, ai nấy đều giật mình vì phát hiện ra pho tượng “*Quan Âm chi lo*” bỗng nhiên biến mất. Tất cả nháo nhác đi tìm. Anh Lai rất bức, đập vỡ cả lọ hoa. Không khí ngày Tết trở nên âm đạm. Thật vô lý quá, ngôi biệt thự này có tường bao quanh, không ai ra vào. Đồ đạc trong nhà không mất thứ gì. Tại sao bức tượng không cánh mà bay?

Anh Lai gọi từng người một vào phòng cất ván. Anh tỏ ra rất bức. Cháu Quang, cháu Vân bị xúc phạm, phát khóc, bỏ đi, tôi cũng không về. Tất cả nghi ngờ đổ vào cháu Yên, cô bé “ô-sin” tội nghiệp. Cô bé thê thốt đủ điều. Chị Hỷ lục soát các túi đồ đạc, áo quần của nó. Tôi cố can gián nhưng không làm sao ngăn được sự giận dữ của hai vợ chồng anh Lai. Sáng mùng 2 Tết, chị Hỷ tổng cô cháu Yên, mua vé tàu hỏa bắt nó trở về Hà Nội. Những ngày nghỉ Tết còn lại trở nên khó chịu vô cùng. Ngày mùng 4 Tết, anh Lai họp mọi người trong nhà, quyết định trở về Hà Nội sớm hơn dự định. Chị Hỷ thu xếp đồ đạc, sai cháu Quang đi thuê xe ô tô chở chúng tôi về Hà Nội ngay ngày hôm ấy.

Anh Lai gọi tôi vào phòng, đóng cửa lại, bảo tôi:

- Gia đình tôi thật có lỗi với chú. Sự việc xảy ra thật không hay. Pho tượng quý bị mất, tôi rất ân hận. Gia đình tôi tự thấy phải có trách nhiệm bồi thường cho chú...

Anh Lai lấy tiền ra, bảo tôi:

- Đây là một nghìn đô-la. Số tiền này không phải là số tiền đánh giá giá trị pho tượng. Nó có thể hơn thế, cũng có thể nó không bằng thế... Chú hiểu cho tôi, đây chỉ là một số tiền mọn nhỏ nhoi, giải quyết một sự kiện mọn không ra gì. Thực khốn nạn, tôi không biết chứng minh danh dự của gia đình tôi bằng cách thế nào với chú. Khi phải dùng hạ sách này, chính tôi, tôi cũng rất nhục. Chú hiểu cho tôi, từ xưa đến nay tôi vốn là người dứt khoát, rạch ròi, chính trực.

Tôi bảo anh Lai rằng anh không nên làm thế, rằng pho tượng này chỉ là quà tặng mà thôi, rằng tôi có được cơ duyên làm bạn với gia đình anh thì không nên chỉ vì một chuyện nhỏ con mà làm phương hại tình cảm với nhau, rằng...



Anh Lai cố ép nhưng tôi không nhận. Chúng tôi cãi nhau. Cuối cùng tôi nói, thực ra cũng vì quá bức mình với thái độ kiên quyết cố chấp của anh:

- Thế anh có bao giờ nghĩ rằng chính tôi giấu đi pho tượng này không? Có thể vì mục đích này hay mục đích khác?

Anh Lai cười nhạt, ngồi xuống ghế, lắc đầu:

- Thực ra, cũng có lúc tôi đã nghĩ thế. Xin lỗi chú, tôi cũng đã bí mật lục soát đồ đạc của chú. Do nghề nghiệp, tôi đã phải tiếp xúc, làm việc với đủ hạng người, xem xét cả khía cạnh cao thượng lẫn lưu manh trong con người họ, không trừ ai hết, kể cả người thân. Không phải tôi không tin con người, không phải tôi không nhân văn, chú đừng đánh giá tôi thấp, rằng tôi là kẻ lạnh lùng. Có những công việc không nên để cho cảm tính dự vào. Thú thực với chú, không một hạng người nào mà qua được mắt của tôi, tôi không đảm bảo 100 phần trăm nhưng tới 90 phần trăm thì tôi chắc chắn, rằng tôi hiểu được họ và tôi kiểm soát được họ, trừ một loại người... Chú có biết không, chính là nhà văn, chính là những người như chú...

Tôi lặng người đi, bỗng nhiên thấy trong lòng mình đắng ngắt. Anh Lai đi đi lại lại trong phòng. Anh nói với tôi:

- Tôi không hiểu nổi một người viết văn như chú. Chú là ai? Tại sao chú lại viết ra những thứ làm cho mọi người dằn vặt lòng mình? Chú có quyền gì? Ai trao cho chú cái quyền năng ấy? Tư cách của chú tôi gạt sang bên. Tôi không hiểu sao mọi người vì nể một người như chú? ở chú có phẩm chất gì? Cao thượng ư? Không phải! Nghiêm cần ư? Cũng không phải nốt... Tôi chỉ nhận ra ở chú dục vọng hão huyền và khả năng đánh thức cái dục vọng hão huyền, ghê gớm ấy ở mỗi một người? Điều ấy là tốt ư? Không phải! Xấu ư? Không phải! Từ bản chất, tôi vừa căm ghét vừa sợ hãi, căm phục những người như chú. Chú có hiểu không?

Tôi ngạc nhiên nhìn anh Lai. Hoá ra chuyển đi của tôi và gia đình anh chỉ là cái cớ để anh tìm hiểu về tôi. Tôi bật cười, hoàn toàn bất ngờ vì sự trở trêu trong hoàn cảnh đó của mình.

Tôi dứt khoát không nhận số tiền anh Lai đưa cho. Tôi có những nguyên tắc lương tâm của tôi. Tôi nói với anh rằng thực ra số tiền này phải thuộc về người đàn ông người Mông nghiện ngập mà tôi ngẫu nhiên gặp gỡ, chính tôi cũng chẳng biết tên tuổi ông ta là gì. Nếu có số tiền ấy, ông ta cũng chỉ dùng để hút thuốc phiện mà thôi, nó cũng chẳng giúp cho ông ta cải thiện thêm gì số phận tồi tệ của mình. Câu chuyện về bức tượng “*Quan Âm chi lộ*” tốt nhất là nên chấm dứt ở đây. Tôi hy vọng tình cảm của tôi với gia đình anh không phải chỉ vì một chuyện nhỏ nhoi thế này mà sứt mẻ.

Chúng tôi về Hà Nội. Thời gian trôi đi. Tôi cũng nghĩ rằng câu chuyện không vui trong dịp Tết năm ấy rồi cũng rơi vào quên lãng, chẳng còn ai nhớ. Sáu tháng sau, tôi được biết anh Lai đã đi nhận công tác mới, cháu Quang cũng sang bên Mỹ làm việc, cháu Vân thì đi học đại học ở Anh. Một hôm, chị Hỷ đến nhà tôi chơi. Tôi rất ngạc nhiên thấy chị mang đến bức tượng “*Quan Âm chi lộ*”. Chị nói:

- Tôi đã tra hỏi con bé “ô-sin”. Tôi đã không nhầm. Nó là thủ phạm của vụ trộm này. Chú có biết không, hạng người như nó thì có dạy dỗ thế nào vẫn thế... Tôi đã đuổi việc nó rồi!

Tôi mời chị Hỷ ở lại ăn cơm nhưng chị từ chối nói là rất bận. Tôi ngồi một mình, buồn bã nâng bức tượng lên tay xem xét. Hình ảnh cô gái bé nhỏ âm thầm quỳ trước bàn thờ Chúa cầu nguyện hôm nào trong ngôi nhà thờ ở Sa Pa hiện ra ở trước mắt tôi. Tội nghiệp cho nó. Tôi không tin nó là thủ phạm. ở bên ngoài, những chiếc lá của cây bàng sừng rơi lá tả trên nền sân đá.

Chị Hỷ ra về. Tôi cẩn thận đặt bức tượng Phật lên trên bàn thờ. Trên khuôn mặt Quan Thế Âm Bồ tát hình như có một giọt nước mắt trong veo lăn xuống khóc cho số phận trở trêu của mỗi con người.

Chắc chắn là tôi sẽ còn quay trở lại Sa Pa. Phải trở lại chứ! Vì sao ư? Vì Sa Pa là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người!

Trên đất nước mình, đâu đâu chẳng là mảnh đất tình yêu, mảnh đất giữ người? Hãy làm cho mảnh đất này ngày càng phì nhiêu, tươi đẹp. Tôi nghĩ thế, chân thành nghĩ thế.

Vậy còn bạn, bạn nghĩ thế không?

Kìa Xuân đang về. Lại một cái Tết đi qua. Hãy lắng nghe âm thanh trong lòng. Phải sống! Phải sống cho ra giá trị cuộc sống con người, dù cho thế nào đi nữa...

**2004**

# GHI CHÚ CUỐI TRUYỆN

## Chảy đi sông ơi

Đoạn sông Cà Lồ đi qua Kim Anh bên đường quốc lộ số 2 buồn và đẹp. Bên kia sông là Chi Đông. Bên này sông là Thạch Lỗi. Kế chút nữa là Thanh Nhân. Cầu nhỏ gọi là Cầu Đen. Cầu to gọi là Cầu Trắng. Đêm vẫn nghe tiếng hồ gầm trên núi Tam Đảo vọng về. Những lời hát đồng dao ngân nga: *Chảy đi sông ơi / Băn khoăn làm gì / Ai sống mãi được / Em thì nông nổi / Anh thì mê mải / Anh đi tìm gì / Lòng người đen bạc / Mỹ nhân già đi / Lời ai than thở / Cuốn trong gió chiều / Anh hùng cười giọng / Nét buồn cô liêu / Sóng đời dãi dãi / Chảy đi sông ơi / Cho tôi nhớ lại / Bên ai một chiều / Thôi thì thôi vậy / Yêu người tôi yêu / Hết rồi nước mắt / Mưa giăng ngập chiều / Thôi thì thôi nhé / Em thì em bé / Anh thì hoang vắng...*

## Tướng về hưu

Bản thảo đầu tiên: “Cha tôi bảo: Sao tôi cứ như lạc loài? Tôi nghĩ: Sao tôi cũng như lạc loài?”

## Không có vua

Bản thảo đầu tiên: “Ba ngày Tết trôi nhanh, lòng đường đầy xác pháo. Ai cũng có cảm giác ngày Tết trôi nhanh! Ngày nào mà chẳng trôi nhanh, hờ giờ? Đời nào mà chẳng trôi nhanh, hờ đời?”

## Muối của rừng

Mường Lũm là một rẻo đất hẻo lánh ở Yên Châu. Khoảng những năm 70 ở đây chưa có đường vào. Đi bộ từ Yên Châu vào đây chừng khoảng 6 tiếng đồng hồ. Người không quen đi bộ sẽ thấy chồn chân, máu dồn xuống hai bắp chân đau không tưởng được.

Những dãy núi đá vôi cao ngất. Khi nhiều vô kể, leo trèo trên những vách đá hết sức tài tình.

Ôi tuổi trẻ! Những chuyến đi phiêu lưu mạo hiểm! Bông hoa tử huyền nào chờ ở cuối đường đi? Sương mù... Những trận mưa địa hình bất chợt ập xuống. Đi sâu vào rừng cảm nhận những hương vị của rừng, xúc động không nói nên lời.

Trước thiên nhiên, hóa ra con người là vô nghĩa lý nhất và kiêu ngạo nhất...

## Con gái thủy thần

Dự định có 5 phần.

## Những người thợ xé

Các nhà văn bậc thầy trên thế giới nói rất đúng về những kinh nghiệm bản thân trong công việc viết văn của mình. Goto: “Tất cả những tác phẩm của tôi đều chỉ là những trích đoạn của bản tự thú vĩ đại về cuộc đời tôi”. Ipxen: “Tất cả những gì tôi đã tái hiện một cách sáng tạo, đều được lấy từ tâm trạng của tôi hay những khoảnh khắc của cuộc đời mà tôi đã sống qua... Tôi làm giải phẫu trong tâm hồn của bản thân vào đúng những chỗ mà sự lộn xộn này làm cho tôi đau đớn nhất”. Đôđê: “Tôi bao giờ cũng đem mình ra làm một đơn vị so sánh”. Ghertxen: “Truyện này hơn hẳn tất cả những gì tôi đã viết, đây là một sự hồi tưởng sinh động, một mảnh tim nóng hổi”.

“Những người thợ xé” là một chuyện gần như có thật. Năm nhân vật (Bường, Ngọc, Biên, Biên, cu Dĩnh) như “năm ngón tay trên một bàn tay”, đây cũng là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Trong

truyện, Biên từ đầu đến cuối không nói một câu nào.

Năm 1979, ở rừng Tây Bắc toàn thợ xẻ (người làng Chuông, Chương Mỹ, Hà Tây) có tác giả tham gia từng sống hai tháng trong rừng. Chúng tôi đã chôn một người chết vì bệnh uốn ván ở trong núi... Anh ta tên là Biên. Đến bây giờ anh ta vẫn chẳng nói một câu nào.

### **Những bài học nông thôn**

Nghệ thuật viết văn là nghệ thuật thấy và cảm: nhìn thấy con người, nhìn thấy sự vật và cảm nhận về con người đó, sự vật đó. Xtăngđan nhận xét: “Để hiểu một người thì theo dõi mình là đủ; để hiểu nhiều người, cần phải tiếp xúc với họ”. Những chuyến đi về nông thôn rất bổ ích cho những “nhà văn thành thị”. Song, “nhìn thấy” thì có thể có nhiều người “nhìn thấy” nhưng “cảm nhận” nó, không phải là việc dễ dàng, không phải ai cũng làm được. Sau nữa, lại phải biết cách diễn đạt, truyền sự cảm nhận ấy cho bạn đọc “một cách nghệ thuật”.

### **Kiểm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết**

Bộ ba truyện ngắn lịch sử liên hoàn này viết trong thời kỳ báo “Văn nghệ” sôi động nhất (khoảng 1988) với vị Tổng biên tập báo trứ danh là nhà văn Nguyên Ngọc. Đáng lẽ ra sẽ còn có vài ba truyện ngắn liên hoàn kiểu này nữa nếu như nhà văn Nguyên Ngọc không bị cách chức. Truyện thứ 4 đã được viết xong kể về đứa con của Đặng Phú Lân và Ngô Thị Vinh Hoa. Bản thảo bị đốt đi vào năm 1991.

### **Sang sông**

Truyện ngắn khó. Những bài tập ngôn ngữ. Các nhân vật: các con giống. Cách kể chuyện. Văn học là thế giới hoang tưởng, ảo tưởng, hão huyền trong cuộc đời thực tế nhạt, dung tục, của cảm xúc nhục cảm, vớ vẩn, suy đồi, là vàng trong cát, sự bất lực thâm thẳm. Chúng ta làm được gì khi xây những lâu đài cát trên bờ biển xanh?

### **Thương nhớ đồng quê**

Bản thảo truyện “Thương nhớ đồng quê” bị thất lạc ngu xuẩn ở Đà Nẵng. Nào ai biết giá trị của nó? Những bản in hiện nay đều không đầy đủ. Bây giờ nó ở đâu? Có những kỷ niệm ở ngoài “văn bản”. Đáng ra còn có thêm truyện “Tình xưa người nay” nữa. Truyện “Tình xưa người nay” kể về mối tình tay ba của Nhâm (14 tuổi), của ông giáo Chi (45 tuổi), với cô Phương (21 tuổi). Nhâm sau này (khi đã về già) kể lại câu chuyện tình cảm của mình, sự cảm tức vô lối của cậu học trò nhỏ với ông giáo Chi. Nhâm không thương xót gì ông giáo của mình. Chi sau này, khi đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, đau đớn trong cuộc đời mình thì Nhâm mới lý giải được mối tình của ông giáo cũ. *“Nương dâu xanh xanh / Hôm qua có người đi ngang nhà anh / Cô gái áo xanh xanh / Tuổi trẻ đầu xanh / Đâu rồi bóng dáng xưa yêu kiều đâu rồi, xa vời? / Ai lên dây đàn hát bài ca xưa / Dây nào, tiếng tơ lòng / Hôm qua ơi, mi đi rồi / Có còn không? / Hôm nay ơi, mi đi rồi / Có về không? / Thuở ấy, ta trong như giọt sương mai kia dưới trời / Nay ta già rồi, tóc bạc rồi, ê chề nơi giang hồ / Trong đêm khuya, ai ngồi bóng chiếc, thần thờ / Hình bóng ai kia? / Trong sương mờ...”*

### **Mưa Nhã Nam**

Những cái bẫy đặt trong rừng trông mong manh, đơn giản, không ai để ý. Sập là chết dờ sống dờ. Kìa là những giọt sương đêm. Bóng tối và ánh trăng lộng lẫy ngày rằm.

Ánh trăng ở rừng thật đáng sợ... Những con thú lớn đều mắc bẫy vào những đêm trăng như thế. Là ông hoàng của rừng, ông biết rồi ông sẽ chết. Sợ nhất là không chết được, là không bao giờ chết.

### **Nguyễn Thị Lộ**

Bản thảo đầu tiên: “Mắt to, da ngăm đen, miệng rộng. Nàng kiêu chề niêm say mê và dục vọng. Chấn trước Nguyễn, nàng đã yêu, đã sợ hãi. Nguyễn thích tiếng nàng cười, phong thái mạnh dạn, cốt cách sang trọng. Tiền kiếp của nàng là một con rắn da khô, rất độc. Nguyễn lần theo dấu vết của nàng, trong giấc mơ, trên căn gác nhỏ, bên kia nửa địa cầu, những bức tường gạch đỏ có dây leo, trời xanh thẫm và biển xanh thẫm... Nàng đi mất hút trong mong nhớ...”.

### **Đời thế mà vui**

Truyện này viết trong một căn phòng nhỏ của nhà số 194 phố Quan Thánh, Hà Nội. Truyện viết trong 14 ngày, từ ngày 12/6/1991 đến ngày 26/6/1991.

### **Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt**

Không phải Nguyễn Bính

Truyện ngắn “*Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt*” viết dựa trên cảm hứng về thơ và cuộc đời Nguyễn Bính. Nếu coi nhân vật chính trong truyện là Nguyễn Bính thì sai. Không hề có Nguyễn Bính thực như thế ngoài đời mặc dầu toàn bộ câu chuyện gợi nhớ đến Nguyễn Bính. Thí dụ:

- Chi tiết hộp bánh bích quy (Nguyễn Bính có chiếc hộp như thế đựng... bướm, tiền và thư tình, - xem hồi ký của Tô Hoài, Hoàng Tấn, Ngọc Giao, Mộng Tuyết...).

- Nguyễn Bính tự nhận mình là Trang Sinh, là Hồ Điệp, là Điệp Lang...

- Nguyễn Bính có bài thơ nhan đề “Hoa và rượu” nói về một người con gái tên Nhi, mở đầu như sau:

*Thấy rét u tôi bọc lại mền...*

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi*

*Suốt ngày hai đứa nhẩn nha chơi...*

Họ có nhiều kỷ niệm, có lần:

*Hai đứa ôm nhau, đánh giấc dài.*

*Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai...*

Sau đó chàng trai:

*Bỏ lại vườn cam bỏ mái gianh*

*Tôi đi gian điu với kinh thành...*

Tình yêu tan vỡ. Chàng trai xấu hổ:

*Chiều nay tôi chấp đôi tay lại*

*Đừng gặp người xưa nữa, lạy giờ.*

### **Thơ cao siêu**

Về nhận xét cuối truyện, có chứa ẩn một vài “chân lý văn học sử” trong đó tác giả nhận ra rằng trong văn học thì “ngôi Chúa Lời” trước sau vẫn thuộc về thơ. Thơ có tự bao giờ? Không biết. Tác

phẩm thơ đầu tiên của nhân loại là Kinh Thi. Nói đến Kinh Thi không thể không xuýt xoa được.  
Thí dụ:

Tử khâm

*Thanh thanh tử khâm*

*Du du ngã tâm*

*Túng ngã bất vãng*

*Tử ninh bất tỵ âm?*

*Thanh thanh tử bội*

*Du du ngã tâm*

*Túng ngã bất vãng*

*Tử ninh bất lai?*

*Khiêu hề thoát hề*

*Tại thành khuyết hề*

*Nhất nhật bất kiến*

*Như tam nguyệt hề*

Dịch: Cổ áo chàng

*Cổ áo chàng xanh xanh*

*Vẫn vợ em nghĩ*

*Nếu em không đến*

*Sao chàng chẳng hỏi thăm?*

*Dây đeo ngọc của chàng xanh xanh*

*Vẫn vợ em nghĩ*

*Nếu em không đến*

*Sao chàng chẳng lại?*

*Em nhẹ nhàng nhảy lên*

*lầu trên thành*

*Một ngày không thấy chàng*

*như ba tháng*

### **(Trịnh Phong 17)**

Thơ là tiếng nói nội tâm, là “quán âm”. Như bài thơ trên, câu nào cũng hay cả. Bốn câu cuối có 4 từ đưa hơi (hề), 12 từ còn lại là một... truyện ngắn thực sự. Truyện ngắn có thể viết như sau:

#### **Ba tháng**

*“Một bức tường đổ. Sau tường có chiếc giếng đá. Có chàng thư sinh hay tắm ở đấy, vắt áo lên bờ tường.*

*Thiếu nữ đa tình vén rèm, trông thấy tấm lưng trần của chàng trai. ở đốt xương sống thứ tám của chàng có một nốt ruồi lạ. Ngày nào cũng nhìn, lâu ngày thành quen, thành nhớ.*

*Chàng trai ốm. Một ngày không gặp nhau dài như ba tháng”.*

#### **Ai là Trang Sinh, là Hồ Điệp, là Điệp Lang**

Chuyện Trang Sinh là chuyện giấc mộng đời, “giác kê vàng”. Nhân vật thi sĩ trong truyện (và cả Nguyễn Bính thật ngoài đời) chỉ mạo nhận, mạo danh là Trang Sinh, là Hồ Điệp, là Điệp Lang mà thôi. Thực ra nhân vật Trang Sinh, Hồ Điệp, Điệp Lang trong truyện phải là bậc mệnh phụ phu nhân. Chú ý câu hỏi của những người lái đò: “Thưa các bác, thưa các già... ở đây có vị nào tên là như thế, như thế... hay không?”. Không phải chữ “già” được viết ra một cách vô tình.

Những người ít tuổi sao có đủ lịch lãm, trường đời để dám coi đời là phù du, là giấc mộng được?

#### **Hôm qua em đi tỉnh về**

Với đời người con gái thì thời điểm nào là đô hội, là tỉnh thành? Thơ Hồ Xuân Hương:

*“Mười bảy hay là mười tám đây*

*Cho ta yêu dấu chẳng rời tay”.*

Trong truyện, nhân vật cô gái đi tỉnh về là “đắm đờ”, là “chết” (ý nghĩa tượng trưng). Đây là toàn bộ bi kịch câu chuyện:

*“Tuổi son má đỏ môi hồng*

*Bước chân về đến nhà chồng là thôi”.*

Nếu tìm hiểu điểm “thắt nút” của bi kịch câu chuyện, cũng là của đời sống thì chi tiết này là đỉnh điểm.

#### **Tôi chẳng thể hiến tặng gì...**

Cách hiểu một tác phẩm văn học phong phú vô cùng. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố. No khác, đôi khác: viết cũng khác nhau, đọc cũng khác nhau.

Truyện ngắn “Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt” nói gì?

Trả lời:

- Tôi chẳng thể hiến tặng gì ngoài ánh hào quang tăm tối ấy...

**Hai đoạn văn nằm trong một dự định bỏ dỡ liên quan đến truyện ngắn “Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt”:**

**I**

Khi anh chỉ bừa lên trời và bảo rằng cánh chim đang bay kia là một con hồng hạc thì cô bật cười. Cô biết, đây là một con cò chính cống. Giữa mùa hè nóng nực, giữa đồng không mông quạnh bói đầu ra chim hồng, chim hạc bây giờ.

Anh giải thích cho cô biết rằng chim hạc thực ra trông giống như một con gà ri, cái đáng kể là bộ lông vũ của nó tuyệt vời, anh dùng hai chữ “mềm mại” và “bay bổng” để miêu tả nó.

- Bay bổng... Em có hiểu không? – Anh giơ tay lên và phác vào khoảng không một cử chỉ âu yếm. – Thật cute chớ... tức là anh muốn nói về toàn bộ đời sống con người... cái thứ đạo đức cute chớ của con người.

Cô bảo anh im đi, anh không nên nói ra những nhận xét chủ quan của anh về đời sống con người vì anh có biết gì đâu mà nói. Anh chỉ là một cá nhân cô đơn. Anh chỉ biết “làm nghệ thuật”, mà làm nghệ thuật tức là không làm gì cả. Anh chỉ mơ mộng và “điều chỉnh”. Anh muốn sự vật thế này mới đẹp, cái áo thế này mới đẹp, ngôi nhà thế này mới đẹp. Anh gọi “con cò” là con “hồng hạc”... Đại để như thế. Anh muốn rằng toàn bộ đời sống con người phải đẹp theo cách của anh. Anh đâu biết rằng không có anh thì đời sống con người cũng đã đẹp rồi, hoặc cũng đã dã man rồi. “Đẹp một cách dã man”. Thế giới vốn là như thế, nghĩa là ngay từ thuở khai thiên lập địa đến nay vốn đã thế rồi.

Cô muốn nói cho anh biết rằng những bản khoán của anh về con người đều chỉ vớ vẩn. Từ ngữ là một chuyện, lời lẽ không có ý nghĩa gì cả, nó là các ký hiệu mà thôi, đơn giản là các ký hiệu vớ vẩn. Từ ngữ không có nội dung “đời sống”. Chính từ ngữ gây nên nhầm lẫn, lời lẽ gây nên nhầm lẫn. Người nào không nói năng gì cả là người hạnh phúc tuyệt vời. Người cao siêu nhất là người câm hoặc ú ớ... Tất cả các bậc giáo chủ đều như vậy, họ nói bằng thần chú, bằng mật ngữ, bằng ẩn ngữ, họ không phân biệt cò hay hạc...

- Chim... - Cô thờ dài. – Không nên giải thích gì về chim cả...

Cô biết, từ bản chất, anh vốn là một nhà thơ. Thế nào là một nhà thơ thì cô không biết.

Cô hỏi anh:

- Thế nào là một nhà thơ?

Anh trả lời:

- Làm cho đời sống con người đẹp lên, không bình thường.

Anh chữa lại ngay:

- Không phải thế!

Anh muốn nói với cô rằng về bản chất đàn ông là thô bi, đàn bà là phản trắc, trẻ con là lão xược, tôn giáo là “thằng mù dẫn dắt thằng ngay”. Không! Anh không thể nói ra thế được dù anh biết chắc rõ ràng như thế. Anh là một nhà thơ. Một nhà thơ tức là một nhà đạo đức, một “minh sư”, một bậc thầy, một con người “biết được điểm dừng”.

Cô bảo anh đọc cho nghe một bài thơ. Anh hỏi:

- Về đời sống à?



Cô bảo:

- Vâng... về đời sống...

Anh đọc:

- Ô... ô... ô... A... a... a... Cô ca Cô la...

Cô nói:

- Không phải như thế!

Cô biết anh đang đau đớn, anh đang thấm thía khía cạnh thô bỉ, dung tục của đời sống, anh đang phản ứng lại từ trong tâm khảm mềm yếu và nhạy cảm của anh với hoàn cảnh bên ngoài. Không ai an ủi được anh lúc này. Cô chợt hiểu ra tại sao con người cứ vẽ hết bức tranh này đến bức tranh khác, làm hết việc “nghệ thuật” này đến việc “nghệ thuật” khác, con trâu nhai cỏ, con trâu đi cày, chim thì bay, ngày lại ngày, ăn cơm, bài tiết và yêu thương nhau.

Cô nói sẽ đi cùng anh một đoạn đường, như thế sẽ vui hơn, “đời sống” hơn.

- Thế nào là dấu vết đời sống?

- Như bầu trời kia. – Anh nói. – Không có gì cả... một cánh hạc, em có hiểu không, một dấu chấm... và như thế người ta biết rằng sẽ có bầu trời... Trong vũ trụ có dấu vết... dấu vết của ngày hôm nay...

- Sao lại hạc? Có người lại nói là cò...

- Không sao cả... có em thì cò thành hạc... nghĩa là chim cả... Thế mới là thơ...

Họ đi đến bến đò ven sông. Anh hỏi một người qua đường:

- Thưa, đây có phải bến đò Vân không?

Người kia cười tủm tỉm:

- Vâng, bến đò Vân.

Cô nói:

- Em đói...

Anh và cô rẽ vào một quán ăn đơn sơ. Chủ quán chạy ra đón khách.

Anh hỏi:

- ở đây có món hạc quay không?

Chủ quán trả lời:

- Thưa... có món hạc quay... nhưng người ta vẫn gọi là chim...

Cô bảo:

- Chim thì chim...

Anh bảo:

- Thơ thì thơ... Đây là đời sống... dấu vết của ngày hôm nay...

## II

Anh ngồi im nghe giáo sư giảng giải về thơ và chim.

Giáo sư nói:

- Chim hồng là chim hồng, chim hạc là chim hạc. Chim hồng, “hồng học” là con chim lớn, bay cao và xa. Thơ Nguyễn Bình Khiêm có câu: “Say hết tác lòng hồng học”. Chim hồng học cũng như chim bằng. Có điển tích “côn bằng”. Sách Trang Tử kể rằng ở biên Bắc có loài cá, gọi là côn, cá côn. Cá côn lớn hàng vạn dặm, cá côn hóa thành chim, gọi là bằng, lưng của chim bằng lớn không biết mấy ngàn dặm, khi giận dữ mà bay lên thì cánh chim tựa như đám mây đen che rợp cả trời. Chim hồng học là con vật truyền thuyết dùng để ví với chí nam nhi, tài bay nhảy. Sách Sử ký có câu: “Yên tước an tri hồng học chí” nghĩa là “chim én, chim sẻ sao biết chí lớn của chim hồng, chim học”.

Giáo sư nói tiếp:

- Chim hạc cũng là thứ chim quý. Chim hạc tượng trưng cho chí thanh cao. Chim hạc có tiếng sống lâu nên nói “tuổi hạc” nghĩa là tuổi thọ. Sách Phạm Tải – Ngọc Hoa có câu: “Mẹ cha tuổi hạc cao vời”. Chim hạc được khắc tượng thờ ở các đình miếu. Thời Xuân Thu Trung Hoa có ông vua mê hạc đi phong quan tước, bổng lộc cho hạc đến nỗi mất nước.

Giáo sư mỉm cười:

- Anh là nhà thơ, anh có biết những chuyện ấy không?

Anh bảo:

- Nhà thơ không nghiên cứu... Họ bay lên... Như chim.

Giáo sư bảo:

- Đây là hạng bét. Nguyễn Du chẳng bay gì cả, ông ta rất cồng kềnh. Ông ta kể chuyện, bảo cách người ta xem bói, làm quan, đi sứ, sống với vợ và thế thiếp... nghĩa là sống cuộc sống chừng mực, thanh bạch, đạo đức, giản dị. Anh có biết không?

Giáo sư lại nói:

- Những niêm luật, những quy định về gieo vần cùng sự du dương... những điều đó làm nên hình thức thơ, tức là xác định một trật tự tế nhị cho tâm hồn vốn bừa bãi của thi sĩ...

Anh thì thầm:

- Không có tự do...

Giáo sư nói:

- Thi sĩ nói rộng quyền tự do của mình bằng “sáng tạo” tức là mơ mộng và ảo tưởng. Cuộc sống cần mơ mộng ảo tưởng cũng gần bằng tiền bạc.

Anh cười thầm. Giáo sư là người minh triết, ông sống trong thế giới sách vở. Sách vở là thứ hiện thực đã chế biến, nấu nướng. Có khoảng 1.000 món “hiện thực”.

- Không. – Anh nghĩ. - Ông bạn già Tôi chỉ cùng đi một đoạn đường với ông thôi Còn thì tôi bay lên Như chim...

Hai người cùng đi. Họ đến một bến đò ngang. Anh hỏi một người qua đường:

- Thưa, đây có phải bến đò Vân không?

- Vâng, bến đò Vân.

Anh mời giáo sư vào một quán ăn ven đường. Chủ quán chạy ra đón khách.

- Thưa, các vị dùng gì?

Giáo sư bảo:

- Tôi chỉ ăn những món ăn quen thuộc...

Anh cười. Mặc kệ ông ta. “Nhân tâm tùy thích”. Ông ta sẽ ăn trong khoảng 10 món “hiện thực”.

Chủ quán hỏi:

- Thưa ông, còn ông dùng gì?

Anh trả lời, trả lời như một nhà thơ, hoặc như một ông hoàng, hoặc như ảo thuật gia David Coperfield:

- ở đây có thức ăn của chim hồng, chim học hay không?

Chủ quán trả lời:

- Thưa, trước đây thì có...

Chuyện tình kể trong đêm mưa

Nhưng ảo tưởng đã chết. Tôi sẽ chết. Chúng ta đều chết. Có “thực tế” cũng vậy mà không “thực tế” cũng vậy. Đừng nhắc lại chuyện cũ...

Vẫn nhớ những câu đồng dao thuở nào: *Những như ngọn gió / Lang thang chân trời / Em thì nông nổi / Tôi thì mê mải / Thôi đừng vẩn vơ / Thôi đừng nhớ tiếc / Tôi đi xa khơi / Em thì ở lại / Em thì lên trời / Tôi đã khóc đấy / Khóc một mình thôi / Ngày xưa sương mù / Không ai sống được / Như những ngọn gió / Nào thôi chia tay / Đời đen bạc lắm / Rượu thì cay đắng / Thôi thì thôi nhé / Tôi thì hoang vắng / Thôi thì hoang vắng / Đất trời hoang vắng / Xa trông một người / Cánh chim lưng trời / Rồi ra luân hồi / Nụ cười trên môi / Tôi đi qua rồi / Bóng câu cửa sổ / Em đi qua tôi / Thôi thế là thôi / Gấp trang sách lại / Nhẹ tay bạn cũ / Mặc ai khóc cười...*

# CÁC HỌA SỸ MINH HỌA

Lê Thiết Cương

Đỗ Sơn

Đỗ Dũng

Lê Trí Dũng

Lê Trần Cường

Đỗ Phấn

Đào Hải Phong

Đinh Quân

Lý Trần Quỳnh Giang

Đặng Xuân Hoà

Nguyễn Hồng Hưng

Hà Trí Hiếu

Lê Thị Minh Tâm

Hoàng Phương Vỹ

Nguyễn Phan Bách

Nguyễn Phan Khoa

Gérald Gorridge

(Pháp)

Lena Sjöberg

(Thụy Điển)

Marcelino Truong

(Pháp)

Chịu trách nhiệm xuất bản: Đỗ Thị Phấn